

BÁCH KHOA

SỐ 61 — NGÀY 15.7.1959

Trong số này :

- | | |
|--|---|
| ĐOÀN-ĐỨC-NHÂN | Định lại việc phiên-âm nhân danh và địa danh. |
| HOÀNG-MINH-TUYNH | Vấn đề viện trợ các nước chậm tiến. |
| PHẠM-HOÀNG | Hai thái độ, Hai tinh thần. |
| NGUYỄN-HIẾN-LÊ | Ông Bà Curie |
| TIÊU-DẪN | Nam Bạng-cầu thuộc về ai ? |
| ĐOÀN-THÊM | Học chữ nước ngoài. |
| ĐÔNG-HỒ. | «Trần Bắc hành cung hoài-cổ» của Bà Huyện Thanh-Quan. |
| NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA | Phương-pháp phân-định từ loại. |
| PHẠM-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH
(dịch) | } Kiêm ái của Mặc-Tử và Bác Ái của Kì-tô-giáo. |
| PHẠM-HOÀNG-HỘ | Sự bảo tồn thiên nhiên. |
| TRẦN VĂN-KHÊ | Đại hội khảo nhạc quốc-tế. |
| NGUYỄN-HIẾN-LÊ | Điều-sách : Tôn-liêu-trai của Bình-Nguyên-Lộc. |
| TAM-ÍCH | } Ý kiến về truyện ngắn |
| NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH | } Việt và ngoại quốc. |
| THỦY-THỦ | Sống ở đời. |
| THÙY-SONG-THANH | Ý nghĩ (thơ). |
| NGUYỄN-VĂN-XUÂN | Một cuộc tấn công (truyện ngắn). |
| DIỆU-THANH | Hoang mang (thơ). |
| NGUY-TẦN-THƯƠNG | Huyền hoặc (thơ). |
| VÕ-PHIÊN | Lẽ sống (truyện ngắn). |
| HƯƠNG-QUY | Trong đêm (thơ). |
| VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) | Khói lửa kinh-thành. |

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " *Eau de Vie cu* " 40° và 50°
— Rượu Tàu " *Lao-Manh-Tu* "
— Rượu Tàu " *Tch-Tho-Tu* "

SI-RÔ " *Verigoud* " :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm " *Distarome* "

Distilleries

de L'INDOCHINE



**NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :**

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

Ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

Ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đặng — ĐÀ-NẰNG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE





VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

Xin hiển Quý khách
Giá du - ngoạn đặc - biệt
(có giá - trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG (*khứ hồi*) :
\$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT (*khứ hồi*) :
\$ 570 — mỗi người



XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TỔNG ĐẠI - LÝ

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25-26 — 23.446-47

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

CÓ DẦU TRONG ĐỜI SỐNG CỦA TA

Những nhu-cầu cho sức khỏe và hạnh phúc của ta phần nhiều đều do dầu hoặc nhờ dầu hay các phó-sản mà có. Dầu làm cho đời ta tươi đẹp thêm và dễ chịu hơn. Dầu góp một phần quan trọng vào đời sống của ta.



HÃNG DẦU STANVAC

Giúp Ta Sống Đời Vui Tươi

STANDARD-VACUUM OIL COMPANY VỚI CÁC SẢN-PHẨM MOBILGAS, MOBIL OIL, MOBIL DIESEL V.V. .

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**



Để dùng vào
KỸ - NGHỆ
NÔNG - NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



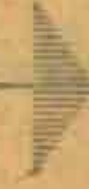
Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẽ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

BUREAUX AUXILIAIRES

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ V (từ số 49 đến số 60) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 - 60 : 5 tập : 525 đ.



Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C^o
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

BÁCH - KHOA

Số 61 — Ngày 15.7.1959

ĐOÀN-ĐỨC-NHÂN

HOÀNG-MINH-TUYNH

PHẠM-HOÀNG

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TIÊU-DÂN

ĐOÀN-THÊM

ĐÔNG-HỒ

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)

PHẠM-HOÀNG-HỘ

TRẦN-VĂN-KHÉ

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TAM-ÍCH

NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH

THỦY-THỦ

THỦY-SONG-THANH

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

DIỆU-THANH

NGUY-TÂN-THƯƠNG

VÕ-PHIẾN

HƯƠNG-QUY

VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)

Trang

Định lại việc phiên-âm nhân danh
và địa danh 3

Vấn-đề viện-trợ các nước chậm tiến 6

Hai thái-độ, Hai tình-thần . . . 12

Ông Bà Curie 13

Nam Bạng-cầu thuộc về ai ? . . . 20

Học chữ nước ngoài 26

« Trấn-Bắc hành-cung hoài cổ »
của Bà Huyện Thanh - Quan . . 36

Phương-pháp phân-dịnh từ loại . 43

Kiểm-ái của Mặc-Tử và Bác-Ái .
của Ki-lô-giáo 46

Sự bảo tồn thiên-nhiên 55

Đại hội khảo nhạc quốc-lẽ . . . 63

Tân-liều-trai của Bình-Nguyễn-Lộc 73

Ý kiến về truyện ngắn Việt và
ngoại quốc 81

Sống ở đời 93

Ý nghĩ (thơ) 96

Một cuộc tấn-công (truyện ngắn) . 97

Hoang mang (thơ) 103

Huyền-hoặc (thơ) 103

Lẽ sống (truyện ngắn) 104

Trong đêm (thơ) 112

Khởi lửa Kinh-thành 113

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA
SONG-AN CƯ-SĨ

: *Phương-pháp phân-định từ-loại.
Nước Thái-lan.*

PHẠM-HOÀNG-HỘ

: *Sự bảo-lồn thiên-nhiên.*

TÂN-FONG-HIỆP

: *Bạch-Thái-Bưôl.*

ĐOÀN-THÊM

: *Quốc-hồn quốc-lúy.*

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH

: *Hồn Trung - hoa và Ki-tô giáo :
Kiêm-ái của Mặc-Địch và Bác-ái
của Ki-tô giáo.*

CÓ-LIÊU

: *Thanh-niên và mặc-cảm thời-đại.*

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

: *Vấn-đề thuốc giả (Placebos).*

P. I. N.

: *Những sự sai lạc ngày nay.*

HUYNH-ĐỆ

: *Quân-nhân phạm-pháp.*

NGUYỄN-THIẾU-NGUYỄN

: *Đặc-linh của tiều-thuyết.*

NGUYỄN-TỬ-QUANG

: *Thử tìm xuất-xứ bài Vọng-cổ.*

TRẦN-VĂN-KHÊ

: *Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng
khác số 9.*

NGUYỄN

: *Trong đồng hoang (truyện dịch).*

THỦY-THỦ

: *Sống ở đời.*

VÕ-PHIỄN

{ *Thác đồ sau nhà (truyện ngắn).*
{ *Nghĩ về cá-linh Văn-học miền Nam.*

THANH - LĂNG,

Cơ LINH-BẢO, THẾ-PHONG : *Ý-kiến về truyện ngắn.*

Định lại việc phiên-âm nhân-danh và địa-danh

• ĐOÀN-ĐỨC-NHÂN



VIỆC phiên-âm nhân-danh và địa-danh ngoại-quốc ra tiếng Việt tới nay vẫn chưa được giải-quyết dứt khoát. Vì không có một tiêu-chuẩn minh-bạch nên mỗi người phiên-âm một cách, khi theo Pháp, khi bắt chước Tàu. Tình-trạng này đã sinh ra nhiều sự hỗn-độn, sai lầm, gây khó khăn cho người đọc, đôi khi phải lao-tâm khổ-tứ mới tìm ra được chữ nguyên-văn. Tiếng ta nay đã được dùng làm chuyền-ngữ trong mọi ngành, vấn-đề ấn-định một tiêu-chuẩn trong việc phiên-âm tên ngoại-quốc lại càng cấp-thiết hơn bao giờ hết.

Nhiều bậc học-giả, nhất là nhóm Nam-phong trước kia, thường phiên-âm tên ngoại-quốc theo người Trung-Hoa. Phương-pháp này dĩ-nhiên giản-dị hóa được vấn-đề nói trên nhưng e có phần ỷ lại mà còn gây nhiều sự sai lầm mà các thể hệ sau khó đính-chính được. Hiện nay lối phiên-dịch theo người Trung-Hoa vẫn rất còn được thông-dụng. Chúng tôi xin trình dưới đây những khuyết-điểm và tính-cách vô lý của phương-pháp này :

1) Trước hết tiếng Trung-Hoa là một thứ tiếng nhiều phụ-âm-động (consonnes sonores) như b, g, đ, r, v nên sự phiên-

âm của họ thường lệch lạc. Người Trung-Hoa biến những phụ-âm đó thành những phụ-âm-tĩnh (consonnes sourdes) b thành p, g thành c, đ thành t, r thành l, v thành f.

Ti dụ :

De Gaulle 戴高樂 (đới cao lạc) phiên-âm thành Tái-cao-lồ (Đ thành T).

Sai gon 西貢 (Tây cống) phiên-âm thành Shi-cúng (g thành c).

Vatican 梵蒂岡 (Phạm đế cương) phiên-âm thành Fán-tí-cang (V thành F).

Brasil 巴西 (Ba-Tây) phiên-âm thành Pá-shi (B thành P).

Robert Owen 羅伯歐文 (Pa la âu văn) phiên-âm thành Luồ-pồ-âu uần (R thành L).

Ngoài những khuyết-điểm kể trên còn có rất nhiều điệp-âm (diphthongues) không thấy trong tiếng Trung-Hoa nên không thể nào dùng tiếng này phiên-âm tên ngoại-quốc cho đúng được.

2') Khuyết-điểm thứ nhì là khi phiên-âm nhân-danh ngoại-quốc, người Trung-Hoa thường cố gán vào một tên họ Trung-Hoa cho có vẻ tên Tàu, nên có khi bị sai lạc. Ti-dụ chữ Tito đáng lý phải phiên-âm là 的 多 (dịch Đa) Tí-tuổ, nhưng vì chữ

Địch-tổ không có vẻ là tên người, nên họ đã phiên-âm là Địch-thác 狄托 đọc là Tì-thuô. Dĩ nhiên chữ Tì-thuô không đúng bằng chữ Tì-tuô, nhưng ở Trung-hoa có họ Địch 狄 chứ không có họ Địch 的. Ngoài ra có những tên phiên-âm lầm nhưng vì tác-giả là người có uy-quyền trong văn-giới rồi vì thói quen không ai sửa chữa nữa. Tỉ dụ người phiên-âm chữ Montesquieu đã phiên-âm tên nhà văn-hào Pháp đọc theo tiếng Anh thành 孟德斯鳩 Mãng-tổ-sư chi-u (Mạnh-đức-tư-cưu!). Tên nhà văn-hào Victor-Hugo đã được phiên-âm thành 威俄 (hiu nga). Hiu-nguồ, nghĩa là phiên-âm ra tiếng Quảng-Đông và đọc theo tiếng Anh. Mãi gần đây người ta mới đề nghị dịch là 雨果 (Vũ Quả) Ủy-puồ cho đúng tiếng Quốc - Ngữ và tiếng Pháp hơn. Một tỉ dụ nữa điển-hình hơn là nhà văn Nghiêm-Phục (lần phú) 嚴複 đã phiên-âm tên ông Alexandre Dumas là 仲馬 (Trọng Mã) Trúng-mã. Ông không thông Pháp văn nên mới nhầm như vậy, nhưng trên văn-đàn Trung - Hoa cận-đại Ông cũng là một tay có danh tiếng không thua gì Lâm Thụ (Lin-su) 林紓 Cổ-hồng-Minh (Cổ hưng Minh) 辜鴻銘 và Lương-Khải-Siêu (Liàngt-sĩ-Tshao) 梁啟超 nên không ai nghĩ tới việc sửa chữa cả, tới nay vẫn phiên-âm như vậy.

3.) Khuyết-diểm thứ ba và quan trọng nhất là người Trung-Hoa phiên-âm tên ngoại-quốc, đọc theo âm Tàu còn có phần đúng nhưng tới khi đọc theo âm ta thì không còn ý nghĩa gì nữa. Chữ Platon người Trung-hoa phiên-âm là Pô-la-thù 柏拉圖 (Bá-lạp-đồ) nghe ra còn lơ lơ tới khi mình bắt chước dịch là Bá-lạp-đồ thì không còn chút gì liên quan tới ông Platon.

Chữ Socrate người Trung-hoa phiên-âm

là Su-cơ la-ti 蘇格拉底 nghe ra đã sai nhiều tới khi mình bắt chước đọc thành Tô-cách-lạp-đề thì lại sai quá.

Người Trung-Hoa phiên-âm tên ông Rousseau thành Lũ-suô 盧梭, mình bắt chước đọc thành Lu-thoa, nghe có phần hay nhưng ai còn nhận ra được là tên nhà văn-hào Pháp nữa.

Trên đây chúng tôi đã đề ra ba khuyết-diểm của phương-pháp phiên-âm theo người Trung-Hoa, nhưng thiết tưởng chỉ một trong ba khuyết-diểm đó cũng đủ khiến ta không nên dùng phương-pháp ấy nữa.

Chúng ta phải tìm một phương-pháp khác, hợp lý hơn và không ý lại nghĩa là phiên-âm thẳng ra tiếng Việt không qua một tiếng khác làm sai lạc cả nguyên-âm. Trước hết chúng tôi xin bàn tới việc phiên-âm nhân-danh.

1) Nhân-danh viết bằng chữ « rô-manh »

Trong trường-hợp này chúng tôi đề nghị nên để nguyên-văn, không cần phải phiên-âm, nhưng sẽ chưa bên cạnh cách đọc. Tỉ dụ :

Tổng-Thống Gronchi (xin đọc là Gờ-rông-ki).

Thi-sĩ Shelley (xin đọc là Sên-li)

Hoàng-đế Napoléon (xin đọc là Na-pô-lê-ông).

Nhạc-sĩ Rubinstein (xin đọc là Ruy-binh-si-tai)

Phương-pháp này vẫn được các báo Huế-Kỳ như Newsweek, Time áp dụng và chúng tôi cũng nhận là hợp-lý.

2) Nhân-danh viết bằng chữ Hán.

Trong trường-hợp này chúng tôi đề nghị nên ghi theo lối đọc của ta và có thể chưa thêm nguyên-âm :

Ti dụ :

Tổng-thống Tôn-Dật-Tiên (San-Í-Shian)

Công-chúa Mỹ-trí-tử (Mi-chi-cô)

Tổng-thống Lý-thừa-Văn (Ri-sích-Man)

Tiếng Nhật và tiếng Đại-Hàn đều là loại tiếng tự-mẫu (langues alphabétiques) nên việc phiên-âm ra tiếng ta không khó khăn, nhưng trong tiếng Trung-Hoa có nhiều phụ-âm không sao dùng chữ Việt ghi chép được, tỉ dụ các phụ-âm < , ʃ , ʈ , p , ɸ , ɕ , ʎ , ɹ chúng tôi đề-nghị tạm phiên những phụ-âm này thành : tsì, tshur, rur, tchur, sur, trur, sùr, shì.

Ngoài ra khi phiên-âm chúng ta nên đề ý tránh phiên-âm theo tiếng địa-phương như nhà báo nọ đã phiên tên Tổng-thống Tưởng-giới-Thạch thành Chiang-kai-Skek, sau thành thói quen không sửa đổi được nữa. Phiên-âm như vậy là lầm vì không phiên theo tiếng Quốc-ngữ Tàu mà phiên theo tiếng Quảng-đông là một tiếng địa-phương, hơn nữa Tổng-thống Tưởng-giới-Thạch không phải là người Quảng-đông.

3') Nhắc-danh viết bằng các loại chữ khác như Á-Rập, chữ Phạn v.v... thì nên phiên-âm ra tiếng Việt không cần ghi nguyên-văn phiên-phức cho việc ấn-loát.

Vấn-đề phiên-âm địa-danh hiện nay cũng không được ổn-định lắm, khi thì ta mượn cách phiên-âm của người Trung-Hoa, khi thì dùng hán-chữ của người Pháp. Muốn cải-thiện tình-trạng hỗn-dộn này phải có uy-thế của một Hàn-lâm-viện hay Bộ Quốc-gia Giáo-dục. Theo thiển-kiến ta nên chia việc phiên-âm các địa-danh thành hai loại một loại địa-danh các nước dùng chữ Hán. Đối với loại trên,

chúng ta chỉ cần viết theo tiếng Việt các địa-danh của họ như : Hoành-Tân, Đông-Kinh, Bắc-Kinh, Hán-Thành, Hồ-Bắc v.v..

Đối với loại thứ nhì chúng ta cần phải khảo-sát kỹ-lưỡng lại, nhất là những địa-danh phiên-âm theo người Trung-Hoa như : Bá-Lê, Luân-Đôn, La-Mã, Phi-Luật-Tân, Hoa-Thịnh-Đốn, Tân-Gia-Ba, v.v... Công việc này tất tốn công-phu nhưng chúng ta có thể căn-cứ vào nguyên-âm của bản-quốc rồi biến chế-ra tiếng Việt, không cần phải phiên-âm theo người Trung-Hoa, gây những sự lăm lẫn vô lý mà chúng tôi đã đề cập trên đây. Chúng ta có thể dùng những chữ Bá-Lê, Luân-Đôn, La-Mã, Phi-Luật-Tân, Hoa-Thịnh-Đốn, Tân-Gia-Ba bằng Pa-ri, Lân-dân, Rô-ma, Phi-lập-pin, Vát-sinh-tôn và Sinh-ga-pô. Về nhân-danh cần phải phiên-âm cho đúng nhưng còn về địa-danh thiết tưởng trong nhiều trường-hợp có thể chêm chước Việt-hóa cho dễ đọc, như Á-Rập, Ma-Ní, Chà-Và vân...vân...

Phạm-vi bài này không cho phép chúng tôi đi sâu vào chi-tiết các điểm nêu ra ở trên, nhưng chúng tôi nghĩ rằng cũng đã trình được các bạn những khía cạnh chính của một vấn-đề cần phải giải-quyết.

Chúng ta cần phải giải-quyết vấn-đề này đề việc phiên-âm được hợp-lý, không lệ-thuộc người Pháp hay người Trung-Hoa một cách vô ý thức. Chúng tôi mong mỗi sẽ không còn xảy ra những chuyện đáng buồn như trường hợp Việt-kiều nọ ở Pháp đọc báo quốc nội nói về Thánh-mẫu Lộ-Đức đã giở địa-đồ Việt-Nam tìm xem Lộ-Đức ở miền nào.

ĐOÀN-ĐỨC-NHÂN

VẤN-ĐỀ VIỆN-TRỢ

các nước chậm tiến

đối với Thế-giới hiện nay ⁽¹⁾

★ HOÀNG-MINH-TUYNH

I

Trời không cho riêng ai giàu, ý trời muốn ký thác nhưng kẻ nghèo cho người ấy ; Trời không cho riêng ai sang, ý trời muốn ký thác nhưng kẻ hèn cho người ấy.

SỬ ĐIỀN

MỘT trăm năm trước, có lẽ người ta không nghĩ đến rằng có một phần nhân-loại bị đói. Thế-giới thời đó, do bởi mậu-dịch còn chậm trễ và ít ỏi, có vẻ như lớn lao hơn bây giờ thập bội. Thời-thế đã đổi thay. Trái đất chúng ta đang ở hình như co lại và tiến tới chỗ quí nhất. Đức-Quốc, Đại-Hàn, Úc-Đại-Lợi gần chúng ta hơn trước rất nhiều, và có những nước xa cách chúng ta hàng chục ngàn cây số mà chúng ta cảm thấy gần chúng ta như những nước láng giềng hoặc như những miền ngay trong xứ chúng ta mà chúng ta chưa có dịp thăm viếng vậy.

Đó là một nhận-dịnh tầm thường, ai cũng thấy. Còn một nhận-dịnh thứ hai nữa, kẻ cũng không cao-siêu gì, đó là nhiều dân-tộc hiện nay trên thế-giới còn ở trong

tình-trạng túng cực, thiếu thốn, đến nỗi những nhu-cầu cần-thiết và cấp-bách nhất cũng không được thỏa-mãn, như ăn, ở, chống bệnh, học hành, tư-tưởng, tín-ngưỡng ; đồng thời có những dân-tộc khác may mắn hơn, sản xuất ngày một nhiều, mức sống ngày một cao. Giữa anh em trong gia-đình nhân-loại, sự hưởng-thụ hoa-lợi của thiên-nhiên có phần cách biệt rất xa và ngày càng xa mãi. Điều đó rất rõ ràng, bởi các bảng tính nhiệt-lượng theo đầu

(1) Căn cứ chính chúng tôi đã dùng để viết bài này là tài-liệu của A. Bonnichon trong tạp-chí Etudes, tháng 6 năm 1959. Ngoài ra, quý vị độc-giả có thể coi thêm các tác-phẩm căn-bản sau đây : G. Ballandier, le « Tiers-Monde », P.U.F., 1956. L. J. Lebret, Suicide ou sur vie de l'Occident, Economie et Humanisme, 1959 — F. Perroux, La coexistence pacifique, P.U.P., 1958, 3 quyển.

người, bằng tính lợi-tức cá-nhân bằng đô-la, bằng tính số người vô học, bằng tính số người mắc bệnh phong thổ, bằng tính dân số đối chiếu với số bệnh-viện, tại bất luận nước nào, đều được công-bố minh-bạch.

Do đấy, trách-nhiệm của những tâm-hồn có thiện-chí tại những nước được tương-đối ưu-dãi, đối với sự nghèo khó của anh em trong những nước ít được may mắn, càng thêm nặng nề.

Trách-nhiệm về phương-diện đạo đức, vì bản phận của người giàu trong một gia-đình là phải giúp đỡ người nghèo. Trách-nhiệm về phương-diện kỹ-thuật, vì giúp đỡ đã vậy, còn phải giúp đỡ thế nào để thực-hiện được lợi-ích chung cho toàn-thể gia-đình một cách thiết-thực.

Nhiều người tưởng-tượng các dân-tộc như những người con ngồi quây quần xung quanh một cái bàn. Kẻ làm chủ — là Thiên-nhiên, là Nhân-loại, là Lịch-sử, là những cái gì hết sức trừu-tượng — cho muống vào một nồi cháo chung, rồi múc ra cho mỗi người mỗi chén : chén thì quá đầy, chén thì quá vơi, thật không công bằng. Người được chén đầy, cũng như người được chén vơi, đều cảm thấy sự bất-công đó, và đều lên tiếng nhắc kẻ làm chủ ở vô-tình hay hữu-ý phân-phối không đồng đều. Hình như mọi người đều cho rằng chỉ việc lên tiếng như thế là đủ cho kẻ làm chủ sửa lại bất-công và mọi người sẽ được như ý-nguyện,

Thiện-chí của những người trên, không thể chối cãi và ai cũng công-nhận cần phải có thiện-chí đó trong mọi công cuộc sửa đổi sự bất quân phân về tài-nguyên trong thiên-nhiên hiện-tại. Song thiện-chí

đó chưa đủ vì nó chưa được thiết-thực và cụ-thể, hầu áp-dụng ngay được. Chính những điều-kiện không-gian và thời-gian đã khiến cho kẻ làm chủ cái nồi cháo chung không sao đóng nổi vai trò mà mọi người ở mọi nơi vẫn hằng mỏi mắt trông chờ.



Không-gian và thời-gian.

Sự thực thì không có thiên-nhiên trừu-tượng nào phân-phối tài-nguyên không đồng đều cho những người hoàn-toàn thụ-dộng. Người ta, thực ra, chính là những kẻ đã tự tạo nên cho mình những tư liệu sinh-hoạt, nghĩa là những thức ăn, thức dùng cần-thiết cho sự sống còn của mình. Người ta là thứ thiên-nhiên linh-hoạt biết sử-dụng thiên-nhiên còn nguyên-chất, lấy ra ở trong đó những cái đáp lại nhu yếu của mình ; người ta ăn cái người ta sản-xuất được. Song mặc dù những tiến-bộ mau về vận-tải, những sáng-kiến mới về tín-dụng, những phương-pháp hay về chi-phó có thể khiến cho tài-nguyên thông-hoạt được hết sức lệ làng, kinh-tế nhân-loại vẫn bị lệ-thuộc vào yếu-tố trường sở, yếu-tố không-gian.

Đây có chuỗi ngọc mà kia không có. Đây có dầu lửa. Đây có sốt rừng, kẻ thù của lao-động. Đây có bãi nổi ở giữa hai cửa sông. Đây có sông qua lại được mà lại ở gần hầm mỏ. Đây có thác nước có thể tạo thành thủy-lực cho những công cuộc kỹ-ngệ doanh-diễn vĩ-dại. Con người được tung vào giữa một thế-giới hỗn-tạp *Inter mundanas Varietates*.

Con người được tung vào giữa thế-giới ấy, và phần nào, cũng bị ấn-dịnh phải ở trong cái khu-vực mình đã được ném vào

đó. Sự phồn-vinh hạn-định trong địa-phương một cách tự-nhiên nó chỉ có thể phát-triển ra ngoài trường sở và trở thành « không biên giới », khi nào có những nỗ-lực kỹ-thuật tới làm cho nó phát-triển được thôi.

Nhiều người có những ý-tưởng quá đơn sơ, quá thật thà, cho rằng chỉ việc đem những đồ thừa của một nơi nọ chuyển sang nơi kia (như lấy lúa dùng làm than đốt trong đầu tàu xe lửa ở Nam-Mỹ xay thành bột cho người Phi-châu) là có thể biến một nơi đói kém thành một nơi phồn vinh được. Hành-vi trên chỉ là một hành-vi làm-phức, bác-ái nhất-thời, tương-hợp với tính-chất nhất thời của một nền kinh-tế « lệch-lạc » đã sản xuất quá nhiều để đến nỗi không bán đi được. Điều chính và cần không phải là « làm phức », mà là giúp đỡ, nơi này giúp đỡ cho nơi kia mở mang tài-nguyên đặc thù của họ. Mọi tài-nguyên trong thế-giới cần phải được sử-dụng. Một nước có tài-nguyên phong-phú không thể không khai-thác được. Dân nước ấy có quyền và có bổn-phận khai-thác để góp phần của mình vào tài-nguyên của toàn-thể nhân-loại.

Đó là điểm thứ nhất, tối quan-trọng đối với một nước về mặt kinh-tế, phải xác-nhận. Vấn-đề tâm-lý dẫn đưa tới một điểm thứ hai nữa cần phải xác-nhận. Chúng ta phần nhiều ai nấy cũng thấy những công-trình tinh-thần là những thứ dễ truyền đạt nhất và là những thứ được coi là di-sản chung của mọi người, không phân biệt quốc-gia hay chủng-tộc. Khoa-học và kỹ-thuật, con đẻ của tinh-thần, cũng được coi như không có tổ-quốc, bởi vì phát-xuất từ sự quan-sát thiên-nhiên vốn thuộc của mọi người.

Không có khoa-học Âu-châu hay Á-châu, những danh-từ này chỉ dùng để chỉ một nguồn-gốc lịch-sử (như chữ số La-Mã, y-lý thái-tây). Đó là điều dĩ-nhiên, ai cũng thấy rõ. Tuy nhiên, nói về mặt kinh-tế, một nước muốn cho nền kinh-tế sản-xuất thật nhiều, không phải cứ việc chuyển những phát-minh, những phương-thuật, những kiểu mẫu vật-chất ở nước ngoài vào là thực hiện-ngay được.

Một nền kinh-tế sản-xuất nhiều chỉ có thể thực-hiện trong một nước đã có một nền văn-hóa cao : quan-hệ giữa các người trong xã-hội, đại-diện các tập-thể của quốc-gia, cũng như cơ cấu pháp-lý trong nước đó phải là những thứ đã thiết-lập tự lâu đời (1). Chủ-nghĩa duy-vật lịch-sử đã lầm khi cho rằng những thương-tăng cơ-sở đã phát-xuất từ những hạ-tầng cơ-sở do phương-thức sản-xuất tạo nên. Thật ra thì, trái lại, một phương-thức sản-xuất mới (như tập-trung nhân-công và tư-bản xung quanh một hầm mỏ, một lò đã kim hay một máy phát-động) chỉ có thể thiết-lập tại một nơi mà tâm-lý quần-chúng và tổ-chức pháp-luật đã chịu thừa nhận nó thôi. Không phải sự phát-triển công-nghiệp đã làm nảy sinh chế-độ hội-xã vô-danh tại Âu-châu hồi thế-kỷ XIX, chính những thể-thức pháp-luật trong chế-độ cho vay vốn trước đã khiến người ta có thể kỹ-nghệ hóa Âu-châu vậy.

Văn-hóa địa-phương của một quốc-gia thường làm trở-ngại ít nhiều sự du-nhập những tiến-bộ kỹ-thuật do bởi ý-chí của quốc-gia ấy muốn bảo-thủ luân-lý cổ-hữu và muốn tự-vệ để sinh-tồn.

(1) Mắc gọi đó là tình-trạng không điều-hòa giữa công-cụ sản-xuất và quan-hệ sản-xuất.

Do đấy, chúng ta thường nhận-xét thấy có những dân-tộc vô-học phải mất hàng bao nhiêu năm mới tập quen được với những kỹ-thuật hiện-đại về nông-nghiệp hoặc về lao-động. Có những nước phải trải hàng mấy trăm năm mới lấy lại được thể quân-bình từ trước, và sau khi đã phải dùng biết bao thủ-đoạn tàn-nhân, cùng đã phải cố-gắng một cách kiên-trì trong mấy thế-hệ. Cảnh thất-nghiệp lâu ngày, lợi-xuất cho vay quá nặng, sự bấp-bênh trong giao-dịch gây ra do tổ-chức tư-pháp chưa được hoàn-hảo ; tổ-chức gia-đình hoặc bộ-lạc bị xáo-trộn bởi nếp sống mới ; tín-điều tôn-giáo làm tiêu-hao nỗ-lực hoặc củng-cố sự bất-công ; tất cả những nhân-tố đó hợp thành một cảnh sắc tâm-lý nó đối kháng với tiến-bộ, với những ai muốn thiết-lập một cuộc viện-trợ quốc-tế tại những nơi này.

Người ta chống lại sự truyền-dạt tài-sản tinh-thần cũng như chống lại sự chuyển-vận tài-sản vật-chất. Sự chống lại ấy là một hàng rào thiên-nhiên cũng như những trái núi vây quanh cảnh địa trước mắt một khách bộ-hành can-đảm vậy.

Đó là nói về không-gian — thời-gian cũng dựng nên những thứ hàng rào tương-tự. Lịch-sử không tiến theo một nhịp bước đều nhau. Cố-nhiên ta không thể coi sự tiến-bộ trong thế-giới như một đường thẳng tiền đó các dân-tộc ở vào một khoảng cách xa ít hay nhiều với điểm nguyên-thủy. Duy có điều ai cũng công-nhận là trong việc khai-thác tài-nguyên của thế-giới và chế-tạo sản-phẩm, một số nước này đã thành-công trước một số nước khác. Đó không phải là tại người nước này tài giỏi hơn người nước kia, vì các nhà nghiên-cứu nhân-loại học

đều cho khả-năng trí-thức của loài người ngang nhau. Song chính địa-lý đã gây ảnh-hưởng bất-lợi cho một số nước, như ta thường thấy các nước chậm-tiến đa số ở vào vùng nhiệt-đới. Lại nữa, ta thấy thiên-tài của một số nước mà khiến họ, trong một lúc nào đó, quay về hướng thực-dụng chế tạo ra những sản-phẩm vật-chất, trong khi thiên-tài của một số nước khác lại quay về hướng nghệ-thuật, sáng khởi ra những sản-phẩm tinh-thần, bởi đã được đầy đủ về vật-chất ; có nước thì chuộng khoa học và những chuyển hóa kỹ-thuật của khoa-học ; có nước lại muốn trau-đồi triết-học cao thâm và ưa điều huyền-bí. Chúng ta không dám gọi những nước trên là những nước duy-vật, (danh từ người ta thường dùng để nhục mạ Tây-phương) song thật ra nhiều khi con kiến trong lịch-sử đã được phận may hơn con ve-ve nhiều phần.

Chính cái chỗ chậm trễ đó là chỗ hiện giờ cần phải bổ-khuyết và cần phải bổ-khuyết ngay, vì các nước không được ưu-đãi là những nước phải đau đớn nhất và đang cảm phẫn về sự chậm trễ của mình, họ đau đớn, cảm phẫn không chỉ vì nhu-cầu vật-chất không được thỏa-mãn, mà còn vì lòng tự-ái bị xâm-phạm nặng nề. Nguyên sự đói khát đã sinh ra bao nhiêu động-loạn trong hoàn-cầu từ xưa đến nay, nhất là khi người ta biết đói khát là nạn có thể tránh được ở nước khác, và có phương thể tránh nó.

Thời - gian đã gây ra sự chênh - lệch trên — sự chênh-lệch làm phát-sinh ở con người ý - chí đòi hỏi bình-quyền, bình-đẳng, — đồng thời, thời-gian cũng kìm-hãm các nỗ-lực phát-huy để làm giảm bớt sự chênh-lệch. Tây-Âu và Bắc-Mỹ phát-triển kinh-tế tương-đối chậm chạp. Họ tích-lũy

tư-bản cần-thiết để tài trợ công-nghiệp và nông-nghiệp, nhưng họ tích-lũy làm nhiều thời-hạn, đồng thời họ còn phải lo làm sao cho năng-lực của cá-nhân thích-ứng kịp với tiến-bộ kỹ-thuật, và cho cơ cấu pháp-lý trong nước thích-hợp kịp với nhu-cầu mới của thời-đại. — Tại nơi khác, có thể làm cho quá trình tiến mau hơn được không? — Điều đó cần và ai cũng mong muốn, nhưng có điều nên nhớ là ở đâu cũng có những đối-kháng thời-gian, nó kìm hãm, cản trở nỗ-lực, thiện chí của con người, và do đấy, đòi hỏi con người phải phát-minh ra những phương-thức kỹ-thuật mới để vượt qua. Xem vậy đủ biết, nhân-loại tòng lai chưa hề được nhóm kết lại một cách lý-tưởng xung quanh một kho dự trữ tài-nguyên duy-nhất và thụ-động, có thể để cho mạnh ai nấy mức tùy theo nhu-cầu của mình mà vẫn giữ được sự bình-đẳng trong tình huynh-đệ một nhà. Yếu-tố thời-gian và không-gian quả đã làm rối loạn cái viễn tượng lạc quan, dễ dàng đó. Tuy-nhiên, phải công nhận một điều là viễn-tượng « *thế-giới cộng-đồng* » trong đó mọi người sinh-hoạt với nhau trong sự cộng-hòa thâm-thiết, ruột thịt, vẫn là một chân-lý cốt-thiết, nhân-loại muốn sinh-tồn, không thể không lấy làm nền-tảng cho sự qui-nhất nó giải-phóng mình vậy.



Thế-giới cộng-đồng

Ki-tô giáo dạy rằng có Thượng-đế và chính Thượng-đế đã cống-hiến thế-giới cho loài người, đã trao thiên-nhiên còn nguyên chất cho thiên-nhiên đặc-biệt, vừa có tinh-thần vừa có tự-do, đã được dựng nên giống với hình - ảnh Ngài. Ki-tô giáo dạy điều đó là có ý bảo rằng tài-nguyên trong thế-giới đã được trao cho

toàn-thể nhân-loại. Nhưng rồi xã-hội loài người bỗng nhận ra ngay cần phải lập một thể-thức chiếm hữu nào để đảm bảo cho sự khai-khẩn đất đai được thông-minh, liên-tục và đem lại kết-quả : do đấy phát sinh ra quyền tinh-thần và pháp-lý của một người đối với một khoảng đất, quyền cần thiết để cho khoảng đất hoang-vu trở thành cánh đồng trồng cấy được. Tuy nhiên quyền của một người đó phải căn-cứ vào lợi-ích chung và không thể làm sai lạc mục-đích nguyên-thủy là toàn-thể tài-sản vốn thuộc về toàn-thể nhân-loại. Vậy nên quyền ấy phải thiết-bị (nghĩa là phải ấn-định, giới hạn) làm sao để có thể duy trì được lợi-ích của toàn-thể nhân-loại.

Qui-luật trên, qui-luật ấn-định quyền-lợi của một cá-nhân trên một khoảng đất, cũng áp-dụng cho quyền-lợi của một đoàn-thể trên một lãnh-địa. Mỗi khi một nền kinh-tế đạt tới phạm-vi và trình-độ quốc-gia—khi các quốc-gia bắt đầu hình thành — thì nền kinh-tế ấy đã đóng góp vào công cuộc gây dựng hạnh-phúc chung cho nhân-loại một phần rất lớn, do bởi đã giúp cho cá-nhân được tiến-triển và đồng-thời giúp cho nhân-loại được tiến-phát. Tuy nhiên, dù cá-nhân hay đoàn-thể cũng phải thừa nhận một qui-luật này là qui-luật cộng-đồng tài-sản, qui-luật chuyển giao tài-sản một cách công-bình cho các thành phần trong cộng-đồng, tránh sự vẩn vơ, chậm trễ. Hiện nay người ta đang tìm cách áp-dụng nó cho các tỉnh trong một quốc-gia (thí-dụ Cao-nguyên với Nam-phần), và cũng có thể áp-dụng nó cho các tỉnh lớn lao hơn là các nước trong hoàn-vũ, hợp thành một đại quốc-gia (1).

(1) Ô. Gunnar Myrdal trong cuốn *Une Economie internationale* (Paris 1958) gọi đó là « *intégration* ».

Có quan-niệm được một cộng-đồng như vậy thì người ta mới biện-minh được thái-độ và hành-vi của một nhóm người tân-tiến tới khai-thác tài-nguyên tại lãnh-địa thuộc một nhóm người hậu-tiến, vì quan-niệm như vậy tức là công-nhận người hậu-tiến nếu có là kẻ mắc nợ đối với người tân-tiến vì họ đã khai-thác tài-nguyên cho mình, thì cũng đồng-thời là người chủ nợ đối với kẻ khác tới sau mình. Cũng như món nợ cơm áo của đứa trẻ đối với những thế-hệ trước nó. Cũng như món nợ của kẻ cộng-đồng kế thừa đến sau, đối với kẻ cùng được chia gia-tài mà đã hưởng-thụ từ trước rồi.

Tình-cảnh nhân-loại hiện nay mặc dù vì lệ-thuộc vào không-gian, đã dễ phân tán

mất nhiều tài-nguyên, và mặc dù vì lệ-thuộc vào thời-gian, đã dễ cho nhóm này tiến mau hơn nhóm khác trong phương-thuật khai-thác thiên-nhiên, vẫn phải làm sao bảo-tồn được mỗi tình huynh-đệ nó qui nhất được các dân-tộc trong thế-giới, ngăn chặn được sự trốn tránh trách-nhiệm gây ra bởi lòng ích-kỷ và buộc mọi người phải thực-hành cái nghĩa tương-trợ. Đó là một viễn-tượng lý-tưởng, không thể coi như một giấc mơ đẹp, mà phải coi là một nghĩa-vụ chân-chính, nghĩa-vụ mệnh-mông và phức-tạp vô cùng, nghĩa-vụ khiến cho ta phải tự hỏi: phải làm sao bây giờ?

(Còn một kỳ nữa)

HOÀNG-MINH-TUYNH

Danh ngôn, danh lý

KHOAN - DUNG, ĐỘ - LƯỢNG

★ Những tiếp-xúc thân-mật giữa người trên và người dưới thường diễn ra hàng ngày, do nhiều hoàn-cảnh và cơ-hội đưa tới; những tiếp xúc ấy thường không làm cho ai « mất mát gì »: chỉ một câu hỏi thăm ngán ngán về sức khỏe, một lời khuyên êm ái với một nụ cười tươi, nghĩa là những cách tỏ ra mình lưu-ý tới đối-nhân và đối-nhân đáng cho mình lưu-ý tới. Những cái không « mất mát gì » đó có thể chứng tỏ người ta giàu lòng nhân-đạo và làm cho không-khí căng thẳng gây ra bởi những vấp vấp không thể tránh được trong cuộc sống hàng ngày, biến đổi thành trong lành, thân-mật, tin-cần.

★ Khi nói với ai, ta không nên quá lưu-tâm đến điều ta nói, mà nên lưu-tâm coi xem đối-nhân hiểu lời ta nói thế nào. Đối-nhân « nghe » câu ta nói, thường « hiểu » câu ta nói theo tình-cảm của họ.

thác mắc

Hai thái-độ, hai tinh-thần

TÔI thấy có những người vào nơi quyền quý đến đâu hay tới nơi bần-tiện thế nào, thái-độ của họ cũng vẫn ngang nhiên, đường hoàng, mà nhũn-nhặn, khoan-thai, hình như không biết sợ hãi cái gì, song cũng không biết khinh-miệt cái gì. Cái gì họ cũng tôn, cũng quý, nhưng không cái gì có thể khiến họ phải khiếp, phải kính.

Tôi cũng thấy có những người vào nơi quyền quý thì hay khúm-núm, tới nơi bần-tiện thì hay buông thả. Họ đi từ quá-khích này đến quá-khích khác, có khi dưng dưng, bất chấp, đến thành khinh-bạc, kiêu-hoành, song có khi mềm mỏng nhu-nhẫn đến thành dễ-họ, phi nhân-cách. Họ hay coi khinh, coi rẻ, nhưng cũng dễ khiếp, dễ kính.

Tôi tìm hiểu nguyên-nhân hai thái-độ khác nhau ấy. Có người cho nguyên-nhân chính là do hạng người trên đã trưởng-thành trong ý-niệm mọi người sinh ra đều bình-dẳng và hiểu bình-dẳng không có nghĩa là vô trật-tự, vô lễ-ngiht, vô pháp-độ; còn hạng người dưới chưa thoát khỏi cái mặc-cảm con người sống trong xã-hội phải có tôn-tt, và chưa hiểu tôn (cao) không có nghĩa là kiêu-căng trịch-thượng, hỗn-hào, và tt (thấp) không có nghĩa là khuất-phục, tùy tòng, chiều lụy.

Cũng có người cho nguyên-nhân chính là do hạng người trên cho quan-niệm đồng-dẳng giữa xã-hội loài người là sự dĩ-nhiên, không cần phải khinh-miệt người mới có thể tôn-trọng mình, và tôn-trọng người là điều-kiện để mình được tôn-trọng; còn hạng người dưới mắc phải cái bệnh tự-ti của một chủ-nghĩa ấu-trĩ, lúc nào cũng tự hạ, tự khinh khiến người dù muốn tôn, muốn trọng, cũng không thể tôn, trọng được, hoặc trái lại, lúc nào cũng có cảm-giác người khinh-miệt mình, nên phải khinh trước để khỏi bị khinh-miệt.

Và cũng có người giản-dị và tóm tắt hơn, cho nguyên-nhân chính là do hạng người trên có tinh-thần của một người dân tự-do và độc-lập, còn hạng người dưới vẫn chưa thoát khỏi tinh-thần của một người dân nhược-tiểu và bị trị.

Ba nguyên-nhân đó, nguyên-nhân nào là chính, hay cả ba đều là chính cả?

Ông Bà CURIE

một gia-đình đoạt tối-cao Kỷ-lục về giải NOBEL

★ ————— NGUYỄN-HIẾN-LÊ

★

(Tiếp theo B. K. số 60)

TIN đó đưa ra, các nhà bác-học Anh, Đức, Ý... đều ngưỡng mộ ông bà vào bậc kỳ-tài, duy có chính-phủ Pháp là cơ hồ không thêm lưu-ý tới. Ông không có tham-vọng gì cả, chỉ ước ao được một chân giáo-sư đại-học và một phòng thí-nghiệm có đủ dụng-cụ thôi; nhưng chính-phủ không cho, lấy lý rằng những phát-minh của ông không thuộc phạm-vi Lý-Hóa ! Thành thử lương ông vẫn là năm trăm quan một tháng, không đủ tiêu, vì nhà đã thêm trẻ.

Mãi đến khi Chính phủ Thụy-ã trọng tài ông, mời cả hai ông bà qua dạy trường Đại-học Genève, mà ông từ chối vì muốn ở Paris tiếp-tục nghiên-cứu về chất radium, Chính-phủ Pháp mới chịu nhận giá-trị của ông, mời ông dạy lớp Lý - Hóa, Tự-Nhiên, ở trường Đại học Sorbonne và mời bà làm giáo-sư ở trường Cao-dẳng nữ sư - phạm Sèvres. Nhưng phòng thí nghiệm thì vẫn không cho.

Năm 1902, nhiều bạn thân thức ông xin ứng-cử vào Hàn-lâm Viện Khoa-học. Ông

không chịu, cho cái thủ-tục bắt các ứng-cử viên phải đi chào các ông hàn trong viện là nhục-nhĩa, vô-nghĩa. Nhưng nể lòng bạn, ông đành ra ứng-cử, và kết quả là ông thua. Phần đông các cụ hàn không ưa ứng-cử viên « khả-ố », không chịu khom lưng đó, nên bầu ông Amagat.

Ít lâu sau, một vị bộ-trưởng đề-nghị thưởng ông Bắc-dầu bội-tình. Ông cương-quyết từ chối :

« Tôi xin đa tạ ông bộ-trưởng và thưa ông hay rằng tôi không thấy cần có huylương mà chỉ cần có một phòng thí-nghiệm thôi ».

Từ đó hai ông bà hết trông cậy vào sự giúp đỡ của Chính-phủ, lại tự-lực tiếp-tục thí-nghiệm bằng những phương-tiện rất thiếu-thốn. Có lần ông làm việc quá mà muốn đau, chân-nấm nói với bà :

— Cuộc đời chúng ta đã lựa, vậy mà khó nhọc quá chứ !

Đã mấy tháng nay ông lo sẽ chết sớm.
Bà an ủi :

— Mình... rần vui lên mình.

Nhưng rồi không nén được lòng, bà ghen-ngào nói tiếp :

— Nếu trời bắt tội một đứa trong chúng ta chết trước... thì kẻ còn lại cũng không sống được đâu, mình nhì.

Ông lắc đầu cương-quyết :

— Em lắm rồi. Dù sao thì sao, dù chỉ còn là cái xác không hồn thì chúng ta cũng vẫn phải làm việc.

Và càng thiếu sự nâng đỡ, ông bà càng làm việc mạnh. Từ năm 1899 đến năm 1904, ông bà đã công-bố được ba mươi hai nghiên-cứu về khoa-học. Chất radium được dùng để chữa vài loại ung-thư và bắt đầu được các nhà kỹ-nghệ đòi hỏi. Khi đã nấu được một gam radium, ông muốn công-bố cách-thức chế-tạo cho cả thế-giới biết chứ không giữ riêng quyền sáng-chế, nhưng còn dò ý bà đã :

— Đời chúng ta vất-vả mà chúng ta cần có một phòng thí-nghiệm đàng-hoàng. Rồi còn tương-lai của con cái nữa. Em nghĩ sao ? Nên giữ quyền sáng-chế hay không ?

Bà không do dự, đáp :

— Giữ quyền đó cho riêng mình là trái với tinh-mãn khoa-học. Em nghĩ sự phát-mình đó phải để cho cả nhân-loại hưởng chung.

Và ông vui vẻ công-bố liền cách chế-tạo cho các kỹ-sư ngoại-quốc.



Lúc đó danh tiếng ông bà dậy lên như sóng. Các quốc - gia tranh nhau đón tiếp ông bà. Trước hết là Anh. Năm 1903, viện Hoàng - gia ở Londres mời ông bà qua diễn-thuyết. Cả thành Londres xôn-xao

muốn được coi mặt những người đã khai sanh cho chất radium. Ông bà phải dự các tiệc danh - dự, ông với bộ đồ đen hàng ngày, bà cũng với chiếc áo sẫm thường ngày mà chung quanh toàn là những nhà quý - phái y - phục sang trọng, vàng son rực-rỡ.

Khi tan tiệc về phòng, bà bảo ông :

— Em không ngờ rằng ở đời có những châu ngọc đẹp như vậy.

Ông mỉm cười :

— Mình thử đoán xem trong bữa tiệc anh nghĩ tới gì ? Anh tính phỏng giá tiền của tất cả những vàng ngọc đó đủ để cất được biết bao phòng thí-nghiệm.

Về tới Paris, ông bà nhận ngay được một chiếc huy-chương bằng vàng ở Londres gửi qua. Không biết dùng làm gì, ông cho Irène chơi. Bạn bè tới mừng và đòi coi, ông chỉ cô Irène, bảo :

— Cháu nó thích đồng xu mới, lớn đó lắm !

Rồi tới Thụy-Điển tặng ông bà một nửa giải thưởng Nobel về Vật-lý — mà chính-phủ Pháp thì mấy năm trước bảo rằng phát-mình của ông bà không thuộc phạm-vi vật-lý ! — nửa kia về ông Henri Becquerel — cả ba đều có công phát-mình về chất phóng-xạ.

Bạn đã biết giải-thưởng Nobel giá-trị ra sao chứ ? Đó là một giải-thưởng quốc-tế khoản mười l. quan mỗi năm phát một lần cho những văn-lâm và nhà bác học nào có công lao lớn với nhân-loại. Có năm giải : Vật-lý, Hóa-học, Y-học, Văn-chương và Hòa-bình. Nếu bạn được giải thưởng đó thì bạn sẽ làm về ang cho cả dân-tộc Việt-lâm, và cả cho Châu-Á nữa, vì từ hồi giải-thưởng đặt ra (năm 1896)

đến nay ở Châu-Á mới có bốn người được nhận nó, tức thi-hào Tagore ở Ấn-độ, nhà bác-học Hideki Yukawa ở Nhật-Bồn, và mới năm ngoái đây, hai thanh-niên Trung-Hoa : Tchen Ning Lang với Tsung Lao Lee. Vậy mà cả hai ông bà Curie đều được giải-thưởng. Vinh dự đó chưa từng thấy trong giới khoa-học. Nhất là sau này bà lại được thêm một giải Nobel về Hóa-học, rồi cô Irène và chồng là Joliot nối nghiệp cha mẹ, chiếm một giải nữa. Gia-đình Curie quả đã chiếm tối-cao kỷ-lục về giải đó.

Nhưng từ khi nhận giải-thưởng, ông bà chỉ thấy bức mình hơn là vui. Trong một bức thư cho một người anh, bà viết :

« Thư từ gửi tới ngập cả nhà, rồi thì các nhà nhiếp ảnh, các ký-giả tràn vào. Chúng em muốn dọn chỗ để được yên ổn ».

Đúng như Einstein đã nói *« danh-vọng không làm cho người ta sướng »*; mà nhiều danh-vọng quá còn làm cho ông bà hóa quạu.

« Lúc nào nhà cũng ồn lên. Người ta kiểm mọi cách cản trở công việc của vợ chồng em. Bây giờ em cương-quyết không tiếp ai hết. Vậy mà cũng không được yên. Đời chúng em hoàn-toàn tiêu ma vì danh-vọng ».

Hết được ngày nào rảnh là ông bà phải bỏ nhà, trốn đi, đập xe máy về miền quê, đổi tên họ để được ngủ yên trong những quán trọ. Nhưng các ký-giả vẫn theo dò, và một lần một ký-giả Mỹ vượt Đại-tây-dương qua, nhận được mặt ông bà ở ngưỡng cửa một gia-đình đánh cá nọ, vội chạy lại phỏng-vấn. Bà bắt đắc dĩ phải đáp. Đến khi ký-giả đó

hỏi về đời tư của bà, bà cắt ngang câu chuyện :

— Về khoa-học, chúng tôi chỉ lưu-tâm đến vật chứ không đề ý đến người.

Thật vậy, bà không muốn ai đề ý đến bà mà cũng chẳng đề ý đến ai hết. Không phải là bà kiêu căng mà vì như vậy mới giữ được vô ích. Khi người ta là thiên-tài, đem hết cả tâm hồn ra phụng-sự nhân-loại thì người ta không cần theo quy-tắc Đắc nhân-tâm của xã-hội. Tuy nhiên, bà vẫn tỏ ra lịch thiệp, nhã nhặn :

Một lần Tổng-thống Loubet mời ông bà dự tiệc ở điện Elysée. Một bà quý phái lại gần bà, hỏi :

— Bà muốn tôi giới thiệu bà với đức vua Hi-Lạp không ?

Bà nhỏ nhẹ đáp :

— Thưa, tôi không thấy có ích gì ạ.

Rồi nhận ra được bà đó là bà Tổng-thống Loubet, Marie Curie ngượng-ngùng, vội chữa :

— Dạ... tất-nhiên rồi ạ, tôi xin tuân ý bà.

Chính-phủ Pháp tới lúc đó mới chịu tặng ông một ghế giáo-sư Đại-học thực-thụ; còn phòng thí-nghiệm ông xin từ tám năm trước để có đủ phương-tiện phụng-sự cho quốc-gia và nhân-loại thì chính-phủ chưa xét tới. Và đến năm 1905, ông chịu ứng-cử vào Hàn-lâm viện khoa-học một lần nữa thì chỉ vừa đủ thăm để được lựa, vì có tới hai mươi hai cụ hàn-bô thăm cho một người nào đó. Năm đó Pierre Curie đã bốn mươi sáu tuổi và đã hy-sinh cho khoa-học trong một phần tư thế-kỷ.

✱

Lễ Phục - Sinh năm 1906 ông bà nghỉ ngơi ở miền quê ít bữa, rồi ông trở lại Paris trước, ôm theo một bó hoa để chưng trong phòng làm việc. Hôm sau bà dắt hai người con về, thấy ông đứng đợi ở cửa sổ.

Ngày 19 tháng 4 năm 1906 ăn cơm trưa xong, ông xách dù lại đường Dauphine. Xe cộ đông, ông muốn băng qua đường, bỗng trượt chân. Có tiếng người kêu : « Ngưng lại, ngưng lại ! » Người đánh xe ghìm dây cương. Nhưng đã quá trễ. Một bánh sau của chiếc xe chở nặng sáu tấn đụng phải một vật gì rồi nghiền nát ra. Một dấu người : bộ óc của thiên tài Pierre Curie.

Thiên-hạ bu lại. Hai người cáng ông tới một tiệm thuốc, rồi tới ty cảnh-sát. Người ta xét giấy tờ của ông. Nghe tới tên ông, quần chúng phấn-nộ muốn hành-hung người đánh xe.

Khi thân-phụ ông hay tin, cụ lập đi lập lại câu :

— Nó lại mơ-mộng về cái gì nữa đây !

Sáu giờ chiều, bà Marie về, vẫn vui-vẻ. Chưa biết gì cả, tới cửa thấy có gì khác thường. Nghe ông Khoa-trưởng Đại-học Paul Appell kể lại tai nạn, bà đứng trân-trân, như mất hồn, không khóc cũng không than thở. Một hồi lâu bà mới mấp máy môi hỏi :

— Anh Pierre mất rồi à ?... Mất rồi à ?... Mất thật rồi à ?

Tới tối người ta chở di-vật cùng thầy của ông về. Chiếc đồng hồ vẫn còn đập, miếng kính không hề bể. Bà ôm thầy ông, không muốn rời ra nữa. Người nhà phải kéo bà đi.

Hôm sau bà mới khóc được.

Đám táng rất đơn-giản. Bà từ-chối mọi sự phúng viếng của nhà cầm-quyền và quốc-dân.

Trong mấy tuần lễ sau, bà thần-thờ, tâm-hồn như theo người quá-cổ, không nói năng, làm-lụng gì hết.

Chính-phủ yêu cầu bà thay chân giáo-sư Đại-học cho ông. Bà đứng dưng, láp : « Đề tôi gắng sức xem ». Rồi bà nhớ lại lời nói của ông : « Dù sao thì sao, dù chỉ còn là cái xác không hồn thì chúng ta cũng vẫn phải làm việc. » Và tiếp-tục sự nghiệp của chồng.

Ngày tựu trường năm đó, sinh-viên cùng những người trong mọi giới trí-thức xúm nhau lại ở trường Đại-học Sorbonne để nghe nữ giáo-sư đầu tiên của trường giảng bài. Theo lệ, hễ một giáo-sư nào thay chân giáo-sư khác thì buổi đầu phải có ít lời cảm ơn ông bộ-trưởng, ông khoa-trưởng và ca tụng người mình thế chân.

Cửa giảng-đường vừa mở, bà tiến lại ghế. Tiếng vỗ tay vang dậy. Bà cúi đầu chào, đợi cho phòng yên lặng rồi nói :

« Khi người ta xét những tiến-bộ về vật-lý trong mười năm nay, ... »

Bà đã lập lại đúng lời giảng cuối cùng của ông mấy tháng trước. Thính-giả đều cảm-dộng.

★

Vâng. Dù chỉ còn là cái xác không hồn thì bà cũng vẫn phải làm việc. Mà bà còn phải làm việc nhiều gấp hai trước, làm thay cả phần của chồng nữa.

Ở nhà, bà săn-sóc sự học của các con. Bà muốn cho cô Irène học rất ít nhưng rất kỹ-lưỡng. Bà gom độ một chục trẻ, mời

những giáo-sư danh-tiếng lại dạy mỗi người một môn. Đích thân bà dạy môn vật-lý cho các em đó mỗi chiều thứ năm, tập cho chúng thích khoa-học, chịu gắng sức, làm việc có phương-pháp. (Vây mà nhiều người cứ bảo rằng không có thì giờ dạy con!) Một phần nhờ cách học tập đó mà sau này có Irene thành một nhà bác-học, như đọc-giả đã biết.

Ở trường, bà dạy tăng giờ lên, vừa thay chồng dạy ở Đại học-đường Sorbonne, vừa tiếp-tục dạy ở trường Cao-đẳng nữ sư-phạm Bà lại còn điều-khiển phòng thí-nghiệm.

Fận việc như vậy mà trong bốn năm bà vẫn có thì giờ soạn được một bộ về *Tính phóng-xạ* dày non một ngàn trang, ấy là chưa kể công sắp đặt lại, sửa chữa những tác-phẩm của chồng mà bà gom lại thành một tập sáu trăm trang.

Giới khoa-học ở mọi nơi đều hướng cả về bà. Những bằng cấp tiến-sĩ danh-dự, những giấy chứng-chỉ hội-viên Hàn-lâm-viện rồi những huy-chương chất đầy các học tủ.

Chính-phủ Pháp tặng bà Bắc-dầu bội-tinh, bà từ chối. Cũng do bạn bè thúc bà phải ứng-cử vào Hàn-lâm-viện khoa-học để người ta khỏi trách mình làm cao. Nhưng trong viện chia làm hai phe, một phe không ưa bà và rút cục bà thiếu một thăm.

Tức thì các nhà bác-học Thụy-Điền như muốn sửa lại sự bất-công đó, tặng bà giải thưởng Nobel về hóa-học (1911). Để vớt lại danh-dự, chính-phủ Pháp cho cất viện Radium ở đường Pierre Curie, mời bà điều-khiển. Ngày khánh-thành viện

đó là một trong những ngày vui nhất của bà, vì thấy mộng của chồng đã thực-hiện được. Nhưng vừa cất xong thì đại-chiến thứ nhất bùng nổ.



Bà xin nhập-ngũ, tuy là để giúp Pháp mà cũng là để gián-tiếp giúp tổ-quốc vì nếu đồng-minh thắng thì Ba-Lan sẽ được trả lại tự-do.

Bà tổ chức một trạm quang-tuyến lưu-động trên khắp các mặt trận để trị bệnh trong quân-đội. Trạm gồm một chiếc xe cam-nhông chứa đủ dụng-cụ về quang-tuyến. Nhân-viên chỉ có người cầm lái và bà. Khi nào người cầm lái mắc việc hoặc đau thì đích thân bà lái lấy. Trời mưa hay lạnh cũng mặc, bà hăng-hái nhẩy xuống đường lầy để sửa xe, gỡ bánh hay chùi máy, rồi bà đích thân khuôn-vác đồ đạc. Cũng ăn bằng gào mên, cũng ngủ dưới lều vải y như lính hạng nhì vậy.

Chiến-tranh kết-liệu. Nước Ba-Lan sau nửa thế-kỷ nô-lệ lại hiện trên bản đồ thế-giới. Bà mừng vô cùng : bòn-phận công-dân của bà nay mới làm tròn được.

Nhưng sức bà đã suy — bà đã ngoài ngũ-tuần và đã lao-lực trên mười năm, từ hồi ông mất — mà số tiền dành dụm được thì đã tiêu gần hết vì sự phá giá của đồng quan. Chính-phủ Pháp cũng như chính-phủ Nga, chính-phủ Đức, sau đại-chiến, phải dùng chính-sách lạm-phát. Một ngàn quan hồi đó chỉ đủ mua một quả trứng gà, và bao nhiêu công-lao ki cốp của bà tan hết. Bà lo lắng không biết còn đủ sức nuôi con không...



Chủ-nhiệm một tờ báo ở New York, bà William Brown Meloney, suốt trong mấy năm, tìm mọi cách để tiếp-xúc Marie Curie mà không được. Sau bà ta phải cậy một nhà bác-học giới-thiệu mới được Marie Curie tiếp ở viện Radium.

Quen thấy những phòng thí-nghiệm đồ-sộ, tối-tân ở Mỹ, bà ta ái ngại khi nhìn những dụng-cụ thô-sơ của viện, bèn hỏi :

— Thưa bà, bà có cần mua sắm thêm cái gì không ?

Marie Curie đáp :

— Tôi muốn có một gam radium để nghiên-cứu, nhưng không thể mua được, vì giá đắt quá.

Về Mỹ, bà Meloney nảy ra ý quyền tiền để tặng Marie Curie một gam radium. Bà ta xin mười nhà tỉ-phú mỗi nhà giúp cho một vạn mỹ-kim, nhưng chỉ có ba nhà chịu quyền. Bà bèn hô-hào hết thấy phụ-nữ Mỹ nghèo cũng như giàu mỗi người giúp một chút, và không đầy một năm sau, bà báo tin cho Marie Curie : « Thưa bà, tiền đã kiếm được, gam radium là của bà đây ». Rồi dân-tộc Mỹ mời Marie qua thăm xứ họ để họ được tiếp rước.

Bà do dự, ngại đám đông, ngại tiệc tùng. Bà Meloney răn thuyết phục, bà phải nhận lời, năm 1921 đáp tàu qua New York.

Quần-chúng hoan-hô nhiệt-liệt, báo chí in chữ lớn ở trang đầu đề ca tụng nhà « nữ bác-học ăn bận nghèo nàn ».

Tại Bạch-Ốc, Tổng-thống Harding trao cho bà một hộp bằng chì chứa một gam radium tượng-trưng, còn miếng radium thực thì để ở xưởng vì sức phóng-xạ của nó rất nguy-hiêm. Bà nhận với điều-kiện là trên giấy tặng không đề tên bà mà đề tên

phòng thí-nghiệm của bà, như vậy cho mọi người thấy rằng gam radium đó không phải là tặng riêng bà.

Rồi bà đi thăm các trường Đại-học, các viện thí-nghiệm. Hàng núi bông chắt ở dưới chân bà, hàng chồng điện tín nằm trên bàn bà.

Sau lần viễn-du đó bà tự thấy không có quyền được giam mình trong phòng thí-nghiệm nữa. Danh bà lớn quá, khắp giới khoa-học đều ngưỡng-mộ thì bà phải đi xứ này xứ khác để khuyến-khích sự tìm tòi, khảo-cứu. Hết này Châu-Âu đều tranh nhau đón bà đến diễn-thuyết và dự những hội-nghị khoa-học.

Ở Ba-lan, dân-chúng kẻ góp công người góp của dựng lên một viện radium và đặt tên là viện Marie Sklodowska-Curie. Viện cất xong nhưng thiếu tiền để mua một gam radium. Bà lại hướng về Mỹ nhờ bà Meloney giúp sức và dân-chúng Mỹ lại tặng bà một gam radium nữa.

Còn ở Pháp ? Năm 1922, ba mươi lăm ông hàn ở Hàn-lâm-Viện y-học ký tên trên một bản thỉnh nguyện xin viện bỏ thủ tục, bầu cử bà vào viện mà không buộc bà phải ra ứng-cử. Toàn-thể viện hoan-hô ý-kiến đó, làm cho các ông hàn ở Hàn-lâm-Viện khoa-học bẽ mặt.

Năm sau, Chính-phủ ký một đạo luật tặng bà một phần thưởng quốc-gia, một số lợi-nhuận là bốn chục ngàn quan mỗi năm, có thể chuyển qua hai người con của bà là Irène và Eve Curie.

Năm sáu mươi lăm tuổi, sức đã suy nhiều mà bà vẫn làm việc mười hai hay mười bốn giờ một ngày. Nhiều người khuyên quá, bà chịu nghỉ-ngơi một chút, kiếm một tập thư hay một tiểu-thuyết để

đọc, nhưng chỉ độ nửa giờ lại bỏ sách xuống, cầm bút chỉ ghi chép những bài tính, những thí-nghiệm. Có đêm hai ba giờ sáng bà còn thức. Trong mười lăm năm, từ hồi đại-chiến kết-lưu, bà bố-cáo được ba mươi một công-trình nghiên-cứu, bà viết một cuốn tiểu-sử cho chồng, tức cuốn *Pierre Curie* do nhà Denoël xuất-bản.

Năm 1920 hai con người của bà đục lìa lìa, trông cái gì cũng thấy mờ mờ như sau một lớp sương. Bác-sĩ lo sẽ thành bệnh đui. Bà cương-quyết chống với bệnh và dặn người nhà không cho ai biết để báo chí khỏi loan tin.

Tới nhà thương, bà mượn một tên giả là Carré và huộc các y-sĩ phải gọi bằng tên đó. Đi đâu cũng phải có người dắt, vậy mà vẫn không bỏ một buổi nào ở phòng thí-nghiệm. Bà phải dùng kính hiển-vi để nhìn và những cộng-sự viên thân-tín phải viết chữ thật lớn cho bà đọc. Các nhà giải-phẫu mổ mắt bà bốn lần, đến năm 1930 bà qua được tai nạn.

Có lần bà thất-vọng, muốn về nhà quê nghỉ ngơi, làm vườn, nhưng không được; cả ngàn công việc ở viện mui chặt bà lại, bắt bà phải làm việc tới khi chết. Những nhà hảo-tâm khắp nơi gởi tiền về biếu viện như ông Rockefeller, ông Henri de Rostchild, hai anh em ông Lazard. Cảm động nhất là một người nào đó đã tặng viện ba triệu bốn trăm ngàn quan mà tìm đủ cách để giấu tên. Rồi biết bao nhà bác-học trẻ tuổi ở thế-giới liên-lạc với bà, nhờ bà chỉ-bảo dắt-dẫn. Như vậy thì làm sao mà về vườn được, mặc dầu tuổi đã trên lục tuần? Biết rằng mình không còn sống được bao lâu nữa, bà lại còn lo cho tương-lai của viện, thường than-thở với người thân: « Tôi chết đi,

không biết viện sẽ ra sao. » Vì đã có ai thay thế bà được đâu. Sự hiểu biết, kinh-nghiệm của bà về chất phóng-xạ đã tới một mức mà còn phải lâu lắm mới có người theo kịp.



Cuối năm 1933, chiếu điện thấy một cục sạn lớn ở trong trái mật, bà đành phải nghỉ ngơi ít lâu, dự-định cắt một biệt-thự ở Sceaux để dưỡng-lão. Nhưng chưa kịp thì bà đã ngộa bệnh lên cơn sốt hoài. Mới đầu bà chưa chịu đi bác-sĩ, bảo: « Làm phiền các ông ấy quá, trả tiền thì các ông ấy không chịu nhận ». Và vẫn mỗi ngày hai buổi tới viện Radium.

Sức đã quá suy, bà phải nằm liệt giường. Các bác-sĩ mò bệnh không ra: người thì cho là bệnh cúm, người thì bảo là đau cuống phổi. Rọi kiếng hai lần, có kẻ ngờ là lao phổi: hồi xưa thân-mẫu bà chẳng chết vì bệnh ấy ư? Nóng lên tới bốn mươi độ. Hồng huyết-cầu mất đi một cách rất mau. Vẫn không ai biết là bệnh gì. Trong cơn mê sảng bà nhắc tới những tên radium và mésothorium.

Sau cùng khi bà mất rồi (tháng bảy năm 1934) các y-sĩ mới đoán được bệnh: bà bị chất phóng-xạ hại. Đúng như lời giáo-sư Regaud, bà là nạn nhân của những chất mà chính ông bà đã tìm ra được.

Theo lời trời trăng của bà, đám táng rất đơn-giản, như đám táng của ông. Bà yên nghỉ ở chung một huyệt với ông, và dưới hai hàng chữ:

PIERRE CURIE

1859 — 1906

người ta khắc thêm hai hàng này nữa:

MARIE CURIE — SKLODOWSKY

1867 — 1934

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

NAM BĂNG - CẦU

(L'ANTARCTIQUE)

THUỘC VỀ AI ?

(Tiếp theo B. K. số 60)

★ TIỂU-DÂN



Người ta đang toan tính viết lên băng tuyết của Nam-băng-cầu những nét màu thời-sự. Ngày mai đây vì các lợi-ích khoa-học, chính-trị, kinh-tế và quân-sự của con người, vết trắng trên bản đồ sẽ biến sắc thế nào ?

Muốn giải đáp câu hỏi này, xin các bạn hãy giữ lại :

Vài trang lịch-sử

Theo sử-liệu đáng tin thì vào hậu bán thế-kỷ 17, người ta đã bắt đầu thám-hiểm Nam băng-cầu. Nhưng bấy giờ, dư-luận chung không mấy đề ý đến phần đất xa-xôi này và chính những người đầu-tiên đặt bước tới địa-vực này như vị sĩ-quan hải-quân trứ-danh James Cook cũng không hề nghĩ đến quyền chiếm-lãnh đất-đại mới.

Qua thế-kỷ 19, có những đoàn người lui tới miền duyên-hải Nam băng-cầu săn cá voi và rái cá. Những người này cũng không nghĩ đến một lợi-ích nào xa-xôi hơn lợi-ích nghề-nghiệp của họ.

Nói cho đúng, các nước Anh, Pháp, Na-uy, Úc-đại-lợi, Nouvelle-Zélande, Argentine và Chili có sáp-nhập vào quốc-thò của họ một ít đất-đại nhưng đây chỉ là

một số đảo nhỏ, có khi là những khối đá lớn nổi lên trên mặt nước Nam băng-dương.

Cũng có lúc người ta cắm lên những cây quốc-kỳ, hoặc chôn tại nơi này, nơi khác, những giấy tờ chứng-minh sự đặt chân đầu-tiên đến khu-vực Nam băng-cầu. Sự thật không cá-nhân hay quốc-gia nào thiết-tha đến việc sử-dụng ưu-thế và quyền-lợi của họ.

Sự tranh-chấp giữa các quốc-gia về Nam băng-cầu phát-khởi vào năm 1908, khi Anh-quốc tuyên-cáo chủ-quyền về bán-đảo Graham. Vào khoảng thời-gian từ 1920 đến 1930 — không nhớ rõ năm nào — Anh-quốc lại chiếm-lãnh thêm hai khu-vực nữa ; một trong hai khu-vực này về sau được giao qua cho Nouvelle-Zélande. Đến năm 1933, Úc-đại-lợi xác-

nhận chủ-quyền đối với phần đất đã khám-phá. Qua năm 1938, Pháp chính-thức sáp-nhập khu-vực có tên Terre Adélie vào lãnh-thò hải-ngoại. Năm sau, 1939, Na-uy chiếm một khu-vực rộng rãi còn lại.

Những việc chia phần mầu mỡ Nam băng-cầu đã gây nên ít nhiều sóng gió trong trường giao-tế giữa một số quốc-gia. Chẳng hạn vấn-đề Chủ-quyền bán-đảo Graham và các vùng phụ-cận. Ba nước, Anh, Argentine và Chili tranh-chấp với nhau. Đã có lần một pháo-thuyền Argentine và một đồn binh Anh-quốc nổ súng bắn lộn. Bấy giờ người Anh đề-nghị đưa vấn-đề ra trước tòa-án quốc-tế La Haye nhưng Argentine và Chili cùng phản-đối. Ngay giữa Argentine và Chili, cũng có sự xung-đột về quyền-lợi đất-đai ở Nam băng-cầu nhưng họ đã thỏa-thuận với nhau để tạm gác việc giải-quyết, hầu chung sức đấu-tranh chống lại kẻ địch mạnh hơn là Anh-quốc. Về sau, ba quốc-gia ấy đã đi đến chỗ ký-kết một thỏa-ước qui-định rằng tự hậu họ sẽ không dùng đến biện-pháp vũ-lực để giải-quyết các vấn-đề tranh-chấp. Từ năm 1948 đến nay, thỏa-ước này cứ được gia-hạn về hiệu-lực, hết năm này qua năm khác ; cho nên, mãi đến bây giờ, chưa có sự đụng độ nào đáng tiếc xảy ra ở các vùng biên-giới lạnh-lẽo tại Nam băng-cầu, có thể làm cho băng rã, tuyết tan.

Bên cạnh khu-vực Graham bị tương-tranh gay-gắt, có một khu-vực khác chẳng có quốc-gia nào đòi hỏi. Khu-vực này nằm giữa phần có tên Glacón de Ross và bán-đảo Graham. Các quốc-gia đều xem khu-vực ấy, về nguyên-tắc, được để dành cho Hoa-Kỳ vì Hoa-Kỳ là quốc-gia độc-nhất

đã tổ-chức việc thám-hiềm khu-vực này, ở cả duyên-hải lẫn nội-địa.

Nhưng ngay từ buổi đầu, Hoa - Kỳ không bao giờ lên tiếng xác-định chủ-quyền của họ đối với lãnh-thò này.

Lập-trường của Hoa-Kỳ là không có một yêu-sách gì về đất-đai tại Nam băng-cầu và — điều càng quan-trọng — cũng không chấp-thuận một yêu-sách nào về đất-đai của bất-cứ quốc-gia nào, đối với Nam băng-cầu. Cho nên, khi sửa-soạn phát-động Năm vật-lý học quốc-tế, Hoa-Kỳ đã yêu-cầu rằng những bản đồ về Nam băng-cầu ấn-hành phát cho các quốc-gia tham-dự công - cuộc nghiên - cứu khoa - học, sẽ không ghi ranh giới các vùng do một số quốc-gia chiếm-lãnh.

Tuy-nhiên, dư-luận giới am-hiềm thời-cuộc cho rằng thái-độ của Hoa-Kỳ đối với Nam băng-cầu đã trải qua ít nhiều thay đổi.

Ban đầu, các nhà hữu-trách Hợp-chúng-quốc, đặc-biệt các nhà chiến-lược, không quan-tâm mấy đến địa-vực băng-tuyết xa-xôi ấy. Về sau này, thái-độ trên đã đổi thay. Dưới thời tổng-thống Roosevelt, Nam băng-cầu sự-vụ chỉ gồm có ba phòng nhỏ dưới mặt đất, tại kinh-đô Hoa-thịnh-đốn. Sau này, sở ấy đã trở nên quan-trọng với một bộ máy lớn - lao về nhân - viên chuyên-trách kỹ-thuật và khoa-học.

Ngày trước, ông Cordell Hull, chính-khách đã từng giữ các trách-vụ quốc-vụ khanh, ngoại-trưởng, có soạn-thảo một số chương - trình, kế-hoạch cụ-thể đối với Nam băng-cầu. Những chương-trình, kế-hoạch ấy đã lần lượt bị đình-hoãn việc thi-hành vì lý-do chiến - tranh, và bị những người kế-nhiệm ông Cordell Hull bác-bỏ.

Trên thực-tế, bấy giờ người ta chưa quyết-định gì cả về công việc phải làm tại Nam băng-cầu.

Chỉ sau này, khi dư-luận thế-giới xao xuyến, hướng về Nam băng-cầu, Hoa-Kỳ mới có một thái-độ tích-cực hơn, cụ-thể là quyết-định duy-trì những căn-cứ nghiên-cứ của Hoa-Kỳ tại Nam băng cầu dù rằng Năm vật-lý học quốc-tế chấm dứt.

Nhưng thái-độ của Hoa-Kỳ đối với cuộc tranh-chấp giữa các quốc-gia về chủ-quyền tại các khu-vực chiếm-lãnh ở Nam băng-cầu, vẫn chưa rõ-rệt và dứt-khoát.

Không phải vì Hoa-Kỳ chưa nghĩ ra một giải-pháp nào đối với tình-hình Nam băng-cầu, mà chính vì họ đang phải băn-khoăn trước

Bốn giải-pháp

Cách đây mười một năm, nhưn đã xảy ra vụ pháo-thuyền Argentine và đồn binh Anh-quốc tại Nam băng-cầu bắn nhau, bộ ngoại-giao Hoa-Kỳ có lên tiếng, đề-nghị quốc-tế hóa Nam băng-cầu bằng một hình-thức nào đó. Sau lời tuyên-bổ ấy, bộ ngoại-giao Hoa-Kỳ không có một sự vận-động nào cả và Anh cũng như A-căn-đình cũng đều cương-quyết bác-bỏ điều khuyến-dụ có giá-trị kia.

Hiện nay thì tại Hoa-thịnh-đốn dư-luận giới hữu-trách cũng như công-chúng bàn tán về bốn giải-pháp có thể làm cơ sở cho chính-sách của Hoa-Kỳ đối với Nam băng-cầu.

Giải-pháp thứ nhất là Hoa-Kỳ chính-thức tuyên-cáo chủ-quyền trên địa-vực của Nam băng-cầu gồm có miền Terre-Marie Byrd và cao-nguyên Ellsworth, vốn đã được các nhà thám-hiềm Hoa-Kỳ Byrd và Ella-

worth khám-phá. Nếu theo giải-pháp này, Hoa-Kỳ sẽ trở thành một trong những quốc-gia có chủ-quyền lãnh-thò tại Nam băng-cầu và như vậy, về nguyên-tắc, Hoa-Kỳ sẽ phải thừa-nhận những yêu-sách đăt-dại nơi đây của các quốc-gia khác.

Giải-pháp thứ hai là Hoa-Kỳ sẽ chiếm-lãnh khu-vực ấy nhưng, về mặt quản-trị, sẽ cùng với *Nouvelle-Zélande*, tổ-chức một hình-thức cộng-đồng theo nguyên-tắc cộng-đồng chủ-quyền lãnh-thò. Xứ *Nouvelle-Zélande* chiếm đóng một khu-vực sát khu-vực Hoa-Kỳ về phía Tây, mà trung-tâm điểm là Glacón de Ross. Muốn vào khu-vực Hoa-Kỳ phải đi qua trung-tâm điểm này của khu-vực *Nouvelle-Zélande* và lại người Mỹ hiện có hai căn-cứ nghiên-cứ khoa-học tại Glacón de Ross của *Nouvelle-Zélande*. Như vậy, nếu Hoa-Kỳ cùng với *Nouvelle-Zélande* thỏa-thuận được để thực-hiện cộng-đồng chủ-quyền lãnh-thò thì đó là một điều hay.

Hay, vì qui-chế ấy không đến nỗi xung-đột nhiều lắm với truyền-thống chống đế-quốc thực-dân của người Mỹ.

Giải-pháp thứ ba đã từng được ông Cordell Hull đề-cập ngày trước. Những người chủ-trương giải-pháp này dựa vào chủ-nghĩa Monroe (1) cho rằng nên mở-rộng phạm-vi thực-hiện chủ-nghĩa này về phía Nam, bao-quát cả những khu-vực Nam băng-cầu gần lục-địa Mỹ-châu nhất. Người ta nhắm nhiều nhất vào bán-đảo Graham vốn rất quan-trọng về chiến-lược,

(1) Ông Monroe là một vị Tổng-thống thứ năm của Hoa-Kỳ. Ông giữ trách-vụ Tổng-thống từ năm 1817 đến năm 1825. Ông chủ-trương châu Mỹ biệt-lập, châu Âu không can-thiệp vào nội-bộ châu Mỹ, châu Mỹ không can-thiệp vào nội-bộ châu Âu

theo giải-pháp ấy thì các địa-vực kia sẽ được sáp nhập vào Châu Mỹ, sẽ được đặt dưới chủ-quyền của các nước Mỹ-châu, hoặc dưới chủ-quyền của một nước đại-diện tất cả các nước Mỹ-châu.

Chương-trình, kế-hoạch của ông Cordell Hull như thế đã không có được sự hưởng-ứng nào trước kia. Nhưng bây giờ thì dư-luận lại bàn-tán đến một cách đậm-đà.

Cuối cùng giải-pháp được đề-nghị là quốc-tế hóa Nam băng-cầu và các đảo duyên-hải, bằng một hình-thức sẽ được qui-dịnh sau.

Tháng hai năm 1950, chính Anh quốc đã đột-nhiên lên tiếng, nhắc lại giải-pháp « quốc-tế hóa ». Hành-động trên chứng-tỏ rằng Anh đã từ bỏ chính-sách cũ đối với Nam băng-cầu. Tuy-nhiên, qua ý-kiến được đưa ra, người ta cũng không rõ công cuộc quốc-tế hóa sẽ được thực-hiện dưới hình-thức nào.

Nhiều người nghĩ rằng có lẽ hình-thức quốc-tế hóa Nam băng-cầu là chế-độ Liên-hiệp-quốc kiểm-soát, nhờ một cơ-quan hiện có hay sẽ thành-lập, đại-diện thi-hành. Người ta không quên rằng năm 1956, Ấn-độ đã đệ-trình trước Đại hội-đồng Liên-hiệp-quốc một dự-án chương-trình, nếu chưa phải quốc-tế hóa thì cũng là trung-lập hóa Nam băng-cầu. Theo chương-trình này, tất cả hành-động quân-sự, kể cả những vụ thí-nghiệm vũ-khí nguyên-tử, phải bị cấm chỉ : Nam băng-cầu sẽ được đặt dưới quyền sử-dụng của tất cả quốc-gia trên thế-giới, nhằm phục-vụ lợi-ích khoa-học mà thôi.

Người ta thấy rằng những ý-kiến trên của Ấn-độ có thể bổ-ích cho việc giải-quyết thỏa-đáng vấn-đề Nam băng-cầu sau này vậy.

Bốn giải-pháp làm cho Hoa-Kỳ băn-khoăn cũng là những giải-pháp mà các quốc-gia khác đang bận tâm đến. Sự lo lắng chung càng sâu đậm khi trên thế-trận chưa ngã ngũ, bỗng-nhiên xuất-hiện

Một con cờ mới

Đó là, chắc bạn đã đoán ra, sự can-thiệp của Liên-xô vào Nam băng-cầu.

Sự can-thiệp này được biểu-hiện bằng hai đường-lối : khoa-học và ngoại-giao.

Theo giới hữu-quyền nhận-định, Liên-xô đã tích-cực hoạt-động tại Nam băng-cầu, trong khuôn-khò chương-trình Năm vật-lý học quốc-tế. Họ đã thiết-lập tại miền duyên-hải một trung-tâm nghiên-cứu khoa-học quan-trọng, trang-bị đầy đủ, và trong nội-địa, nhiều căn-cứ nghiên-cứu khác nhỏ hơn. Tất cả cơ-sở tổ-chức của Liên-xô đều nằm trong khu-vực mà Úc-đại-lợi nhận có chủ-quyền. Ngoài ra, một tàu phá băng của Liên-xô tổ-chức mọi việc thám-sát, nghiên cứu ngoài khơi Nam băng-dương.

Và cũng chính Liên-xô đã cùng với Hoa-Kỳ đề-nghị duy-trì những trung-tâm nghiên-cứu khoa-học tại Nam băng-cầu, sau khi Năm vật-lý học quốc-tế chấm dứt.

Về ngoại-giao, Liên-xô đã chính-thức tuyên-bố rằng họ sẽ không thừa-nhận bất cứ giải-pháp quốc-tế nào đối với vấn-đề Nam băng-cầu, nếu họ không được tham-dự bàn bạc trước. Qua thái-độ này, Tây-phương nhận-định rằng Liên-xô nhắm vào một trong hai mục-tiêu : đòi một khu-vực được dành riêng cho họ hoặc đòi một chế-độ quốc-tế hóa Nam băng-cầu trong đó họ có thềm quyền bàn-cái, định-đoạt.

Như thế, con cờ Liên-xô làm cho vấn-đề Nam băng-cầu thêm phức tạp vì sự có mặt của nó đã tạo ra

Một tình-thế mới

Liên-xô có mặt thường-trực tại Nam băng-cầu với những trung-tâm nghiên-cứu khoa-học, những đài phát-thanh, cơ-cấu điện-lực, hệ-thống ra-đa, với những tàu phá băng ở hải-cảng và máy bay tại phi-trường làm trên băng giá. Liên-xô kiểm-soát một căn-cứ chiến-lược ở ranh bờ đại-lục băng giá cực Nam địa-cầu, đó là tình-thế mới làm cho các quốc-gia dân-chủ Tây-phương phải lo âu.

Một điều nên dự-kiến là rồi đây những căn-cứ của Liên-xô tại Nam băng-cầu có thể không còn thuần-túy các tính-chất khoa-học và hòa-bình. Nếu những giàn phóng hỏa-tiến được thiết-lập tại đây thì người ta có thể đe-dọa an-ninh cả vùng Nam bán-cầu. Nếu thiết-lập tại đây những căn-cứ tiềm-thủy đình thì người ta có thể ngăn-trở những con đường giao-thông hàng-hải quan-trọng qua Cap Horn, Cap de Bonne Espérance. Giả-sử có trường-hợp kênh Panama bị phá-hoại, không dùng được, thì tàu bè giao-thông giữa Đại-Tây-Dương và Thái-Bình-Dương, giữa các miền duyên-hải Đông và Tây Mỹ-châu, chỉ có thể đi qua Cap Horn. Mà từ địa-cầu Nam băng-cầu Terre de Graham, đến Cap Horn, chỉ xa cách có một eo biển nhỏ. Nơi này có thể trở thành một trung-tâm quan-yếu về chiến-lược vậy.

Nhưng quốc-gia lo-ngại hơn hết về sự có mặt của Liên-xô tại Nam băng-cầu là Úc-đại-lợi.

Căn-cứ nghiên-cứu khoa-học của Liên-xô tại Mirny, nơi miền duyên-hải Nam

băng-cầu, đối diện đúng với miền duyên-hải phía Nam Úc-đại-lợi. Dù có sự cách xa 3.000 cây số, người ta thấy khoảng cách xa ấy không nghĩa lý gì đối với thời-kỳ hỏa-tiến. Nếu chiến-tranh xảy ra giữa Liên-xô và Úc-đại-lợi thì từ căn-cứ tại Nam băng-cầu, Cộng-sản có thể tàn-phá các thành-phố như Melbourne, Adélaïde, Canberra và Sydney, trong khi Úc-đại-lợi không có phương-tiện triệt-hạ căn-cứ Cộng-sản bên kia.

Cho nên người Úc đã tỏ một thái-độ không sốt-sắng lắm đối với đề-nghị kéo dài Năm Vật-lý hóa quốc-tế. Và Úc-đại-lợi là một trong những quốc-gia nhiệt-liệt ủng-hộ những đề-nghị nhằm bảo-đảm cho Nam băng-cầu tính-chất phi quân-sự và ký-kết một thỏa-ước quốc-tế qui-định rạch ròi những hoạt-động của các quốc-gia tại đây : thám-hiêm, nghiên-cứu khoa-học, cư-dân một cách hòa - bình, khai-thác nguyên - liệu, tổ-chức thể-thao và du-lịch.

Tình-thế mới của Nam băng-cầu thúc-đẩy các nhà chính-trị ngoại-giao hướng sự hoạt - động về mục - tiêu « quốc-tế hóa. »

Tuy-nhiên, ai cũng phải nhận rằng đạt cho được những thành-quả công-bình và lợi-ích thiết-thực cho nhân-loại, thật là điều khó khăn.

Khó-khăn vì vấn-đề với những yếu-tố và phương-diện mới kể như mới bắt đầu được xem xét.

Lại vì các quốc-gia chưa có những ý-kiến cụ-thể và có hệ-thống đề góp sức hiệu-quả giải đáp câu hỏi đặt ra là :

Quốc-tế hóa như thế nào ?

Nói rõ hơn, có nhiều câu hỏi cần được giải-đáp thanh-thỏa để làm cơ-sở cho việc ấn-định một chế-độ quốc-tế hóa Nam băng-cầu.

Chẳng hạn, nếu thành-lập một ủy-ban Liên-hiệp-quốc quản-trị Nam băng-cầu thì những quốc-gia nào có quyền cử đại-diện tham-gia thành-phần ủy-ban ấy ? Phải chăng những nước đã có người đặt chân trước hơn thiên-hạ đến Nam băng-cầu, như Anh, Pháp, Úc-đại-lợi, Nouvelle-Zélande, Na-uy, Argentine, Chili ? Nếu thế thì phải xử-trí ra sao đối với một số quốc-gia khác như Nhật-bồn, vốn có nhiều quyền-lợi tại Nam băng-dương (dánh cá và săn cá voi) và đã có một đoàn thám-hiềm hoạt-động trong khuôn-khổ chương-trình Năm vật-lý học quốc-tế tại Nam băng-cầu, như các quốc-gia Nam-Phi có quyền sở-hữu về một số đảo tại Nam băng-dương, như Bỉ, vốn đã nhiều lần tổ-chức thám-hiềm Nam băng-cầu, như Đức, đã tự có sáng-kiến riêng phái đến Nam băng-cầu ba đoàn thám-hiềm ?

Và dưới chế-độ quốc-tế hóa thì sẽ được giao về cho ai quyền kiểm-soát những căn-cứ khoa-học, nghề-nghiệp hiện có của một số quốc-gia như căn-cứ đánh cá voi của Anh tại Nam Georgie, đài thiên-văn của Argentine trên đảo (île des) Eléphants hay căn-cứ nghiên-cứ khí-tượng hữu-danh của Úc-đại-lợi trên đảo Macguarie, vốn đang đóng một vai trò quyết-định trong việc giao-thông hàng-hải ở Nam Thái-bình-dương ?

Đó là chưa nói đến thể-thức kiểm-soát, đường-lối giải-quyết các vụ tranh-chấp và thi-hành các quyết-nghị chung.

Bao nhiêu vấn-đề khó-khăn, phức-tạp

mà các quốc-gia yêu-chuộng hòa-bình, công-lý phải nhận trách-nhiệm góp sức giải-quyết vậy.

... Ngày kia, một thi-nhân và một chiến-sĩ tìm đến một nông-dân và bảo anh : « Chúng ta thiếu đất sống ! ».

Truyện ngắn được ca-tụng của nhà văn Do-thái Missino Aloni không dẫn đến sự khám-phá Nam băng-cầu, tuy nội-dung có thể-hiện, về một mặt nào, khát-vọng của loài người vươn đến những khoảng đất trời cao rộng.

Nhưng truyện của Missino Aloni đã kết-thúc trong đau buồn : người nông-dân bị hai bạn đồng-hành hiến dâng cho quái-vật ngăn đường ăn thịt, còn thi-nhân và chiến-sĩ cứ đi, đi mãi, không dám trở về, cũng không hi-vọng tìm ra được nơi gọi là « đất sống » bên kia sông.

Cho đến ngày nay, người sống đã có những bước thành-công hơn người trong truyện : nhân-loại đã tới được và hơn thế, đang bám vào một đất sống mới, đầy hứa-hẹn vui lành.

Chắc-chắn rằng tuyết băng lạnh-lẻo của Nam băng - cầu không đủ hiềm - nguy như con quái-vật trong truyện, để làm chùn bước con người đi tìm sự sống.

Nhưng còn những ý-thức lợi quyền cá-nhân, tập-đoàn, hẹp-hòi, tư-kỷ, đầu mồi bao nhiêu vụ xung-đột, tương-tranh ?

Không hiểu nhân-loại có đủ sức đề-chiến - thắng dễ - dàng thứ quái - vật thời nguyên-tử ấy chăng, trong những ngày gần ?

TIÊU - DÂN

Dựa tài liệu :

« L'Antarctique

No man's land, colonie ou République Internationale ? »

của ký-giả Hans Steinitz, đăng trong tạp-chí Đức Aussenpolitik, tháng 7 năm 1958 (bản dịch tiếng Pháp).

HỌC CHỮ NƯỚC NGOÀI

★ ĐOÀN-THÊM



— To-to est ma-la-de, thằng Tô-tô thì ốm... To-to est ma-la-de, thằng Tô-Tô...

Bé Thi, 6 tuổi, lớp 11 - B, tay cầm sách vở lòng « Toto et Lili », mắt nhìn trần, mồm kêu văng vẳng vần đề cổ thuộc lòng.

Quảng nghe con học, tự hỏi : học thế này rồi đi đến đâu ?

... Rồi như anh Tổ nó, đương hí-hục chép bài ngu-ngôn Con Cò và Con Cáo của La Fontaine, hoặc như chị Thúy đương thè lưỡi rụt lưỡi tập nói mãi tiếng « The » trong bài Anh-Văn. Nhưng rồi sao nữa ?...

Quảng hồi tưởng lại, nhớ mình ngày xưa cũng gân cổ gào như con :

— J'ai deux grandes vaches dans mon étable (tôi có hai con bò cái trong chuồng của tôi).

Chắc khi đó cụ Tú Cả cũng thắc mắc như Quảng lúc này, về kết-quả sự học và tương-lai cáo cháu, nên Cụ đã thốt ra câu :

— Ủ, mày học thế này rồi làm nên ông Phan đấy. Nhưng mày học xong bài con bò thì lấy quyền « Lén Tám » đọc đi.

Vì thế Quảng đã có dịp thưởng-thức văn Tản-Đà :

— Chữ Quốc-ngữ
Chữ nước ta,
Con cái nhà,
Đều phải học...

Thấy Quảng đọc ngắc ngứ, Cụ lại bảo :

— Đấy mày xem, chữ nước Nam mình thì mình phải học cho thông đã, rồi mới học chữ nước ngoài, biết tiếng Tây cho đủ dùng mà thôi, chớ nghĩa lý gì...

Quảng không nhớ có phải mình đã chịu một phần nào ảnh-hưởng của Cụ Tú không. Dù sao, dưới thời ngoại-thuộc, Quảng và nhiều bạn vẫn ước mong rằng Quốc-Ngữ mỗi ngày một tiến-bộ và dùng để giảng dạy tất cả các môn học. Thế-hệ Quảng đã coi sự chấn-hưng quốc-văn và truyền bá quốc-ngữ như điều-kiện tối yếu để duy-trì và phát-triển tinh-thần quốc-gia qua các sách báo Pháp, cũng thấy nhiều nước khác ở Á-Đông bị người da trắng thống-trị, đều có nguyện-vọng tương-tự.

Cho nên Quảng đã tưởng rằng một khi thu hồi độc-lập rồi, các dân-tộc này sẽ chỉ học tiếng mẹ đẻ. Nhưng không, tiếng

Âu-Châu vẫn được học nhiều và hơn nữa, còn được Hiến-pháp nhiều nước công-nhận là chánh-thức dùng làm chuyên ngữ chứ không những là sinh-ngữ mà thôi như ở Việt-Nam (1).

Vì ngoài lý-do đặc-biệt là nhiều xứ chưa có quốc-ngữ duy-nhất như Việt-Nam, còn nhiều lẽ khiến cho các thứ tiếng phương-tây được tiếp tục phổ biến : các nước mới độc-lập cần tổ-chức ngoại-giao, liên-lạc với các quốc-gia trên hoàn-cầu về mọi phương-diện chánh-trị, kinh-tế... ; dân-chúng giao dịch nhiều hơn với ngoại-nhân, và nghiên-cứu kỹ-thuật, khoa-học tư-tưởng Âu Mỹ để bồi bổ cải tiến văn-hóa cổ-truyền

Riêng về Việt-Nam, hiện nay ta đã phải đặt 19 tòa Đại-sứ và Lãnh-sự ở các xứ, và sự khuếch-trương bang-giao còn đòi hỏi một số đông nhân-viên mọi cấp ; các hội-ng nghị quốc-tế mà ta phải tham dự hàng năm chừng 70, 80 lần, chưa kể những vụ xuất-ngoại theo lời mời của nhiều cơ-quan chánh-quyền hay đoàn-thể tư-nhân.

Song các trường Đại-học của ta chưa được tổ-chức hoàn-bị, để có đủ phương-tiện đào tạo số chuyên-viên cần-thiết ở mọi ngành hoạt-động, tuy quốc-gia đương cố thực-hiện gấp nhiều chương-trình kiến-thiết lớn lao. Vì thế, với sự viện-trợ của các nước bạn, của các cơ-quan quốc-tế, Việt-

Nam đã gửi và sẽ gửi ra ngoại-quốc một số công-chức và sinh-viên, càng nhiều càng hay (2).

Song muốn du học, điều-kiện tối yếu là thông thạo ngoại-ngữ : Pháp, Anh, Đức, Ý v.v...

Tóm lại, sinh-ngữ cần hơn bao giờ hết. Vì hiều như vậy, nên các giới trí-thức và nhất là thanh-niên, ngoài chữ Pháp, càng ngày càng xô vào học chữ Anh, chữ Đức... Nhiều cơ-quan giảng dạy Anh-ngữ đã được thiết-lập, như Trường Sinh-Ngữ, Trung-Tâm Thị-Thính Anh-Ngữ ; các lớp của Viện-Trợ Mỹ, của Phòng Thông-Tin Anh, của Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh, thu hút rất nhiều học-sinh : công-chức, sinh-viên, thương-gia, phụ-nữ... Rất nhiều người đón nghe những bài giảng Anh hay Pháp-văn của đài phát-thanh B.B.C. Ở nhiều đường hẻm Saigon, cũng thấy treo biển : dạy Français và Anglais. Sách báo Anh Pháp la liệt trong các nhà sách và trên các sạp vỉa hè, chiếm rất nhiều chỗ của tác-phẩm Việt-Nam. Các đĩa hát bài học tiếng Anh, như Assimil và Lingua-phone bán rất chạy tuy giá hàng ngàn.

Các mục-dích kể trên đều chính đáng, song đã khác hẳn khi Quảng còn đi học : cố học sinh-ngữ để đáp lại nhu-cầu của Quốc-gia, chứ không phải chỉ để thi đậu lấy bằng cấp tiến thân. Như vậy, các con Quảng có thể học theo lối lối cách-thức của Quảng, và các bạn thời trước không ? Thế-hệ Quảng đã gặp những khó khăn gì ? và nếu có, thì làm thế nào cho lớp người trẻ tuổi hiện nay tránh khỏi dễ thâm lượm kết-quả chóng và nhiều hơn ?

(2) Từ 1955 đến cuối tháng 4-1959, đã có 972 sinh-viên đi học chuyên-môn ở 18 nước (Hội-đồng Du-học đã thông cáo).

(1) Chữ Anh được coi là chánh-thức, trong hạn 15 năm từ ngày ban bố Hiến pháp (Hiến-pháp Ấn-Độ, điều 343) hoặc trong 20 năm (H.P. Quốc-Hội, điều 214) trong 10 năm (H.P. Mã-Lai điều 152). Nhưng sau đó, nếu xét ra cần, thì Quốc-hội vẫn có thể tiền hạn. Theo Hiến-pháp Phi-Lật-Tân điều 14 thì tiếng Anh và tiếng Y-Pha-Nho được dùng cho tới bao giờ Quốc-hội quyết-dịnh bỏ, nghĩa là vô hạn.

Ở phạm-vi ngoại-ngữ, Quảng đã từng thấy nhiều hạng người : người học chữ Pháp rất kém, — người nói được nhưng viết chẳng thành văn, — người đọc thì hiểu nhiều, nhưng nói và viết đều tầm thường ; người viết thạo nhưng nói không thạo ; người nói giỏi viết hay. Tình-trạng đó, càng lên cấp trên càng thấy rõ

Ất thuộc hạng thứ nhất : thi thành-chung ba năm đều trượt, rút cuộc đành phá ngang kiếm nghề, vì Pháp-văn thiếu quá nhiều điểm ; sỡ dĩ Ất đã ngoi lên tới cao-dẳng tiểu-học, là nhờ ở các bài khác học cố và khá hơn. Trong khi bạn Thanh nhất lớp đã giải-thích và phê-bình được câu cách-ngôn với lời văn lưu loát sáng sủa, thì Ất làm câu văn thiếu động-từ, hay có động-từ mà ngó trước ngó sau chẳng thấy chủ-từ đâu cả, đến nỗi thầy giễu mái là « Ất je l'école » (tôi nhà trường, khi phải nói : tôi đến trường). Ất cũng chịu khó nhớ nhiều ngữ-vựng, song trong bài luận, thường chỉ xử-dụng được có hai động-từ quanh đi quẩn lại : có và thì (il-y-a, est). Tả cái gì cũng chỉ thấy : có cái này, có cái kia, cái này thì thế này, cái kia thì thế kia. Nhiều câu tiếng Pháp của Ất chỉ là những tiếng Việt dịch nguyên-văn, song chẳng nên trách, vì Ất cũng chỉ như một quan nọ ở tỉnh Hà-Đông, khi muốn mời Tây ăn cơm thực-thà như ở nhà, ông đã nói : « Mangez, c'est la maison ». Từ lớp nhì tiểu-học lên lớp Đệ-Tứ cao-tiểu, ít khi Ất nhớ rằng động-từ này phải đi với tiếng « à », động-từ kia phải đi với tiếng « de ». Thầy vừa hỏi : « de quoi riez-vous ? » Ất nghĩ luôn đến nghĩa, (anh cười cái gì ?) mà trả lời : tôi cười bạn tôi (je ris mon camarade) Thầy lại hét : anh ăn

cấp mắt tiếng « de » của tôi. Ất làm bầm : đờ điếc làm gì cho lòi thôi ?

Tật đó, chính ông thầy khoán Lai cũng mắc phải ; nhưng không vì thế mà ông chịu bí ; trái lại, ông đối đáp với kỹ-sư lục-lộ Tây liền thoảng như các « me tây » : mà Tây cũng đủ thông-minh đề gặt gù, nhiều lúc vỗ vai ông cười nắc nẻ ; nghĩa là ông còn đi tới mức trào-phúng được cả với người ngoại-quốc, tuy chỉ học tới năm thứ hai trường Trung-Học Bảo-Hộ (tương-đương với đệ-lục bây giờ) rồi theo cụ thân-sinh tập nghề đắp đê, đào kinh. Từ ngày đó, ông chẳng đọc thêm sách gì, họa chăng là Điều-Kiện-Sách đấu thầu và Thi-Hành Công-Tác (cahier des clauses et conditions générales, cahier des charges) : ông nhớ đủ chữ cần dùng về tài-chánh, kế-toán, cầu cống, kiến-trúc... Trong khi giao-thiệp với Tây, ở công-trường cũng như ở bàn tiệc, ông còn học lỏm được các tiếng về sự ăn chơi, và cả những câu mắng nhiếc mà ông không ngần-ngại đem áp dụng cho công-nhân của ông : Ça alors ! nom d'une pipe ! pas de boulot, pas de pognon, hein ! (Đến thế kia à ! trời ơi đất hỡi ! Không chịu làm thì đừng hòng tiền bạc !) Nhưng mỗi khi cần viết đơn thỉnh-cầu hay khiếu-nại, thì ông phải cạy người thư-ký hoặc đem hỏi bạn bè.

Không hoạt-bát như ông Lai, song thông hán-tự tuy chẳng nhất nhị trường, với tính cần-cù sẵn có từ khi học chữ nho, bác Chúc đã qua bậc tiểu-học Pháp-Việt và đậu thư-ký Tòa-Sứ, rồi tự đó học lấy, đọc tiểu thuyết, đọc báo Tây. Theo lối nhà nho sơ nhất sự « hay chữ lòng », bác thường tuyên bố rằng : học tiếng nước ngoài, cần nhất là nhớ thật

nhiều chữ với nghĩa tỉ-mỉ. Nếu ai muốn biết tất cả 40 từ-ngữ (expressions) thuộc chữ « Main » là bàn tay, thì cứ hỏi bác, bác sẽ đọc cho nghe từ Lever la main đến Main de ressort, vanh vách như khi đọc các điển-tích điển-cổ sách Tàu. Thảo nào bác vẫn chê anh Thái, con bác : tuy đỗ tú-tài mà dốt hơn bác, vì symplectique mà không biết là gì. Quen thuộc lòng Tam-thiên-tự hay Luận-ngữ, bác nhập tâm chữ Pháp một cách rất dễ dàng và hiểu nghĩa nhật-báo Pháp nhiều hơn con. Song vì bác chỉ chú trọng đến sự lèn chặt trí-não chớ không lưu-tâm đến cách xử-dụng bồ chữ, nên khi viết khi nói bác rất lúng túng không biết nên dùng một chữ gì trong 4, 5 chữ chen chúc lộn xộn trong đầu bác.

Không học theo lối bác Chúc, nhưng theo chương-trình trường Pháp đề thi đậu thành-chung rồi vào Cao-Đẳng, ông Thủy biết ít chữ tự-vị hơn bác, nhưng thuộc nhiều câu nhiều đoạn, nên quen hơn về cách hành-văn. Ông rất chăm đọc sách Pháp, song chú trọng vào phần lý-tưởng nghệ-thuật, tìm ý đẹp lời hay chớ không quan tâm đến chữ thông-dụng, nên nói không chơn chu rành rẽ. Khi thay mặt các đồng-sự đề tiến biệt một nhân-vật Pháp, có mấy câu lẽ lối rất thường, ông cũng phải rút giấy ra đọc. Ông viết giúp bà con bức thư xă-giao chừng 2 trang, hoặc thương lượng đặt mua hàng hóa bên Pháp, thì lời thôi đến nỗi người ta ngờ rằng ông không phải là tác-giả bài nghiên-cứu về các văn-hào Maurras hay Péguy đã đăng ở báo Pháp. Nhớ sách nhiều, nhưng suy nghĩ ít : do đó, trình thuật lại tư-tưởng của tác-giả khác thì đầy đủ, nhưng biện luận với ý-kiến riêng thì mồm



yếu thiếu sót : văn thề của ông tuy rất đúng văn-phạm, chịu ảnh-hưởng rõ rệt của một ký-ức chứa đựng quá nhiều, nên lung củng vì diễn-tích và rậm rạp vì chú-thích.

Dù sao, các con ông đã được ông trông nom cẩn thận để học chữ Pháp từ nhỏ chớ không phải tự học nhiều như ông. Chúng trạc tuổi Quảng, học ở những trường Pháp-Việt hoặc những trường dành ưu-tiên cho trẻ Pháp, đề qua tiểu, cao tiểu trung học và đậu tú-tài, rồi vào đại-học ở Hà-Nội hoặc bên Pháp... Kết quả mà chúng thu lượm được về phương-diện sinh-ngữ, so với của phụ huynh, kém hay hơn đại khái như sau :

Chúng biết thêm Anh-văn mà lớp người trước chưa được học, nhưng cũng biết gọi là thôi, Về chữ Pháp, phần đông ít ngữ-vựng hơn cha chú, chắc vì chúng có bộ óc cởi mở hơn, ưa hiểu biết rộng - rãi chớ không chịu cặm-cui tỉ-mỉ để mất nhiều thời-giờ vào chi-tiết : mới 13, 14 tuổi, chúng đã lên tới trung-học, không như ông Lai hay ông Chúc 17, 18 mới ở bậc đó và quen lối học cho « hai chữ » của nhà nho. Và chẳng, có cần chi thuộc tự-vị Pétrus Ký hay Larousse như bác Chúc, hà-tất nhớ câu gì ở sách gì và trang nào như ông Thủy, mới thường - thức được thơ Leconte de Lisle hay bình-luận về thuyết tâm-lý của Ribot ? Chính ông Thủy cũng phải nhận rằng : con cũng nhất về luận như mình ở lớp đệ-tứ, tuy nó ít chữ hơn, ý nó rồi rào và lời lẽ trôi chảy nhẹ nhàng hơn của mình khi trước. Nhớ sách và văn-phạm, thì những người như T.L. chưa chắc bằng T.T.K. nhưng khóc ve sầu hay hoa soạn mùa hạ, thì quả lão-ô bách tuế bất như phượng-hoàng sơ sinh.

Có chi lạ ? Đã theo chương-trình phổ-thông của trường Pháp hay Pháp - Việt, khi lên tới trung-học, cũng phải học khá nhiều về văn - học - sử và thi-văn Pháp : nhiều bạn hiểu cái hay thì ham mê, nhất là của văn-phái lãng-mạn thế-kỷ thứ 19. Bác Chúc, đã nhiều phen tự hỏi mà không hiểu vì sao họ không ưa các môn phái khác như hạng cò-diễn về thế-kỷ thứ 18 hay 17 là thời-kỳ cực thịnh, huy hoàng (le grand siècle) ?

Theo Quảng, thì những người hiểu học trạc tuổi Bác Chúc, ông Thủy, với tâm-tính già dặn và nghiêm-trang đúng nề-nếp cũ, khi mới theo đòi nghiên-bút ít lâu đã học Khổng-Mạnh, nên dễ hướng về sách triết-lý, dùng lý-trí nhiều, thích nghị-luận cao xa : khi hiểu văn-Pháp thì ưa tư-tưởng La Rochefaucauld hay La Bruyère, trọng lý-thuyết Rousseau hay Voltaire. Còn như Quảng và các bạn, lên lớp đệ-tam hay đệ-nhị mới 17, 18 tuổi, không bị nghi-lễ ràng buộc quá chặt, đương lúc tình-cảm dạt-dào, thích mơ-mộng, lẽ nào không say mê những thi-văn phong-hoa tuyết-nguyệt ? Vì thế Chateaubriand, Lamartine, V. Hugo rồi Verlaine, Rimbaud, v.v... dễ lôi cuốn theo chiếc lá rụng, vào cặp mắt xanh, hay giọt sương thu. Rồi tại chốn ngàn năm văn-vật, đã nảy ra một hạng thanh-niên đầu tóc bù-xù, dăm-chiều ủy-mị, « run với gió, mơ theo trăng và vơ-vẩn cùng mây ». Hơn nữa, họ đã khiến một số khá đông tin rằng phải như thế mới là thơ, còn khí-phách hùng-tráng của Corneille hay thâm-trầm tế-nhị của Racine thì lạc-hậu mất rồi. Hướng chỉ là Rousseau hay Voltaire, Diderot hay D'Alembert.

Đề diễn-tả những tâm-tình mà cha chú nhiều người không hiểu, họ đã không

ngần-ngại thay đổi tiếng Việt, theo đường lối mới lạ. Thế-hệ ông Lạc đã Việt-nam hóa rất nhiều chữ Hán và một ít chữ Pháp đề quốc-ngữ phong-phú hơn, nào « ngũ hầu » nào « đại-nghị », gọi Rousseau là Lư-Thoa, Montesquieu là Mạnh-Đức Tư-Cưu, savon là bánh xà-bông hay xà-phòng, le café là nước cà-phê : dụng-ý đôi khi cầu-kỳ, nhưng thường có tánh-cách thiết-thực.

Một số thanh-niên thuộc thế-hệ Quảng đã nhập-cảng vào đất nước những « trái tim vàng », những « tiếng gọi của tình-yêu », những « cái nhìn đắm đuối », những « chết trong lòng một tí » : đến nỗi Cụ Tú Cả nghe thấy, hỏi mãi ; nó nói cái gì thế ? Họ lấy nhiều tiếng của Pháp, lại còn đặt câu theo văn-phạm Pháp, với rất nhiều tiếng đệm trúc-trắc như : đề, và, bởi ; lắm khi họ đảo-lộn cả thứ-tự thông-thường của các vế câu, đáng lẽ viết : ông Ba nói « anh cần cố-gắng theo đuổi mục-dích », thì họ viết « anh cần, — ông Ba nói, —, cố-gắng theo đuổi. . ». Cho nên nhiều lúc độc-giả có cảm-tưởng rằng họ thảo bằng chữ Pháp, rồi dịch nguyên-văn ra chữ Việt, với ý-chí canh-tân và uyển-chuyển hóa quốc-ngữ.

Về ngôn-ngữ, thì những người như Bác Chúc, ông Thúy nói rành rọt đúng mẹo luật : nhưng chậm-chạp, nhiều khi như bị khó khăn : có lẽ vì thận-trọng, e nói sai mẹo bị chê cười, hoặc sợ sệt Tây cũng có, nhưng nhất là vì ngượng-ngượng : nói gần như tập đọc ở trong lớp, nghĩa là với giọng hoàn-toàn Á-Đông, chớ cao thấp chậm nhanh cho lời theo ý, thì e bị chế là « có giọng Tây », nghe « nó làm sao ấy ». Tuy con cháu

cũng còn có người mắc bệnh đó, nhiều bạn Quảng học hay chơi với trẻ Pháp từ nhỏ, đã quen nói một cách tự-nhiên hơn, âm-thanh trầm-bồng tùy lúc, và thường thường dễ dàng, mau lẹ hay ngộ ngộ, với những chữ chỉ dùng để nói, hoặc cả tiếng lóng nữa. Một vài trạng-sư Việt-Nam đã tranh-luận nôi với đồng-nghiep Pháp có tiếng là hùng-biện ; có những ông đại-biểu người Nam hay người Trung, ở Đại-Hội-Nghị Kinh-Tế Lý-Tài (Grand Conseil des Intérêts Economiques et Financiers) lời qua tiếng lại với đại-biểu Pháp, đủ luận-điệu chống đỡ và phản-công ; hơn nữa, có thanh-niên hai ba bằng tiến-sĩ, lên diễn-đàn không cần giấy, hoa tay vỗ ngực, hò hét những câu dài bằng gang tay như của Bossuet, đề hứa hẹn đem văn-minh La-Mã Hy-Lạp, khuôn những viên đá quý ở Acropole hay Forum về xây dựng lại cái nhà đồ nát Á-Đông.



Làm thế nào cho các con Quảng tránh được những sự khó khăn của Ất, sự thiếu sót của ông Lai, bác Chúc, ông Thúy ? và hơn được thế-hệ Quảng ?

Học sinh-ngữ thì phải biết văn-phạm, nhưng vì sao Ất thuộc grammaire mà vẫn vẫn « bất thành cú » ? Tại sao phân biệt được tiếng nào là liên-tự, động-từ, song khi nói hay viết vẫn sai ? Bởi đâu nhiều câu đúng mẹo mà nghe vẫn có giọng Việt-Nam khiến thầy phê « pas Français » ? Tội nghiệp cho Ất xưa kia, hễ sai thì thầy mắng và chữa lại cho đúng, nhưng nào có ai giải thích hộ một điều tối yếu : học tiếng Pháp, không thể suy ta ra Tây, nghĩ câu tiếng Việt thế nào thì chớ có dịch từng

chữ ra ngoại-ngữ. Người Á-Đông chúng ta hiểu bằng trực-giác ; lý hội về toàn-thể, hiểu ngấm và nói vắn tắt, chớ không nhận xét bằng cách phân - tích hoặc diễn tả ý-kiến cảm-giác bằng lời lẽ khúc triết. Trong sách Luận-Ngữ có câu : « Tế như tại », tế như ở đó, nghĩa là khi cúng tế tổ-tiên thì tưởng như các cụ ở trước mặt mình. Nhưng Tây đọc tất phải hỏi đề thuật lại thành ra một trường : ai tế ? tế ai ? tại đó là ở nơi nào ? vì sao ?... Ông Tú-Xương kêu : « đau quá đòn ghen, rát hơn lửa bỏng... » Ta ngẫm, thấy thú-vị và rung đùi ; trái lại Durand học tiếng Việt trong bài « Phú hồng thi », đã rất thắc mắc : ai đau ? ở trường-hợp nào ? Vì có gì ? cái gì rất ?... Mỗi câu Pháp-văn là một chuỗi xích, các tiếng *à, de, pour, qui, que* v.v... là những vòng nhỏ nối lại mỗi khúc, thiếu một vòng thì xích đứt ngay ; mỗi tiếng trong câu có một nhiệm-vụ không thể kiêm với việc khác, tức-từ không thể đồng thời đóng vai chủ-từ.

Trước đây không lâu, Tổ, con Quảng, cũng như bạn Ất, không biết vì sao phải học *grammaire* và cần theo đúng mẹo. Sau khi Quảng giảng đi giảng lại nhiều lần như trên. Tổ đã hiểu và tránh được phần lớn những lỗi tương-tự như của Ất ngày xưa. Quảng lại cho dùng chữ làm thử nhiều câu, bằng tiếng Việt, rồi bằng tiếng Pháp, và phân tích cho rõ sự dị-biệt ở hai trường-hợp, từ dần được khuynh-hướng tự-nhiên dịch nguyên-văn tiếng mẹ đẻ để tập nói tiếng nước ngoài.



Từ thuở kêu gào học từng tiếng một, đến khi biết chấp nhiều tiếng thành một câu đúng mẹo luật, rồi hợp nhiều câu

thành một bài ngắn độ hai ba mươi dòng, đủ cho hiểu học-sinh muốn nói gì, tóm-tắt gọn-gàng một trang tập đọc, tả qua được ngôi nhà ở, thuật lại một buổi đi chơi... : kể đã nhiều công-phu dạy dỗ, và ngoài văn-phạm, còn biết bao nhiêu ngữ-vựng phải học để thâu thập vật-liệu xây dựng nền văn.

Song Quảng và các bạn hồi còn nhỏ thường gặp một nạn lớn : cố học cho nhiều chữ, rồi mười phần quên đi sáu bảy. Nào đâu phải vì trí nhớ lu-mờ ? Đại-Nam Quốc-Sử diễn-ca, đọc thuộc như hát ; tên hiệu của 108 vị anh-hùng Lương-Sơn-Bạc thường được các bạn đem ra đố nhau : Thái-Bảo Thần-Hành là ai ? Đới-Tung ; Song - Tiên là ai ? Hô - Diên - Chúc. Ai muốn biết tên các hồi Tam-Quốc ? Đây nhé : Đàn Thất-Tinh Gia-Cát cầu phong, cửa Tam-Giang Chu-Du phóng hỏa...

Nhưng tại sao học đi học lại mà vẫn quên chữ *tertre* ? Hoặc nhớ được *tertre* là đồng đất, song lỡ hỏi ngược lại đồng đất dịch là gì, thì quên bẵng, thành ra nhớ có một nửa. Có thể quên vì học rồi không dùng ; đúng hơn, tại chữ đó nằm giữa hai chục chữ khác ngồn ngang trong cuốn sổ tay mà thầy bắt ghi chép, bên cạnh cái bồ cào (*le râteau*) chú lái ngựa (*le maquignon*)... khác nào như chồng gạch ngói không có xi-măng gắn, nên rời rạc dễ tan ra cát bụi. Nhưng nếu có chất vữa dính liền thành một bức tường, mỗi viên mỗi tảng có thể nhận lại chẳng khó khăn gì. Chúng có, là khi chữ *tertre* được xếp với chữ khác vào một câu có nghĩa chung, nhất là trong một bài có thú-vị, thì trăm năm đồng đất vẫn lù-lù :

« Cet usage m'émeut qui veut que chaque ancêtre.

« Dorme son grand sommeil au milieu de ses champs,

« Son tertre reverdit avec eux tous les ans... »

Chữ *tertre* trong bài thơ Phần-Mộ ở V. N. của Blanguernon, đã in vào ký-ức Quảng gần 30 năm nay như những câu đầu hồi Tam-Quốc. Vì thế, Quảng đã bảo các con học thuộc nhiều câu nhiều đoạn, sau khi giảng cho chúng ý-nghĩa để thấy hay: không có cách gì giúp cho dễ nhớ hơn, vì chữ cũng như kẻ thích vui sống hợp quần, trong cô-tịch sẽ phối pha mòn mỏi.

Lại còn cách nữa để nhớ chữ, là đọc nhiều sách, nhất là truyện giải-trí. Ham đọc thì gặp luôn những chữ đã từng học nhưng ít dùng nên sắp quên: nếu trùng phùng thì nghĩa càng rặng tỏ trong câu mới mẻ, khác nào học lại trong trường-hợp vui hơn, ôn-cố mà không ép buộc? Và chẳng, mỗi tác-giả hình như ưa riêng một số chữ, hay nhắc đi nhắc lại trong một tác-phẩm: tiếng kêu *Ventre-saint-gris* tuy

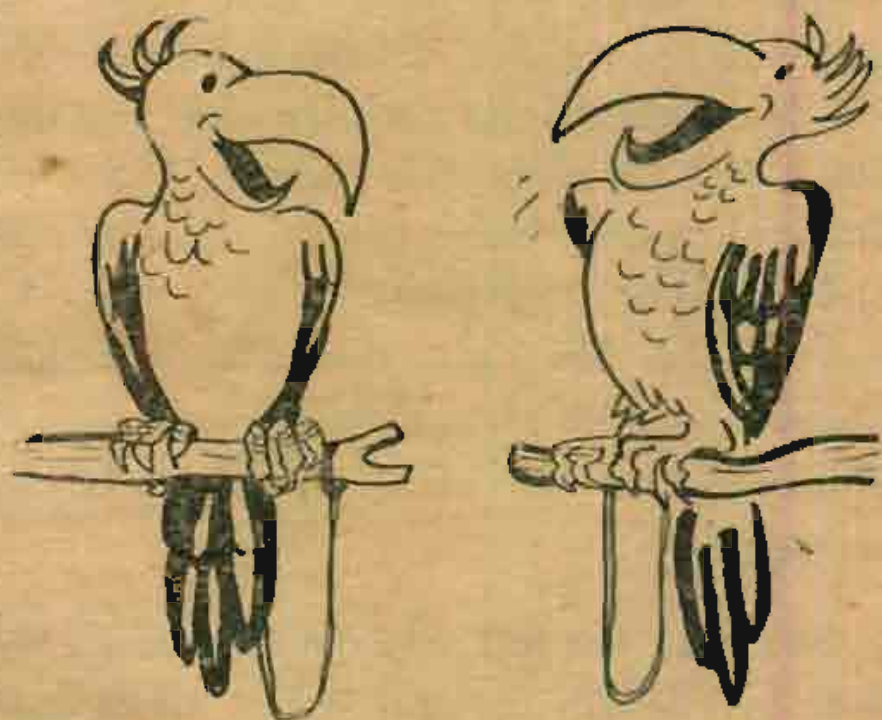
kỳ-quặc, nhưng khó quên vì thấy vua Henri IV thốt ra nhiều lần trong truyện La Reine Margot của A. Dumas Père; ai muốn nhớ những ánh tà le lói, *les rayons obliques du couchant*, xin đọc thử những cuốn tiểu thuyết của A. Theuriet...



Dù sao, bốn năm pho văn-phạm và một kho ngữ-vựng cũng chưa biến được bác Chúc thành một văn-hào như Anatole France. Quá chú trọng tới mẹo cứng nhắc và chữ khô khan, thì tinh-thần chẳng rảnh rang để thông cảm với tác-giả mà rung động theo ý, theo tình, theo cảnh, theo hồn văn: vậy thì sao quen được giọng văn, chứ chưa nói tới sự thấm-nhuần tinh-hoa tế-nhị mà luyện ngòi bút sắt? Quảng tin rằng, đã hiểu qua loa thì cứ đọc tràn đi, rồi ra cũng thấy rõ dần cách thức bố cục, lẽ lối diễn tả hoặc sắp đặt câu cú. Không có người nào viết được thông-thạo mà chỉ cặm cụi vào bài học ở trường; trái lại, phải đọc rất nhiều sách ngoài, lâu ngày mới thấu bí-quyết hành-văn mà không thầy nào có thời-giờ soi sáng hết được, còn những « sách dạy làm văn » chẳng qua chỉ có giá-trị tương-đối như sách dạy nấu ăn. Các nhà văn nổi tiếng như A. Gide, hay J. Cocteau, còn sống trước những tủ sách cao gần tới trần nhà, huống chi những người học chữ nước ngoài mà muốn viết văn thành cú?



Quảng mong tha-thiết cho Tổ và chị Thúy nó nói được rõ ràng lưu-loát, vì học sinh-ngữ, trước hết để nói: chưa chắc điều đó là sự hiên-nhiên, vì Quảng cùng đa-số bạn học đã coi thường. Khi



— *Do you speak English?*

— *No! I am sortie de Marie l'Écurie!*

(trích báo Tự Do)

xét về nguyên-nhân để tránh tình-trạng đó, cụ Tú Cả có nói: « Mấy ngàn năm nay, chúng ta học chữ Tàu, nhưng nào có nói được tiếng Tàu: ta đọc ra giọng ta, rồi viết văn. Có lẽ vì thế mà bây giờ các anh cũng quen thói đi, cũng học đề rồi... bút đàm. » Bút đàm: mĩa-mai thay, nhưng cũng chẳng hẳn là câu giễu-cợt. Hồi Nhật-bồn sang chiếm-đóng Đông-dương, một lãnh-sự Nhật gặp Quảng, hỏi bằng tiếng Anh, Quảng chỉ nghe hiểu lôm-bôm tuy đã đọc và dịch trong nhiều năm Christmas Carol của Charles Dickens hay tuồng Macbeth của Shakespeare. Quảng cũng bập bẹ trả lời, song Nhật lắc rồi lấy bút giấy viết lại câu hỏi khi nãy: có chi đâu? chỉ hỏi xem có thể mượn giúp được người Việt-Nam làm thông-ngôn không? Quảng cũng thảo một dòng trả lời, thì Nhật cười và a-ri-ga-tô: ô hô Charles Dickens, ô hô Shakespeare, và túi thân cho Quảng biết chừng nào. Quảng tự an-ủi: tiếng Anh khó nói, viết một đàng đọc một nẻo mà lại không được thầy Anh thầy Mỹ dạy. Nhưng có sao bạn Xoang ở Anh hai năm, mà cũng như bác Chúc học chữ Pháp, viết thì thạo, đàm-thoại với người Mỹ không được hoạt-bát? Trái lại, vì sao Cương nói tiếng Anh cũng đúng và nhanh, nói tiếng Pháp gần như người Pháp?

Theo Cương, dĩ-nhiên phải có một số ngữ-vựng kha khá. Song cũng phải tự mình để ý tìm-tòi học lấy những tiếng thông-dụng, còn lắm chữ sách dù hay cũng ít khi dùng. Nhiều người biết khối danh-từ triết-học, khoa-học, hoặc những tiếng nên thơ, nhưng nếu mở quyển mẫu hàng (catalogue) của hãng Saint-Etienne thì mới thấy trong đời sống hàng ngày,

còn bao nhiêu dụng-cụ rất thường mà nay mới biết tên gọi. Hơn nữa, xét mình phải giao-thiệp với giới nào và nhiều nhất ở phạm-vi nào, thì liệu mà quen biết những tiếng hay dùng, vì mỗi ngành mỗi nghề đều có một số tiếng riêng: Quảng nhớ đến ông thầu-khoán Lai đã sớm tinh-ý học tiếng của Lục-Lộ; đồng - thời, Quảng cũng hiểu trường-hợp cháu Phương: ra ngoại-quốc học, được phê-điểm là học chăm nhưng kết-quả ít vì tiếng Anh kém, kém tuy đã cố học từ trước khi xuất-ngoại; thì ra cháu đã được trau dồi bằng những câu xã-giao như « ông bà thiệt là tốt quá, cảm ơn » hoặc dịch bài nói về con Castor, đề rồi ra nước ngoài học chuyên về máy móc,

Cương còn dặn tập nghe, ghi nhớ những lời lẽ giản-dị tự-nhiên; nếu nói giữa đám sinh-viên Ba-Lê một câu văn-hoa như ở trong sách, có khi họ cười cho, nhất là phụ - nữ; không khác nào lúc bình - nhật thấy bạn nói với mình mà dùng những câu chỉ nghe thấy ở sân-khấu hay trong tiểu-thuyết. Nhưng nếu ít dịp giao - thiệp với người ngoại - quốc, thì tập nghe thế nào? Cố đi coi điện-ảnh, mới đầu khó, sau quen dần; đi xem phim thấy người khác cười được vì câu hài hước của vai trò, duy mình ngồi im không hiểu gì, kể cũng bực. Lại còn có thể đón nghe các bài phát-thanh bằng tiếng Anh tiếng Pháp, hoặc nếu đủ phương - tiện thì mua đĩa hát có bài dạy sinh-ngữ.

Sau hết, Cương khuyên nên dành chút thời giờ để tập... nghĩ bằng tiếng nước ngoài: nghĩ như vậy, tức là thử làm một số câu chung quanh một vấn-đề, ngồi im, hoặc nói một mình: nghĩ quen rồi nghĩ

nhANH thì sẽ nói nhanh. Thế thì tìm bạn mà chuyện trò bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh, có hơn không ? Càng hay, song phải có can-đảm át bỏ sự e-lệ, đừng sợ người khác ngờ vực chế trách mình muốn quên tiếng mẹ đẻ.



Nhưng quên làm sao được ? Tuy các con học nhiều ngoại-ngữ, Quảng vẫn buộc phải đọc truyện, đọc báo ta, và luôn luôn nhắc nhở : học để thấu thái những điều ích-lợi tốt đẹp của nước ngoài, rồi cố chuyển lại bằng Việt-Văn cho những đồng-bào không được may mắn học nhiều, dù là văn-chương, triết-lý, nghệ-thuật, khoa-học hay kỹ-thuật chuyên-môn...

Như vậy, có nên mong cho chúng viết giỏi văn ngoại-quốc không ? Theo Quảng, nếu Tố hay Thúy có tư-chất, ưa thích thành thiệt và gặp cơ-hội tốt, cũng chẳng nên ngăn cản chúng học nhiều và rèn luyện ngòi bút. Vì nếu viết giỏi, có thể giúp ích, miễn là viết để trực-tiếp phục-vụ quốc-gia, bình vực quyền-lợi của Việt-Nam trước quốc-tế, làm cho thế-giới hiểu biết hơn đất nước mình, cũng như người Nhật, Ấn, Miến v.v... vẫn thường cố gắng bằng sách báo tiếng Anh do họ soạn thảo. Nhưng không thể in tiểu-thuyết lãng mạn hay làm thơ ngoại-ngữ để mong tiếng khen suông của một vài bạn hiếu-kỳ nước ngoài : văn-hóa của họ chẳng cần được giới trí-thức của ta giúp, và không nên cho con cháu Racine hay Shelley cái hân-hạnh mà họ không đòi.

Có lẽ Quảng lo xa quá : chắc Thúy, Tố hay Thi cũng như phần đông bạn học của chúng, chỉ có nguyện-vọng như Quảng : nghe và nói được những câu

chuyện thường-thức khi tiếp xúc với người Anh người Pháp v. v ; hiểu và ghi nổi những bài giảng dạy các trường cao-dẳng Ba-Lê, Nửu-Uớc, Luân-Đôn... — đọc thông những sách báo ngoại-ngữ để tra cứu nếu cần ; — bàn bạc đối đáp, hoặc trình bày gầy gọn trên giấy, về những vấn-đề thuộc ngành học của mình, chứ cũng không cần biết « tán rộng » ở nhiều phạm-vi khác một cách văn hoa bay bướm.

Nếu thế, thì trong thực-tế, về Pháp-văn chẳng hạn, chúng phải có, nhưng chỉ cần có trình-độ của người học khá đã đậu thành-chung Pháp (Brevet Elémentaire) ngày xưa : bác Chúc, và nhiều bạn bác, chỉ có bằng-cấp ấy, cũng thừa sức học các ban cao-dẳng, như Luật, Thuốc, Công-Chánh, tuy các bài do giáo-sư Pháp dạy toàn bằng tiếng Pháp.

Về Anh-văn, chúng cũng phải có học-lực tương-dương với Pháp-văn. Nhược bằng không nói nổi viết nổi tiếng Anh như người « Brevet Elémentaire » cũ nói và viết tiếng Pháp. Quảng e khó lòng lý hội và lợi-dụng được đầy đủ các môn học ở Mỹ, ở Úc hay Tân-Tây-Lan...

Quảng mong các chương-trình chánh-thức và cách huấn-luyện ở các trường Pháp hay Việt hiện nay, cho phép đạt tới trình-độ kể trên. Giá thử chưa được, Quảng đành lo liệu hướng dẫn theo những phương-pháp đã cố tìm, cho các con đủ điều-kiện sinh-ngữ như mình phỏng ước, thì sự học Âu-Mỹ mới có ích, dù ở trong nước hay ở ngoại-quốc.

Đ. T.

郁園詩話



CHUNG QUANH BÀI

« TRẦN BẮC HÀNH CUNG HOÀI CỔ »

CỦA BÀ HUYỆN THANH-QUAN

*Trần-Bắc hành-cung cổ đất dẫu.
Khách qua chơi đó chạnh niềm đau
Chín từng sen rớt hơi hương ngự
Năm thức mây phong nếp áo chầu
Sóng lớp phẩy hưng coi đã rộn
Chuông hồi kìm cò lắng càng mau
Người xưa cảnh cũ nào đâu tá
Khéo ngàn-ngor thay lũ trọc đầu.*

Cũng như khi nói về thơ *Thắng long thành hoài cổ*, tôi muốn hãy nói về tên bài thơ này của Bà huyện Thanh-Quan.

Tôi đã từng tỏ ý nghĩ rằng : có lẽ hầu hết các thơ xưa, khi mới làm nên, đều không có tên bài. Người sau, khi sao chép thành tập, tùy tiện đặt tên lên đầu bài thơ, để dễ tra tìm trong mục-lục. Vì lẽ đó, cho nên, chúng ta thấy các tên bài thơ trong các thi tập, thi tuyển không nhất-trí với nhau.

Và cũng vì lẽ đó, mà chúng ta nay còn xét thấy nhiều tên bài thơ chưa thỏa-đáng.

Bài thơ này, của Bà huyện Thanh-Quan, thường thấy có ba chỗ đề khác nhau :

- 1.— Chơi chùa Trần-quốc.
- 2.— Chơi chùa Trần-Bắc.
- 3.— Trần-Bắc hành-cung.

Vậy :

- 1.— Trần-quốc hay Trần-Bắc ?
- 2.— Chùa hay hành cung ?

Trên bờ phía đông Tây-hồ, dọc đường Cổ-ngư, ở Hà-nội, có một ngôi chùa gọi là chùa Trần-Bắc.

Một lần, năm 1939. Một lần nữa, năm 1952, tôi có dịp đến thăm cảnh này. Vì vô ý hay vì lâu ngày quên đi, không biết có tấm hoành phi, tấm bi ký nào ghi tên chùa là Trần-quốc hay không.

Đến như hai chữ *Trấn-Bắc* thì tôi nhớ rõ, vì nhờ có đọc thấy ở đôi câu đối chạm khắc vào cột ngoài, chỗ cửa chùa trông ra Hồ-Tây. Là đôi câu đối nôm :

— *Trải bao phen, gió Á mưa Âu, trơ đá vững đồng, chót vót cột Trời chùa Trấn-Bắc.*

— *Riêng một thú, hoa đàm duốc tuệ, sớm chuông chiều trống, thênh-thang cửa Phật cảnh Hồ-Tây.*

Chùa *Trấn-Bắc*, đối với *Cảnh Hồ-Tây*, chữ in cột đá, đã đủ chứng cứ cụ-thể, chùa đây tên là chùa *Trấn-Bắc*.

Nhưng lại có tên chùa *Trấn-quốc* là sao ?

Một ít sử-liệu, đây đó, cho chúng ta biết thêm lai-lịch cảnh chùa này :

Tiền khởi, từ đời Trần, chùa dựng bên hữu-ngạn sông Nhĩ-hà, phía trên cầu Bồ-đề.

Tên là chùa *An-quốc*.

Sau vì sông Nhĩ-hà lụt, dâng vớ : về đời Lê Thần-tôn, Vĩnh-tộ thứ 6, năm Ất-sửu (1625), dân làng Yên-phụ dời chùa, dựng lại ở chỗ nền cũ đền Hàm-nguyên, bên bờ Hồ-Tây, địa-diểm như chúng ta biết ngày nay.

Dưới triều Lê Thần-tôn, niên hiệu Dương-hòa thứ 5 (1639), chúa Trịnh Tráng trùng-tu, xây cửa tam quan, sửa sang đường lối vào chùa cho thêm rộng rãi tráng-lệ.

Đến đời Lê Hi-tôn, niên hiệu Chính-hòa nguyên niên, canh thân (1680), tên chùa *An-quốc* đổi lại là chùa *Trấn-quốc*.

Mãi cho đến đời Nguyễn, niên hiệu Thiệu-trị thứ 3, quý-máo (1843), mới

đổi tên lần nữa là *Chùa Trấn-Bắc*, cho tới ngày nay, chúng ta từng gọi.

(Nhất thuyết rằng, tên chùa *Trấn-Bắc* đã đổi từ năm 1639 là năm chúa Trịnh Tráng trùng-tu chùa. Nghĩ rằng không đúng.)

Như vậy khi Bà huyện Thanh-Quan làm bài thơ này thì tên chùa đã đổi là *Trấn-Bắc* rồi. Tên chùa *Trấn-quốc* đã không còn nữa. Câu đầu bài thơ mở đầu bằng tiếng « *Trấn-Bắc hành-cung* » đã đủ chứng tỏ điều này.

Thì sao mà chúng ta còn có thể đề là « *Chơi chùa Trấn-quốc* » cho được.



Còn chùa hay hành-cung ?

Tôi không là nhà khảo - cổ, như họ Vương, cũng không là nhà kiến-trúc như họ Đặng, vả lại, không đủ tài - liệu để chứng tỏ được tại sao, thơ Bà huyện Thanh-quan đề rõ ràng là *Trấn-Bắc hành-cung* mà trong bài lại có tả cảnh chùa ?

Hoặc giả, vua chúa ngày xưa, mỗi khi ra chơi Tây-hồ, trú tất ở chùa này, mà chùa được gọi là hành-cung chẳng ?

Hoặc giả, ngoài chùa ra, còn có một cảnh hành-cung nào nữa chẳng ?

Nếu là hành-cung thì là hành-cung của ai ? Của vua Lê hay của chúa Trịnh ? Có lẽ là cho cả Vua và cả Chúa ? Tất là phải có một cảnh hành-cung dựng cạnh chùa, đủ rộng lớn, chớ như thế thế khu vũ chùa *Trấn-Bắc* mà hiện chúng ta thấy, thì không làm sao đủ chỗ nghỉ chưa, dù là nghỉ tạm, để thưởng sen câu cá, cho một đoàn đạo Ngự.

Thêm vào ý nghĩ trên đó, còn căn cứ ở câu mở đầu bài thơ :

Trấn-Bắc hành-cung cỏ dãi dầu

« Cỏ dãi dầu » cho chúng ta thấy ngay một cảnh hoang lương. Có phảng phất như khi đọc câu :

Chu tước kiêu biền dã thảo hoa

Ô-y hạp khâu tịch dương tà

Bên cầu Chu tước cỏ hieu htu

Ngoài ngỏ Ô-y nhạt bóng chiều.

Nếu chỉ có mỗi một cảnh chùa thì chỉ cho đến nỗi « cỏ dãi dầu ».

Như trên, chúng ta vừa thấy, đến Thiệu-trị niên gian, chùa được đổi tên Trấn-quốc thành Trấn-Bắc. Điều này chứng tỏ là chùa vẫn còn có sự vãi trụ trì, còn có thập-phương sẵn sóc. Huống nữa, hai chữ Trấn-Bắc sửa đổi đó, tôi nghĩ, còn có ý-kiến và mạng lệnh vua quan :

Khoảng Lê Trịnh tại vị trở lên, trung-tâm quốc-thờ Việt-Nam hãy còn ở Thăng-long, thì hai tiếng Trấn-quốc còn có nghĩa của nó.

Đến Triều Nguyễn định đô, thì trung-tâm quốc-thờ đã dời vào Phú-xuân, mà địa bàn biên lĩnh mở dài ra hai đầu Nam Bắc. Có lẽ vì nghĩ một cảnh chùa nhỏ riêng của miền Bắc mà cứ đề là Trấn-quốc thì không thỏa đáng, nên mới đổi lại là Trấn-Bắc cho thật đúng vị-trí địa-diềm của chùa.

Tôi muốn nêu điều này, để chứng tỏ rằng chùa Trấn-Bắc, ngày Bà huyện Thanh-Quan qua chơi, chùa còn được sẵn sóc đến danh hiệu thì, có lẽ nào, cảnh trí không ai sẵn-sóc, đề tiêu-diệu đến cỏ dãi dầu khiến cho khách qua chơi đó chạnh niềm đau.

Câu mở đầu bài thơ :

Trấn-Bắc hành-cung cỏ dãi dầu đã phân minh là phải có một cảnh hành-cung nào cạnh đó. Chứ nếu chỉ là chùa mà thôi, thì sao bà huyện không nói là :

Trấn-Bắc chùa xưa cảnh dãi dầu

Vậy chúng ta có thể dựa vào bài thơ bà huyện mà đoán được là cạnh chùa Trấn-Bắc, phải còn có một cảnh hành-cung.

Khi Bà huyện qua chơi, cảnh hành-cung đã hoang-phế, chỉ còn lại cảnh chùa mà thôi :

Trấn-Bắc hành-cung cỏ dãi dầu

Khách qua chơi đó chạnh niềm đau

Chín từng sen rót hơi hương ngự

Năm thức mây phong nếp áo châu

Sóng lớp phế hưng coi đã rợn

Hơn nửa bài, 5 câu, đều là tả một cảnh hành-cung hoang-phế.

Từ câu thứ 6 :

Chuông hồi kim-cồ lắng càng mau

mới nói đến cảnh chùa.

Rồi câu thứ 7 :

Người xưa cảnh cũ nào đâu tá,

lại nhắc nhớ thương tiếc cho cảnh vật hành-cung đã mất, mà chỉ còn lại có cảnh chùa :

Khéo ngần-ngợ thay lũ trọc đầu !

Nhân nói chuyện thơ mà thử tìm đối-tượng cho nguồn thi cảm của người xưa. Đã chắc đâu là đúng. Nỗi thắc mắc, dám xin gởi gắm lại các nhà khảo cổ.



Đã xét xong cảnh trí làm thơ ; vậy chúng ta nên đặt tên gọi cho bài thơ là phải.

Cũng như thơ *Thăng-long*, thơ này thuộc về thơ điệu-cổ. Đứng trước cảnh thành-trị hoang-phế, cung-diện tiêu-diệu mà phát sinh lòng hoài niệm.

Lối xưa xe ngựa, nền cũ lâu đài của Thăng-long kia đã phai mờ trong hồn thu-thảo, bóng tịch-dương thì ở đây, hương

ngư áo châu của Trấn-Bắc cũng chỉ còn phảng-phất ít hơi sen rớt, bàng bạc mấy nếp mây phong.

Ở kia, gan đá cũng sờn cũng luế nguyệt, mặt nước còn chau với tang thương, thì ở đây, sóng cũng đã rộn lớp phế hưng, chuông lại càng mau hồi kim-cổ.

Ở kia, cảnh đầy người đây luống đoạn trường thì ở đây, người xưa cảnh cũ nào đâu tá.

Rõ là lời của cùng một người nói lên ; rõ là nỗi đau đớn ngậm-ngùi của cùng một tâm-hồn thương-tiết người xưa cảnh cũ.

Đã như thế thì ở kia, chúng ta đã đề là *Thăng-long thành hoài-cổ* thì sao mà ở đây, chúng ta lại không đề là *Trấn-Bắc hành-cung hoài-cổ*.

Có đề là *Trấn-Bắc hành-cung hoài-cổ*, đầu bài đó mới thực đúng với lời thơ ; có đề như thế, mới nói lên được lòng cảm-xúc của người tức cảnh ; và có đề như thế, mới dọn trước cho người đọc một niềm-ý bàng-khuâng, mới khơi trước cho nguồn thơ dòng lai-láng bồi-hồi



Cũng như thơ *Thăng-long thành hoài-cổ*, thơ này thuộc về loại văn-chương đại-gia dài-các.

Vừa lịch-sự, vừa trang-trọng, phong-lưu. Giàu thì có thể nói chưa lấy làm giàu ; nhưng sang thì thực đã sang rất mực.

Chín từng sen rớt hơi hương ngư

Năm thức mây phong nếp áo châu

Dẫu chỉ là « sen rớt mây phong » mà cảnh tượng vua chúa tiền triều vẫn còn như rõ vẻ huy-hoàng. Hành-cung thì biết bao là hành-cung, mà đây mới là cảnh

hành-cung bên cạnh nước Hồ-Tây, ở ngay đất danh đô hoa-lệ, riêng chẳng lẫn với nơi nào.



Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

thì có thừa bi-tráng mà chưa đủ lâm-ly.

Ở đây, « sen rớt hơi hương, mây phong nếp áo » đã gọi lên những tiếng thơ lâm-ly náo-nuột.

Ở kia :

Sờn gan cùng luế nguyệt

Chau mặt với tang-thương.

thì thực đã thâm-trầm.

Nhưng mà ở đây :

« *Sóng phế hưng, chuông kim-cổ* » đã rộn càng mau, thì thâm trầm cũng đã rất thâm trầm, mà linh hoạt, ôi biết bao là linh hoạt. Là một sóng động dâng lên trong chết lặng.



Chúng ta đã từng thấy có những câu thơ phảng phất điệp từng nhau. Nhưng chúng ta phải hết sức ngạc nhiên mà thấy Bà huyện Thanh - Quan và Nguyễn Du đã giống nhau như khuôn đúc ở một diêm.

Chúng ta đã từng thấy Nguyễn Du làm hai câu thơ lạ :

Đoạn trường sớ rút tên ra

Đoạn trường thơ phải đôn mà trả nhau.

Nếu câu thơ đó, ở chúng ta, thì chúng ta ại mà lại chẳng làm :

Sớ đoạn trường rút tên ra

Thơ đoạn trường phải đôn mà trả nhau.

Sớ đoạn trường, thơ đoạn trường chẳng là thuận lời thông nghĩa hơn sao. ẠI lại

nói chi mà như là nói ngược : « đoạn trường sò, đoạn trường thơ ».

Chính vì có nói ngược được như thế, mà tác-giả *Đoạn trường tân-thanh* mới là bậc Thần thơ.

Ở đây, Bà huyện Thanh-Quan đã làm :

*Sóng lớp phể hưng coi đã rộn
Chuông hồi kim-cổ lắng càng mau.*

Nếu câu thơ đó, ở chúng ta, thì chúng ta ai mà lại chẳng làm :

*Lớp sóng phể hưng coi đã rộn
Hồi chuông kim-cổ lắng càng mau*

Vì « lớp sóng, hồi chuông » chẳng là thuận lời thông nghĩa hơn sao. Ai lại nói chi mà như là nói ngược : « sóng lớp, chuông hồi ».

Chính vì có nói ngược được như thế mà Bà huyện Thanh-Quan của chúng ta mới là một bậc Thi thần.

Thử ngâm mà xem :

*Lớp sóng phể hưng...
Hồi chuông kim-cổ...*

Chữ thơ đâu mà dễ dàng đến như vậy, mà tâm thường đến như vậy. Làm sao mà theo cho kịp nhịp bước lớn của thiên-tài :

*Sóng,... lớp phể hưng... coi đã rộn
Chuông,... hồi kim-cổ... lắng càng mau,*

Lớp và hồi đó, đành là lớp sóng, là hồi chuông ; nhưng chính Bà huyện muốn cho chúng ta thấy lớp là lớp phể hưng và hồi là hồi kim-cổ đó, nào phải đâu chỉ là lớp sóng với hồi chuông mà thôi.

Mắt có nhìn được lớp phể hưng thì mắt mới coi thấy sóng dồn lớp rộn. Tai có nghe được hồi kim-cổ thì tai mới lắng rõ chuông đồ hồi mau.

Không cần phải đứng trước thềm chùa Trấn-Bắc, nhìn ra sóng nước Hồ-Tây,

chúng ta chỉ nghe câu thơ của Thanh-Quan mà thôi, cũng đủ cho chúng ta thấy lớp lớp phể hưng xô - rộn trong hồi hồi kim - cổ thoáng mau.

*Hai hồi triều mộ chuông gầm sóng
Một vũng tang thương nước lộn trời
Của Hồ Xuân-Hương, và :*

*Kim-cổ treo chung tranh thủy mặc
Tang thương chớp-nhoáng bóng hoàng-hôn*

của Ý-viên, chúng ta thử đem bốn câu trên đó của hai nhà, để đánh đổi lấy hai câu của Thanh-Quan nữ sĩ ở đây xem, có lẽ mà tác-giả chưa đành cho đánh đổi.

✱

Tôi đã từng nói rằng có những pho-tượng đá nữ thần Hi-lạp cần phải thiếu mất một cánh tay, để cho công-trình mỹ nghệ phẩm hoàn-toàn.

Là trường hợp bài thơ Trấn-Bắc hành cung hoài cô này. Bài này, nếu vì một lẽ bất thường, để lại cho chúng ta 7 câu mà thôi, thì thật là để cho chúng ta một kỳ thú.

Khi chúng ta đọc xong câu

Người xưa cảnh cũ nào đâu tở

Rồi, chúng ta không biết tác-giả sẽ nói lên nỗi niềm khắc-khoải bàng-khuàng như thế nào nữa. Chúng ta làm sao mà đoán được, ngọn trào thơ đó dâng lên mệnh mông bất-ngát đến chừng nào, từ một tâm-hồn sâu-thẳm, đang bị lay-động.

Thôi, đến đây, chúng ta nên dừng lại thì hơn. Đến đây cũng đã đến tuyệt đỉnh rồi. Chúng ta cứ đứng lại chỗ cao phong độc tú này mà thưởng-thức mà tận-hưởng. Bước thêm bước nữa, là chúng ta bị rơi tuột sang bên kia dốc núi. Từ cao rơi

xuống thấp, chúng ta sẽ tan mất hứng-thú lúc đang làm.

Sang bên kia dốc núi, chúng ta sẽ không tìm lại được những gì mà chúng ta chờ đợi ở Thanh-Quan.

Bước thêm bước nữa, là chúng ta bị rơi ngay vào chỗ tầm thường, rất đời tầm thường :

Khéo ngần-ngor thay lũ trọc đầu !

Trời ! Bà huyện Thanh - Quan ! Bà huyện Thanh-Quan cao-nhã thung-dung, Bà huyện Thanh-Quan khuê-trang dài-các của chúng ta, mà cũng nói được đến những 7 tiếng như vậy hay sao ?

Còn đâu là đại-gia văn-chương, còn đâu là tâm-hồn thanh-nhã, như chúng ta thường tiếp nhận được ở Bà huyện.

Ngủ quách việc đời thây kẻ thức

Chùa đâu thững trọc đã hồi chuông. Ở miệng Tú-Xương trào-lộng, trào-lộng đến khinh-bạc, mà nói ra câu đó, chúng ta nghe còn thấy nó thế nào ấy, huống là :

Khéo ngần-ngor thay lũ trọc đầu
Sao mà Bà huyện cũng nói y hệt được một câu bừa bãi như vậy.

Hoặc giả cho rằng Phật-giáo ở nước ta về khoảng Lê-mạt, Nguyên-sơ đã bạc nhược lắm. Phật-pháp không chính, Phật-học không thông, chùa chiền không ra chùa chiền, sư vãi không ra sư vãi. Ác-tăng tục-ni đã làm bại hoại cảnh cửa Phật am mây, thì ai dần được nổi tức giận mà không buông lời mắng mỏ. Phải có những câu thơ như thế, mới nhìn thấy được phản ảnh của xã-hội đương thời.

Chúng ta muốn đòi hỏi :

Những :

*Ngẫu qua trúc viện phùng tăng thoát
Khước đắc phù sinh bán nhật nhân*

Hầu chuyện nhà sư trong viện trúc

Nửa ngày nhẹ tạt nổi phù sinh

của Đường của Tống.

Những :

Gió thông reo kệ tan niềm lục

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời

của Lý của Trần.

Thì, chốn thiền môn tu-viện còn đâu được phong khí u nhàn cao khiết nữa mà mong tìm.

Biện luận đó, cận hồ hữu lý ; nhưng chúng ta bỗng nhớ tới Chu Mạnh-Trình. Họ Chu cũng là một nho sĩ thi nhân, đồng thời với nho sĩ thi nhân họ Trần ở đất Vij-hoàng.

Cũng thì nghe tiếng chuông chùa, mà Chu Mạnh-Trình thì :

Thỏ thẻ rừng mai chim cùng trái

Lữn lờ khe Yến cá nghe kinh

Thoảng bên tai một tiếng chày kinh

Khách tang hải giật mình trong giấc mộng

Lăn tràng hạt niệm nam mô Phật

Cảnh từ bi công đức xiết bao

Vậy, người đời sau sẽ xét Phật-giáo nước ta thế nào, qua những thơ văn đương thời.

Ấu đó cũng chỉ là một nhận xét phiến diện, cũng là tùy quan-niệm của mỗi thi nhân mà thôi.

Cũng thì đêm không ngủ được, nghe tiếng chuông đồng vọng, mà Trương Kế thì :

Cô-lô thành ngoại Hàn san tự

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền
mà Trần Kế-Xương thì bực bội, vì tiếng

chuông chùa đã làm cho mình thêm khó ngủ, rồi bắt « thẳng tọc » đưa đầu ra cho mình gõ vào chơi, cho đỡ nỗi « đêm nao đêm nao tới cũng buồn »



Sao mà, đọc Xuân - Hương, chúng ta không thấy kỳ chướng.

Bởi vì, Xuân - Hương đã cho chúng ta biết trước rồi :

Chẳng phải ngô, chẳng phải ta

Đầu thì tọc lốc áo không tà

Chúng ta đã đoán được Xuân - Hương dở giọng giễu cợt như thế nào rồi.

Cho nên, chúng ta không lấy làm lạ lòng chi nữa.

Chúng ta, dẫu không hoàn toàn đồng quan điểm « Vợ đứa cả năm » của Xuân - Hương, mà khi nghe giọng pha trò, chúng ta cũng góp cười chơi một nụ cười vô tội.

Ở Thanh - Quan, không thể nào nghe được giọng nói của Xuân - Hương chen vào đó.

Mặc dù, chúng ta đã thuộc lòng rồi, nhưng chúng ta cũng thử đọc lại mà xem. Bảy câu trau chuốt thế nào ấy, từ ý thâm trầm thế nào ấy, mà đến câu thứ 8 tác-giả bỗng chửi đồng một câu đến chối tai thì nghe làm sao được.

Dầu sao đi nữa, dầu không sẵn lòng tín ngưỡng nữa, chúng ta có ai nỡ gọi các nhà sư là « thẳng kia lữ nọ tọc đầu » chưa !

Trách gì chúng ta không muốn nghe, không muốn thấy, không đòi cắt bỏ nó đi cho công-trình mỹ nghệ phẩm của Bà huyện Thanh-Quan được hoàn-toàn.



Hoặc giả nói : nếu bỏ câu thứ 8 đi mà bài thơ còn đối nghĩa. Rằng : hành-cung đành đã mất mà chùa thì hãy còn đây.

Nếp áo châu mây đã phong rồi, mà bên tai, cứ vẫn còn chưa dứt hồi chuông kim-cồ.

Người xưa cảnh cũ nào đâu tá ?

Ôi ! Hỏi mà làm chi, hỏi mà không trả lời được, thì hỏi mà làm chi cho nào nuốt.

Hồi chuông đầu đó, bỗng lại vang lên; âm hưởng ngân-ngã, lan lan trên nước rộng, âm hưởng du-dương lâng-lâng trên trời không.

Đứng trước cảnh trời nước mung lung phiêu diêu, đương trong giờ phút mộng ảo mơ màng đó, sao mà tác-giả không cảm thấu nghĩa Sắc, Không. Tác-giả không đem nhãn quang sắc tướng mà nhìn thấy hư-không, và sao không đem tâm-hồn hư-không mà cảm-thông sắc tướng.

Người xưa cảnh cũ nào đâu tá ?

Thôi ! hỏi nữa mà làm chi ! Tứ thơ ý cảnh đã phô-bày ra trước mắt đây rồi. Trời nước Hồ-Tây, một màu bàng-bạc, nước sắc với trời không, đã trả lời cho người đang bàng-hoàng trước chốn cổ-cung, muốn tìm nhận lại dấu tiền triều.

Hồi chuông đầu đó bỗng lại vang vang:

Nước Sắc trời Không lẫn một màu.

ĐÔNG-HỒ

Úc-viên, tiết thanh-minh năm kỷ-hợi

— 5 - IV - 1959 —

Phương - pháp phân - định từ - loại

(Tiếp theo B.K. số 60)



2. Cách phân từ-loại thứ nhì chúng tôi muốn trình-bày là cách mà Giáo-sư M.B. Emeneau đã dùng trong cuốn văn-phạm tiếng Việt của ông, ² xuất bản năm 1951. Giáo-sư Emeneau, hiện là Trưởng-Ban Ngữ-học tại Viện Đại-học California, Trung-tâm Berkeley, là một học-giả lỗi-lạc, có tiếng cả hai bên bờ Đại-tây-dương và đã từng làm chủ-tịch Hội Ngữ-học Hoa-kỳ (Linguistic Society of America). Thật ra ông là một nhà chuyên-môn về ngữ-tộc Dravidiêng. Song trong khoảng thời-gian từ mùa hè 1943 tới cuối năm 1944, giữa lúc Đại-chiến Thế-giới lần thứ hai đang kịch-liệt, ông đã được mời giúp việc giảng-dạy ngoại-ngữ trong Quân-đội Mỹ. Cùng với một số những nhà ngữ-học Mỹ khác, ông lo tổ-chức một lớp Huấn - luyện đặc - biệt với mục-dích dạy cho binh lính Mỹ cấp-tốc nói được tiếng Việt. Công-việc khảo-cứu bắt đầu tại một khóa Chuyên-tu Ngữ-học tổ-chức tại Viện Đại-học Wisconsin, rồi công-việc giảng dạy thật-sự thì làm ngay tại khu đại-học Berkeley. Giáo-sư

★ ————— NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

Emeneau có hai người giúp việc chính là ông Lý-Đức-Lâm, quê ở Vinh, và ông Diether von den Steinen, đồng-dối người Đức. Ông Lâm cho ông những dữ-kiện ngữ-âm, để giúp việc phân-tích âm-vị tiếng Việt, xong rồi lại giúp việc soạn bài học, bài tập, và bài đọc. Ông von den Steinen vì am-tường tiếng Trung-hoa nên giúp Giáo-sư Emeneau trong việc phân-tích các tiếng, các câu có phần Hán-Việt. Kết-quả là có một số những sinh-viên và sĩ-quan Mỹ hồi 1945 nói tiếng Việt sõi đến nỗi người Việt-Nam quanh vùng Hà-nội đều ngạc-nhiên rằng họ nói giọng Vinh. Chính Giáo-sư Emeneau thì

² Emeneau, M. B., *Studies in Vietnamese (Annamese) Grammar*. University of California Publications in Linguistics, Vol. 8. (Berkeley and Los Angeles : University of California Press, 1951). Nhan sách có nghĩa là « Tìm hiểu văn-phạm Việt-Nam » mặc dầu sách dày tới 236 trang, việc phân-tích kỹ-lượng tỉ-mỉ hết sức, khiêm-tốn thay ! nhưng cũng tiếc thay một tờ báo Anh-văn ở Sài-thành đã đánh cắp nguyên văn từng đoạn — cả những đoạn giáo-sư Emeneau làm — trong một bài nói về Việt-ngữ hồi 1956-57.

tuy không nói chuyện được lưu-loát bằng tiếng Việt, song mỗi khi ta bàn đến một tiếng nào thì ông hiểu ngay và có thể phát-âm — và lẽ tất-nhiên bàn đến cách phát-âm — một cách rất đích-xác.

Chúng tôi đã và sẽ có dịp giải-thích rõ điểm hơi mâu-thuẩn này : « là làm sao dạy một ngoại-ngữ mà lại không thể nói chuyện được bằng ngoại-ngữ ấy với người bản-xứ ? »³ Tại đây chúng tôi sẽ chỉ trình-bày những từ-loại ông đã thấy trong tiếng Việt sau khi phân-tích kỹ-lượng và dạy Việt-ngữ một cách tối-hiệu-lực cho một số người Mỹ.

Giáo-sư Emeneau phân-biệt năm tự-loại chính là : (1) danh-từ, (2) động-từ, (3) liên-từ, (4) hậu-trí-từ (final particle), và (5) thán - từ. Ông công - nhận (trang 79) rằng ngữ - liệu của tiếng Việt không thay-đổi về mặt ngữ-vị — trừ những chữ lấy hay trùng-điệp — nên chỉ có hai từ-loại cuối cùng là dễ nhận-dạng, chữ liên-từ đã bắt-đầu khó, rồi đến động-từ và danh-từ thì khó lắm. (Lẽ tất nhiên, đối với một người Việt ta, bảo tiếng này là « danh-từ », tiếng kia là « động-từ » thì dễ lắm, nhưng ta không có những chứng-cớ về hình-thất). Dù sao chẳng nữa, dưới đề-mục Hậu-trí-từ, ông Emeneau xét kỹ 17 tiếng sau đây : trong đó 2 tiếng dùng cuối các câu hỏi :

- chưa. Anh ấy đã đến chưa ?
- không. Anh có mang sò theo không ?
- à. Thế à !

³ Biết bao giáo-sư ngoại-ngữ người Việt — kể cả tác giả bài này — phân-tích thì rành-rọt văn-phạm chẳng cũng cũng giỏi, nhưng người nói người nghe, ta nói ta nghe, mà phần lý-thuyết thật ra ù-ù cạc-cạc !

- ạ. Hai cháu xin chào bác ạ !
- chẳng. Trời sắp mưa chẳng ?
- chứ. Các anh uống cà-phê rồi chứ !
- đấy. Anh đi đâu đấy !
- đi. Anh đi ăn đi !
- hả. Anh ấy đi vắng hả !
- kia. Không, anh ấy nói nhiều kia !
- kia. Con gà mái tơ kia kia !
- mà. Đưa tôi mà ! Tôi đã nói với anh mà !
- nghe. Pha trà nghe !
- nhé. Anh đứng đây chờ tôi nhé !
- nhì. Sao lại dặt thế nhì !
- ư. Chúng ta đành nhận dối ư !
- này. Đây này ! Xem này !

Thán - từ được nghiên - cứu trong Chương 8 : tất-cả mười ba tiếng đơn là *a, à, bốp, chà, ê, giạ, ha, hà, ô, ồ, ôi, úp, ư*, và những tiếng kép là *ô hay, ôi thôi, ôi chao, úi chà, lạy chúa, hứ vớa*.

Về liên-từ, giáo-sư Emeneau có chia ra làm liên-từ tập-hợp (*và, vả, nhưng, hay*) và liên-từ phụ-thuộc (*nếu, hễ, vì, mà, dù, v. v.*).

Loại lớn gọi là *substantives* thì được chia ra làm :

- a. danh-từ ;
 - 1. danh-từ cần loại-từ ;
 - 2. danh-từ không cần loại-từ.
- b. loại-từ ;
- c. số-từ ;
- d. chỉ-định-từ ;
- e. nhân-danh, định-danh ;
- f. đại-danh-từ.

Riêng về hạng cuối cùng, Giáo-sư Emeneau phân-biệt một mặt các đại-danh-từ chỉ-dịnh và nghi-vấn, một mặt các đại-danh-từ nhân-xưng. Ông bảo trong số các đại-danh-từ nhân-xưng, chỉ có những tiếng như *anh, bà, bác, cậu, con, cô, cháu, chị, chú, em, me, ông, thầy*, thì số nhiều dùng tiếng « các » đằng trước, còn những tiếng như *mình, ta, tao, tôi, mày, nó* thì về số nhiều cần tiếng « chúng ». Ông nói nhóm trên dùng chỉ nhiều ngôi, chứ không phải chỉ ngôi thứ nhất như nhóm dưới. Tuy nhiên, ông đã quên, hay không biết, đến những tiếng « chúng anh », « chúng ông » bên cạnh « các anh », « các ông ».

Giáo-sư Emeneau công-nhận (tr. 45) rằng chắc-chắn, căn-cứ vào cách đặt câu, ta có thể phân-biệt được nhiều hạng động-từ. Ông cho biết ông đã phân-tích rất nhiều về chi-tiết, song ông bảo thế cũng chưa đủ để sắp các hạng nhỏ trong loại

động-từ. Ông xét riêng (64-73) các động-từ như *có, không, làm, đừng, chiều, cùng, mất, vắng, chết, đề, đi, sụp, nhiều, lâu, được, nên, đã, bị*, đề chứng-minh xem động-từ Việt-Nam phức-tạp đến thế nào. Tuy ở trang 74, ông có lập một bảng chỉ rõ thứ-tự trong câu của những động-từ *cũng, sẽ, đã, chớ, đừng, không, chẳng, chưa, tự*, nhưng đây mới là nêu lên vấn-đề chứ chưa đưa ra một giải-đáp rõ ràng.

Một câu như :

Họ cũng đều đã không chịu chạy đến lạy van xin việc.

Sẽ còn làm cho các nhà ngữ-học cấu-thức thắc-mắc — cho tới khi nào có cách nào biết trước trợ-động-từ nào sẽ đứng vào cột nào, chẳng hạn, vì Xin Việc là trụ-cột, thì *van* là 1, *lạy* là 2, *đến* là 3, v v.

(còn tiếp)

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

★ Ở đời ai cũng mong được người có thiện-cảm với mình và hiểu biết mình. Bởi vậy nỗi vui, nỗi buồn của một công-nhân không thể chỉ là chuyện riêng của người ấy, mà phải là một cơ-hội cho chủ-nhân có dịp tiếp-xúc với một tâm-hồn. Chủ-nhân biết gắn gủi công-nhân của mình trong những giờ họ lo âu hoặc trong những phút họ sung-sướng, thường hiểu được lòng họ sâu hơn và mau hơn là điều-khiến họ lâu hằng mấy năm mà không hề biết gắn gủi họ.

★ Biết nói với một binh-sĩ và tỏ ra hiểu họ, đó là cách chắc-chắn nhất thấu được lòng họ và làm cho họ tin-tưởng, khi gặp nguy-hiểm, quyền-lợi của họ sẽ được bảo-toàn, vì là quyền-lợi đã được nhìn nhận.

★ Nên để cho người có cảm-giác rằng những thắc mắc riêng tư của họ rất được kể ở cấp trên lưu-ý.

HỒN TRUNG-HOA VÀ KI-TÔ GIÁO.

(Xin coi Bách-Khoa từ số 48)

F. HOUANG

Phan-Khoang và
Hoàng-minh-Tuynh (dịch)

GIÁO-LÝ của Mặc-tử, như chúng tôi trình bày sơ-lược trên đây, có thể giải thích như là một chủ-nghĩa « công-lợi ». Đó là ý-kiến của nhiều sử-gia có tên tuổi. Lẫn - lộn « kiêm-ái » với « lợi chung », Mặc-tử cho ta thấy rằng ông cho « nghĩa » là « lợi ». Tuân-tử, một danh triết thuộc Nho - gia, đã nhận thấy khuynh - hướng công-lợi ấy, bởi vì, theo ông, tình thương mà phải trả lại bằng lợi lộc thì không phải là tình thương nữa, và chỉ là một công-lợi, chỉ là tìm kiếm lợi ích mà thôi.

Ông Phùng - Hữu - Lan, trong hai bộ Trung-quốc triết-học-sử, đều cho Mặc-tử là một nhà tư - tưởng công - lợi. Trước hết, công-lợi vì ông lấy hạnh-phúc của nhân-dân làm tiêu-chuẩn cho mọi giá-trị (1) ; và công-lợi vì ông quan-niệm kiêm-ái không chỉ là nguồn lợi cho mọi người mà còn là nguồn lợi cho mình nữa (2) ; sau cùng công-lợi vì ông dùng sự thưởng phạt về tôn-giáo để chứng-minh thuyết kiêm-ái của

Kiểm ái của Mặc-Địch và bác ái của Ki-tô-giáo

ông. Nếu Trời thưởng, phạt những kẻ tuân hoặc không tuân ý Trời, phải chăng chính lòng sợ trừng phạt ấy nó bắt buộc nhân-dân phải thực hành kiêm-ái ? (3)

Một sử-gia Trung-quốc khác, cũng cho Mặc-tử là một người chủ-trương « công-lợi » về tôn - giáo. Ông nói tôn - giáo của Mặc chỉ là một phần luân-lý của ông. Mặc tôn sùng các giá-trị xã-hội, « nhân » và « nghĩa », như là của Trời. Thật là kỳ dị khi thấy điều Trời muốn lại là điều mà chính Mặc giảng dạy (4). Vậy nên ông này không muốn nhìn nhận Mặc có một tinh-

(1) Histoire de la philosophie chinoise (bằng Hán-văn) 1946, quyển 1, trang 119 ; Précis d'Histoire de la philosophie chinoise (bản dịch ra Pháp-văn), 1952, trang 74.

(2) Histoire, trang 126 — 128 ; Précis trang 75.

(3) Histoire, trang 129 — 132 ; Précis trang 76.

(4) Moïse, the neglected Rival of Confucius, 1934, trang 149...

thần tôn-giáo chính-xác, tôn-giáo của Mặc-tử chỉ có giá-trị khi nó có ích, khi nó đem lại hạnh-phúc cho người (1).

Chúng tôi tưởng rằng muốn nghiên-cứu tư-tưởng của một người tín-giáo sâu xa như Mặc - tử, đem rút hẹp tư - tưởng ấy trong vài nguyên-tắc về luân-lý công-lợi thì thật không đủ. Phải đi ra ngoài các điều nghị-luận bề ngoài có vẻ công-lợi ấy để thử vào sâu trong tín-niệm sâu kín của nó mới phải.

Trước hết, chủ-nghĩa công-lợi của Mặc-tử hơi khác nghĩa với danh-từ công-lợi người ta thường hiểu. Ông không bao giờ khuyến-khích người ta bằng cách tính-toán vô-tình, đi tìm lợi, ông chỉ giảng-thuyết một tình thương, tình thương ấy nếu được phổ-biến, và được mọi người thực-hành, thì sẽ có lợi. Như vậy, ông không nghĩ đến lợi riêng ông, hay lợi của một người nào, mà lợi của tất cả mọi người. Do đó, có một nghịch-lý trong chủ-nghĩa công-lợi của ông : muốn làm lợi cho mọi người, mỗi người phải hy-sinh lợi riêng của mình. Trong khi kiêm-ái chưa thực hành trên thế-gian, người ta không có lợi, mà chỉ hy-sinh thôi. Hễ chín người con trong chuyện ngụ-ngôn kể trước đây không hợp tác với người anh đương cày ruộng, thì người này, dẫu vì công-lợi, cũng phải một mình mang lấy gánh nặng cho tất cả. Như vậy có phải là tìm lợi, có phải là công-lợi không ?

Những kẻ cho Mặc-tử là một triết-gia công-lợi chủ-nghĩa hình như không xét đến kinh-nghiệm tôn-giáo chính-xác của ông một cách đầy đủ. Khó mà quan-niệm

(1) Moïse, the neglected Rival of Confucius, trang 158.

rằng ông dùng lòng tín-ngưỡng Trời như một lợi-khí làm cho người ta tín phục, mà đồng thời ông không sống một đời sống tôn-giáo thật sự. Chỉ cần nhắc lại hai đoạn sách của tác-phẩm ông đề tin chắc như vậy. Nói đến kẻ phạm tội lỗi bị Trời xua đuổi, ông viết : « Kẻ đã phạm tội với Trời không biết trốn tránh nơi nào, vì nơi nào Trời cũng trông thấy, Trời dò xét thấu đến rừng rậm, hang cùng không có người ở », (2) đó há chẳng phải ông cho ta biết một kinh-nghiệm tôn-giáo ông đã trải qua rồi đó sao ? Cái cảm-giác về sự hiện-diện của Trời ấy khiến chúng ta nhớ lại mấy câu Thánh-Thơ. (3) Cũng như khi nói về vua Văn nhà Chu, ông thuật lại những lời Thượng-đế nói với vua này : « Ta biết đức sáng của người, người không lên tiếng một cách kiêu-căng, không tìm

(2) Thiên-chí : ... Thà ngừ ngôn hữu chi : Nhật yên nhi án, nhật yên nhi đắc tội, tương ô đào tị chi ? Viết : vô sở đào tị chi. Phù Thiên bất khả vi, lâm cốc u môn vô nhân, tất minh kiến chi. » (Vả, cò-ngừ có nói : Ngày nào cũng tội, ngày nào cũng làm nên tội, còn trốn đi đâu ? Rằng : Không có chỗ trốn. Trời không thể trái, hang rừng cửa tối, Trời đều trông thấy rõ ràng).

(Chú thích của dịch giả)

(3) Thánh-thơ 139, tiết 1-3 :
Yahvé, Chúa dò xét tôi và biết Tôi ;
Tôi đứng hay tôi ngồi, Chúa đều biết cả,
Ở xa, Chúa hiểu thấu tư-tưởng tôi ;
Tôi đi hay tôi nằm, Chúa đều cảm thấy.
Đường lối của Tôi đều quen thuộc với Chúa,
và tiết 7-8.

Tôi đi nơi nao mà xa khỏi trí Chúa.
Tôi trốn nơi nào mà thoát khỏi mặt Chúa.
Tôi có treo lên thượng tầng trời xanh. Chúa cũng đã ở đó rồi.

Tôi có nằm trên tận Sheól, Chúa cũng đã ở đây rồi. (Bản dịch Bible de Jérusalem).

cách đề khoe khoang, không làm theo ý muốn riêng của mình, mà trong sự cai-trị, chỉ lo sao cho phù-hợp với ý muốn của Thượng-đế. » Mấy lời này, rút trong Kinh-Thi, là một trong đoạn sách độc nhất, trong đó Trời xưng « Ta » mà nói với người. Mặc-tử nhắc lại chữ « Ta » Thượng-đế dùng khi nói với vua Văn, há chẳng đã đề cho chúng ta đoán biết tình thân-mật giữa ông và đấng Chí-tôn đó sao ? Kinh-nghiệm ấy chẳng khiến chúng ta nhớ lại các nhà tiên-tri của Israel hơn là các triết-gia công-lợi hiện-đại sao ?

Và, người ta sẽ hiểu Mặc-tử rõ hơn, nếu đem đối chiếu ông với tinh-thần Thánh-Kinh. Khi các nhà tiên-tri hứa hẹn với kẻ tuân theo ý muốn của Chúa Trời những ân-huệ vật-chất, chủ ý của các nhà ấy không phải là đề cớ vũ cho một chủ-nghĩa công-lợi, mà chỉ đề truyền-bá một giáo-lý chính-xác về tôn-giáo. Vậy chúng tôi tưởng rằng lợi của toàn dân không phải là duyên-cớ mà là kết-quả của sự thực-hành khiêm-ái và tuân theo Thiên-chí đó thôi. (1)

Hình như chúng ta có thể nói rằng Mặc-tử gần các nhà tiên tri Israel và Chúa Giê-su ở Nazareth hơn bất cứ triết-gia công-lợi hiện-đại nào. Cõ-nhiên, sự ưa thích lý-luận làm cho ông giống một nhà biện-hộ tôn-giáo hơn là một soạn-gia Thánh-kinh, nhưng quan-niệm của ông về thiên-nhiên coi thiên-nhiên như là sự phát-biểu lòng tốt của Trời đối với người, lại có phần nào giống với giáo-lý của Thánh-kinh. Thiên-Chúa của Thánh-kinh phải chăng là ý-chí linh hoạt hay thương yêu, làm cho mặt trời

chiếu sáng, cho mưa móc thấm-nhuần, mặc áo cho hoa huệ ở ngoài đồng nội, và nuôi dưỡng cả loài chim quạ ? (2) Thiên Chúa đã chẳng đếm sợi tóc chúng ta như Trời của Mặc-tử đã chú ý đến những sợi lông nhỏ của ta đó sao ? Thiên Chúa chẳng phải là chủ-tể của lịch-sử, nâng lên cao và hạ xuống thấp các quốc-gia, các nhân-vật, cũng như Trời của Mặc-tử khi thì ban ân huệ cho người lúc bắt họ phải chịu tai họa đó sao ? (3)

Nếu nghiên-cứu kỹ tư-tưởng của Mặc-tử, người ta sẽ không khỏi biệ-n-biệt trong ấy những điểm tương tợ lạ lùng với tư-tưởng của các nhà tiên-tri Cồ-Đo-thái ở thế-kỷ thứ VIII, với cả tư-tưởng của Chúa Giê-su nữa. Lý-thuyết « nghĩa » của ông làm ông rất giống các nhà tiên-tri, nhưng lý-thuyết khiêm-ái của ông lại khiến ông rất gần với Chúa Giê-su.

Nhiều Giáo-sĩ đã nhìn nhận rằng Mặc-tử có thể gặp gỡ các nhà tiên-tri Israel. Ông Rechelet đã nói : « Trong cổ văn-học Trung-quốc, không nơi nào người ta trình bày Trời trực-tiếp nói với người. Giáo-lý của Mặc-tử cũng như một tiếng vang của giáo-lý các nhà tiên-tri trong Cựu-uớc vậy (4).

Đối với các nhà tiên-tri ấy cũng như đối với Mặc-tử, tôn-giáo không phải là sự tôn sùng luân-lý như thần thánh mà luân-lý chỉ là kết quả tất-nhiên của tôn-giáo. Nếu các nhà tiên-tri tổ cáo các điều bất công

(2) Math, V, 45 ; VI, 28-30 ; Luc, XII, 24.

(3) Luc, I, 52.

(4) Rechelet, K. L. *Meditation and Piety in the Far East*, 1953, trang 164 Wallace, *China Recorder*, 1931, trang 559, Rowley, *Submission in Suffering*, trang 140, A.C., *Comparative Religion*, 1951, trang 184.

(1) Rowley, *Submission in Suffering*, trang 133.

xã-hội và bênh vực hạng người yếu, nghèo, hèn mọn, cũng với bấy nhiêu nhiệt-tình như Mặc-tử, đó là họ nghĩ rằng an-lạc và hạnh-phúc là những điều mà Thiên-Chúa muốn cho mọi người được hưởng-thụ. Lấy Trời làm trung-tâm như Mặc, và cũng như Mặc, họ không bao giờ quên những người đồng-thời của họ trong sự kiện ấy.

Trước mắt họ, mọi tội lỗi là một sự phản-bội Thiên-Chúa, làm điều bất công, đề phạm tội với người, đối với Amos, Osée, Michée và Isaie, đó là chống đối Thiên-Chúa, vì Thiên-Chúa muốn rằng mọi người đều thực-hành lẽ công-bằng, cho phù hợp với ý muốn của Ngài. Rất nhiều đoạn sách trong tác-phẩm của Mặc-tử đều nói một luận-diệu như thế.

Tưởng nên nói thêm rằng đối với các nhà tiên-tri cũng như đối với Mặc-tử, lẽ công-bằng tuy khoắc một hình-dáng xã-hội, nhưng thật nó vẫn gốc ở tôn-giáo. Các nhà tiên-tri đã tố cáo kẻ giàu, che chở người nghèo, cảnh-giác những khổ-sở, tai ương của thời-đại và xã-hội họ. Nhưng làm như thế, họ không tự xưng là những kẻ cách-mệnh xã-hội, họ chỉ cho mình là kẻ mang mệnh-lệnh của Thiên-Chúa tới mà thôi. Nếu họ lo thiết-lập một nền công-bình trên trái đất, đó là họ muốn thừa thuận phục-tòng bản-chất của Thiên-Chúa. Lẽ công-bằng, đối với họ cũng như đối với Mặc-tử, là một chuẩn-tắc sáng suốt để theo đó mà đánh giá mọi việc của loài người. Thiên-Chúa đối với người, chỉ bắt buộc một điều là phải công-bằng, người đối với Thiên-Chúa, chỉ phải tuân giữ một điều là tùy-phục ý muốn của Thiên-Chúa.

Nhưng chúng ta cũng không nên đi quá xa trong việc đối chiếu những điểm tương-

đồng giữa các nhà tiên-tri và Mặc-tử, bởi vì nếu lý-thuyết công-bằng trong Cựu-ước có giúp chúng ta hiểu rõ lý-thuyết « nghĩa » của Mặc-tử thì quan-niệm của triết-gia này về lý-thuyết nhân-ái lại khiến chúng ta gần với Tân-ước hơn. Đối với các nhà tiên-tri, cả Osée cũng vậy, lòng nhân-ái của Thiên-Chúa tuy ám chỉ bao hàm toàn thể chúng nhân, song hầu như vẫn còn có sự lựa chọn, ở Mặc-tử thì Trời thương dân không lựa chọn xương thịt nào, và thương mọi người như nhau. Lòng thương này không có biên-giới xã-hội, quốc-gia, chủng-tộc; phạm-vi nó xa rộng cũng như lòng bác-ái của Chúa Giê-su. Cho nên, ta không lạ khi thấy người ta cho ông là tiên-khu của Ki-tô giáo, và một đối tác-giả Trung-quốc đã thích ý trình bày « tôn-giáo » của ông như là chị em song-sinh với Ki-tô giáo vậy (1).

Chúng ta hãy đọc lại đoạn sách của Mặc-tử đã trích ra trên kia :

Có hai người, một người theo thuyết « biệt » và một người theo thuyết « kiêm ». Người trước nói : « Sao ta có thể coi thân bạn như thân ta, coi cha mẹ bạn như cha mẹ ta được ? » Rồi người ấy thấy bạn đói không cho ăn, rét không cho mặc, ốm đau không chăm nuôi, chết không chôn cất. Đó là ngôn-ngữ và hành-vi của người theo thuyết « biệt ». Người theo thuyết « kiêm » thì khác. Người này nói : « Ta nghe nói làm kẻ cao sĩ trong thiên hạ ắt coi thân người như thân mình coi cha mẹ người như cha mẹ mình. Như thế mới là kẻ cao sĩ. » Rồi người

(1) Hoang Tsen-Yue, Etude comparative sur les philosophies de Lao-tseu, Khong-tseu, Mo-tseu, 1925, trang 143.

ấy thấy bạn đói cho ăn ; rét thì cho mặc ; đau thì săn sóc ; chết thì chôn cất. Đó là ngôn-ngữ và hành-vi của người theo thuyết « kiem ».

Chữ « bạn » trong đoạn sách trên đây không phải nghĩa là bằng hữu, mà nghĩa là « kẻ đồng loại » (prochain), theo nghĩa Ki-tô-giáo của danh-từ ấy. Mặc-tử nói : « anh hãy thương bạn anh như thương anh. » Câu này, trên thực-tế, tương đương với lời phán này của Chúa Giê-su : « Con hãy thương người đồng-loại con như con thương chính con. » Chữ « bạn » ở đây dùng với một nghĩa cũng phổ-biến như chữ « đồng-loại » trong ngôn-ngôn người Samaritain tốt lành.

Điều lạ-lùng hơn nữa là tất cả đoạn sách trên nhắc lại chúng ta một đoạn sách của thánh Matthieu, XX, 34-46 :

« Rồi Vua phán với những kẻ ở bên hữu : *« Hỡi những người được Cha ta ban phúc, hãy lại đây, hãy nhận lấy Vương-quốc như là di-sản truyền lại cho các người, và đã được sắp đặt cho các người từ khi sáng tạo thế-gian. Bởi vì, ta đói các người đã cho ta ăn, ta khát, các người đã cho ta uống ; ta là người xa lạ, các người đã tiếp đãi ta, ta trần truồng, các người đã cho ta áo mặc, ta bị đau ốm các người đã viếng ta, ta phải giam cầm, các người đã đến thăm ta »*. Bấy giờ những người công-chính thưa lại : *« Lạy Chúa, chúng tôi có được thấy Chúa đói để nuôi Chúa, thấy Chúa khát để cho Chúa uống, thấy Chúa trần truồng để cho Chúa mặc, thấy Chúa bị đau ốm, phải giam cầm, để đến thăm Chúa lúc nào đâu ? »* Rồi Vua phán với những kẻ ở bên tả : *« Hỡi những kẻ độc ác*

kia, hãy xa khỏi ta, mà vào lửa đời đời đã được sắp đặt cho loài quỷ dữ. Bởi vì ta đói, các người không cho ta ăn, ta khát các người không cho ta uống, ta là người xa lạ các người không tiếp đãi ta, ta trần truồng các người không cho ta áo mặc, ta bị đau ốm, phải giam cầm các người không thăm viếng ta ». Các người này hỏi lại : *« Lạy Chúa, chúng tôi có được thấy Chúa đói, khát, xa lạ, trần truồng, đau ốm hay bị giam cầm mà không cứu giúp Chúa lúc nào đâu ? »*

Chúa liền phán với họ : *« Ta nói thật với các người, hễ các người đã không làm các điều ấy cho một trong những kẻ hèn mọn này chừng nào, thì các người cũng không làm cho ta chừng ấy. »* Rồi hết thảy mọi người đều đi, hạng sau này thì đi chịu hình phạt đời đời, hạng công-chính thì đi hưởng sự sống đời đời ». (1)

Hiền-nhiên trong đoạn sách này của thánh Matthieu, lẽ công-bằng nói đó là lẽ công-bằng siêu-tục, còn Mặc-tử cũng như các nhà tiên-tri thì tự hạn-chế ở trong lẽ công-bằng tự-tại, hăng lệ. Tuy vậy, nội-dung bác-ái ở hai bên vẫn là một.

Thật vậy, đối với thánh Matthieu cũng như đối với Mặc-tử và các nhà tiên-tri, lòng thương hết thảy loài người là một mệnh-lệnh của Thượng-đế, một sự phát biểu ý muốn của Thượng-đế. Chúa Giê-su chẳng đã ra đời để thực-hiện ý muốn của Chúa Cha sao ? (2) Và ý muốn ấy phải chăng là thương tất cả mọi người, đến chết

(1) Bản dịch Bible de Jérusalem.

(2) Matth : VI. 9 ; Jean IV, 34.

cho họ ? (1) Có lẽ vì lý-do ấy mà Chúa Giê-su, cũng như Mặc-tử, hy-sinh luật tự-nhiên của tình thương để tuân theo ý muốn của Thượng-đế. Ngài chẳng đã phán lời này, lời mà các tín-dồ Ki-tô giáo hay lãng quên mất : « Những kẻ tuân theo ý muốn của Thiên-Chúa là mẹ ta, là anh em ta. » (2) ? Và chúng ta sao khỏi ngạc-nhiên khi nghe lời nói ấy cũng thốt ra ở miệng Mặc-tử ?

Creel cho rằng tình thương của Mặc-tử khác với tình thương Ki-tô-giáo ở chỗ tình thương của Mặc-tử thuộc về tâm thần (a thing of the mind), còn tình thương của Ki-tô-giáo thuộc về tình-cảm (emotional). Tuy vậy, bữa ăn chiều của các tín-dồ Ki-tô giáo dùng với nhau xưa kia (agape) (để nhớ lại bữa ăn Chúa dùng với môn-đệ trước khi bị nạn) hình như trái ngược với sự thương yêu tình-cảm, trái ngược với lòng thương yêu đồng-loại căn-cứ trên cố-năng tình-cảm. Bữa ăn ấy không phải là cảm-tình của con người đối với kẻ đồng-loại, nó là một hành-vi hảo ý mà tích-cực. Nó nhằm việc phát-động điều cốt-thiết trong mục-đích phải theo đuổi. Nó có thể là điều bó buộc phải làm và được lệnh phải làm còn cảm-tình thì không thể bó buộc được. Tình thương của Mặc-tử không xa lắm với bữa cơm chiều agape của Ki-tô-giáo.

Trong tư-tưởng Mặc-tử, điểm giống với Ki-tô-giáo rõ ràng không chối cãi được là ý-tưởng « *Thiên Chúa là tình thương.* » Vì

(1) Marc, XIV. 36 ; Luc XXII, 42 ; Matth, XXVI, 39

(2) Marc, III, 35 ; Matth XII, 46 ; Luc, VIII, 21

(3) H. G. Creel, Chinese Thought, 1954, trang 70.

để làm tái-sinh ở chúng ta tình thương phát-động ấy của Thiên-Chúa mà Chúa Giê-su đã chết trên cây Thánh-giá và Mặc-tử đã chịu những hy-sinh vô-biên cho lợi-ích của nhân-dân. Lương-Khải-Siêu đã nói về Mặc-tử : « Phòng như loài người có đóng đinh ông trên một cây thập-tự, ông cũng không tiếc, mà còn chịu đựng với một nụ cười » (1).



Sự đối chiếu chúng tôi đã phác họa giữa lòng nhân-ái của Mặc-tử và của Giê-su không thể che phủ hạn-giới của lý-thuyết Mặc-tử đối với Ki-tô-giáo. Như Rowley đã nêu lên, quan-niệm về Trời của triết-gia này không tương đương với tâm-đề người Ki-tô-giáo, « Trời » của ông rất xa, cách chúng ta. Dầu Mặc-tử có bộc lộ cho người thấy ý muốn của Trời, ông không đưa người vào sự giao-thông thân mật với Trời, và cũng không cho người những phương-tiện thực-hiện những yêu-sách gay-go của bậc-ái. Phương-châm của Mặc-tử là « tôn kính Trời, phụng-sự quý thần và thương người » thật là giống với phương-châm của Chúa Giê-su : « Con hãy thương yêu Thiên-Chúa hết lòng con, hết tâm hồn con, hết tinh-thần con và hãy thương người đồng-loại như thương con. » Nhưng phải nhìn nhận rằng Mặc-tử không trao cho những kẻ theo ông phương-tiện để cảm thông với Trời, và với kẻ đồng-loại. Nếu ông có giảng dạy lẽ cần-thiết phải tuân theo ý muốn của Trời, ông không nêu rõ vai-tuồng của sự cầu-nguyện và sự thờ phụng, cũng không đưa

(1) Theo Rowley, Submission in Suffering, trang 100, 134.

ra một cái gì tương đương với công-dụng của các phép bí-tích (2).

Đối với con người, ông có một quan-niệm quá tích-cực. Ông có một tinh-thần công-lợi nó khiến ông chỉ tìm kiếm những hiệu-quả tức khắc đến nỗi ông không biết đến điều mà các nhà Đạo-giáo gọi là cái « công hiệu của cái không công-hiệu ». Quá hy-sinh cho người, ông trở lại đòi hỏi ở người một sự khồ-hạnh gần như vô nhân-đạo và sự từ bỏ thái quá những tình-cảm, mà không đền đáp lại cho người một niềm thân mật với « Trời », với Chúa Trời, là nguyên động-lực của mọi hoạt-dộng tinh-thần sâu xa. Đó quả là một trong những lý-do đã khiến học-thuyết của Mặc-Tử, tuy được môn-đồ hăng-hái, công chúng đồng tình khâm-phục trước tinh-thần vong kỷ của họ ; tuy được tổ-chức thành đoàn-thể mạnh-mẽ lúc ban đầu, và trong một thời-gian, đã tranh ảnh-hưởng được với Khổng-giáo, nhưng rồi phải biến mất khỏi Trung-quốc sau một hai thế kỷ.

Mấy đoạn ghi chép về Mặc-Tử trên đây không nói ra hết sự phong-phú của tư-tưởng ông. Thử đem trình bày chủ-nghĩa công-lợi bề ngoài có vẻ duy-lý của Mặc-

Tử và minh chứng Mặc-Tử còn là một nhà tư-tưởng sâu sắc về tôn-giáo, chúng tôi muốn các tín-đồ Kì-tô-giáo chú ý đến triết-gia này, một triết-gia được ít người biết, nhưng là triết gia tiên-khu của Kì-tô-giáo ở đất Trung-quốc hơn mọi triết-gia khác. Tiếc rằng luồng tư-tưởng hữu-thần và tích-cực ấy, mặc dù đã cấu-tạo nên được một khía cạnh quan-trọng cho hồn tôn-giáo Trung-quốc thái-cổ, nhưng rồi cũng bị các học-thuyết của Khổng, Lão, Phật che lấp, khiến lòng cầu đạo của người Trung-Hoa quay về những hướng tĩnh-tịch vô-vi và phiếm-thần. Song cũng như những mạch nước dưới đất lẫn-khuất trong cát, học-thuyết của Mặc-Tử ngày nay lại phun ra, mạnh-mẽ và trong-trẻo. Chủ-nghĩa Mác-xít phản-động lại tình-trạng tê-liệt của Trung-quốc cổ-truyền tự nhận là một chủ-nghĩa tích-cực vô-thần và cho là đã tìm thấy trong học-thuyết của Mặc-Tử một kẻ tiên-khu của chủ-nghĩa duy-vật và chủ-nghĩa xã-hội, Tất cả những ai không tuyệt-vọng về tương-lai Kì-tô-giáo tại Trung-quốc cần phải gấp lo tìm kiếm lại trong Mặc-học những viên đá để xây dựng Kì-tô-giáo Trung-quốc tương-lai vậy.

(Còn tiếp)

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)

(2) Bời lẽ rất giản-dị ông không phải là Thiên-Chúa giảng trần.

(Chú thích của dịch giả)

- ★ Cảm-tình và hiểu biết lẫn nhau là hai yếu-tố tạo nên hòa-khí trong nội-bộ một đoàn-thể. Cảm-tình có thể gây nên rất nhiều tình-cảm cao-thượng, kẻ điều-khiển phải biết dùng cảm-tình để nuôi dưỡng hòa-khí trong đoàn-thể.
- ★ Hai bên cùng hối thì không có cảm giận nào là không biến mất, hai bên cùng giận thì không có tai-họa gì là không xảy ra. (Lã-khôn)

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kể Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng
Có Đại diện khắp hoàn cầu.



10.000 Kms de souvenirs inoubliables

★ Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

★ Arrêtez-vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

★ Il ne vous en coûtera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

*DE PLUS EN PLUS de possibilités vous
sont offertes pour le même prix.*

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone 20.981 & 984

et toutes agences de voyages agréées



SỰ BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

★ PHẠM-HOÀNG-HỘ

- Sự bảo tồn thiên nhiên không bao giờ chống lại sự phát triển kinh tế. Ta có quyền khai thác thiên nhiên, song sự khai thác phải làm sao để giữ mức sản xuất luôn luôn không giảm sút.

TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI

(Tiếp theo B. K. số 60)

Phương pháp để cứu vãn tình thế ấy

ĐẤY là sự thật về tình trạng thiên nhiên hiện tại. Chúng ta cần phải nhận định rõ sự nguy hại cấp bách, nếu không sửa chữa liền.

Thật ra nguy kịch của việc phá rừng đã được Lão tử thấy cách đây hơn 2.500 năm và đã cảnh cáo dân chúng. (Protéger au-jour d'hui le monde de demain, p. 32)

Song lời ấy chẳng may bị quên đi mất, cho đến gần đây các nhà văn vật học mới lớn tiếng cảnh cáo lần đầu tiên trách nhiệm của loài người trước tương lai của họ. Sự cảnh cáo ấy được các nhà kinh tế học nghe và ủng hộ. Từ đây có những tổ chức bảo vệ thiên nhiên chống những hành động vô ý thức của loài người. Lúc đầu chỉ là những tổ chức địa phương để bảo vệ

cây hiếm, thú lạ. Song vì là một vấn đề sống còn của nhân loại, nên các tổ chức ấy trở nên quốc tế. Năm 1952 lần đầu tiên tại Fontainebleau, các đại diện của 15 nước gặp nhau và lập ra « Hiệp hội quốc tế bảo vệ thiên nhiên và tài nguyên. » Hiệp hội ấy được Unesco và Liên hiệp quốc ủng hộ. Từ ngày thành lập đến giờ hội đã làm nhiều việc có ích, tổ chức nhiều cuộc gặp gỡ quốc tế tìm ra được những giải pháp bảo vệ các nguồn lợi vô giá của thiên nhiên.

Sự bảo tồn thiên nhiên không bao giờ tương khắc với kinh tế. Ta có quyền đốn cây, săn thú. Bảo tồn thiên nhiên không bao giờ chống lại sự phát triển kinh tế. Ta đâu có như một người đắm tàu lạc vào một đảo nhỏ: đứng trước một cây có quả ăn được mà đành chịu chết chứ không ăn trái ấy vì sợ cây đó hết quả chăng ?

Sự tương phản ấy chỉ là bề ngoài thôi và ta có quyền khai thác thiên nhiên song sự khai thác phải làm sao để luôn luôn giữ mức sản xuất không giảm (cette utilisation doit être régie par le principe du rendement soutenu, phước trình của F.A.O.) Trong ví dụ trên nếu ta đốn cây để mà ăn quả thì lý trí của chúng ta chống lại; nếu ta tìm cách để ăn trái mà cây vẫn tiếp tục sinh sản thì phải lẽ nhất. Sự bảo tồn thiên nhiên là sự phản ứng của một người thông thường trước con gà đẻ trứng vàng: ai cũng biết rằng mồi nó ra là đại.

Không phải lúc nào cũng giữ trạng thái thiên nhiên. Lắm khi bảo tồn không lợi. Ở miền Bắc Iran, một rừng giẻ (*Quereus*) được bảo vệ chỉ cho 0.5m³ gỗ mỗi mẫu, trong lúc đất trồng bạch dương (*Populus*) ở miền Nam cho 100m³. Như vậy sự khai thác ở đây có lợi (Phước trình F.A.O.)

Trong rất nhiều trường hợp ta có thể thay thế một rừng bằng một diện tích trồng trọt và huê lợi tăng lên nhiều. Một ruộng lúa tốt đem lãi cho ta hơn một rừng trăm hay một rừng sao. Song sự lợi ấy chỉ lâu dài nếu ta khai thác sáng suốt, luôn luôn lo chống sự mòn, sự thoái hóa của đất, phục hồi cho đất các muối bỏ mà ta đã lấy, bảo vệ các chất hữu cơ của nó v.v... và bồi bổ cho đất tốt thêm lên.

Ta có thể phá rừng, song không thể chỉ để trống trong vài năm rồi bỏ. Ta không thể nói: « Sau ta dù có thiên tai cũng mặc » (Après nous le déluge) Ta có phận sự bảo vệ tài nguyên cho con cháu ta.

Theo M. Ferrand thì ở vùng nóng (Phi châu) chỉ có 3-4% rừng có thể khai phá để trồng trọt được.

Sự chọn lọc và định đoạt các diện tích trồng trọt được ấy do nhà thồn nông học

(pédologist chuyên về đất trồng trọt) và sinh thái học định đoạt.

Ta có thể săn bắn. Song không bắn phá bầy bọ. Với giống thú không còn nhiều phải chờ các thú cái, không bắn vào mùa sinh sản, phải hạn chế thì giờ săn bắn v.v... Tóm lại phải tuân theo các luật về săn bắn.

Phải thành lập danh sách các thú cấm săn và trừng phạt gắt kẻ nào phạm tội.

Xưa Chánh phủ ở Miên đã ra một danh sách thú và cây cấm đốn *Alstonia*, *Spathulata*, *Hydnocarpus*, *Anthelminthica*, *Garcinia Nobrovenulosa*...; cấm săn gấu *Ursus Malayanus*, con mịch (tapir) *Taperus indicus*, con tây *Rhinocerus Unicornis*, con vượn (gibbon) *Hylobates*, lười biếng *Nycticebus tardigradis*, cò đỏ *Ardea purpurea* v.v... Danh sách ấy nay còn giá trị và cần được nối dài.

Sau rốt muốn chắc chắn phải thành lập những khu để bảo vệ hoàn toàn sinh vật:

A. — Những khu dự trữ thiên nhiên tuyệt đối (*réserve intégrales*).

Đây là những nơi (khu rừng, đất, biển) cấm không cho người động đến, dù là chỉ viếng hay hái cây cỏ trong mục đích học hỏi, hay săn... Các khu ấy nhằm bảo tồn những nguồn lợi hoặc khoa học hoặc kinh tế hoặc thẩm mỹ. Các khu ấy không được có tính cách lâm thời, mà phải vĩnh viễn, vì như chúng ta đã biết, phải một khoảng thời gian rất dài thiên nhiên mới đào tạo được các khu như thế.

Ở nước ta, khu dự trữ tuyệt đối ấy có thể chọn ở những nơi nào cũng được, miễn là thiên nhiên nơi ấy còn nguyên vẹn. Nhưng muốn thực tế, phải chọn các vùng xa đô thị để tiện việc kiểm soát và để ít làm trở ngại việc phát triển kinh tế.

Các vùng ấy còn cần có một *diện tích khá lớn*, vì dưới một diện tích quá nhỏ sự bảo vệ thiên nhiên không có hiệu quả, lý do :

— nhỏ quá thì bị các sự thay đổi khí hậu bên cạnh chi phối tất cả và không thể gọi là khu dự trữ tuyệt đối được nữa

— nhỏ quá không đủ có một quần bằng thiên nhiên được nữa. Một loại thú muốn sống và sinh sản điều hòa phải có một diện tích sinh tồn khá lớn vì có thể ăn uống ở nơi này, ngủ nơi khác và sinh sản nơi khác nữa. Một tổ hợp (association) nhiều loài lại cần một diện tích hơn.

Vì thế nên quanh vùng dự trữ tuyệt đối, Quirôc Luândôn còn nhấn mạnh ở chỗ phải rào bằng một vòng bảo vệ (zone de protection). Nếu ở dự trữ tuyệt đối không có người vào, trừ các nhân vật khoa học hay hành chánh có trách nhiệm, thì ở vòng được bảo vệ, dân cư có giấy phép có thể đến khai thác, song với sự trông nom của chánh phủ để không làm thay đổi nhiều các trạng huống thiên nhiên ở dự trữ.

Sự chọn lựa dự trữ tùy tình thế khí hậu và địa thế của mỗi nước. Phải chọn làm sao cho các trạng huống sinh thái khác nhau đều được bảo vệ.

Như ở Việt Nam ít nhất cần phải có :

a) một dự trữ thiên nhiên ở duyên hải để bảo vệ một khoảng rừng lầy hay sau rừng lầy (arrière-mangrove).

Có thể chọn những đất ở miền Nam.

b) một hay vài dự trữ rừng ở đồng bằng hay núi thấp. Có thể chọn vùng Đăklanh, vì nơi đây các trạng huống thiên nhiên còn ít thay đổi, và sinh vật ít được kháo cứu, dân sự ít dễ bề trông nom, và ở miền Trung để bảo vệ nhiều cây như quế *Cinnamomum*...

c) hai dự trữ ở Trung nguyên (vùng Ban-mêthuột) và Caonguyên (vùng Langbian, hay Chu Yang Sinn hay Ngoclinh, núi cao nhất ở miền Nam Việt Nam).

d) một vài dự trữ ở biển. Nên lựa ở vài đảo nào ít người ở thì tiện hơn, và giàu về sinh vật biển. Có thể lựa đảo Côn Sơn vì đảo này ít người ở, sinh vật biển của nó nhiều và sinh vật trên cạn của nó cũng chưa được kháo cứu tường tận.

Sự cần thiết của các dự trữ thiên nhiên và lâm viên quốc gia đã được Liên hiệp quốc nhìn nhận ngày 4/5 vừa qua : « Nhận thấy rằng lâm viên quốc gia và dự trữ thiên nhiên được thành lập ở các nước hội viên, và chúng dự phần quan hệ trong văn hóa, và đời sống của loài người ; nhận thấy rằng chúng quan hệ cho khoa học và kinh tế vì chúng bảo vệ cây cỏ thú cầm và cấu tạo địa chất... », Liên hiệp quốc đã nhờ ông D. Hammarjoek Tổng thư ký làm bản kê khai tất cả lâm viên và dự trữ ấy trên hoàn cầu !

Thành lập các vùng ấy nay đã thành một vấn đề quan trọng quốc tế.

B.— *Những lâm viên quốc gia* (Parcs nationaux).

Lâm viên khác dự trữ thiên nhiên ở chỗ nó là một rừng công cộng nghĩa là công chúng có thể vào.

Hiện nước nào cũng có lâm viên cả và thường rất nhiều. Diện tích nhỏ có, to có.

Khác với dự trữ thiên nhiên không cần thăm mý, lâm viên phải là một vùng khá ngoạn mục. Vì nó là một nơi để loài người dung ngoạn và chung đụng với thiên nhiên. Vì thế nó quan hệ cho du lịch quốc gia.

Lâm viên lập ra để cho công chúng, song nó có phận sự bảo vệ thiên nhiên nữa nên

công chúng không được động đến sinh vật (săn, câu, hái đều cấm), đến đất đai hay cảnh vật (cắt quán trọ, làm hư làm đổ cảnh...) Vì nơi đây cũng như ở trên, các tài nguyên ấy được xem là của quý của dân tộc.

Vườn quốc gia không phải chỉ để bảo vệ và trình bày những cái đẹp của thiên nhiên, của quốc gia, mà nó có thể để bảo vệ những thắng cảnh mà lịch sử đã làm thành bất tử: lăng tẩm Huế, kỷ niệm những trận oai hùng...

Ở Việt Nam chính phủ đã lập ra một lâm viên ở Trảng Bom. Đó là một vườn gần Sài Gòn khá ngoạn mục. Song nó cần được trông nom hơn về phương diện bảo vệ.

Nhiều vùng khác có thể làm thành lâm viên quốc gia rất đẹp. Ví như đèo Blao, nơi đây còn có lợi khác là một vùng không mấy quan hệ về kinh tế (khó khai thác); ta còn có thể kể vùng thác Gougah và Pongour, nơi mà ngoài cảnh thiên nhiên, khí hậu mát mẻ, ta còn có cây cỏ và thú cầm dồi dào mà khoa học chưa khảo cứu hết.

Một vườn khác có thể mở ở vùng Đại Lanh, nơi đây nó hòa hợp những cảnh rất đẹp của biển cả và những vẻ hùng vĩ của núi cao.

Hơn nữa sau vườn quốc gia ở phía ngoài, ta có thể tạo một dự trữ tuyệt đối ở phía sau, hợp theo chương trình đã nói trên.

Đó là một vài ví dụ về dự trữ và lâm viên quốc gia. Tất nhiên là còn nhiều vùng khác xứng đáng để làm chuyện ấy.



Khảo cứu kỹ trước khi khai thác và nhập cảng

Trước khi khai thác một vùng nào, chính phủ phải khảo cứu kỹ vùng ấy một cách khoa học, để xem ảnh hưởng của sự khai thác ấy vào thiên nhiên lợi hại thế nào.

Ví dụ như sự thành lập các đập nước to để làm điện.

Sự thành lập các đập nước ở xứ lạnh đã được khảo cứu ở nhiều nước; nó làm ngăn trở các cuộc di chuyển cá, mà các di chuyển này cần cho cá nẩy nở và sinh sản. Như cá anguille, như lươn sanh ở biển, mà sống ở nước ngọt, cá hồi (saumon) ngược lại sanh ở nước ngọt...

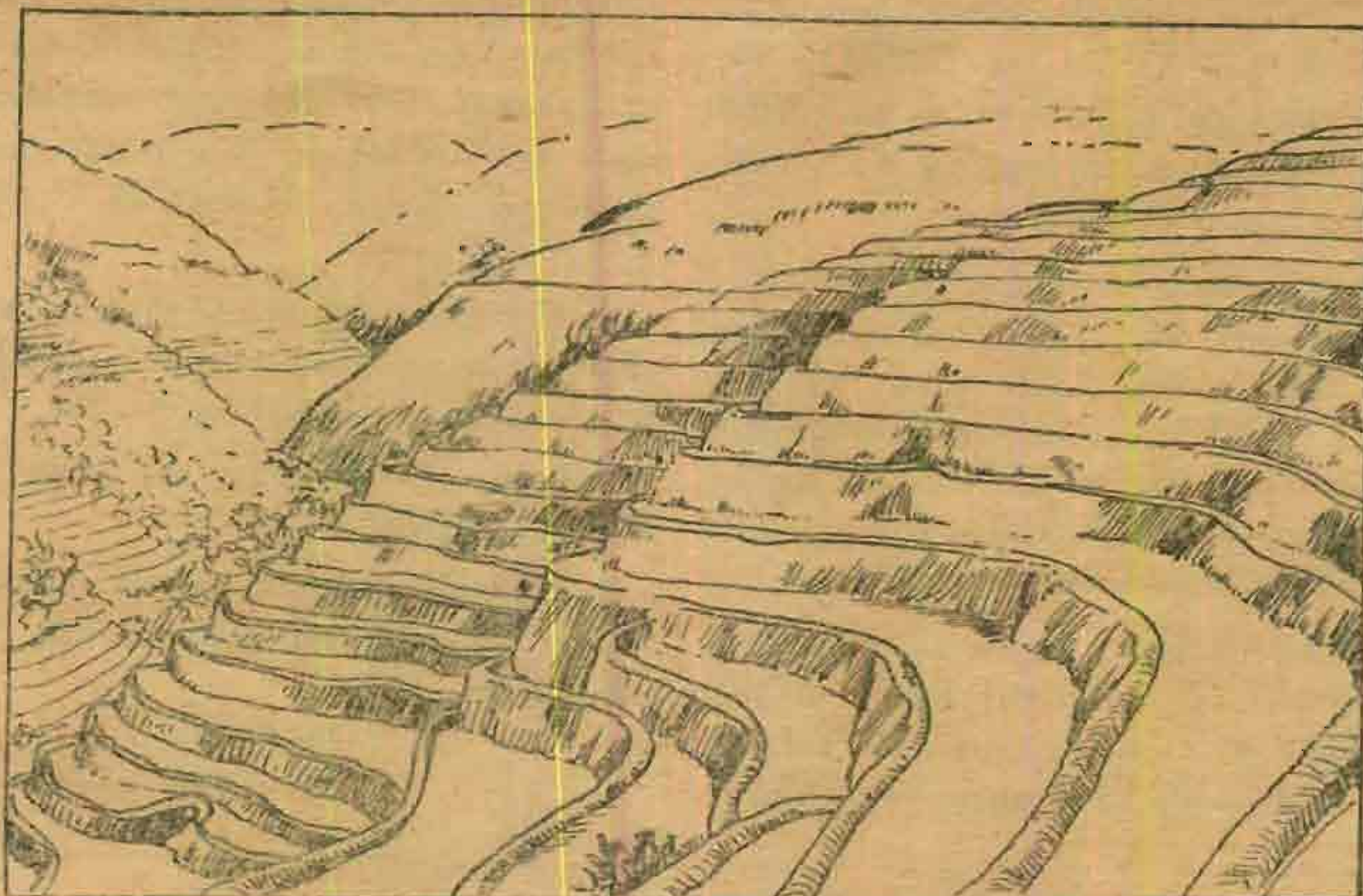
Song ở các xứ nóng như Việt Nam các cá ấy không có và các đập thường có lợi về phương diện nông nghiệp vì nó là nơi cá quýt lại trong mùa khô (Marr, Nam Rhodesie).

Nhưng dù sao, sự thành lập các đập nước to để sản xuất thủy điện cũng cần được khảo cứu kỹ càng.

Vì có nhiều loại sinh vật địa phương chỉ có trên thế giới ở một nơi bé hẹp, một đảo, một núi, một đồi hay một suối nhỏ. Đập nước sẽ làm chúng tiêu diệt hẳn.

Ở Úc Châu, nơi mà thủy điện đang được phát triển, trước khi lập một đập có Ủy ban Bảo vệ Thiên nhiên đến tận nơi và làm thống kê những thú và cây; nếu có thú hay cây hiếm, thì chúng được dời sang vùng lân cận mà trạng huống sinh tồn cho phép chúng sống và duy trì.

Cũng vì thế mà ủy ban của Liên hiệp quốc khảo cứu cách khai thác sông Mékong, cho biết rằng phải có một phái đoàn sinh vật học



Các ruộng lúa ở Philuật-tôn ; bờ đá chạy theo lòng cao độ, tránh sự mòn đất và vì thế ruộng rất bền. (Hình mượn trong EMM. Marlonne)

chuyên khảo cứu sông ấy ba năm, mới biết rõ cả chi tiết để định đoạt cách sửa đổi sông ấy.



Sự nhập cảng các thú và cây lạ cũng cần khảo cứu kỹ. Lịch sử thế giới đã cho nhiều ví dụ rất cụ thể.

Con của tàu của *Eritochelr Sinensis* không biết vì sao mà lọt qua Âu châu vào năm 1912. Từ Đức nó tràn lan khắp cùng.

Con của ấy ăn tạp : cây thủy sinh, hay thú nhỏ như thê ốc, tép và sâu côn trùng. Nó sanh ở và các cua nhỏ lẫn lộn vào sông. Nơi đây nó đào hang to và sâu làm lở bờ lở đê. Ở nhiều đê nước Đức, người ta bắt cả 77 tấn cua ấy song không hết được. Nó còn làm cho cá ít đi vì tranh mất món ăn của cá.

Sau rớt của ấy còn mang cho loài người ký sinh *Paragonimus Ringeri*. Đó là một hấp trùng (Trematode) mà sâu bám trong tôm, tép hay cua ; vào người nó ở phổi và sinh ra bệnh thổ huyết (J. M. Vrydagh, 1950, p. 439).

Ví dụ như cá hương (*truite*) ; người ta đã nhập cảng và đã nuôi nó ở hồ Titicaca ở Nam Mỹ. Nhưng người ta không đề rằng chài, lưới, câu ở xứ này không thích hợp để bắt cá này. Và lại dân bản xứ không ăn cá lạ (như cá Phi *Tilapia* ở xứ ta). Vì thế nên cá hương không bị câu ; trong lúc ấy nó tàn sát tất cả cá nhỏ của vùng và nhiều cá, mà dân bản xứ vẫn ăn, nay không còn nữa.

Sau rớt lục bình (*Eichhornia crassipes* bèo Nhật bản), nguồn gốc ở Mỹ. Song vì hoa đẹp và cây lạ, nó được trồng ở chậu và lạc ra ngoài sông. Nơi đây nó tràn lan

một cách mau lẹ và làm bít cả sông ngòi. Nạn ấy đã có từ lâu ở xứ ta. Nó nhập vào Congo ở Phíchâu năm 1954, và năm 1957 làm bít các sông, ngưng trệ các cuộc giao thông của dân bôn xứ.

Nhân loại phải lo chống sự mòn đất, ở sườn núi, đất mô, phải thành lập những rẫy, vườn, thành từng bậc (en terrasse). Ở Philuậtân, bờ đê ruộng làm theo mực cao độ, và nước vì thế không chảy, xoáy, và từ 2000 năm nay ruộng ấy vẫn phì nhiêu mặc dù dân số rất đông.

Ở Ruana-Urundi, người ta cũng dùng phương pháp ấy. Các đất hoang ở đây được trồng cây : muốn chống nước soi đất, người ta đào rãnh cách nhau cỡ 15 thước

dài theo đường thủy bình (đường đồng l cao độ, courbe de niveau). Giữa các rãnh ấy người ta cày, cấy cũng song song theo rãnh ấy. (Méthode des fossés isohypes cloisonnés của P. Bonnet và P. Vidal, la/19).

Nước mưa tụ lại ở các rãnh ấy, song vì chúng ở ngang nên nước không chảy nữa mà đọng lại và từ từ thấm vào đất.

Nhưng phương pháp nào cũng không hơn là trồng cây.

« Tắm thảm xanh » rất dễ thành lập và ảnh hưởng rất tốt vào khí hậu và sự bảo tồn đất.

(còn tiếp)

PHẠM HOÀNG HỘ

Vua Alexandre I

Vua Alexandre I là nhà đại chinh phục của nước Macédoine xưa và ông tuy là một nhà đại chinh phục mà công cuộc gây dựng văn minh Hy-lạp và Á-châu của ông cho đến ngày nay vẫn được nhiều người ca tụng. Ông còn để lại nhiều danh ngôn rất lý thú. Như câu ông trả lời các tướng tá ông khi họ thấy ông có biệt nhỡn với nhà hiền triết Diogène và tỏ vẻ ngạc nhiên về thái độ của ông đối với một người mà họ cho là một thứ đồ gàn : « Nếu ta không là Alexandre thì ta cũng muốn là Diogène ». Lại khi sửa soạn đi chinh phục Á-châu, ông đem tất cả của cải ra phân phát cho hết mọi người, không giữ lại cho mình một chút gì cả. Có người hỏi ông đem phân phát hết của cải như vậy thì ông còn giữ lại cho ông cái gì. Ông đáp : « Ta giữ lại cho ta Hy vọng ». Khi chiếm xong thành Athènes sản lạn của Hy-lạp là thành ông đã từng phải vào sinh ra từ mới chiếm nổi và do đấy làm cho danh ông được lừng lẫy khắp thiên hạ, ông than : « Hỡi dân thành Athènes, được tiếng khen của các người, ta đã phải cực khổ biết bao ! » Tới khi ông chết, các tướng tá hỏi ông muốn trao đế quốc lại cho ai, ông đáp : « Cho kẻ xứng đáng nhất ».

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

Adresse Tél.
LOSSEIC

SOCIETE D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE
« SAIGON — GARAGE »
Angle des Bds Nguyễn-Huê et Lê-Lợi — SAIGON

Tél N^o
20.603

Agents exclusifs :

Voitures et Camions

SIMCA
STUDEBAKER

Motos et Scooters

BIANCHI
RUMI

DEPARTEMENT FROID

Installation
Réparations
Air-Conditionneur

OLIVER (U. S. A.)

Tracteurs forestiers
Tracteurs agricoles
Bulldozers
Groupes électrogènes
Groupes marins
Moteurs hors-bord

Atelier de réparations

Station Service
Pièces détachées d'origine
Pneumatiques «MICHELIN»
Moteurs marins
Groupes électrogènes

Đi Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « LLOYD TRIESTINO »
Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO
AGENZIA DI SAIGON

L'Agente :

Société d'Exploitation Industrielle Commerciale

Một vài cảm-tưởng khi tham-dự
Đại-hội khảo nhạc quốc-tế tại Balê

Ba-lê, đầu hè 59,

Ng. xa cách,

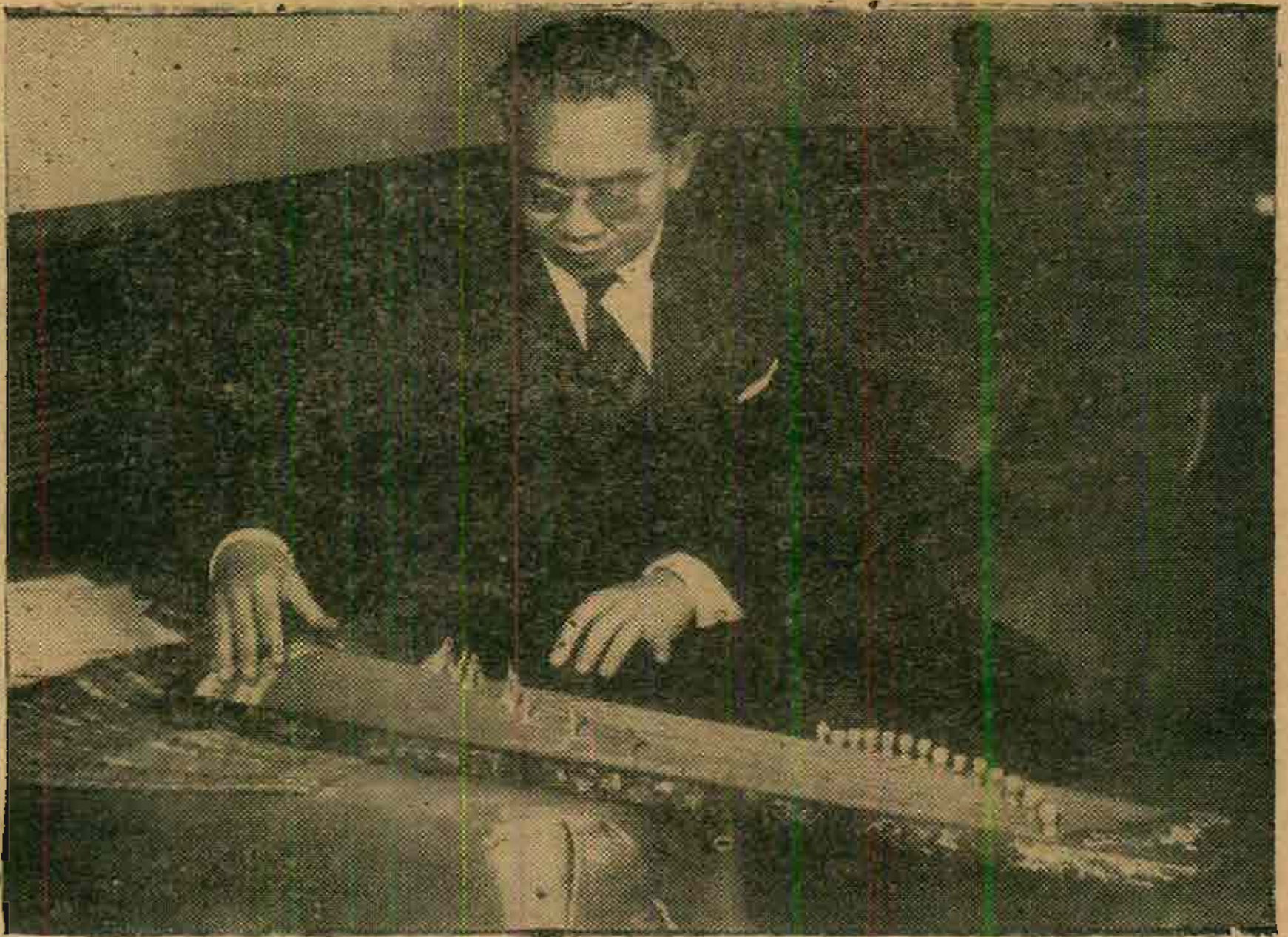
VỪA đi dự Hội-ngệ về kịch-trường ở châu Á tại Royaumont, một lâu đài cổ cách Ba-lê hơn 30 cây số, về định viết thư cho bạn, kể bị đau thành-linh, biết thư trễ mà chỉ đành lan trở trên giường bệnh chớ không tài nào cầm bút viết cho kịp ngày, xin bạn hiểu cho.

Tôi đã có dịp dự nhiều hội-ngệ quốc-tế. So với các « hội-ngệ » đúng với danh từ « hội-ngệ », thì tại Royaumont (Roi-ô-mông) chỉ là một cuộc « gặp gỡ » giữa những nhà chuyên-môn về kịch-trường ở châu Á. Nhưng cuộc gặp gỡ đó có tánh-cách quốc-tế. Xem qua danh-sách của người tham-dự, bạn sẽ thấy rằng, nhiều giáo-sư, bác-học, kịch-sĩ, phê-bình, từ các nước Âu-châu đến hoặc để trình-bày một vấn-đề, hoặc để góp ý-kiến trong mấy buổi thảo-luận. Không thể kể tên hết cho bạn nghe, tôi chỉ nhắc đến ông Philippe Stern (Fi-lip - Xơ-tec-nơ) Giám-đốc Bảo-tàng-viện Guimet (Ghi-mê), một bảo-tàng-viện đặc-biệt về nghệ-thuật Á-châu, tại Ba-lê, nói về bộ-điện có tánh-cách tạo-hình (plastique) trong kịch Ấn-độ và mấy bức tường-họa tại Adjanta (Ach-jang-ta); cô Jeannine Auboyer (Ja-ni-nơ - Ô-boi-ê), bảo-quản-viên tại Bảo-tàng-viện Guimet nói về Kịch cổ-điển Ấn-độ; cô Esnoul (Ê-nun), Thư-ký viện Văn-hóa Ấn nói đến những sách yếu-luận về nghệ-thuật sân-khấu Ấn-độ; ông K. M. Varma (Va-rơ-ma) một học-giả Ấn-độ, đang dự-bị một luận-án Tiến-sĩ tại Đại-học Tây Bá-linh, (Tây-Đức), nói về những nguyên-tắc của kịch cổ-điển theo những lý-thuyết cổ-truyền; giáo-sư Bake (Ba-cơ) người Hòa-lan, chuyên dạy chữ Phạn (sancrit) tại đại-học Luân-đôn, nói về yếu-tổ tôn-giáo trong kịch Ấn-độ; ông Li Tche Houa, người Trung-hoa giảng-viên tại trường Đông-ngữ Ba-

lẽ nói về nhà soạn-kịch danh tiếng từ đời Nguyễn: Rouan Han K'ing; ông Ma hiao Ts'ien Tấn-sĩ Văn-khoa Đại-học Ba-lê nói về Nhạc-kịch Bắc-kinh; ông A. Traveret (Tờ-ra-ve) người Pháp đã thẩm-nhuận những điểm hay dở trong các lối kịch Trung-hoa nói về một buổi diễn tuồng trong một rạp hát Trung-hoa; ông Đại-tướng G. Renondeau người Pháp nói về Phát-giáo trong tuồng Nô và để dẫn chứng, ông đọc mấy đoạn kịch Nô của Togomaga; ông Sieffert (xi-phi-êc) người Pháp Giáo-sư tiếng Nhật tại trường Đông-ngữ Ba-lê nói về sách yếu-luận của Zeami, ông tổ của lối hát Nô về nghệ-thuật cấu-tạo cùng biểu-diễn kịch Nô; ông Arimasa Nori, giảng-viên tiếng Nhật tại trường Đông-Ngữ Ba-lê nói về một nhà soạn-kịch Nhật-bản hiện-đại Sanji Kinoshita; Bà Jeanna Cuisinier (Qui-zi-nhê) nói về lối hát hình tại Java; giáo-sư E.H de Tscherner (Tcha-ne) của đại-học Zivrich (Txu-ri-khơ) nói về những ưu-điểm trong kịch-trường Trung-hoa; và tôi nói về hát bội, hát cải lương, hát chèo Việt-Nam. Ngoài những người có phần-sự thuyết-trình, có nhiều người tai mắt đến dự để góp ý-kiến vào các cuộc thảo-luận như ông A. d'Hormon (Đoạt-mông) cựu giáo-sư Đại-học Bắc-kinh, ông J. Lescure (Lê-xơ-qui-a) giám-đốc văn-chương của Rạp hát Vạn-quốc (Théâtre des nations), ông A. Schaeffner (Sê-fơ-ne-a) giám-đốc viện nhân chủng nhạc học (Ethnomusicologie) tại Nhân-chủng Bảo-tàng-viện (Musée de l'homme), cô Claudie Marcel Dubois (Cờ-lô-đi, Mạc-xen, Duy-bo-a), giám-đốc viện nhân-chủng nhạc học tại Bảo-tàng-viện của Nghệ-thuật và Truyền-thống bình-dân (Musée des Arts et Traditions populaires), giáo-sư Démiéville (Đê-mi-ê-vi-lơ) trường Collège de France, giáo-sư Scherer (Se-rơ) trường Đại-học Sorbonne (Xơc-bo-nơ), ông Chancerel (Sơn-sơ-ren) Hội-trưởng hội Lịch-sử kịch-trường, giáo-sư Ruhlmann (Run-man) trường Đông-ngữ Ba-lê, ông Luciano Gennari (Lu-tchi-a-nô - Ghen-na-ri) phê-bình kịch của bác « l'Italia » (I-ta-lia) tại Torino (Ý), ông A. Villers (Vi-li-ê) đạo-diễn, và nhiều kịch-sĩ khác mà tôi không biết rõ tên tuổi. Nhưng bạn đã thấy, nhiều học-giả các nước từ Tây-Đức, Ý, Anh, đến tham-dự Hội-nghị. Thêm vào, sự có mặt của những học-giả Ấn, Trung-hoa, Nhật, Việt, làm cho cuộc gặp gỡ có một tánh-cách quốc-tế.

Điểm đặc-biệt lần này là sự thân mật giữa các người tham-dự Hội-nghị. Trong kỳ Đại nhạc hội tại Balé vào mùa thu rồi, có hơn một trăm rưỡi nhạc-sĩ, nhạc-học-gia đến dự, nhưng mỗi người ở một nơi, ngày ngày gặp nhau trong phòng nhóm, hoặc ở các quán nước. Lần này, những người tham-dự đều đến ở luôn tại Royaumont (Roi-ô-mông), một nhà tu cất từ đời vua Saint-Louis (Xanh-Luy : 1214-1270), cách Balé hơn 30 cây số. Ngày xưa các tu-sĩ vào đây, để sống yên tĩnh mà học đạo. Ngày nay, tu-viện Royaumont được sửa sang, trùng-tu lại, phòng ngủ có chỗ rửa mặt riêng, có nước nóng nước lạnh, có cầu tiểu máy, phòng tắm, điện-thoại, có lò sưởi bằng nước nóng, đã cả

tiện nghi. Từ 1937, tu-viện này đã tiếp nhận văn-nhân nghệ-sĩ trong những cuộc gặp gỡ để thảo-luận về một vấn-đề nào, hay để hòa-nhạc, trình bày nhạc mà không bị tiếng động của đồ-thành làm mất cái thư-thái của người học-giã, cái hứng-thú của nhạc-công. Trong thời-kỳ thế-giới chiến-tranh thứ hai, tu-viện đã cửa đóng then cài, thư-viện vắng bóng người khảo-cứu và cây đàn dương-cầm im hơi lặng tiếng và vắng bạn tri-âm. Từ 1947 đến nay, cửa nhà tu lại rộng mở, tiếp đón bao nhiêu văn-nhân nghệ-sĩ. Những buổi hòa-nhạc tại đây đã hấp dẫn bao nhiêu người yêu nhạc, từ Balé chẳng ngại đường xa, đến nơi hoang-vu để lắng nghe tiếng ngân, trong một bầu không-khí ẩm-cúng, thần-mật. Tôi rất tiếc không đủ thì giờ dắt bạn đi xem tu-viện này, từ trong ra ngoài, hồ nước, rừng thông, cây cao bóng mát, đến sân trong trăm hoa đua sắc. Chỉ nói sơ để bạn biết rằng dưới nhà khi bước vào cửa chánh thì bên trái có phòng hòa-nhạc, có ghế bành nhóm năm nhóm ba và một cây đàn đại dương-cầm (piano à queue) đã bao phen giúp nhạc-sĩ trứ-danh trình-diễn nhạc cổ-điển hay nhạc cận-đại ; cạnh bên có phòng ăn và nhà bếp. Phòng ăn vẫn còn dọn theo các tu-viện, bên ghế sắp hai hàng dài và một hàng dọc. Nhưng trên bàn có những



Trần-Văn-Khê với chiếc đàn tranh (thập-lục)

tấm nắp con bằng plastique (po-la-xơ-tích) màu lam, nhà bếp có máy nấu bằng hơi, bằng điện. Thành ra người đến ở ngày nay, vẫn còn hưởng các thứ yên tĩnh của tu-sĩ ngày xưa mà còn được thêm các tiện-nghĩ đời nay: còn gì thú hơn nữa. Bên cạnh có một phòng ăn nhỏ chỉ chứa được vài mươi người vì phòng ăn lớn đã chứa được gần trăm người.

Bên mặt (bên phải) ngoài cổng đi vào là thư-viện trong đó có trên 15 ngàn quyển sách đông bìa da cẩn thận, mà hầu hết thuộc về loại văn-chương nghệ-thuật, khảo-cứu v.v... Bên cạnh có một phòng để nghe đĩa hát. Máy vặn đĩa với bốn tốc lực, máy phóng-thanh thật to (gần 1 thước bề kính) dùng để nghe đĩa hát với đủ các tiếng bổng trầm. Trên tầng lầu thứ nhất có phòng giấy của Ban cai-quản Royaumont, và buồng ngủ. 80 người có thể nghỉ đêm tại đây và trên tầng thứ hai có phòng chiếu bóng, có máy rọi ảnh màu và máy chiếu phim. Mỗi ngày 4 bữa ăn sẵn có người. Vào đây như vào nhà tu, kín cổng cao tường, suốt mấy hôm tôi không có dịp ra khỏi rừng thông để đến đường cái quan. Tôi ở phòng số 6, cùng với ông Varma người Ấn, giường tôi cạnh cửa sổ, mở ra nhìn thấy sân trong cửa tu-viện có vườn hoa trông đẹp mắt, có bao lơn đi dạo mát. Trong phòng có tủ đựng quần áo, có bàn viết, ghế bành và mỗi người có ngọn đèn riêng để ai muốn ngủ sớm, thức khuya không làm rận người kia. Sống chung với nhau trong 4 hôm liền ngoài giờ thảo-luận trong phòng nhóm, còn gặp gỡ lúc ăn sáng ăn chiều, lúc dạo mát ngoài vườn hoa, lúc trầm ngâm trong phòng nhạc, có dịp cho người tham-dự hội-nghị biết thêm ngoài vấn-đề kịch-trường, các điểm lạ về văn-hóa, âm-nhạc, tôn-giáo, của nước khác. Được sống lại cuộc đời của một ký-tác học-sinh; khi nghe tiếng chuông to do người thư-ký lắc mạnh là biết giờ điểm-tám, giờ hội-hop, giờ ăn sáng ăn chiều, không biết những nhà học-giả khác có như tôi hay chăng, tôi thấy cái gì nhẹ nhẹ của thời-kỳ sống trong trường Trung-học Trương-Vĩnh-Kỷ làm tôi trẻ lại những 25 năm. Và những người đến dự Hội-nghị là những thầy hay, bạn giỏi, mà phần nhiều đối với tôi là những bạn vong-niên. Bầu không-khí thân-mật, sự yên tĩnh trong lúc làm việc, lòng không bận rộn đến việc « thể-tục », trong 4 hôm liền không đọc một tờ báo, không nghe một tin tức, mà chỉ học bao nhiêu điển hay điểm lạ trong các loại kịch Á-châu, đó là đặc-điểm của kỳ gặp gỡ tại Royaumont. Nếu phải thuật rõ cho bạn những điều tôi đã nghe thấy và học hỏi trong 4 hôm liền, thì mười bức thư như thế này vẫn chưa đủ. Tôi gửi theo đây chương-trình làm việc. Bạn thấy rằng tôi thứ năm 28/5 có tiệc rượu chào mừng và bài thuyết-

trình của ông Philippe Stern (Fi-li-pơ - X-tec-nơ); ngày thứ sáu 29/5 dành riêng cho kịch Ấn-độ, tối lại có chiếu phim về nhạc kịch Nhật-bản, lối múa Bugaku, giàn nhả nhạc Gagaku, hát hình nộm Nhật-bản và Ấn-độ; ngày thứ bảy 30/5 là ngày về kịch Trung-hoa. Buổi chiều, tôi nói về hát bộ Việt mà đi đến nguồn gốc thì cũng do hát tuồng Trung-hoa mà ra, tối lại có buổi hòa-nhạc Ấn-độ do ông Ali Akbar Khan (A-li - Ấc-bà - Khan) danh cầm chuyên đàn sarod (xa-rô-đơ) nhận dịp hòa-nhạc tại các nước Âu-châu, ghé lại Royaumont đàn đặc-biệt cho những người tham-dự Hội-nghị. Ngày chúa nhật 31/5 là ngày về kịch Nhật-bản. Buổi xế chiều có biểu-diễn các lối vũ Bharanatyam (Pha-ra-na-cham) và Katak (Ca-tắc) của miền Nam và miền Bắc Ấn-độ. Đến ngày thứ hai 1/6 buổi sáng, có bài thuyết-trình về nhạc kịch Nam-dương, buổi xế là bài tổng-kết của ông Jean Jacquot (Jăng Jắc-cô) người tổ-chức và điều-khiển cuộc gặp gỡ này. Có dịp tôi sẽ thuật lại cho bạn nghe nhiều câu chuyện lý-thú trong kỳ Hội-nghị Royaumont, những chương-trình đặc-biệt, những bài thuyết-trình sâu sắc. Thư đã dài, bạn đã biết sơ-lược các hoạt-động trong 4 hôm giờ tôi xin nói qua vài cảm-tưởng của tôi sau khi đi Royaumont về.

Điểm thứ nhất, tôi thấy rằng kịch-trường — cũng như âm-nhạc — của các nước khác bên Á-châu có một truyền-thống và một lịch-sử rất đồi dào. Nhất là người Nhật, vừa giữ được truyền-thống xưa trong các lối kịch và nhạc-kịch Nô, Kabuki, Bugaku v.v... vừa hấp-thụ được văn-hóa Âu để cấu-tạo cho Sân-khấu Nhật những vở-kịch bạch-thoại, tiểu ca-kịch đại ca-kịch. Thấy người Trung-hoa có trường dạy đóng tuồng tại Bắc-kinh và các đô-thị lớn, tập hát, tập múa, tập đi, tập đứng, tập võ, tập hóa-trang, suốt mấy năm trời thấy người Ấn cho con tập múa từ lúc còn thơ, theo thầy học 6,7 năm có khi đến 10, 12 năm để biết rõ nghề-nghiệp của mình, tôi nhớ đến hát bộ, hát cải-lương của ta, học toàn học lóm hay theo lối khấu-truyền, không có một đường lối luyện-tập, một chương-trình huấn-luyện cho rõ ràng. So với kịch-trường nước người, kịch-trường Việt rất kém, về phẩm cũng như về lượng.

Điểm thứ nhì làm tôi để ý là người Âu-châu, mà cả đời đem tâm-trí vào sự tìm-tòi, khảo-cứu về kịch-trường Á-châu, họ biết thấu đáo, tường-tận, ngôn-ngữ, văn-hóa, và cả bí-quyết nhà nghề của các lối kịch cổ các nước Nhật, Trung-hoa, Nam-dương, mặc dầu trong các nước ấy đã có người bán-xế để tâm khảo-cứu. Tôi thấy rằng trong nước mình

ngoài quyển sách của Đoàn-Nông về sự tích và nghệ-thuật hát bộ, mấy bài khảo-luận về hát bộ của mấy ông G. Knosp (Cờ-nốt-xơ-pơ), M. Lelièvre (Lơ-li-ê-vơ-rơ) và G. Coulet (Cu-lê) không có sách vở nào khác và hiện nay, mấy ai mà chịu bỏ thì giờ để nói chuyện với những kịch-sĩ còn giữ truyền-thống hát bộ như Bàu-Thắng để ghi chép bằng âm-thanh, hình-ảnh những di-tích của hát bộ một lối hát đang đi vào cảnh tiêu-tan.

Điểm thứ ba là trong các nước khác ở Á-châu, chánh-phủ giúp đỡ, khuyến-khích những phong-trào khai-thác vốn cổ như chánh-phủ Ấn, theo lời cô Auboyer (Ô-boi-ê) đang giúp cho kịch-cổ-diễn Ấn được diễn ở các đồng quê. Ngày nay, kịch-sĩ bên Trung-hoa có một địa-vị khá cao trong xã-hội và nước Nhật ngoài việc khảo-cứu xẽ các lối tuồng Nô từ thế-kỷ thứ XIV, còn làm phim về các lối tuồng Nô, Kabuki, Bugaku, lối hát hình nộm, để phổ-biến trong dân-chúng và để cho người ngoại-quốc hiểu qua về kịch-trường của họ. Ở nước Việt ta, đã có gì chưa? Tôi không xem được một phim, không đọc được một bài khảo-luận, thấy được một hình-ảnh nào của các tuồng hát bộ, hát cải-lương bên nhà.

Vì thế hôm phải làm bài thuyết-trình về kịch-trường Việt, tôi rất khổ-tâm. Họ có phim, có tài-liệu sách vở, có đĩa hát về các loại kịch hoặc nhạc-kịch của họ. Tôi chỉ có vài đĩa hát hiện Viễn-dông của Bảo-tàng-viện Nhân-chúng học Ba-lê về tuồng hát bộ Triệu-Tử đoạt ấn-chúa, và mấy đĩa hiện Tri-âm thâu tuồng Trang-Tử thứ vợ có Ba Vân đóng trong ấy. Nhưng đĩa của họ là đĩa mới loại microsillon (chẳng biết bên nhà gọi là gì nhờ bạn cho tôi danh-từ đó) còn tôi toàn đĩa hát cũ đã rề. Người ta thì 5, 6 học-giả nói về một loại-kịch. Riêng một mình tôi phải trình-bày hát bộ, hát cải-lương, hát chèo, nói đến phần lịch-sử, phần kỹ-thuật, chưng dọn sân khấu, cách dậm mặt, các lối hát, những bộ điệu v.v... chỉ một mình, thiếu tất cả những dụng-cụ hay tài-liệu cần-thiết. Nhưng nói thật với bạn rằng tôi đã hết sức cố-gắng. Tôi vừa là diễn-giả đưa ra những tài-liệu về lịch-sử, tôi lại vừa làm kịch-sĩ lặp lại bộ-điệu xẽ quạt, vuốt râu, cười trung, cười nịnh, hát khách, hát Nam, hát bài « Thầy rùa xuống núi », vừa hát vừa nhịp theo nhịp ba các rụp các, vừa ca Lưu-thủy-trường vừa đờn tranh phụ-họa, vừa đờn Bài hạ bằng đờn cò, vừa nói lối tuồng v.v... Sau buổi thuyết-trình, ông Dèmiéville (Đê-mi-ê-vi-lơ) chủ-tọa buổi họp cảm ơn tôi và nói: « Tôi xin khen ông đã thâu thập văn-hóa của nước ông và diễn-tả trình-bày bằng tiếng ngoại-quốc một cách rành mạch ».

Rồi giáo-sư Tscherner mời tôi đến trường Đại-học Zürich (Tzu-ri-kho) bên Thụy-sĩ để diễn-thuyết về hát bộ Việt. Bà Suillerat (Suy-ơ-ra) Tổng thư-ký hội những người bạn của Đông-phương mời tôi đến diễn-huyết và hát bộ cho Hội vào tháng giêng năm 1960. Ông Travert và nhà phê-bình kịch Ý Luciano Gennari hỏi tôi tại sao không ở luôn trong kịch-giới. Tôi trả lời rằng tuy có đóng phim bên Anh, tại Pháp nhưng tự xét kỹ, thấy rằng học khảo-nhạc, tôi phụng-sự văn-nghệ Việt đặc-lực hơn. Ông Travert nói: « Nhưng có thiệt-thời cho kịch-giới chăng? » Ông Gennari tươi cười vừa vuốt nhẹ mái tóc bạc vừa nói: « Suốt ngày, nghe 16, 7 bài thuyết-trình về kịch Trung-hoa, chắc mọi người cũng mệt như tôi. Nhưng lúc ông lên nói là tôi tỉnh ngủ, vì hề một kịch-sĩ làm vừa lòng tôi là tôi thích như lên mây. » Bà Radem Ayon Jodjana, người Hòa-lan có chồng Nam-dương đến bắt tay tôi: « Chồng tôi hiện đang dạy về kịch tại Amsterdam (Ăm-xơ-téc-đam). Chồng tôi hát hay múa giỏi. Từ xưa đến giờ tôi nghĩ rằng chồng tôi là một kịch-sĩ có biệt-tài đến làm cho tôi quên rằng mình đang sống trên dương-thế. Có lẽ lòng tôi đã nhiễm các lối hát tượng-trung của Á-châu. Hôm nay, nghe ông vừa nói vừa diễn, chỉ một cái vẫy tay, một cây quạt xé, một chỗi cười mà ông gợi cả một không-khí. Tôi cảm-động như lúc xem chồng tôi múa lần đầu » Và cô Liang người Trung-hoa đến tươi cười bắt tay tôi: « Ông đã làm vinh-dự cho dân-tộc Việt. »

Tôi mệt là người nhưng lòng tôi thấy rộn. Bao nhiêu điều học hỏi về hát bộ với cậu Năm tôi (1), đều nghe thấy trong lúc cô Ba (2) tôi làm chủ gánh cải lương « Đồng-Nữ », bao nhiêu lần tiếp xúc với các kịch-sĩ trú-danh bên nước nhà như Tư-Chơi, Năm-Châu, Ba-Vân, Tì-Anh, Bảy-Nhiều, Duy-Lân, Việt-Hùng, Bích-Thuận, Phùng-Há, sau bao nhiêu giờ tìm tòi trong các thư-viện, nay tôi lại « đơn-thân độc-mã » mà phải « Đông xông Tây đục » để trình-bày cho học-giả các nước biết rằng nước Việt cũng có một truyền-thống về kịch, bài tôi thuyết-trình sẽ đăng vào một tập kỷ yếu của Cơ-quan quốc-gia khảo-cứu về khoa-học (Centre National de la Recherche Scientifique).

(1) Tức ông Nguyễn-Trí-Khương, thầy tuồng gánh cải-lương « Đồng-Nữ » (1928-1930) và tác-giả những bản âm-nhạc cải-cách đầu tiên ở miền Nam: Thất trê bi hừng, Phong xuy trịch liễu, Yến tước tranh ngon.

(2) Tức bà Trần-Ngọc-Viện (mất năm 1943), trước khi lập gánh nữ ban đầu tiên ở miền Nam, đã từng dạy Nữ-công trường Áo-Tím (tức nữ học-đường Gia-Long bây giờ), từ 1913 đến 1918 (Hai chú thích này vốn của Tòa-voạn B.K.)

Họ khen tôi và nghĩ rằng chỉ một mình tôi, không áo mão không hia giáp, không đàn phụ-khoa, mà họ còn thấy thích, nếu xem một đêm hát bộ có lẽ họ còn lý-thú bức nào ! Tôi thấy lòng buồn vô hạn. Sự hiểu biết của tôi về kịch-trường Việt tuy nặng về lịch-sử hay lý-thuyết mà rất kém về thực-hành, tôi chỉ hết sức cố gắng để cho họ một hình ảnh linh-động của lối hát tuồng Việt chớ dầu sao tôi cũng không phải ở trong nghề. Nhưng nếu họ muốn có dịp xem một đêm hát bộ, thì trong tình-trạng hiện thời truyền-thống xưa có còn giữ được phần nào, và tình-hình kịch-trường có khâ-quan chăng ? Họ ngạc nhiên, khi nghe tôi nói rằng trong cả nước Việt, có lẽ chỉ còn một gánh Bầu-Thắng chuyên hát bộ. Tôi không mong gì hơn những người am hiểu hát tuồng tổ-chức những buổi nói chuyện, chỉ cái hay cái tế-nhị trong hát bộ để cho lối hát ấy được thêm người thưởng-thức và nhờ đó truyền-thống hát tuồng không chết hẳn đi và vốn cổ có thể bảo tồn. Tôi mong rằng các bạn trẻ lưu-tâm đến vấn-đề chấn-hưng kịch-trường để một ngày kia, một gánh hát Việt có thể được mời biểu-diễn ở các nước ngoài mà không làm hổ cho nghệ-thuật nước nhà. Đành rằng việc nâng cao trình-độ nghệ-thuật, hay chấn-hưng kịch-trường phải nhờ một ngân-quĩ dồi dào một sự giúp đỡ vật-chất lẫn tinh-thần của một chánh-phủ, sức tư-nhân như hột cát trong bãi sa-mạc giọt nước trong biển cả. Nhưng công việc ấy rất cấp bách. Không khéo thì tre sắp tàn mà măng chưa mọc, các anh cả đến lúc tề già sản-khẩu mà thiếu người thay thế. Một người du-khách — hay chánh-khách — khi đến một nước, thường do trình-độ kịch-trường hay âm-nhạc nước đó mà phán đoán chung về trình-độ văn-hóa. Nay người ngoại-quốc đến nước ta, ta đã có gì đáng cho họ xem hay cho họ nghe chưa ?

Tôi mong rằng người Việt nên giữ lại và bồi bổ cái hay đã có sẵn trong truyền-thống dân-tộc, trước khi « nhập-cảng » những điều mà mình tưởng là hay trong nhạc-kịch nước ngoài.

Thư đã dài mà ý chưa cạn, xin hẹn bạn thư sau.

Xa xôi...

TRẦN-VĂN-KHÊ

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã**ng** Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t**ủ** bảo hiểm cho thuê, mỗi t**ủ** tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

PRODUITS GEVAERT
PAPIERS

PRODUITS CHIMIQUES

FILMS AMATEURS

FILMS AVIATION

FILMS ARTS GRAPHIQUES

FILMS RADIOGRAPHIQUES

FILMS CINEMA PROFESSIONNELS

FILMS POUR DOCUMENTS

PAPIERS POUR DOCUMENTS

BANDES MAGNETIQUES



INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

ĐIỂM SÁCH

★ NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Tên sách :

Tân Liêu-Trai

Tác giả :

Phong-Ngạn

Nhà xuất bản :

Bến-Nghé



Tôi sinh trưởng tại ngõ Phất-lộc trong một khu nổi tiếng là nhiều ma nhất Hà-nội. Đầu ngõ đó ở ngay sát đường Mã Mây, mà người Pháp gọi là Rue des Pavillons noirs (Đường Giặc Cờ đen).

Tương truyền giặc Cờ-đen hồi xưa đóng trại dọc theo bờ sông Nhị, từ Cầu Đất, gần viện tàng-cổ Louis Finot, tới Ô Quan Chưởng ở đầu phố Hàng-Chiếu. Nhà tôi ở gần pháp-trường của chúng và theo các ông già bà cả kể lại, mỗi lần chúng chặt đầu ai thì vùi ngay bên cạnh pháp-trường, thành thử ngõ Phất-lộc và phố Bờ Sông nằm trên bãi tha-ma của những kẻ bị chúng xử tử. Lại thêm nhà tôi là một nhà cổ, cất cách đây đến non một trăm năm, thấp hơn mặt đường trên một thước, sâu hun hút, có những phòng ngang, phòng dọc, những lối đi tối om om và hồi-hám, nên hồi tôi còn nhỏ, ai cũng tin

là nhà có ma. Một bà cô tôi kể cho chúng tôi nghe rằng chồng bà bị ma khách hành cho tới điên. Sau « nó » chỉ cho chỗ chôn hài-cốt của « nó », bảo phải dời đi cho « nó ». Đào chỗ dưới giường ông dựng tôi nằm, quả thấy một bộ xương người ; bà cô tôi thuê người nhặt cho vào một tiểu sành, đem chôn ở Cầu Đất. « Nó » chưa bằng lòng, còn hành ông dựng tôi dữ hơn nữa. Hỏi nó, nó khóc lóc, tránh móc là độc-ác, sao lại đem vùi nó ở bờ sông, đề tới mùa lụt, nước sông cuốn « nó » đi. Thế là lại phải đào lên, đem chôn nơi khác. Đó là chuyện trong nhà tôi ; chuyện các nhà khác trong xóm còn rùng-rợn hơn nhiều. Hồi chín mười tuổi nghe những chuyện đó, tôi nổi ốc cùng mình, và tới nay tôi còn nhớ, đã có hai lần trông thấy cái mà người gọi là ma : một lần vào khoảng 9 giờ tối một bóng đen vụt qua trước mặt tôi, rất nhanh, chỉ trong một phần mười hay một phần trăm giây, khi tôi bước vào một lối hẻm ở bên cạnh chỗ mà xưa kia đào được hài-cốt của ma khách ; một lần nữa vào khoảng nửa đêm, một

người đàn ông bận quần áo trắng ngồi hút thuốc lá trên một cái đôn dưới chân giường tôi.

Nay, nhân đọc cuốn Tân Liêu-Trai của ông Phong - Ngạn, tôi nhớ lại những chuyện đó, nhưng cho rằng bà cô tôi đã thêm thắt ít nhiều, còn những điều mắt tôi trông thấy thì do ảo tưởng, do « thần hồn nát thần tính », chớ chưa chắc là đã có ma. Chỉ khi nào đương lúc khỏe mạnh, mà tôi nhìn thấy được ma giữa ban ngày — hoặc nếu là ban đêm thì ít nhất cũng phải là trong một nơi sáng-sủa, dưới ánh đèn 60 oát chẳng hạn — mà nhìn được lâu, trong 5, 10 phút kia, lại cùng nhìn với vài ba người khác nữa, mà những người này đều tả lại « ma » đúng như tôi đã thấy, thì lúc đó tôi mới chịu tin là có ma. Nhưng tôi cũng không nói quyết là không có ma. Tôi chỉ chưa tin thôi. Vấn-đề đó còn là một bí-mật mà tôi không có thì giờ, cũng không có phương-tiện, cơ-hội để dò xét, tìm hiểu, cho nên tạm bỏ ra một bên. Vậy về điểm đó, tôi không đồng-ý với tác-giả Tân Liêu-Trai căn-cứ theo lời giới-thiệu của người đề tựa, ông Tân-Phong-Hiệp.

Nhưng đọc truyện ma thì tôi vẫn thích. Tôi đã thấy ba lối viết về ma.

Lối thứ nhất, có tính cách nghệ-thuật, chỉ dùng toàn sức tưởng-tượng, tức là lối của Bồ-Tùng-Linh, của Hoffmann .. Tác-giả muốn bịa truyện ra sao thì bịa, tha hồ. Truyện càng rùng-rợn, càng bí mật, càng huyền-ảo thì càng hay, miễn là tâm-lý nhân-vật trong truyện — kể cả người lẫn ma — phải hợp nhân tình ít nhiều.

Lối thứ nhì có tính cách khoa-học, chỉ dùng toàn trí nhận xét, tức như lối của Camille Flammarion. Lối này không phải

là tiêu-thuyết mà là khảo-nghiệm. Người viết phải hoàn-toàn khách quan, ghi chép kỹ-lưỡng từng li từng tí, từ nơi chốn, thời gian đến những nhận xét chẳng những của riêng mình mà của hết thấy những người có mặt, rồi nếu giảng được thì giảng, không giảng được thì tồn nghi làm tài liệu cho người sau dùng.

Lối thứ nhì tất nhiên là tôi thích rồi, nó làm thỏa-mãn nhu-cầu tìm hiểu của chúng ta, mà những cái gì bí mật thời nào cũng ám ảnh nhân loại. Nhưng lối thứ nhất còn làm cho tôi say mê hơn. Nó cũng làm thỏa-mãn một nhu-cầu của con người, nhu-cầu tìm những cảm-giác rùng-rợn. Tôi nhớ hai anh em Grimm trong tập *Contes populaires de l'Allemagne* (Truyện bình dân của Đức) kể chuyện một anh chàng rất gan dạ, không biết sợ là gì, đi khắp nước Đức để tìm cái cảm-giác rùng mình. Chúng ta cũng như anh chàng đó, sống yên ổn quá thì thỉnh thoảng muốn được rợn tóc gáy một chút, cho nên những đêm đông ở Bắc, nằm trong một phòng sáng, bên cạnh có cha mẹ, anh em, rồi kéo chăn lên tới cổ mà đọc truyện ma thì thú thật ! Lắm lúc tôi còn nghĩ rằng ngày nào mà khoa-học có thể chứng-thực cho ta rằng tuyệt-nhiên không có ma thì loài người sẽ tưởng-tượng ra ma rồi rán tin là có ma để mà được hưởng cái thú rùng mình, và lúc đó có lẽ những tác-phẩm của Bồ-Tùng-Linh, Hoffmann sẽ bán chạy gấp mười bảy giờ. Cũng như hồi chiến-tranh thiếu đường, người Đức thêm đường rồi chế-tạo thứ đường hóa-học vậy.

Lối thứ ba, dung-hòa hai lối trên, vừa có tính-cách nghệ-thuật, vừa có tính-cách khoa-học. Riêng tôi, tôi không thích lối này, có lẽ vì chưa được đọc một truyện nào

làm cho tôi thật vừa ý. Khó quá, làm sao giữ được cái huyền-ảo, hư hư thực thực một khi đem ánh sáng khoa-học rọi vào ? Và làm sao giữ được tinh-thần khách-quan của khoa-học một khi tưởng-tượng thêm cho câu truyện được huyền-bí ? Tôi vẫn ghét những chùa miếu cồ, mắc những ngọn đèn điện, nhất là đèn ống. Nó trở trên làm sao ấy ! Chẳng thà cắt những điện theo kiến-trúc tối-tân như Thánh-thất Tây-ninh đi ; không vậy thì cứ để cho ngôi chùa giữ cái không-khí nặng nề, u ám, dưới ánh nến hoặc đèn dầu của nó.

Có lẽ vì khó tính như vậy, cho nên đọc Tân Liêu-Trai tôi không có cảm-tưởng là đọc Liêu-Trai, cũng không thấy cái thú của một người muốn tìm sự thực trong những tài-liệu khoa-học. Tôi cho rằng bốn chục truyện ma trong cuốn đó chỉ là những truyện có chung một luận-đề, tức luận-đề này « rốt cuộc không có ma ». Vì vậy khi đọc tôi không tìm cái rờn-rợn trong truyện ma, cũng không tìm những chứng-cứ của khoa-học, chỉ xét xem cách xây-dựng có khéo không, có tự nhiên không, nói cách khác là xem cách tác-giả đặt rồi giải vấn-đề ra sao.

Tôi nhận thấy cách giải của tác-giả trừ vài truyện như *Quý nhập tràng A*, *Quý nhập tràng D*, *Chiếc áo trên mồ...* thì tuy hợp lý nhưng không có gì mới-mẻ, tài-tình. Truyện *Chiếc áo trên mồ* tương đối là lạ, nên thơ hơn cả ; rất tiếc nó lại là một truyện mượn của Pháp, thành thử lạc-lồng trong một tập truyện ma phương Đông, như một cô bạn đồ dăm giữa một bọn thiếu-nữ bạn hàng Tân-Châu.

Đa số những truyện khác (*Quý nhập tràng B*, *Giấc mộng Hồ-ly*, *Ma da*, *Hồn thư về*) thì tầm thường, và đọc xong phần tác-giả đặt vấn-đề, tôi đã đoán được tác-giả

sẽ giải ra sao rồi. Chẳng hạn truyện đầu — *Giấc mộng Hồ-ly* — đọc mới được một trang, tới đoạn Triết tình dạy trông thấy hai chậu hoa sồi và nguyệt quí thì tôi đã không muốn đọc tiếp nữa rồi.

Có truyện như truyện *Hồ-ly tân thời* tưởng-tượng vụng-về. Tác-giả đã cố gò cho truyện giống Liêu-Trai, bắt giáo Quan tình dạy ở bên một ngôi mộ cồ, kể một miệng hang — miệng hang hồ-ly — nên cho hai cô bán quán làm một việc không hợp nhân tình. Sau khi đưa duyên và phục rượu cho giáo Quan ngủ mê, rồi rút trên một ngàn đồng trong bóp của kẻ si-tình — một số tiền khá lớn hồi đó, hồi đầu đại chiến — thì tôi tưởng hai cô tất thu xếp những đồ có giá, nhẹ và cần thiết rồi rút đi càng sớm càng hay ; chứ ai lại tiếc những cái vật vãnh cần thận nhờ cả cột quán, dỡ cả mái lá mà khiêng đi, cho dềnh dàng.

Và lại hai cô khiêng lấy làm sao cho hết ; còn chông, còn ghế và hàng chục thức lặt vặt, cồng kênh khác trong một cái quán, dù là một cái quán rất nhỏ đi nữa. Mà mượn người thì sao tiện ?... Không, tài của ông Phong-Ngạn không hợp với những truyện huyền ảo, không thể so sánh với Bồ-Tùng-Linh, Hoffmann được.

Nhưng trong bốn chục truyện, tôi cũng thích được vài truyện, mà tôi nhận thấy những truyện này có tính cách tả chân hơn là tưởng tượng.

Chẳng hạn truyện *Đầu thai hóa kiếp* là một truyện bịp linh-dộng đủ cả bi lẫn hài. Hai vợ chồng ông Cả keo cú nọ, tàn cư lên Sài-gòn, ôm theo bốn hộp bút-qui đầy vàng và giấy xăng cổ giấu nhem tống tích, sống cực khổ trong một căn nhà lá ở Bàn-cờ. Nhưng một hôm một cô con

gái độ mười bảy tuổi, lại ôm chầm ông Cả, nhận là « tía con ». Bà Cả trong nhà chạy ra, ngạc nhiên, hỏi :

— « Em là con của ai, mà nhìn lạ vậy hề ».

Câu hỏi đó thật lý thú ! Cô bé xưng tên là Hoa, con của hai ông bà, chết hồi sáu tuổi, nhưng lúc đầu thai, quý bắt ăn cháo lú, cô không ăn, nên nhớ vanh vách được chuyện cũ. Hai ông bà quả có một đứa con gái tên đó chết hồi đó nhưng vẫn còn nghi nghi câu chuyện luân hồi đó. Rồi cô nhất định đòi ở lại với ông Cả bà Cả. Mẹ thật (tức mẹ kiếp này) mắng, đánh cô mới chịu đi. Ít bữa sau cô trở lại, lần lần kể lể hết những chuyện cũ. Bà Cả thấy cô nói đúng quá, hết nghi, rồi tin, rồi yêu. Rút cục, một hôm cô ta ra đi, ẩm theo những hộp bút-qui đầy vàng và giấy xăng. Thì ra một kẻ biết rõ tông-tịch ông Cả bà Cả, lập mưu với mẹ con cô bé để ăn cắp của cải đó. Họ chia nhau không đều và rút cục cả ba phải vào khám.

Truyện *Heo biến thành người* và truyện *Lá bùa linh-nghệ* không linh-động bằng truyện trên nhưng cũng đã gọi cho tôi một mối thương tâm và phần uất trước cảnh nghèo đói của một hạng người có lúc phải quật mồ một con heo gạo lên để lấy thịt ăn, có lúc đói quá phải ăn trộm rồi bị bắt, bị hương-chức trong làng ngang nhiên tra tấn, xử tội bằng đủ mọi cách tàn nhẫn trước mặt vợ con mà vợ con không dám kêu, không dám xin, cũng không dám oán, chỉ nhìn chồng và cha chết mà khóc. Thực không thể tưởng-tượng được ! Và lời tự an ủi của các « ông làng » khi tên trộm sợ quá mà chết, mới chưa xót làm sao chứ :

« Mình định tha nó mà nó vẫn chết, chắc là trời phạt nó vậy. Thôi cũng không ưc hiếp gì đâu ! »

Nhưng theo tôi, hai truyện đó, giá ông Phong-Ngạn đào sâu hơn, đục bén nữa, bỏ tính-cách khoa-học hoặc bốn cột ma chẳng phải ma đi mà nhấn mạnh vào tính - cách xã-hội, phong-tục như những truyện của Nam-Cao, Bùi-Hiền thì còn cảm-động hơn nhiều.

Những bạn nào không ưa truyện buồn, chỉ muốn tiêu-khiển thì nên đọc truyện *Ma rừng* ở cuối tập, truyện mà tôi cho là khá hơn cả. Chỉ là một truyện đánh tráo bò mà thủ-phạm là một ông Cả, ông Cả Nghiệm vua buôn lậu ở ranh giới hai tỉnh Biên-hòa và Thủ-dầu-một, cách đây ba chục năm. Tình tiết biến đổi đột ngột, xếp đặt khéo léo, cảnh một đàn bò ba ngàn con « con nào con nấy un nu ưc núc, sồn sồn như thanh-niên mười tám hai mươi, thơm mùi rừng, thơm hoa dại, thơm cỏ non » đi hàng tháng, vượt mấy trăm cây số từ Lèo tới Tân - uyên, những mưu qui chước thần những thủ-đoạn tuyệt vời của tên chúa tể hàng đen, rồi lời lẽ ngây thơ của một chánh tham-biện, hành-động kín nhem của một viên Thống-đốc, tất cả những cái đó làm câu chuyện rất hấp dẫn và đánh dấu được một thời-đại tuy mới đây mà đã xa, xa lắc.

Những sở-trường cùng sở-đoan — sở-đoan này do sở-trường kia mà ra — đều hiện gần đủ trong truyện ngắn có tính-cách tả phong-tục hơn là có tính-cách Liêu-Trai đó.

Sở-trường của ông thì độc-giả đều biết cả rồi : tình-tiết nhiều, văn linh-động, hóm-hỉnh, mỉa-mại và triết-lý, khéo ghi đúng ngôn-ngữ, phong - tục người miền

Nam, và khéo dùng nhiều tiếng địa-phương, do đó truyện của ông thường phảng-phất cái hương nhẹ nhàng như hương mù-u, hương chúng xấu (không biết chánh tả tiếng đó đúng không) của Nam-Việt. Những đặc-tính đó, viết kỹ thì là sở-trường mà viết vội thì lại thành sở-đoàn. Tôi chỉ xin cử vài thí-dụ :

Chẳng hạn cái tài ghi đúng ngôn-ngữ người phương Nam, đã thành một lối khi ông cho người Lào dùng giọng đó trong đoạn đầu truyện *Ma rừng*. Tôi chưa gần gũi lâu người Lào, nhưng tôi tưởng rằng những thầy pháp và lái bò của họ ăn nói cũng gần gần như đồng-bào thượng của mình ; và những câu như :

« Số là hai năm liền vì một lễ kỳ-bí, tôi làm ăn cứ thua lỗ mãi... » để cho những người có học như chúng ta nói thì hơn vì dân quê Lào trong câu chuyện hằng ngày, chắc không tò-chức câu một cách chặt chẽ như vậy.

Ông lại có giọng lưu-loát hóm-hỉnh, và trong đoạn-kết cũng truyện đó, không muốn bỏ một ý hóm-hình, ông đã thuận tay viết thêm mười mấy hàng, làm cho văn hơi loãng. Tôi xin chép lại cả đoạn đó ở dưới đây :

« Trước kia, làm nghề xấu, những người tai mắt ở xa không ai thèm giao-thiệp với ông (tức ông Cả Nghiệm) Bây giờ quan - chức trong tỉnh tới lui nườm nượp, ai cũng khen ông biết cải-tà qui-chánh, nhất là thành-công trong một nghề khó-khăn, nghề chăn nuôi. Có lần vị tỉnh-trưởng tỉnh này hứa xin cho ông một khuê bài « xứng đáng về nông-nghiệp » (Méríte agricole).

(Giọng mỉa mai nhẹ nhàng lý thú.)

« Ông thành công như vậy trong hai (hai hay ba ?) năm liền, và một hôm dùng một cái có tìn sét đánh là ông Cả Nghiệm bị bắt khiến cho dân cả miền Đồng đều kinh ngạc.

« Tin nói rõ rằng ông Nghiệm bị bắt giữa rừng Mỹ-đức cùng với mấy tên người nhà, tất cả đang lừa bò tơ của người Lào, lừa vào rừng sâu để tìm đường đi vòng về A. M.

« Thế là ông Cả mua hàng đen bị cảnh sát địa phương bắt. Nhưng lần này cải tà qui chánh, buôn hàng trắng lại bị cả Thống-đốc Nam kỳ « đặc-biệt chú-ý. »

(Trong hai câu cuối ông muốn hóm-hình, nhưng theo tôi thì bốn tiếng « đặc-biệt chú-ý » hơi nhạt).

« Dầu sao ai cũng khen ông là người thâm.

— Phải, trộm bò của người Lào thì đại. Chúng sẽ buồn mà không mang (tiếng mang này không đúng ; một lỗi do ông viết quá lưu loát). Và vụ trộm to ấy thế nào cũng kêu gọi (hơi Tây : nhưng ai mà đã chẳng nhiều lần mắc lỗi này ?) một phản động lực cấp tốc của nhà nước và phương-tiện thanh trừng sẽ lớn lao, khó mà thoát được.

« Còn đánh tráo bò thì êm rơ. Người Lào vốn lười biếng một khi thả bò vào rừng là không thèm dòm đến chúng nữa. Họ lại mê tín thấy bò ốm, bò già, ngổ bò tốt của họ bị ma làm, nên chỉ run sợ mà không rình rập để khám phá ra quỉ kế. »

Độc tới «...lùa vào rừng sâu để tìm đường đi vòng về A. M.» tôi đã hiểu được quí kẻ của tên gian hùng đó rồi. Nếu ông Phong - Ngạn muốn giảng thêm, thì chỉ nên trích câu này: « Họ vốn lười biếng, một khi thả bò vào rừng là không thèm dòm đến chúng nữa » ở đoạn cuối, đưa lên gần cuối trang 219, sau câu: « Vì vậy đàn bò giống đàn bò chung của một chủ, » như vậy độc-giả sẽ suy nghĩ, tự tìm hiểu lấy, mà hứng càng tăng lên nữa. Ông đã muốn cho thật sáng sủa, nên mắc phải cái lỗi rườm.

Nhưng dù có những lỗi đó, truyện *Ma rừng* cũng vẫn là một truyện lý-thú. Và xét

chung, thì *Tân Liêu-Trai* là một tập truyện ngắn vui vui, có ích cho thanh-niên và đa số quần - chúng. Tôi nghĩ nếu mỗi học-sinh các lớp Bình-dân học-vụ có một cuốn để đọc trong lớp hoặc trong những lúc nghỉ ngơi, thì cái nạn tin dị-đoan sẽ bớt được một phần. Các bạn ấy hiểu được những bài khoa-học bình-dị trong tập và ưa lối hành-văn lưu-loát cùng những tư-tưởng yêu đời thương người của tác-giả. Có lẽ ông Phong - Ngạn cũng chỉ nhắm mục-đích tiêu-khiển ích lợi đó thôi ; như vậy tôi đã quá khắt khe mà xét văn ông một cách tỉ mỉ.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

- ★ Nếu ta muốn cho lời nói của ta được người tán-thành thì ta nên nói một cách chân-thành và tỏ ra có độ-lượng.
- ★ Tâm phải cho lớn lao để thu nạp người trong thiên-hạ. (Lã-khôn).
- ★ Khi người trên tỏ ra hiểu biết người dưới và lo lắng cho họ thì tự-nhiên sẽ được lòng họ và dễ được họ giải bày tâm-sự ; xa cách, lạnh-lùng với họ, thì không những không được việc gì, mà còn tỏ ra chưa vững tin ở uy-tín của mình.

Phô trương đạo đức để thỏa tính kiêu căng

Antisthène đồ đệ của Socrate, lãnh tụ học phái « khuyến nhỏ », là một nhà hiền triết Hy-lạp, sinh tại Athènes. Ông vốn chủ trương cái thiện tối cao là ở trong đạo đức, và đạo đức, theo ông, là sự coi thường vinh hoa, phú quí và khoái lạc. Ông là người thứ nhất đem bị gây của kẻ hành khất ra làm tượng trưng cho môn triết học. Socrate thấy vẻ ít nhiều giả tạo trong hành vi của ông, gọi ông bảo: « *Này, Antisthène ơi, ta thấy lòng kiêu căng của người qua lỗ thủng tấm áo người!* » Câu ấy về sau, người ta thường dùng để ám chỉ kẻ của phô trương đạo đức để thỏa tính kiêu căng.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

BROWNELL, LANE (VIET-NAM), INC.

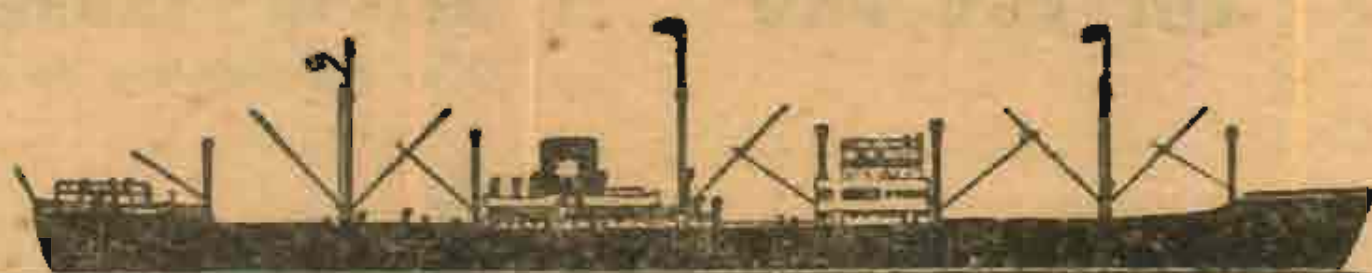
22-26 Đại-lộ Nguyễn-Huệ
SAIGON

Chuyên nhập cảng các sản phẩm hảo hạng
của Mỹ Quốc

NC-1 NC-4 NC-7 NC-16

G. N. 21.466

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient.

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

TRẢ LỜI CUỘC

PHÔNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

★ V.—TAM-ÍCH ★

Tên thật: Lê-Nguyên-Thiệp, sinh tại Thanh-hóa năm 1918. Học và trưởng thành tại Nghệ-an và Hà-nội.

Từ năm 1946, thường điết văn ở chính-trị, văn-nghe, triết-lý ở Sài-gòn.

Hiện làm giáo-sư văn-chương Việt và Pháp ban Tú-tài các trường Leuret, Vương-Gia-Cần, Hoàng-Việt, Đông-Tây...

TRONG những câu hỏi còn có một câu về lý-do của thị-hiểu. Thưa anh, đề-cập tới lý-do của thị-hiểu về văn-nghe là đặt luôn cả một vấn-đề văn-nghe rồi đó. Vậy xin viết thành một bức thư để nói cho hết ý; và chẳng trong một bức thư, tôi được dùng giọng thân-mật thường có giữa anh và tôi, để nói cho hết lời. Trong thư, tôi không trả lời tách bạch riêng một câu hỏi nào; nhưng toàn-diện bức thư sẽ chứa gần hết những ý-tưởng anh đòi hỏi ở tôi. Kề ra, anh cũng đã hơi nghịch-ngợm và oái-oăm: hay là một chuyện, thích nhất là một chuyện khác. Nói một cách khác: hay thuộc hẳn về phạm-vi nghệ-thuật, còn thích nhất thuộc về thị-hiểu — mà thị-hiểu thì vốn là một thực-thể tâm-lý — (entité psychologique)... lời thôi lăm,

bản sắc nhiều khi rất khó qui-định... Tôi nói vậy vì tôi định ví anh bạn phông-vấn với một ông giám-khảo hóm-hình ra một đề-ơm-ơ đề thử-thách thí-sinh... (1)

★

Nói rằng một truyện ngắn hay là đặt luôn cả vấn-đề giá-trị. Mà đã nói giá-trị thì tự-nhiên phải dùng tinh-từ tương-đối, và dù muốn dù không, phải đặt vai trò của chủ-quan người đọc sách. Chẳng hạn anh có thể cho truyện ngắn của Anne Patou (2) (một tác-giả đã chiếm một giải

(1) Ví phông sự so-sánh của anh Tam-ích mà đúng thì ông giám-khảo kia chắc không phải là chúng tôi, mà là báo « Bách-Khoa » vậy.

(Lời chú này cũng như các lời chú sau, đều là của Nguyễn-Ngu-ĩ)

(2) Truyện « Pourquoi ? » của Pháp, trong « Les 54 meilleurs contes du monde », nhà Gallimard xuất-bản « Paris » 1955.

nhất trong kỳ thi truyện ngắn hay nhất thế-giới năm 1952-1953) là thường, mà tôi lại cho hay... ; chẳng hạn tôi có thể cho tiểu-thuyết *Espoir* của André Malraux là hay mà anh không thấy gì là xuất-sắc. Cũng như tôi vẫn thấy có người nói rằng truyện ngắn *Ba sao giữa trời* của Bình-Nguyên-Lộc đăng trong tập *Đất đứng* của nhóm *Quan-diêm* là... rắc rối, giữa lúc tôi (tôi sẽ nói sau) cho rằng truyện ngắn đó đáng liệt vào hàng những truyện ngắn quốc-tế xuất-sắc.

Chẳng hạn là như vậy...

Nhưng thôi, chúng ta cũng nên cân nhắc, dung-hòa, tìm ra một số nguyên-tắc căn-bản, có thể là trừu-tượng, nhưng được *thông-minh* con người thừa-nhận, làm tiêu-chuẩn cho sự lựa-chọn. Xin nói thật với anh là từ xưa, tôi đã được đọc nhiều truyện ngắn Việt-Nam. Loại đi một mớ không có gì là đặc-biệt — và không kể những bài mà tôi không kịp đọc, hay không có hân - hạnh được đọc, tôi đã đọc nhiều bài không thể quên được.

Một số truyện ngắn của Tự-lực văn-đoàn ngày xưa phần nhiều đã làm người ta say mê. Ấy, con người vốn phụ-bạc ! Sự phụ-bạc đây không phải là chuyện ngược với đạo-đức mà chỉ là một thực-thể tâm-lý nhiều lý-do. Thời-gian đóng một vai-trò ; lịch-sử tiến-hóa cũng đóng một vai-trò... và cũng nên thêm rằng cao-lương mỹ-vị dùng mãi cũng làm chuyển hướng tò mò của vị-giác...

Và tôi nghĩ tới truyện ngắn, *Mười năm sau* (ý của Phạm-Ngọc-Thọ, văn của Nhất-Linh) đã đăng trong tập *Hai buổi chiều vàng* của Nhất-Linh... Rồi tôi nghĩ đến một số truyện trong *Vang bóng một*

thời của Nguyễn-Tuân — đến truyện *Hai con mắt* của Mặc-Đỗ đã đăng trong báo *Quan-diêm* (3), có tính chất « siêu-quốc-gia » (cosmopolitisme) — đến vài truyện trong *Thần Tháp Rùa* của Vũ-Khắc-Khoan (4), đến truyện *Quán cháo lú* của Lê-Văn-Siêu (5)... Và nhất là tôi nghĩ đến truyện *Con thần lẫn chọn nghiệp* của Hồ-Hữu-Tường (6). Chính truyện ngắn của họ Hồ đã làm tôi ngạc - nhiên Trên phương - diện học-thuật, họ Hồ đối với tôi là bậc đàn anh,... nhưng riêng về *tiểu thuyết* và *truyện ngắn*, tôi cứ tưởng là anh không xuất-sắc lắm... Vì tôi cho rằng một *truyện ngắn*, theo nghĩa chính của nó, phải là một *nghệ-phẩm*, không phải ai muốn viết thì viết, viết bừa bãi cách nào cũng được... Anh Tường đã làm tôi có một ấn-tượng rõ ràng về anh : anh rất phong-phú...

Tôi tin rằng không ai coi thường *truyện-ngắn* : truyện - ngắn — viết cho ra truyện, cho có *bản-chất* và *kịch-thước nghệ-thuật* một *nghệ-phẩm* — không phải

(3) Số Tết năm ất-mùi (1955).

(4) Đăng báo « Tự do » xuân ất-mùi (1953) sau in thành sách với ba truyện khác, sách cũng nhan « Thần Tháp Rùa », do Quan-diêm xuất bản Sài Gòn 1957.

(5) Tạp chí « Sáng-tạo », số 1, tháng 10-1956).

(6) Đăng ở tuần báo « Mới », số 26, ngày 16 tháng 5-1953 và ở nhật báo « Phương Đông », số 83, ngày 15-8-1954, được Pierre-Kèn Dariville dịch ra Pháp-văn trong tạp chí « France - Asie », xuất-bản ở Sài Gòn, số 90, tháng 11-1953, và trong tạp-chí « La synthèse universelle » xuất-bản ở Genève (Thụy-sĩ) số 23-24, mùa hạ năm 1954. Một bản dịch ra Pháp-văn khác được đăng trong tuần-báo France Dimanche xuất-bản ở Paris khoảng đầu năm 1954, và chính bản dịch này mặc dầu kém hơn bản dịch của Pierre-Kèn Dariville được cho đăng trong quyển « 54 Meilleures contes du monde » do nhà Gallimard, Paris, xuất-bản, năm 1955. Bản này không đề tên dịch-giả.

để. Alain Bosquet, một nhà văn Pháp, nói rằng truyện-ngắn Mỹ (Tôi cho ở Mỹ đã vậy thì ở đâu chẳng vậy!) là một thể văn cao-dẳng (nguyên-văn: *genre supérieur*), cũng không phải là quá-dáng... Ở Mỹ chẳng hạn, Edgar Poë đã mở kỷ-nguyên cho truyện-ngắn; ở Tàu, từ thế-kỷ thứ VIII, đời nhà Đường đến Bồ-Tùng-Linh, văn-học Trung-quốc đã lần lần hãnh-diện; và ở Việt-Nam ta, Phạm-Duy-Tồn đã là một trong vài người đi trước...



Nhưng tôi nói thật với anh, *truyện-ngắn* mới đây, — bên cạnh một số khác tôi chưa kịp thưởng-thức — làm cho tôi bằng lòng là truyện *Ba sao giữa trời* của Bình-Nguyên-Lộc (7) Tôi không nói tới cá nhân Lộc nhiều, vì Lộc vốn là bạn anh, anh đã hiểu tác-phong văn-chương của Lộc... Tôi đề ý tới văn của Bình từ lâu lắm: Lộc có một lối văn gần như là độc-điêu — nghĩa là có sáng-tạo. Tôi chủ-trương rằng văn-nghệ phải có sáng-tạo. Nghệ-thuật không có sáng-tạo là nghệ-thuật đứng một chỗ... không có sáng-tạo, (*création*) nghệ-thuật sẽ lần lần mang giá-trị một *tàt-liệu* hay một món đồ trang sức để ở bảo-tàng-viện, chờ ngày lui vào mẩu đen của thời-gian.

Có người sẽ hỏi tôi tại sao lại cho truyện *Ba sao giữa trời* của Bình-Nguyên-Lộc là hay nhất và tại sao tôi thích-nhất. Để trả lời, tôi xin đề-áp một cách tổng-quát đến văn-lẽ giá-trị nghệ-thuật của một nghệ-phẩm. (và ở trường hợp đương bàn đây là: *truyện ngắn*.) Anh sẽ rút trong

những ý-tưởng của tôi những câu trả lời tiềm-tàng cho sự đòi hỏi của anh.

Trước hết, tôi phải nói rằng: một *truyện ngắn* phải là một nghệ-phẩm đã. Hay, thì nó là một nghệ-phẩm; dở thì người ta không đọc, hay đọc rồi quên mất. Truyện (*ngắn hay dài* thì cũng vậy) của Maurice Dekobra (bản chạy lắm!) không thể nào là một nghệ-phẩm được, nhưng *La condition humaine* của Malraux, *A Q. chính truyện* của Lỗ-Tấn, ai ghét mặc ai, cũng vẫn là những nghệ-phẩm. Bốn mươi của Mặc-Đỗ trước kia chỉ là một sự thử-thách của tác-giả, nhưng đến *Siu-cô-nương*. (cũng của Mặc-Đỗ), đứng hẳn trên phương-diện *kỹ-thuật tiểu-thuyết* (tôi nói lại: *kỹ-thuật tiểu-thuyết*) thì Mặc-Đỗ đã gần thành-công — xin bỏ ra ngoài phương-diện nội-dung (*contenu moral*) là cái phần mà mỗi độc-giả tùy ở *ý-tưởng chủ-quan* của mình để định giá-trị, chê hay khen.



Nhưng có bạn sẽ hỏi: Vậy dựa vào đặc-linh hay tiêu-chuẩn nào để định rằng văn thi-phẩm này là một nghệ-phẩm còn văn thi-phẩm kia là không...? Đây mới là một chuyện rắc rối! Cờ-kim cũng chưa có một cuốn « văn-phạm » nào chứa những định-luật, những nguyên-tắc rõ ràng để theo đó mà định giá-trị một nghệ-phẩm (*œuvre d'art*)! Luật bằng-trắc chỉ dạy người ta làm được những bài *Bán than* của Trần-Khánh-Dur, bài *Xác pháo* của Nguyễn-Hữu-Chính, bài *Dệt vải* của Lê-Thánh-Tôn... chẳng hạn!

Vậy thì có thể nói bừa đi rằng: « văn-phạm » nghệ-phẩm là những nguyên-tắc về *kỹ-thuật*: hành văn phải thế nọ thế kia,

(7) Trong « tập truyện Đất đứng » do « Quan-điền » xuất-bản, Sài-gòn, 1957.

bố-cục phải thế này thế nọ, sáng tạo phải có tính-chất này tính-chất khác...! Sự thực thì nói vậy chỉ là nói đề mà nói, không nói không được... Vậy chứ Tản-Đà theo kỹ-thuật nào để làm bài *Tổng biệt*, Hemingway theo kỹ-thuật nào để tả cảnh một chàng chiến-sĩ bị thương nơi chân vì tạc-đạn (trong *Adieu aux armes*) Gertrude Stein (một người đã ảnh-hưởng rất nhiều trong văn-nghiệp Hemingway) theo một kỹ-thuật nào để viết *lời nhai* một cách rất thú-oi, rất hay, rất.... « kỹ-thuật ».... Lỗ-Tấn theo kỹ-thuật nào để viết cái văn riêng của Lỗ-Tấn trong *Á Q. chính truyện*. (Lưu-Nghị đã chịu ảnh-hưởng của Lỗ-Tấn và có thể gần thành-công trên phương-diện này trong một số truyện ngắn).



Cũng có người đòi cho được một nội-dung: nội-dung lành mạnh, nội-dung tiến-bộ... Tôi hoàn-toàn đồng ý là nội-dung một nghệ-phẩm phải có hướng lên... Nhưng đó chỉ là chuyện tương-đối. Nhiều lúc tôi bực mình vì vấn-đề nội-dung này lắm: chưa có những nguyên-tắc nào qui-dịnh rõ-ràng tiêu-chuẩn của nội-dung, nói thế nào là hướng lên, thế nào là hướng xuống, chưa có ranh giới nào phân biệt rõ-ràng không khí lành mạnh và không khí bệnh hoạn..... Mạnh ai nấy nói: người cộng-sản thì nói thế này là nội-dung dung tiến-bộ; người-tư-bản thì nói thế kia là nội-dung thoái-hóa. Thiệt là rắc rối! Giữa lúc người ta đem *La condition humaine* của Malraux viết đã từ hai ba chục năm lên sân khấu.. thì người ta lại *Lột-vũ* của Tào-Ngu lên thăm xanh..., đồng thời chỉ có một mình Staline (chuyện này xảy ra cách đây mười năm ở Nga-

xô-viết) là thích cuốn *La tempête* của Ehrenbourg, còn cả Hội nhà-văn Nga-xô-viết cho là phản *hiện-thực xã-hội*... Trong lúc ấy thì, biệt phái nhất là Nga-xô-viết mà cũng dịch văn-thi-phẩm của Marcel Proust, của Dostoïewsky, của Hemingway để đọc, chưng tranh Picasso để ngắm...

Vậy anh bảo tôi còn biết dựa vào tiêu-chuẩn nào để thảo-luận về vấn-đề nội-dung trong thời-gian nữa! xin nói lại: trong thời-gian. Không chóng mặt đã là may lắm... phải không anh?

Nhưng nói gì thì nói, tôi vẫn chủ-trương rằng một văn-thi-phẩm (trong đó có truyện-ngắn) phải là một nghệ-phẩm trước đã. Nếu chỉ đòi nội-dung mà thôi thì vẫn có những tờ... truyền-đơn... đầy nội-dung để thỏa-mãn lý-trí từng người, từng nhóm người, về phương-diện chính-trị, xã-hội...! Lẽ tự-nhiên, ai làm được như Ehrenbourg thì càng tốt; nhưng đã có bao nhiêu người làm được như Ehrenbourg được cả hình-thức lẫn nội-dung!

Có lẽ có nhiều người phủ-nhận vấn-đề giá-trị và tác-dụng của một nghệ-phẩm. Họ nói: nghệ-phẩm với chẳng nghệ-phẩm mà làm gì! Lắm lớn! Hai chục năm xưa, ở Pháp, người cộng-sản công kích cuốn *La condition humaine* của Malraux, cũng như công-kích cuốn *En un combat douloureux* của John Steinbeck. Theo tôi thì hai cuốn tiểu thuyết đó còn tác-dụng trong tiềm-thức, trong vô-thức... của con người, hơn bao nhiêu triệu tờ truyền-đơn! Một cuốn sách hay, một truyện ngắn hay dài xuất sắc, sống muôn kiếp; một vạn tờ truyền-đơn chỉ sống kiếp một con

phù-du... Con người ta vốn hay tự dối-mình, vốn hay bạc bẽo với văn-ngệ đó thôi! Nói rộng ra, một cuốn phim *Quo vadis* có thể đã vô-tình đem lại trước cây thánh giá thêm một vạn tín-đồ nữa, giữa lúc một đức cha có thể nói trước một vạn công-chúng như nói trong một bãi sạ-mạc...

Tôi tưởng nghệ-thuật nên nói *tiếng nói cuối cùng* của nghệ-thuật : văn-thi-nhân phải làm một *nghệ-phẩm* trước đã :

a) Hoặc là nghệ-phẩm ấy chỉ sống một thời, và gặp một điểm thời-gian nào đó, hết sứ-mạng lịch-sử rồi, đòi vị-trí của mình ở bảo - tàng - viện, ở thư - viện, làm một *luận-cứ lịch-sử*, đánh dấu và nuôi-dưỡng sự *liên-tục* của văn-hóa một dân-tộc hay loài người trong thời-nian...

b) Hoặc là nghệ-phẩm ấy đủ điều-kiện về *hình-thức* và *nội-dung* để làm một sản-phẩm có giá-trị bất-diệt... không bao giờ mất hình bóng trong lòng người... nhưng trường hợp *Truyện Kiều* của Nguyễn-Du hiếm quá... ! Và lại cũng còn tùy ở bản sắc và thị hiếu của mỗi dân-tộc nữa : ở Anh, một Somerset Maugham giữa thế-kỷ hai mươi vẫn làm một thứ *thần-tượng*, trong lúc đó ở Á-đông, cách đây mười năm chẳng hạn, Tào - Ngu viết *Lôi - vũ* đã bắt đầu lên thắm xanh rồi...

Và chỉ có những sản-phẩm nào thiếu giá-trị về cả hai phương-diện *hình-thức* và *nội-dung* : hay những sản-phẩm nào chỉ có *nội-dung* mà không có *hình-thức*... mới mất vị-trí trên *bảng giá-trị* văn-ngệ trong toàn - diện chung văn - học - sử. Thứ trên không đáng cho người ta nhắc tới ; thứ dưới sẽ bị những tờ truyền-đơn chiếm mất... chỗ ngồi.

Tôi tưởng bây giờ anh đã hiểu rõ vì sao tôi lại cho truyện ngắn *Ba sao giữa trời* của Bình-Nguyên-Lộc là hay nhất và tại sao tôi lại *thích nhất* truyện-ngắn ấy chẳng hạn. Cũng nên thêm rằng Bình-Nguyên-Lộc viết gần như một *tiểu-thuyết-gia* Mỹ vậy : lối văn tự-nhiên đượm một hương-vị khinh khoái (*désinvolture*) nhẹ - nhàng — một thứ châm-biếm kín - đáo đối với những giá-trị hiện - hữu trong đời sống đương phản chiếu một thứ đạo-đức-giả nghìn kiếp của con người hay là một thứ tự-dối-mình trơ-trên — một lối bất chước *khéo* và *mới* văn-chương Âu-Mỹ — một cách đề cao sự sống không nặng-nề, không lối-bịch — một tác-phong mới tả sự sụp-đò của những sự-nghiệp xây trên bất-công và chênh-lệch — một kiểu tả sự chán-chường trước con người và sự ngờ-vực cả cái giá-trị cao nhất giữa vạn - vật là *con người* trong dòng lịch-sử : ngờ-vực mình và chán-chường cả đời sống... Tất cả yếu-tố ấy tiềm-tàng trong văn Bình-Nguyên-Lộc.



Bây giờ tôi xin sang *lĩnh vực quốc-tế*. Trong lĩnh vực này, lẽ tự-nhiên là tôi xin nói vắn-tắt. Cần phải nói ngay rằng cái *hay nhiều* hay *hay ít* của một truyện - ngắn ngoại-quốc còn là một vấn-đề *ngôn-ngữ* và văn - đề *bút pháp riêng* của tác - giả nữa. Marcel Proust dài mù-mịt, Malraux vạm-vỡ, vắn-tắt, siêu-hình..., Camus thuần-túy nhưng hơi nhạt, trong sáng nhưng ít say sưa... trừ cuốn *L'étranger*. Ấy cũng may mà ở Trung-quốc xưa còn có Bồ-Tùng-Linh viết những *truyện ngắn* trong *Liêu-trai chí-dị* để chúng ta thưởng-thức cả *hình-thức* lẫn *nội-dung* — tôi nói *hình-thức*, vì coi văn-dịch *Liêu-trai chí-dị* vẫn kín-

đáo hương luôn hương-vị thấp-thoảng của nguyên-văn... kể cả những người không giỏi chữ nho lắm... Và còn một cái may nữa là một bản dịch *Anh* ra *Pháp* cũng vẫn giữ được cái *hay*, để cho người thiếu *Anh-ngữ* thưởng-thức ngay trong tiếng *Pháp* — trừ các bạn đã du-học nhiều năm ở *Anh-Mỹ* thì họ thưởng-thức trực-tiếp trong tiếng *Anh-Mỹ*. Nếu không thì làm sao mà tôi trăm trề được hương-vị *duy-nhiên* vạm-vỡ và thi-vị của *Hemingway*; làm sao mà hương màu sắc *Marcel Proust* trong *Robert Pen Warren*, hay khí-hậu tối om om và hương sắc *linh đục* vừa trắng trợn vừa kín-đáo của *Henry Miller*...!

Tôi đã được đọc ít nhiều *truyện ngắn* ngoại - quốc : của *Hemingway*, của *Faulkner*... của *Mỹ*; của *Charles Plisnier* (trong *Faux-passeports*, được giải *Goncourt*) của *Pháp*; của *Bồ-Tùng-Linh* và *Lỗ-Tấn* của *Trung-hoa*... chẳng hạn. Thiết là mỗi tác-giả, một sắc thái, một vẻ đẹp...

Nói về truyện văn-nghệ quốc-tế, nhất là nói về *truyện ngắn* và *tiểu-thuyết* *Âu-Mỹ*, khó quá : tôi nói khó là vì người *Á-đông* mình quen lối *kỹ-thuật tổng-hợp* rồi : mấy trăm năm náo-nhiệt và xáo-động thời *Tam-quốc* thâu gọn lại trong mấy cuốn *Tam-quốc-chí* điển-nghĩa, giữa lúc mấy ngày trời văn-tắt của một trận du-kích vật ở *Tây-ban-nha* hồi nội-chiến... đã làm *Hemingway* kéo dài đến bảy tám trăm trang khổ lớn trong *Pour qui sonne la glas*. *Kỹ-thuật phân-tích* (*technique analytique*) của *truyện ngắn* hay *dài* *Âu-Mỹ* làm người *Á-Đông* chúng ta lúc đầu hơi bỡ ngỡ : chúng ta quên cái lối *truyện* phải có đầu có đuôi, phải có kết

cuộc luân-lý chẳng hạn... *Đông-Trắc* phải chết, *Quan-Vân-Trường* phải hiền-thánh... *Nguyễn-Du* đã táo bạo lắm nhưng cũng phải theo *Thanh-Tâm tài-nhân* mà cho *Kiều* gặp *Kim-Trọng*...! *Văn-thi-nhân* *Âu-Mỹ* phần nhiều khác hẳn : có những *truyện* đối với mình là vật, vật lắm, có những mảnh sống nhỏ nhặt tũn-mủn không đầu đuôi, không có kết cuộc lớn theo tam-cương ngũ-thường... trở nên một *truyện* dài, một *truyện ngắn*, trong đó tác-giả hoàn-toàn vắng mặt... và chính sự vắng mặt ấy tạo ra thi-vị riêng của tác-phẩm họ.



Kỹ-thuật của những nhà văn *Mỹ* như *Hemingway*, *Steinbeck*... là một thứ *kỹ-thuật* mà thiên hạ gọi là *tâm-lý khách-quan* (*psychologie objective*) được một hương vị độc-thoại về tình cảm (*monologue intérieur*). Tác-giả không cần có mặt trong *truyện*. Người đọc *truyện* như ngắm tranh *dã thú* (*fauvisme*) màu sắc phũ phàng vậy : những ý-tưởng sẽ tự-nhiên phát hiện từ sự-kiện... Tác-giả trọng sự tự-do của độc-giả : ai muốn đọc cứ đọc và không bao giờ chui vào một mớ vỏ cứng (do tác-giả tạo ra) của *nguyên-tắc*, của *giá-trị*, của *ý-tưởng*, *tư-tưởng*... bắt con người dù muốn dù không, vô tình hay cố ý, phải theo, phải phụ thuộc, phải sùng bái, phải tin - tưởng,..... phải « *nghèo* » đi. Người ta không phải chỉ « *nghèo* » đi vì tôn-giáo. Ở phương-diện tôn-giáo này, tôi cho là *Ludwig Feuerbach* có lý lắm. (*Pour que Dieu soit enrichi, l'homme devra être appauvri*). Theo ý tôi thì con người của loài người, từ bốn năm ngàn năm, từ *đa thần* đến *độc thần* đã « *nghèo* » đi rất nhiều ; đồng thời còn

« nghèo » đi vì tất cả mọi thần-tượng lớn nhỏ, xa gần. mọi lý-tưởng cao-thấp, mọi thực-thể thần-thoại (entité mythologique) do tất cả mọi hình-thức thông-minh tạo ra ; rồi còn « nghèo » đi một bước nữa vì tất cả những lý-thuyết, những ý-tưởng từ những thư-viện, ngự-trị lý-trí và tình-cảm của con người...! Cũng nên thêm vào đó cái danh sách những « bébélune » sản-phẩm tối cao của khoa-học chỉ thỏa mãn lòng lự-ái và tính kiêu-căng (cá-nhân và tập-thể) mà thôi...

Các bạn cứ đọc một số tiểu-thuyết hay truyện-ngắn Mỹ, các bạn sẽ thấy, tự sự-kiến nó nói lấy. Người đọc, đọc xong sẽ thấy nầy trong tâm-hồn những nhận-xét, những ý-tưởng về đời sống. Từ trong truyện « triết-lý » tiềm-tàng có sẵn bộc-lộ ra và làm độc-giả phải suy-nghĩ ; tác-giả không có mặt lù lù trong sách, không làm triết-nhân mà cũng chẳng làm nhà tư-tưởng... và không có tham-vọng truyền-giáo... Chúng ta hãy đọc những truyện *Le révolutionnaire*, *Une histoire banale* rất ngắn của Hemingway chẳng hạn... Đó, sở-dĩ tôi thích truyện-ngắn Mỹ hơn truyện ngắn Pháp là vì vậy.

Bồ-Tùng-Linh quen với tôi nhiều quá — tôi cho là hay lắm nhưng không dám... thích nhất, vì họ Bồ sống ngoài nhân-sinh để phản ứng lại đời sống. Tôi cũng « quen » cả Charles Plisnier, tác-giả những truyện ngắn trong *Faux-passeports*, nhưng Plisnier lại là hình ảnh một kẻ chiến-bại, nên tôi cũng không dám... thích nhất. Tôi dành thích nhất truyện ngắn *Victoire* của William Faulkner... đăng trong tập truyện ngắn *Treize histotres* do nhà Gallimard xuất-bản.

Victoire (Thắng trận) là một bức tranh vẽ bộ mặt của chiến-tranh và đồng-thời thể hiện sự bi-đát của con người sau chiến-tranh... chẳng hạn như Faulkner cho rằng, đã là con người thì chẳng có ai can - đảm cả, con người bỗng nhiên một sáng mở mắt tỉnh cờ thấy mình là anh hùng trong chiến-tranh và... người ta « rơi » vào địa-vị anh hùng cũng như kẻ đi đường đương nghếch mắt nhìn đời sống bỗng rơi xuống lỗ cống (... que personne n'a de courage, mais que n'importe qui peut choir aveuglément dans l'héroïsme, comme on dégringole dans un pégard d'égoût ouvert au milieu du trottoir).

Theo tôi thì Faulkner muốn xáo-trộn một quan-niệm của con người về thần-tượng : tự con người hay dối mình, con người tự mình tạo ra những thần-tượng, những ý-niệm thiêng-liêng để sùng bái... !

Thật là vô-lý ! Mà sự thật là vậy : đời sống, cả đời sống là một sự phi-luận-lý. Vô-lý (l'absurde là gì ?) nếu không phải là sự tương - quan giữa người và đời sống ! Theo Sartre thì vô-lý là sự ly-khai giữa sự khát - vọng của con người lúc nào cũng muốn đạt tới nhất - trí và tình thể lưỡng-hữu (dualisme) không thể vượt được) của lý-trí và bản chất ; giữa sự « ưu-tư » thuộc về bản chất và sự rỗng sức vô - vọng của con người... Cái chết, tình thể muôn mặt của thực-tại, sự ngẫu-nhiên... đó là những thái-cực của vô-lý, (L'absurde c'est le rapport de l'homme au monde, c'est, a dit Sartre, la manifestation du divorce entre l'aspiration de l'homme vers l'unité et le dualisme insurmontable de l'esprit et de la nature, entre le « souci » qui est son essence même, et la vanité de ses efforts ; la mort,

le pluralisme irréductible des vérités et des êtres, l'inintelligibilité du réel, le hasard, voilà les pôles de l'absurde. (Pierre Brodia. *Présences contemporaines*. Thù xá Debresse).



Bây giờ anh có thể rút trong bức thư dài của tôi một số ý-kiến tiềm-tàng đủ trả lời cho bốn câu hỏi anh đã nêu ra đề phỏng-vấn. Đồng thời, tôi cũng đã được dịp bàn với anh một vài mẫu chuyện văn-nghệ. Có lẽ, ở một vài phương-diện, bạn không đồng ý với tôi... Nhưng ở đời, đã

có ai hoàn-toàn đồng ý với ai đâu ! Và trong câu chuyện văn-nghệ, làm sao tránh được một chút *chủ-quan*...! Có thể mới có sự *tạp-đa* (diversité). Tôi còn dám nói rằng sự phong-phú của tư-tưởng là do sự *tạp-đa* mà có. Cái lối *một chiều* và *đơn điệu* (uniformité) chỉ lợi cho chính-trị mà bất lợi cho văn-hóa — một cách *wang-đối*, cố nhiên.

Luôn tiện mong anh lượng thứ cho tôi đã nói dài quá. Có thể mới hết ý. Xin chấm dứt bức thư tôi gửi cho anh tại đây [...]

TAM-ÍCH

★ VI.— NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH

Nguyễn-Đức-Quỳnh sinh ngày 20-11-1911 ở Trầ-bồ, Hưng-yên. Trước 1945, ở trong nhóm Hàn-Thuyên. Làm thơ, viết kịch, chuyên biên khảo và viết tiểu-thuyết có tánh cách tả chân và xã-hội, chủ-trương Khoa-học tạp chí (1931-1932) với Nguyễn-Công-Tiểu, và Tiếng trẻ, Thời-thế, Quốc-gia, với Trương-Từu, Lê-Văn-Sểu, Nguyễn-Đình-Lập. Sau 1952, viết báo, viết văn, thường ký: Hà-Việt-Phương... Hiện ở trong nhóm Quan-điểm...

Anh ở ngay Thủ-đô, tìm nhà anh không phải khó, (mặc dầu nhìn địa-chỉ là ai cũng ngại ngại: Khu bàn-cờ, lại số nọ trên số kia, mà số nào cũng lớn cả!) nhưng gặp anh lại không phải dễ. Vì anh bận rộn bao công việc ở bên ngoài, tuy rằng dạo này sức-khoẻ anh không được dồi-dào như trước.

Hai lần thăm anh, anh đều đi khỏi; tôi đành đề bài phỏng-vấn và thư lại.

Và tôi đợi, đợi chẳng bao lâu. Một anh bạn chung đến cho tôi hay:

— Anh Quỳnh lúc này Bận và mệt, nên có nhờ tôi nói lại với anh: từ 1954 trở lại đây, anh ít có dịp đọc truyện nước ngoài, nên không thể trả lời câu hỏi về truyện ngắn nước ngoài. Còn về truyện ngắn nước nhà, thì từ 1954, anh thích những truyện ngắn của anh Bình-Nguyên-Lộc.

Tôi vội hỏi :

— Thế anh Quỳnh có nói vì sao anh thích truyện ngắn của anh Bình-Nguyên-Lộc không ?

— Không, anh ạ.

— Anh còn nói gì thêm không, anh ?

— À, có. Anh có bảo : riêng ý anh, thì ví phỏng ở nước ta mà có treo giải thưởng về truyện ngắn, thì giải thưởng ấy phải về anh Bình - Nguyên - Lộc.

Một nhà văn quốc-tế, chuyên viết truyện ngắn, mà ở vào trường-hợp tác-giả « Nhốt gió » (1) chưa chắc đã làm hơn.

NGUYỄN-NGU-Í ghi lại

KỶ SAU : Cô Linh-Bảo, Thế-Phong.

(1) Tên tác-phẩm được in đầu tiên của Bình-Nguyên-Lộc ; đó là tập truyện ngắn (mà dưới tên lại ghi : *tiểu-thuyết*) do nhà Thời-Thế xuất-bản, Sài-gòn, 1950.



Tóm tắt ý-kiến các bài đăng trong 2 kì trước và ghi những vấn-đề cùng câu hỏi được nêu lên hay được gợi ra

Chúng tôi có phần này là để các bạn đọc mới của « Bách-Khoa » được biết những nét chánh trong các bài trả lời từ hai số trước, và để giúp các bạn đọc cũ nhớ lại, dặng cuộc theo dõi hứng-thú thêm ; chúng tôi lại mong sẽ được nhiều bạn góp ý-kiến, hầu bài khép lại cuộc phỏng-vấn đầu tiên về văn-ngệ của « Bách-Khoa » nhờ đó mà đầy, đủ, vui, tươi.

★ Số 59

A. — Ý-kiến

1. — Thiếu-Sơn thích nhất :

• Sự tích Trầu Cau (truyện cổ tích truyền khẩu) : giá-trị luân-lý, giá-trị dân-tộc, giá-trị nhân-bản, tượng-trưng cho dạ sắt son.

• Những người không lỗi của Trần-Duy : tha thiết với tự-do, chống những gì phản nhân-vị và thiếu nhân bản, đề cao tình thương.

• Truyện Lữ-Bất-Vi trong bộ Đông-Châu Liệt-Quốc (Trung-hoa) : điện-hình óc đầu cơ sâu sắc vô tiền, tuyệt hậu.

• Truyện những người thái-sử trọng sự thật, khinh thường quyền-uy và cái chết (Đồng-Hồ ; Bá, Trọng, Thúc, Quí), trong bộ Đông-Châu Liệt-Quốc : gương khảng khái nêu cao tinh-thần bất-khuất.

II. — Vũ-Băng cho rằng cái ưa thích thường thay đổi, và có truyện hay vì phương-diện xã-hội, có truyện hay vì văn, có truyện hay vì tình, có truyện hay vì « nó không có gì cả », ông đã thích hoặc đang thích :

- Sống chết mặc bay của Phạm-Duy-Tốn
- Cười với trăng của Nam-Cao ;
- Cái nhọt của Từ-Thạch ;
- Buổi chiều ở trong nhà của Tô-Hoài ;
- Tóc chị Hoài của Nguyễn-Tuân ;
- L'éternel mari của Dostoïewsky (Nga)
- Vingt quatre heures de la vie d'une femme của Stefan Zweig (Áo)
- Le bouquiniste của Stefan Zweig (Áo)
- L'Aiguille Rouge của Vicky Baum (Áo)
- Les nuits blanches của Dostoïewsky (Nga)

B. — Văn-đề, câu hỏi được nêu lên hay được gọi ra

1. — Truyện cổ-tích ghi lại hay kể theo dân-gian có thể xem là truyện ngắn hay không ?

2. — Một mẩu truyện rút ra ở một bộ truyện có thể xem là truyện ngắn ?

3. — «Tóc chị Hoài» của Nguyễn-Tuân là truyện ngắn hay là tùy bút ? Hai lối văn này khác nhau như thế nào ?

4. — Có nên dịch ra tên tác-phẩm, truyện, bài thơ, tờ báo (nếu đó chẳng phải là danh-từ riêng) để cho mọi người Việt đều hiểu chăng ?

★ Số 60

A — Ý-kiến

III. — Bà Tùng-Long cho hay nhất :

• *Sống chết mặc bay !* của Phạm-Duy-Tồn : mở một kỉ-nguyên mới cho lối văn gọn gàng, tươi sáng và linh-hoạt.

• *Một truyện của Guy de Maupassant* (Pháp) mà bà quên tên, song còn nhớ cốt truyện : rung cảm bà và khiến bà đi vào con đường văn-ngệ.

IV. — Bùi-Xuân-Uyên [không trả lời thẳng các câu hỏi mà xin nói « lạc đề ».

— không mấy chú-ý đến truyện ngắn vì coi chúng như những « bài tập » :

— thích viết truyện dài vì vốn thích những cái đẹp đồ-sộ, vĩ-đại, chứng tỏ sức sáng tác phi thường của tinh-thần của con người.

V. — Bà Xuân-Nhã :

— chung lập-trường văn-ngệ với đảng phu-quân (Bùi-Xuân-Uyên) nhưng lại rất thích viết truyện ngắn vì « chóng xong ».

B. — Văn-đề, câu hỏi được nêu lên hay được gọi ra

1. — Có phải truyện ngắn « *Sống chết mặc bay !* » của Phạm-Duy-Tồn mở một kỉ-nguyên mới cho lối văn gọn gàng, tươi sáng và linh-hoạt trong văn-chương hiện đại ?

2. — Truyện ngắn phải chăng bất lực trong việc ghi lại hình ảnh của cuộc đời biến chuyển, đưa ra một nhân-sinh quan ? Và ta có nên xem truyện ngắn như một thứ « bài tập » ?

★ Người dưới rất dễ hờn, dễ giận khi có cảm-giác chuyện riêng của mình bị người trên xâm-phạm. Cho nên khi người trên tỏ vẻ trịch thượng với người dưới thì khó lòng giúp đỡ được họ điều gì, họ thường tỏ vẻ bất kham và quyết không nghe lời. Cách tốt hơn hết là « đi » với họ, phân bày với họ kinh-nghiệm bản-thân của mình, mà tuyệt-nhiên không hề xét nét, lên án họ ; như vậy người trên tỏ ra mình không xâm-phạm đời tư của ai, mà chỉ cống-hiến kinh-nghiệm bản-thân của mình cho họ thôi.

★ Lấy chân-thành cảm-kích người thì người cũng lấy chân-thành mà xử lại ; dùng trí-thuật cãi đáp người thì người cũng dùng trí-thuật mà đả-lại. (Trình-Di)

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ NGUYỄN - HUY*
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithel Preah Bat Norodom*
(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Bureau de Représentation

HONGKONG

8/8 *A Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, à Butte Malta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

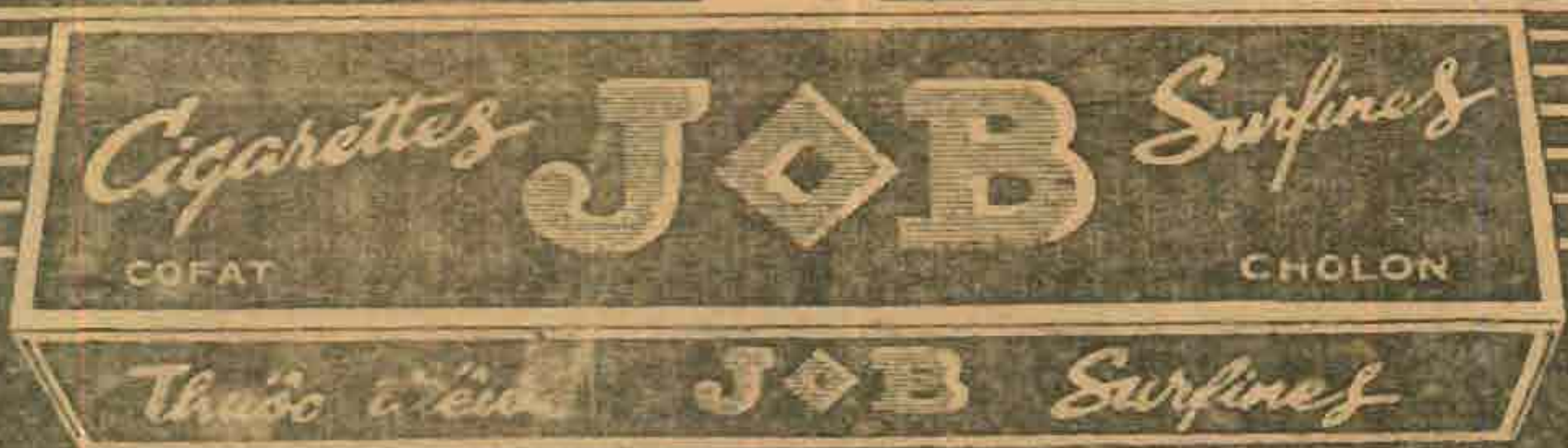
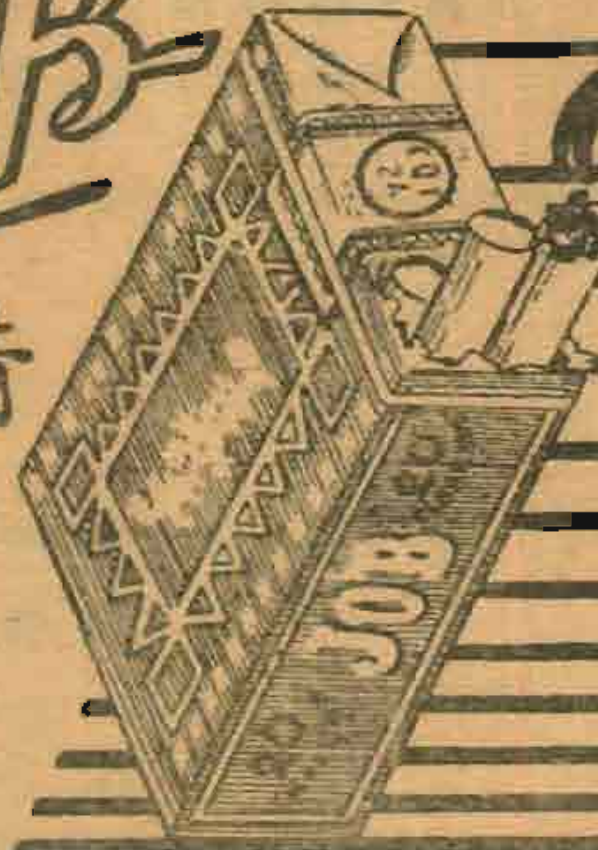
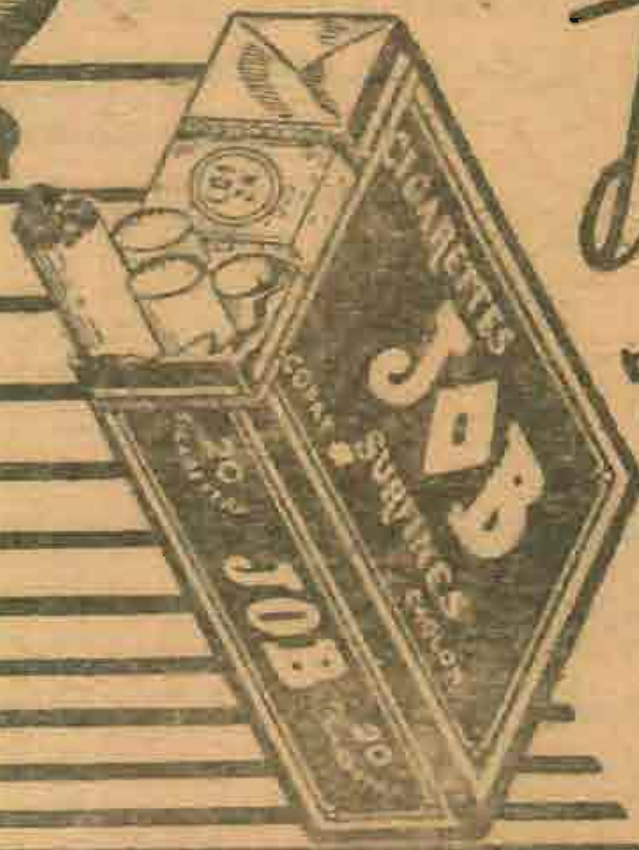
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
 MÙI ÉM DỊU
 KHÓI THƠM SẠY
 HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
 KHÁP GẦN XA NƯỚC TIẾNG.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
 金字烟





SỐNG Ở ĐỜI

Tùy bút của THÙY THỦ

ĐỐI với xã-hội tôi chỉ là một thứ dăng-tử mà năm tháng cuộc đời trôi qua trong buồn nản. Tôi không sao tìm cho mình một thái-độ đứng-dẫn và thích-hợp để tiếp nhận cuộc sống. Sinh ra trong sự thiếu thốn tình thương, cha tôi chết trong tù đầy, mẹ tôi bỏ đi; lớn lên giữa đồng rác chủ-nghĩa và triết-thuyết ngập đầy đời sống, tôi mang trong tâm những căm thù, những căm thù cuộc sống, xã-hội và con người. Chẳng ai quan-tâm đến tôi cả. Tôi nghĩ rằng cái đáng khinh ghét nhất ở con người là nhiệm độc đời sống mà vẫn đứng

dưng. Và tôi thân nhiên lao mình vào đời sống, bất chấp công-thức xã-hội cùng miệng lưỡi thế-gian không bao giờ tôi nghĩ rằng sự hiện-diện của tôi trên trái đất lại có thể có những liên-hệ đến cuộc sống những người khác. Con người đối với nhau hoàn-toàn xa lạ. Gia-dình chỉ là một thứ ký-túc-xá, mỗi người bị ép buộc sống hết quãng đời ấu thơ để rồi lao mình vào cuộc-đời-rối-mất và hoàn-toàn tự-do hành-động.

Sau những tháng năm hừa bãi, tuổi xanh trôi đi trong những quán rượu hải-cảng, đường mỗi đêm ghé bến, tôi trở về với màu xanh đồng cỏ cao-nguyên. Sự kiện chỉ

có nghĩa đòi thay không - gian. Tôi miễn-cưỡng sống không mấy nhiệt - thành những tháng năm tiếp diễn tới đều đặn đến lợm giọng.

Các bạn đọc của tôi ơi ! Cuộc đời tôi là vậy. Chán-chường vô-cùng ! Tôi không hề nghĩ tới người mẹ sau những tháng ngày tội lỗi đã trở về kêu gọi cầu khẩn tình thương của tôi. Tôi không may mắn gặp tâm đến đứa em sống vất-vưởng, nhờ-và họ hàng mà ít khi tôi chấp nhận sự hiện-diện trong lòng tôi. Tôi thường nghĩ và tự bào chữa : tôi phải sống cuộc đời của tôi đã. Sống cái đã ! Và thật mai mịa, cuộc sống vẫn buồn nôn và hoàn-toàn cô-độc.

Những người con gái yêu tôi, thất-vọng vì nếp sống bừa bãi của tôi, đều bỏ đi lấy chồng sau khi tuyên-bố là tôi không yêu họ. Họ cũng có lý lắm. Vì tôi sợ và ghét những ràng buộc giữa người và người. Nó có vẻ giả-tạo, thiếu chân-thành.

Ở phòng giấy tôi có một người Thương làm tổng - thư - văn. Ngoài những liên - lạc công-vụ, ít khi tôi đề ý đến hân. Sự có mặt của hân ở đây với tôi, hết sức tự-nhiên, cũng như cây cam sinh ra để có trái và trái cam lại có người để ăn. Có hôm Y - Ban, tên người tổng-thư-văn, phàn nàn là hai năm rồi chưa được phép về thăm nhà. Tôi cười nghe y kể lẽ và ngạc nhiên về sự ràng buộc của y với gia-đình. Tuy nhiên tôi cũng chuyển đơn xin nghỉ của Ban lên thượng-cấp. Vài hôm sau Y-Ban hơn hờ cầm tờ giấy phép bảy ngày từ giả tôi.

Nơi tôi ở, mùa mưa chưa đến. Những đôi cò úa tím, mỗi chiều ngày nghỉ đã chán-chường không-khí ồn-ào nỉ-ưng tiệm ăn quán nước, tôi thường đi trên đó nhia xuống thành-phố ở thung-lũng phía

dưới. Ánh đèn sáng lên trên những khung cửa sổ. Sương đục chìm xuống làm đô-thị bỗng-bình trong một ảo-ảnh thần-tiên lạ. Một nét nhạc luân vũ thoảng đến. Ý nghĩ tôi miên-man tỏa ra, lan rộng. Trăng non một mảnh, ánh-sáng mơ-hồ, đậu trên những lá cỏ đang cố thoi-thóp níu kéo lấy màu xanh ngày cũ để hy-vọng thoát khỏi sắc tím khô già. Đó là một trong những đêm cuối tuần chán-chường mệt-mỏi nhất của cuộc đời dang-tử. Tôi có cảm-giác yếu-ớt lắm giống con vật non yếu mới chui ra khỏi trạng-thái bào-thai.

Y-Ban đã trở về chức-vụ cũ sau những ngày nghỉ phép. Tôi hơi lạ lòng vì những người này ít khi chịu tôn-trọng kỳ-hạn ghi-chú trong giấy phép. Có nhiều gã bỗng một hôm nhớ buồn, nhớ rừng, nhớ suối ; lên trốn doanh-trại trở về quê ít lâu rồi hoặc đến nộp mình hoặc bình-thản làm rầy bẻ măng chờ quân-cảnh đến mời đi. Một anh bạn đã một lần cười bảo tôi :

— Mấy thằng đó trốn trại, muốn lòi cò về cứ tới nhà nó là có mặt, khỏi giấy tờ thông-báo đi đâu cho mệt...

Y-Ban vẫn đến sớm quét dọn như thường lệ. Thấy tôi, hân nở một nụ cười gương gạo. Tôi đề ý thấy mắt-cá chân hân sưng to như quả cà chua đến nỗi không đi giày được. Các bạn có biết vì sao không ? Y-Ban đi bộ về nhà ! Tôi hỏi địa-diểm nơi quê hân và đo trên bản đồ thấy được một khoảng cách chừng tám gang tay đường chim bay. Tám gang tay trên tấm bản đồ tỷ lệ một trăm ngàn !

Ngày nghỉ quá ít, tiền bạc quá ít, không đủ để cho phép gã tổng thư-văn người Thượng của tôi ngự trên một ghế xe hàng về tận nơi gia-đình nhỏ bé của hân trú

ngụ. Y-Ban đã đi suốt nửa ngày và một đêm, không địa-bàn, không bản-đồ qua rừng qua núi, không nghỉ-ngơi, không sợ hãi. Tôi tưởng-tượng đến những khoảng đồi núi gập-ghenh, các đường đèo cheo leo, những rừng già âm-u hiem-hóc. Y-Ban khinh thường mọi nguy-hiểm có thể xảy ra. Hắn chỉ có một ý-tưởng mau về thăm vợ, con, cha, mẹ làm động-cơ. Mỗi tương-quan ràng-buộc giữa con người với nhau đã làm Y-Ban khinh thường tất cả những sợ-hãi ma thiêng thần dữ vốn rất mạnh trong trí-lự những kẻ chất phác ngộ-nghê như hắn.



Câu chuyện Y-Ban chỉ có thế. Không ai dạy hắn về tương-quan liên-hệ giữa những con người cùng dòng máu. Không triết-thuyết nào bảo hắn về những ràng-buộc, về sự hiện diện của con người trong lòng nhau. Hắn sinh ra ở đời là mặc nhiên

chấp-nhận sự có mặt những người xung quanh, trong lòng hắn. Ngay thơ và chân thành như cả ngàn lần sự thật.

Tôi muốn ngả nón mỗi khi hắn đi qua. Hắn đã cho tôi một điều quý giá vô cùng mà của cải cùng thặng năm không mua được.

Trong tôi lớn dần một niềm khoái cảm rất lớn rộng. Ít nhất cũng như vậy, đời người mới có nghĩa. Đời sống của mỗi con người vốn là của riêng tây. Nhưng không phải vì vậy mà đem vung vãi ngày tháng cùng năng-lực một cách vô-ích phí-phạm được.

Và có đêm khuya nằm nhìn ánh sao rung rung sau màn lá thông thưa bên ngoài cửa sổ, tôi nghĩ phải tìm về thăm mẹ tôi, em tôi. Ít nhất tôi cũng phải còn có can-dảm chấp nhận sự hiện-diện hai người đó trong tâm hồn tôi, trong cuộc sống của tôi.

THỦY-THỦ

ĐÍNH CHÁNH

- « Bách-Khoa số 59, trong bài » « Trả lời chung cuộc phòng văn văn-ngệ », phiên ông Vũ-Bằng :
- *L'aiguille rouge* « của Vický Baum, xin sửa lại : *L'Aiguille Rouge* »...
Và chú thích ở dưới, xin sửa lại : *Chóp Đỏ* (danh từ riêng)
- Trong Bách-Khoa số 60, bài « Rút kinh-nghiệm 15 năm đèn sách » của Ô. Đoàn-Thêm, vì in lầm theo bản cũ, chưa kịp sửa, của tác-giả nên đã có những đoạn in sai như sau, mong các bạn sửa dùm :
- trang 38 cột 2 dòng 2 *Pullmann* xin đọc *Pellmann*
- trang 40 cột 1 dòng 32 : « tru-tượng » xin đọc « tru-tượng »
- trang 42 dòng 7 : « tam-cương » xin đọc : « Ba mối dây thiêng-liêng »
- cùng trang cột 2 dòng 15 : « Lư đã cố cải thiện dần cho chúng như sau : », xin đọc : Lư đã cố cải-thiện dần những điều mà Lư áp dụng hàng ngày và nhắc nhở cho vợ hoặc giải thích cho con, có thể tóm tắt như sau : »
- trang 43 cột 2, dòng 8, xin bỏ chữ *dần*

Ý NGHĨ

Chiều nay em về
một khung trời vuông sẽ lấp đầy cửa sổ
còn ước được nhìn đôi mắt của vòm trời đậm lệ
hàng cây bên đường rủ tóc van xin
chìa cánh khó gió chạy gấp ghềnh
một chút nắng vàng hoàng hôn bố thí
có đôi mắt nào vừa qua thăm trao ý nghĩ
thời gian là tà áo hai màu
cho cuộc đời thương - ghét - giận - hờn nhau
cho muôn thuở suy tư đi tìm Vĩnh - Cửu



Chiều nay em về
dừng chân trên ngã tư đại lộ
nghĩ thăm lòng mình không là đèn xanh đèn đỏ
sẽ xin ở hồn anh một màu trắng đơn thuần
em sẽ là cánh én mùa đông cất tiếng hát gọi mùa xuân
với những linh hồn đi ngoài hoang đảo
em sẽ bắt mơ mộng làm chủ nhật
đón gió tím mười phương
trao ân-tình thứ nhất.



Chiều nay em về.
giao điểm đường hồn không gặp ở ngã bảy ngã ba
gót sầu lão đảo nát tình sỏi đá
nhỏ dại lòng chiều
ngàn ấy đau thương cũng đủ đắng cay nhiều
đừng đến thăm để nhìn mi em sầu ủ rũ
em sẽ đuổi auk đi bơ vơ trên hè phố
như con chim sầu về trên rặng tóc ngã xiêu xiêu
(vì người ta cũng sẽ đuổi em ra khỏi gác trọ thân yếu)
mắt em đại dương sâu thăm
nên phải nhận vô vàn đau thương làm bọt sóng
gió nào về dựng lớp lớp trùng dương
và ở đâu chiều khoác áo cô ngủ lẽ đường
hưng hờ để lòng sầu hơn thế nữa
hưng hờ để lòng sầu hơn thế nữa...

Một cuộc tấn công

NGUYỄN VĂN-XUÂN



KHI tàu chúng tôi rút lui vòng quanh Phi-châu thì bị các tàu chiến quân-đội Anh bắt giữ lại. Viên chỉ-huy có ý định đánh đắm tàu. Nhưng không hiểu sao y đã không đánh đắm và chịu đầu hàng. Tàu này chở đa-số là lính thuộc-địa người Đông-dương và nhiều chất nổ.

Chúng tôi được lệnh lên bờ. Tiếng là vào đất Châu Phi, nhưng quả tôi chưa bao giờ được dịp nhìn cho rõ cái đất lạ ấy có những gì. Vì phần thì chán nản, mệt-mỏi, phần thì buồn ngủ đến nhức mắt, tôi lờ-lờ theo anh em xuống tàu, lên bờ, trèo lên các chuyến xe nhà binh để họ muốn đưa đi đến trời đất nào thấy kệ họ. Đất nước không còn thì cái thân thẳng lính thuộc-địa còn là cái quái gì? Cha mẹ khi tiễn con đi, cầm bằng như đứt quai nôi. Hết làm lính cho Pháp, bây giờ làm tù-binh cho Ăng-lê thì chung-qui cũng thế thôi. Nếu đến phút cuối cùng, viên chỉ-huy Pháp ra lệnh đánh

đắm tàu thì chúng tôi đã nổ và tan rã theo mìn, theo đạn. Chắc-chắn là chúng tôi đã hóa mỗi ngon cho giống « cá-phi », và bạn chỉ-huy đã được tiếng « anh hùng ». Nhưng dẫu sao, nói cho cùng, thoát chết để làm tù-binh cũng vẫn hơn. Sống cực khổ còn mong có lúc sướng, chứ chết thì thật là mất hẳn...

Xe nhà binh đưa chúng tôi về trại giam. Gọi là trại giam, kỳ thật chưa bao giờ cái óc của tôi dám tưởng-tượng nó to lớn như thế. Những hàng rào giằng thép gai kéo dài đến bất tận bảo-vệ kiên cố cho một khu không biết kéo dài tới tận cùng nào. Rất dẫu vào trại giam từng từng nhà cửa quân đội Anh nối tiếp nhau. Lính Anh cao lênh-nghênh đi đứng canh gác trông rất chững chạc. Khỏi chỗ này, xe tiến qua những hàng rào sắt phân-biệt các khu. Mỗi khu đều có lô-cốt cao, trên ấy lính Anh nấp sau các khẩu liên-thanh chăm chăm nhìn theo đoàn xe

chúng tôi. Đường trong trại rất rộng. Xe lớn, xe nhỏ xuất-hiện liên-miễn. Hai bên, trong các khu có tù-bình ở, nơi thì đã dựng nhà xong, nơi chỉ mới che lều vải. Nhưng trông có một vẻ gì kiên-cố, vững chãi như một căn-cứ kiến-trúc đề dờ dờ chứ không phải chỗ giam giữ tạm-thời. Thấy cái vẻ bề thế, nguy nga đó, chúng tôi đều ón đến xương sống. Chúng tôi tự hỏi chứ họ nghĩ là đến mấy đời nữa chiến-tranh mới chấm-dứt và chứ họ định tống cổ chúng tôi vào đó cho đến bao giờ !

Những tù-bình trong các trại hai bên đường thấy chúng tôi đi qua thì thân-thiện dơ tay chào. Phần nhiều họ đều cời trần trùng trọc. Người da trắng lông ngực vàng khè ; người da đen như cây cột nhà cháy, lòng bàn tay trắng như phất chiếc mù xoa. Họ mặc hoặc xít-líp hoặc kẻ có quần không áo, người có áo không quần. Nhưng chưa thấy ai e lệ vì cơ này mà rất thản-nhiên. Trông họ có vẻ hoàn-toàn tự-do... sau mấy hàng dây thép gai, dưới miệng súng lục nào cũng hờm sẵn của người lính trên chòi gác cao ngất.

Xe chạy rất lâu mới rẽ vào một khu còn bỏ trống dành cho chúng tôi. Cả bọn người ùa xuống. Lạ lùng là sự chán chường lờm giọng tan biến lúc nào. Chúng tôi lại thấy vui vẻ ồn ào, ráng gân cổ lên mà hát những bài hát rất nhảm, rất thô bỉ bằng tiếng mẹ đẻ âm theo nhạc Pháp. Liền đó, người Anh phát lều vải ghề, bố và áo quần để chúng tôi kiến thiết chỗ ở, sắp đặt chỗ ăn nằm. Lính và sĩ quan Pháp ban đầu ở chung, sau mấy ngày mới có lệnh dời đi nơi khác.



Mới vào trại giam, những lúc rỗi rãi đứng nhìn qua các hàng rào giây thép gai thật ngán đến cuống họng. Năng Châu Phi vàng khè, thiêu đốt và gợn sóng, gợn sóng đến tận chân trời. Dây thép gai mờ dần trong sóng năng, vẽ ra cái cảnh chiến địa mênh mông và bí mật. Phải lâu lắm mới quen được với cái cảnh mới lạ cũng như sức năng nồng cháy làm nghẹt thở dưới các túp lều.

Nhưng may mắn là người Ăng-lê họ tổ-chức cái gì cũng chu đáo nên làm con người đỡ vất vả. Nhất là cái ăn !

Chúng tôi vốn ở trong bộ đội của người Pháp mất nước, ăn kham, mặc khổ từ lâu nên không dám chờ đợi một sự ăn uống đầy đủ nào nữa hết. Làm thẳng tù, dĩ-nhiên phải chịu khổ bằng trăm thẳng lính cho dầu lính và tù cùng một loại nô-lệ. Nhất là nhớ cái cảnh tù tội ở xứ mình, toàn cơm vắt, mắm tanh thì cũng chẳng dám ao ước gì hơn. Nhưng lạ lùng ! hoàn-toàn trái ngược điều chúng tôi chờ đợi. Người Anh cho chúng tôi ăn uống rất rộng rãi. Phải nói là rộng rãi hơn cả khi chúng tôi ở trong quân đội Pháp chưa bị ngã quỵ. Ví dụ, riêng về món thịt, mỗi người một ngày lãnh một ký hai ! Và, đặc biệt, đồ ăn tráng miệng đều gói trong giấy bóng và toàn những thứ trái tươi ngon lành ! Về sau này, lương thực có kém đi, nhưng quả thật là chưa lúc nào chúng tôi phải chịu thiếu thốn.

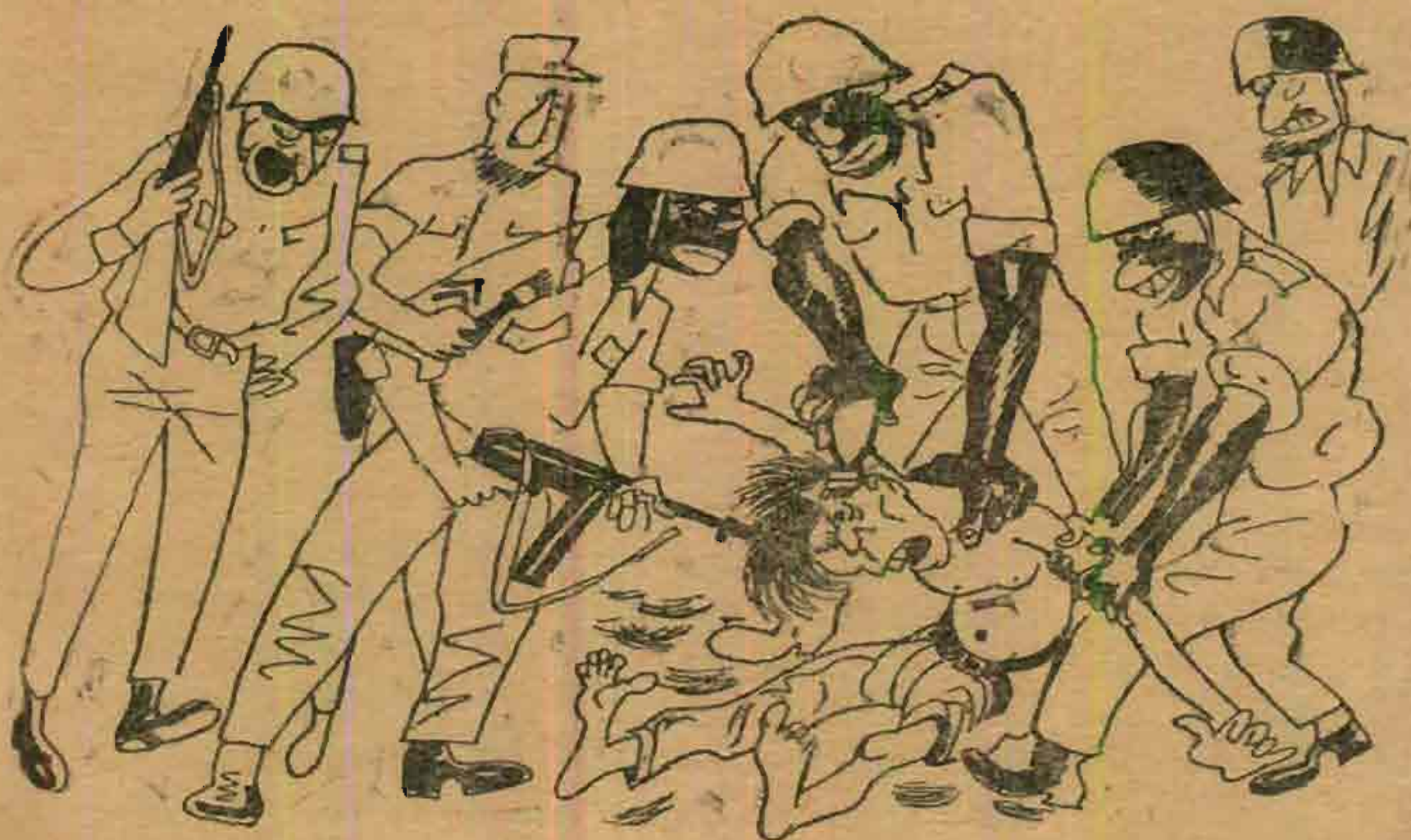
Áo quần thì họ phát đủ các thứ cần dùng. Vải của người Anh đẹp lắm nên những tấm « ra », chúng tôi giữ lại để dành may áo quần. Mùa lạnh của Châu-Phi không lấy gì làm rét lắm mà họ cũng mở những cuộc lạc quyền rộng lớn ở Luân-Đôn, xin đồ cũ gởi qua cho chúng tôi.

Tiếng là đồ cũ, chứ đời một thằng dân thuộc địa quen cơm ghế, mắm tanh có bao giờ dám mơ ước ! Những chiếc áo ngắn hoặc ba-dờ-suy len, dạ chưa phai màu, có chiếc hình như còn mới tinh, được phân phối đều mỗi người một chiếc.

Về việc sống trong trại, chúng tôi được toàn quyền định đoạt với nhau. Những người có chức vị thì giữ việc trật tự và giao-thiệp với các nhân-viên phụ trách quản-trị. Còn anh em binh-sĩ thì

đội theo chính-phủ Pê-tanh. Các sĩ-quan Pháp nghe đâu không chịu khuất phục và khuất nhục. Nhưng người Anh rất khôn ngoan. Họ chỉ cần cho uống rượu « tràn đĩa » rồi cấm cung-cấp rượu trong mấy ngày là bọn sĩ-quan Pháp trở nên dễ bảo ngay. Có lẽ họ được ưu đãi vì phe De Gaulle đang tìm cách dụ dỗ, tuyên truyền họ nhiệt-liệt.

Lính Ý bị bắt làm tù binh vô số. Tôi còn nhớ, một hôm, họ bắt lính Ý từ đâu



phân-công chịu trách-nhiệm vệ-sinh, nhà bếp, giải-trí. Trại chúng tôi cách đường lớn không xa. Bên trái là trại giam lính Ý. Bên phải là trại lính Đức. Theo chỗ chúng tôi biết thì việc mà lính thuộc-địa Pháp bị bắt vào đây là một trường hợp hãn hữu. Vì người Anh với Pháp không chống nhau. Nhưng quân-đội Pháp theo De Gaulle thì cộng-tác với quân-đội Anh nên họ mới bắt giam giữ chúng tôi là quân

về không rõ. Đi sắp hàng sáu mà suốt từ sáng sớm đến tối mịt, đêm khuya vẫn còn nghe tiếng giày họ kẻ tiếp nhau tiến qua khu vực chúng tôi. Có lẽ thời kỳ đó, Mussolini thất trận nặng nề.

Tù binh Ý không có gì đặc sắc. Người họ không cao lớn nhưng xinh xắn. Tù binh Đức, trái lại, trông rất hùng dũng. Tuy bị bắt, họ vẫn tỏ ra bất khuất, ở trại gần chúng tôi, một hôm, có xảy ra

cuộc xung đột giữa họ với lính Anh, xe quân đội Anh tiến vây khu trại họ. Lính canh trên các chòi cao chĩa họng súng phụ họa. Họ kháng cự. Khi bên Anh nổ súng, tất cả lính Đức bắt thần huyết sáo miêng, phát lên một tiếng kêu như còi lanh-lảnh xé không gian và nằm rạp cả xuống nhanh như cắt. Họ hành động mau lẹ nên chỉ có vài người bị thương xoàng.



Nhưng dù cuộc sống trong trại giam có rộng rãi đến mức độ nào thì thân tù vẫn tội. Râu tóc chúng tôi cứ mọc ra tua tủa. Áo quần chúng tôi có khi hàng tháng chưa giặt. Nếu không quen nhìn nhau, chưa chắc chúng tôi đã nhận ra nhau. Người Anh thì chỉ có nhiệm vụ giữ cho tù binh khỏi trốn là đủ. Xe tuần sát của họ cứ liên miên chạy rảo trên các con đường giữa hai hàng trại, những con đường vô tận đang được kiến thiết cả thiết lộ để tiện việc giao-thông! Còn lính gác chỉ đứng trên chòi cao. Mỗi ngày, bọn nhân viên tiếp-tế hay có nhiệm-vụ giao-thiệp chỉ thoáng qua rồi đi ngay. Dân-tộc Ăng-lê vốn lạnh lùng, làm việc gì cũng nhanh chóng, khoa-học. Quả thực, tuy ở với họ khá lâu mà chúng tôi cũng không biết họ nhìn chúng tôi bằng con mắt nào...



Một hôm, có mấy người lính Anh đi qua trại của chúng tôi. Họ đi đến chỗ phơi áo quần và chỉ tỏ gì với nhau coi bộ rất ngạc nhiên. Một người trong bọn họ lập tức đồng xe quay về để lát sau mang đến một cái chai con. Được cái chai, tức thì họ sục sạo vào những nơi phơi áo quần, mừng, mền để tìm kiếm những gì không rõ. Từng lúc, họ lại reo lên, đối đáp với nhau bằng

những tiếng cười quái dị. Lúc trở về, họ chuyền cái chai cho nhau xem và không ngớt la hét ầm ĩ.

Tuy thế, việc ấy không làm chúng tôi phải chú-ý. Giữa người Âu-Tây với chúng ta, ai cũng có quyền ngạc nhiên vì những duyên cớ chẳng đáng ngạc nhiên tí nào. Không ai cấm một người Á-đông cầm dao « cắt ra » và người Âu-châu « cắt vào ». Nhưng thói quen làm cho người này có cảm-tưởng chắc chắn mình hành-dộng hợp lý hơn kẻ kia.

Song ác một nỗi là dù không muốn chú-ý, người ta cũng cứ bắt chúng tôi phải chú-ý.

Sáng hôm sau, vừa ngủ dậy chưa kịp nhảy xuống giường đã có xe nhà binh chở mấy chục lính xông xộc kéo nhau vào trại giam chúng tôi. Bọn lính này không nói năng gì, cứ tự-do mở va-ly lấy những đồ nghề hớt tóc ra, tự-do sai lính da đen đề đầu chúng tôi xuống. Chúng tôi kháng cự thì lính da đen lập tức ôm chặt chúng tôi lại, không cho cựa cựa. Rồi bọn lính hớt tóc xông tới, xông xộc đẩy tông đơ lên đầu các nạn-nhân.

Ban đầu, chúng tôi chống cự qua loa, mạnh ai nấy tránh. Khi bọn da đen làm dữ và lòng phẫn nộ bốc lên ngàn ngút thì chúng tôi liền vùng cả dậy. Không sợ! Không thể để chúng nó muốn làm gì thì làm! Da trắng hay da đen cũng mặc. Chúng không có quyền chặn đầu người ta xuống. Phải xông vào giải cứu cho đồng-bào! Đối-phương lập tức đối-phó. Chúng còn có can-đảm thoi vào mặt chúng tôi để tiến hành công-vụ của chúng. Chúng tôi lập tức hè nhau lại, mỗi người mỗ một cái nhẹ cũng đủ bay cả da đen, da trắng. Thế

là lần đầu tiên, dân Việt-Nam đại phá liên-quân Hắc-bạch để giải cứu các nạn-nhân.

Nhưng cứu người chứ làm sao cứu được bộ tóc đã bị hớt nửa chừng ! Thành ra, trong trại hôm ấy có mấy anh chàng có cái đầu hết sức ngộ nghĩnh : một bên thì đen thui thui, tóc lấp mang tai ; bên kia thì trắng lông lốc như vị chân tu tập đội bê-tê lệch.

Tuy nhiên, lúc này chưa nên cười vội. Chúng tôi đã chứng-kiến cuộc đàn-áp lính Đức hôm nọ. Phải chuẩn bị đề đối-phó với một cuộc tấn công đẫm máu của người Anh.

Suốt ngày hôm ấy, tù-binh người Việt luôn luôn phập-phồng chờ đợi cuộc đàn-áp tàn-nhân. Mãi đến tối, không thấy việc gì xảy ra thì tất cả đều yên-tâm. Theo chúng tôi biết, người Anh sẽ không có những hành-động hèn nhát như đến bao vây, bắt cóc ban đêm hay đánh úp khốn-nạn. Dân Anh rất lạnh-lùng, phớt đều. Như thế, rất có thể họ đã cho qua một việc đối với họ không lấy gì làm quan-trọng.

Chúng tôi ngủ một đêm say.

Đề đến sáng hôm sau vùng thức dậy theo một loạt súng liên-thanh và những tiếng hô đồng-dục của một đạo-quân đang chuẩn-bị tác-chiến.

Nhảy xuống đất, chúng tôi đã thấy không biết cơ man nào hòng súng cầm lưỡi lê tua tủa chia vòng theo khu trại. Lính Anh và thuộc-địa Anh thế là đã bao vây hãn trại chúng tôi. Nét mặt họ ngùn-ngụt sát-khí. Càng khủng-khiếp hơn là hai chiếc xe tăng đồ-sộ, lù-lù tiến qua hàng rào dây thép gai vào án ngữ

ngay trước mặt tiền. Các miệng súng liên-thanh chia thẳng vào trại. Trên các chòi canh cao ngất, lính gác cũng quay mũi súng về phía chúng tôi.

Không biết họ sẽ hành-động ra sao ! Thật quả chỉ còn thiếu vài khẩu đại-bác và ít chiếc máy bay thám-thính nữa là đủ lộ bộ của một cuộc tấn công quan trọng.

Bị chạm lực-lượng vũ-khí và quân-đội hùng hậu, tinh thần chúng tôi trở nên hết sức hoang-mang. Không ai còn dám nghĩ đến sự kháng cự. Mặt tái mét, chúng tôi bắt chước lính Đức, hú một tiếng dài, khắp loạt nằm sấp xuống chờ súng nổ.

Nhưng súng không nổ, chỉ có nhiều đội lính, lưỡi lê cầm đầu súng hùng hồ tiến vào bảo vệ cho các toán lính hớt tóc. Bọn lính hớt tóc hôm nay mặc sức cho tông dờ chạy xuôi, chạy ngược. Vì mỗi chiếc tông dờ đều có ít nhất vài lưỡi lê yểm hộ. Chúng hớt bất chấp thứ mỹ thuật nào, chỉ cần cắt món tóc trên đầu chúng tôi xuống rồi đẩy chúng tôi vào nhà tắm. Trước nhà tắm, mấy tên lính da đen, mặt trắng dã, tay cầm những cục xà-phòng to tướng xoa nhào lên các đầu trọc lóc. Chúng tôi cứ tự do mà cời truồng tó hỏ, dờ đầu ra để xoa xà-phòng rồi vào kỳ cọ, rửa ráy. Tắm xong, nghe người nhẹ hẫ đi, nhưng lại thêm lo sợ phập phồng như sắp bị người ta đem xẻo thịt.

Xong việc hớt tóc, tắm rửa, viên chỉ huy Ăng-lê ra lệnh xếp hết mền, mùng áo quần, giày, bút tất v. v... vào ba-lô. Ba-lô mang sẵn tên và quân-số, được buộc cẩn thận rồi đem ra đặt cạnh một cái máy hấp mới được chở tới.

MỘT CUỘC TẤN CÔNG

Không biết họ hấp thế nào mà chỉ cần ném ba lô lên phía này là nó chạy ngay sang bên kia, hơi lên ngùn ngụt. Vô phúc nó vào là bồng ngay. Mấy giờ sau, mở ba-lô ra vẫn còn nghe hơi nóng hừng hực bốc lên.

Bây giờ viên chỉ huy lại ra lệnh tập-hợp. Tức thì lính hốt tốc, lính bồi xà-phòng thu xếp đồ đạc lại. Bọn lính chiến mắt vẫn long sòng sọc, lưỡi lê sáng ngời đầu mũi súng đi lùi từng bước yểm hộ cuộc rút lui. Một chiếc thiết-giáp rồi máy mở lối cho lực-quân tiến, một chiếc thiết-giáp nữa đứng chặn hậu đề cho đoàn quân bách thắng ca khúc khải-hoàn. Đến phút cuối cùng, chiếc thiết-giáp rút lui mà các mũi súng của nó vẫn hướng về trại chúng tôi, làm như lũ lính trọc, không khí-giới, sắp tấn-công bằng... tốc vào lực-lượng của họ.



Khi tiếng binh khí đã im, « chiến-trường » đã được thu dọn, tôi mới lại gần viên đội « thông-thái » thổ thổ hỏi :

— Thưa ngài đội, ngài có biết tại sao

lính Ăng-lê có hành-động quyết liệt thế không ? Hay họ nghi ta có óc phản động nên cho cắt tóc để diệt trừ cái mầm độc ấy đi ?

Viên đội lắc đầu :

— Thế anh không nhớ à ? Anh quên cái hôm họ đem cái chai đến đây, bắt những gì trong áo quần chúng mình à ?

Tôi bở ngỡ !

— Ồ, ra thế ? Thế chắc họ bắt được những loài sâu gì ghê gớm ở Châu Phi này chăng ?

Tôi khủng-khiếp nghĩ đến những loài vật quái-dị ở nơi man-rợ này. Chẳng hạn những con muỗi chỉ cần chích vào mạch máu là ta cứ ngủ suốt đời.

Viên đội không đề tôi chờ đợi. Ông ta cười ròn rã :

— Phải, giống sâu này ghê gớm lắm. Tây thì họ gọi chúng là « bu » không kể đực cái, sống trong áo quần hay trên tóc. Còn ta thì cộc lốc gọi nó là... Con Rận.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

Nhân nghĩa

Mạnh-tử nói : « Kẻ tự hại mình, không nghe lời phải của ai ; kẻ tự bỏ mình, không chịu làm việc với ai... Lời nói trái lẽ nghĩa, đó là tự hại mình ; tấm thân không chịu giữ nhân, noi nghĩa, đó là tự bỏ mình.

Nhân là nơi an toàn của người đời ; nghĩa là đường chính đạo của người đời. Để trống chỗ an toàn mà không chịu ở, lia bỏ đường chính đạo mà không chịu đi, thật là đáng thương vậy ! »

MẠNH-TỬ

(Lý-lâu chương cổ thượng, Tiết X)

HOANG MANG

Thành-phố đứng ngai lên :
Mây qua ngàn lạnh lắm !
Đèn ai đứng với tháp :
Mắt em buồn buồn thêm



Ta thêm trông chút nữa :
Chiều mưa ướt nắng chiều ;
Ta thêm trông thấy bóng
Em về đồ tịch liêu.



Gió còn xoa nước lạnh ;
Sương còn vuốt bờ cây ;
Nhà ai vừa mở mắt ;
Nhớ nhung chìm bóng ngày.



Ta muốn chiều ngưng lại ;
Cho ngày đứng với trời ;
Tình dật toàn thương nhớ
Là hạnh-phúc em ơi !

DIỆU-THANH

HUYỀN HOẶC

Trời xanh huyền-hoặc đêm thâm-cung,
Trăng sáng bình-yên, sáng lạnh-lùng !
Gió lạnh, bờ cây không thở nhẹ,
Êm-đềm sông nhỏ chảy mộng-lung...



Tôi với nàng đi... bước mộng-mạnh
Trên làn không-khí rất tình-anh ;
Lặng nghe những tiếng trong im-lặng
Rơi nhẹ vô lòng thăm-thăm xanh...



Một vì sao nhỏ lạc chơi-vời,
Qua nút không-giau, đến cuối trời,
Đứng lại bồi-hồi nghe ánh-sáng
Loãng dần như nước ngập ngàn khơi...



Khi ấy trời trăng sáng di-thường !
Sáng xanh màu lục Thái-bình-dương...
Tôi không thấy bóng nàng đâu nữa,
Nàng thấy tôi chăng giữa mộng-trường ?

NGUY-TẦN-THƯƠNG



LÊ SỐNG

VÕ PHIẾN

(Tiếp theo B. K. số 60)

CHIẾN-TRANH ngừng, chúng tôi dọn nhà ra tỉnh lý. Con đường chúng tôi ở không phải là một con đường buôn bán nên không có gì nhộn nhịp. Nhất là vào một buổi chiều cuối năm.

Ngay từ trưa ba mươi đã có nhiều nhà đóng cửa về quê ăn Tết. Những người ở lại thành-thị, chỉ còn một buổi nữa, cũng lo chuyện sự hoạt-dộng vào gia-dình, sửa soạn quét dọn, chưng diện nhà cửa.

Tết thái-bình đầu tiên chúng tôi không về quê. Vào khoảng bốn giờ chiều ba mươi tôi nhận một xách cái giỏ đựng năm chai rượu, vợ tôi ôm một gói nhỏ, táo, mứt và hạt dưa, vừa đi vừa tìm chuyện nói cho có vẻ nhàn-hạ một chút, cả hai đều mừng rỡ vì sắp đến nhà.

Hai chúng tôi không ai thích uống rượu, nhưng nhà tôi chủ-trương rằng nếu tôi không chịu mua năm ba chai để bày bàn thì Tết không chịu đến nhà chúng tôi đâu. Thì tôi chịu mua vậy, vì tôi ham Tết lắm. Nhà tôi chọn đủ các màu rượu đỏ, xanh, vàng, trắng... Dọc đường mỗi lúc tôi mỗi ý-thức thêm rằng công của tôi thực to, hai tay đều mỏi ê.

Đường phố thưa người đang im-lặng bỗng nổi lên tiếng pháo âm-ĩ ngay trước mặt chúng tôi. Người ta đốt cả một dây pháo dài. Ai mà rước ông bà sớm vậy ? Nắng chiều còn gắt, nóng hây còn hăm hăm trên mặt đường.

Đi ngang qua trước nhà vừa đốt pháo tôi nhìn vào bên trong. Không có một cảnh Tết nào vui vẻ hơn. Trong gian

nhà còn mù-mịt khói pháo, sáu bảy người xúm-xít, đàn ông có, đàn bà có, ông già có, trẻ nít có, chạy nhảy lộn-xộn, múa men, la lối, cười giỡn ầm-ĩ như điên. Sát phía vách đất cũng một cái bàn có bày nhiều thứ rượu để cho Tết bằng lòng đến. Cũng có mấy quả mứt như trên hầu hết các bàn ở những nhà hai bên dãy phố chúng tôi ở. Và lại có một nhánh mai vàng cắm trong một cái bình Nhật-bồn, sơn vẽ đỏ xanh. Trên mỗi cành mai người ta dặt một tấm danh thiếp. Lặt cả độ chừng non mười tấm thiếp. Ở đây thiệt đầy đủ quá rồi.

Chợt nhà tôi hỏi:

— Anh có biết nhà ai đó không?

— Không!

Tôi vội vã đáp « không », là vì tôi thoáng nhận biết một người đàn bà nguy hiem. Rồi khói pháo loãng dần, tôi nhận biết thêm một người nữa. Và nhà tôi chừng cũng đã trông thấy vừa đủ những điều cần-thiết nên vội kéo tôi đi.

Về đến nhà, đem đối chiếu sự quan-sát của hai bên lại, chúng tôi hiểu khung cảnh vừa rồi.

Gian nhà đó của một người cai thầu độc thân, người Quảng-nam. Tôi không quen với ông ta, nhưng có lần đi dạo ở một con đường phía xóm mới, tình cờ tôi trông thấy ông ta mặc đồ bà-ba trắng, tay ve vầy một thẻ tre dài, đi qua lại trên cái trần nhà bê-tông cốt sắt vừa mới đúc, vừa đi vừa chỉ chỗ nói chuyện với một người mặc Âu-phục bảnh bao. Sự tình cờ cho tôi gặp luôn ba lần người ấy ve vầy một thẻ tre, đi trên trần nhà mới đúc như thế, cho nên tôi kết-luận về nghề nghiệp của ông ta.

Tôi lại biết kỹ rằng ông ta độc thân, vì mỗi ngày hai buổi tôi đi làm việc đều có đi ngang qua trước nhà ông ta và để ý đến lối sinh-hoạt của ông. Nhà chỉ có một cái giường hẹp và một chiếc bàn. Ông ta thường ngồi tính toán trước cái bàn đặt ngay gần cửa ra vào. Một chiếc xe đạp để dựa dọc theo mép bàn. Ông ta tự nấu nướng lấy với cái rế-sô để bên chân bàn. Khi đi làm, ông ta khóa cửa không phải bằng thứ khóa ổ lắp trong cánh cửa, mà bằng một cái khóa to tướng móc vào hai chiếc khuy đóng vào cửa.

Biết rõ ràng về người cai thầu đến chừng đó chỉ tiết chắc chắn không có gì tai hại. Nhưng vừa rồi bất giác tôi chối dài với vợ tôi, là vì tôi thoáng thấy trong gian nhà bóng dáng của cô tư Lớn. Cô tư Lớn năm nay tuổi chừng ba mươi tám. Đàn bà cỡ chừng đó tuổi mà da thịt còn tươi tắn như thế, thân thể còn rắn chắc như thế, tính tình còn vui vẻ và trẻ như thế, kẻ cũng ít người. Đáng lẽ phải khen cô nhỏ dưới tuổi nhiều lắm, nhưng khốn nạn, làm cái nghề của cô nó buộc người ta phải nhỏ hơn nữa, phải trẻ hơn nữa mới vừa. Người ta không vừa ý nên các nhà lán giềng cứ đua nhau gọi cô là cô tư Lớn, để phân biệt với cô tư Nhỏ mới có mười lăm tuổi. Người ta cũng thường gọi cô tư Lớn là con đi già. Bởi vì cô làm đi. Cô thuê một gian phòng nhỏ xíu, bề dài ba thước rưỡi, ở đối diện với nhà người cai thầu.

Cũng có mặt trong nhà người cai thầu buổi chiều ba mươi Tết đó, một người ông thợ hồ già người Quảng và cô cháu gái ông ta vẫn đi theo ông ta làm phu công nhật. Hai người thanh-niên nữa mà chúng tôi không biết là ai.

Và cuối cùng là ông bốn Tản.

Vàng, chính trong gian nhà người cai thầu rước Tết vội vàng vào giữa buổi xế nắng còn chói chang trên đường phố đỏ, giữa những tiếng cười la ồn ào hỗn độn mà khác thường trong một khúc đường phố yên vắng đỏ, giữa khói pháo mờ mịt đỏ, chúng tôi bắt gặp được ông bốn Tân với khuôn mặt to tướng, trán hói có chòm tóc lẻ xuống như một cái lược trâu muốn liếm tới sống mũi.

Họ đều là những người đồng hương đi làm ăn xa, gặp nhau ở một thành phố, Tết đến không đủ tiền về quê, và lại tự xét cũng không có vinh dự gì to lớn để đem về khoe với quê hương, nên xúm xít nhau lại một nhà, mừng xuân náo nhiệt. Nhà ông cai thầu độc thân tạm thời trông như cũng có một không khí gia-đình ấm cúng. Nhưng một lát sau, nhớ lại dư âm tiếng cười của họ tôi thấy buồn nản thương hại. Bởi vì nếu thực họ đã gặp cái không khí gia-đình mà họ tìm kiếm, nếu thực họ vui sướng mãn nguyện thì họ đã không cười ăm-ỉ phở trương cái vui đến bực đó.

Dầu sao thì một đầu tóc bạc, một khuôn mặt già nhăn nheo, râu ria, lẫn lộn vào trong đám người làm ăn lang bạt sống lộn xộn đó, trông cũng lạc loài. Ông bốn Tân sao mà lạc vào đó ? Bây giờ đến lượt ai trong đám người đó hóa thành cháu ông Bốn ? Hết ngày hết tháng rồi, tôi không còn đủ thì giờ điều tra cho rõ sự tình.

Phải chờ đến qua cái Tết, cũng lại một đêm trắng tháng giêng, nhân chúng tôi ngồi hóng mát trước hiên, nhà tôi chợt đề ý đến ngọn đèn nhà người cai thầu, và nói chuyện cho tôi biết rằng cháu ông Bốn lần này chính là cô tư Lớn. Tôi giật mình :

— Ủa ! Cô tư Lớn...

— Ừ. Con đi già đấy. Anh cũng biết sao ?

— À, là anh lấy làm lạ tại sao cô ta lại thành cháu ông Bốn.

— Cái đó ai làm sao biết được.

Tôi chấm dứt cuộc đối thoại. Ngẫm nghĩ cho công bình, tôi nhận thấy nếu không phải đứng về phương-diện một người thanh-niên đi tìm khoái lạc và một người đàn bà muốn giữ chồng mà xét thì cô tư Lớn không có gì đáng ghét. Trái lại đó là một người lảng giềng dễ chịu. Bởi vì suốt ngày cô ta không phải làm việc gì nên tôi dễ ý thấy cô ta thường vui vẻ đi tới từng nhà trò chuyện làm quen. Lần đầu tiên cô Tư đột nhập vào một gia-đình nào, người ta cũng hơi lấy làm khó chịu vì tính dưng đột tự nhiên của cô. Chẳng hạn đi ngang qua trước cửa nhà bà Hồng-Phú, trông thấy bà ta đang cắt rẽ kiệu, cô Tư dừng lại cười hỏi :

— Bà định làm mấy mươi thầu đưa kiệu mà nhiều dữ vậy ?

Bà Hồng-Phú nhìn lên, cười, chưa trả lời. Cô Tư đã vòng xoay mình lại, đi thẳng vào nhà, ngồi xuống bên cạnh bà ta, bốc một mớ củ kiệu lên tay xem và bình phẩm :

— Kiệu này to củ lắm. Ơ, mà cưỡng kiệu cũng to tởm. Thôi mua phải kiệu trâu rồi bà ơi ? Sao không mua củ kiệu hương, nó nhỏ vừa vừa, mà ăn nó thơm. Thứ này nhót lắm.

Nói rồi cô Tư tìm con dao, ngồi cắt rẽ giúp bà Hồng-Phú hàng giờ. Và cô Tư đi pha nước tro, đi rửa thầu, có khi còn muốn chỉ vẽ sai biếu bà Hồng-Phúc nữa.

Người đàn bà chủ nhà bất-bình thấy cô Tư lại có thể làm như quên hẳn cái nghề đêm đêm mình vẫn làm, cô ngang nhiên, bình đẳng, đường đột, không có chút áy-náy gì. Nhưng rồi sau cái cảm-tưởng đầu tiên người ta vẫn có thể có cảm-tình với cô Tư. Cô giúp những việc lặt vặt, đem những chuyện ngộ-nghĩnh nhà này kể qua nhà kia, cô Tư lại có thể giúp cho các cô con gái trong nhà một vài ý-kiến về cách chọn và dùng phấn, sáp, kem, nước hoa... Nhiều người đàn bà cũng đề ý tham khảo y-phục của cô Tư.

Nhưng cái điểm quyết-định là đàn bà láng giềng nhận thấy cô Tư vô hại. Cô Tư không làm nghề, không « đi » với những người đàn ông ở lân cận. Ít ra cũng trong khoảng năm bảy trăm thước vuông, cô Tư đối xử như một người lương-thiện. Cô không muốn gây ra chuyện rầy-rà xích-mịch. Mà những người đàn ông ở gần nhà cũng không thấy có hấp-dẫn.

Chỉ có một người đàn ông trong xóm bị lụy vì cô Tư Lớn : đó là ông bốn Tàn.

Đầu tiên cô Tư gặp ông Bốn hồi nào, ở đâu, và quen biết ra sao, tôi không được rõ. Tôi cũng tìm ra cái lý-do khiến bên này đề ý bên kia. Nhưng hiện thời hai bên sống chung thế nào thì nhà tôi chắc biết rõ. Tôi lại hỏi :

— Em có biết bây giờ ông Bốn sống ra sao không ?

— Cũng không ra sao. Hôm trước Tết em nghe nói đi làm cho tiệm tàu-vị-yếu nào

đó ở gần chợ. Bây giờ đi súc chai cho hãng nước cam ở bên trường hát Hòa-bình. Tiền công vừa đủ ăn. Ở thì ở chung với cô tư ấy.

— Một ông già nhà quê tuổi trên tám mươi làm sao có thể đến ở bên cạnh chứng-kiến sự làm ăn của một người đàn bà giang-hồ...

— Ông già kỳ cục hết sức. Không biết con đi già nó nói với ông ta làm sao mà ông ta chịu tới ở làm đầy-tớ cho nó. Nó ngủ với khách trong nhà thì

ông ta gác cửa. Đêm nào nó đi chơi thì ông già giữ nhà. Có lần nửa đêm em trông thấy ông già đi gõ cửa nhà Nam-phát xin lửa thắp cái đèn hột vẹt cho nó. Cái ông già nầy trời hành. Gân xuống lỗ rồi mà tự nhiên đi nhúng tay vào một chuyện như nhuốc.

— Không biết chừng lần này ông Bốn gặp người cháu thật.

Nhà tôi bật cười :

— Tìm cháu bao nhiêu năm kết-quả được như vậy, hiếm có phước cho ông già. Nhưng em coi, cứ cái miệng con đi già này thì nó gạt ông già dễ ợt, như phỉnh con nít. Tội nghiệp quá.

— Em nói thế chứ biết đâu đối với ông Bốn gân xuống lỗ rồi mà trong lúc gấp-gáp tình cờ tìm gặp được một người cháu ông ta lại không cho là đại phước. Như vậy ông ta thấy cái cảnh chết đờ hăm-hiu.

Nhà tôi bĩu môi, không tin bất cứ trong trường-hợp nào một con đi già có



thề là một nguồn hạnh-phúc. Tôi đề-nghị:

— Hay là mình đi dạo một chút ?
Em khóa cửa lại. Đêm nay có trăng, mát trời, anh nhớ những đêm trăng ở quê. Ở thành-phố có điện, đêm nào cũng sáng cả, lâu nay mình quên mất trăng.

Lâu lắm nhà tôi mới lại thấy tôi có một ý-kiến gần giống với sự tao nhã như vậy cho nên tán-thành liền.

Ban đêm, vắng người, hai chúng tôi đi giữa đường nhựa, tự nhiên có cảm-tưởng đường rộng thêm ra mà mình thì thấp xuống. Tôi sung-sướng thấy mình có thể có những cử-động tay chân tự-do thích-thú hơn ban ngày. Nhà tôi nhìn lên trời, rồi nhìn qua nét mặt tôi. Tôi ngờ là nàng không tìm thấy gì mới lạ, nhưng nàng có vẻ bằng lòng.

Lúc đi qua trước nhà cô tư Lớn, tôi bất giác quay mặt ngó vào. Cô Tư mặc bộ đồ may theo kiểu của xăm, áo cụt tới nách, quần chặt bó lấy chân và ngắn. Cô ta nằm ngửa giữa giường, gác cả hai chân lên vách, nhịp nhè nhẹ và ca một câu vọng cổ « Anh hùng sợ vợ » :

« ... Càng nghĩ lại càng thêm ai oán, phật chỉ mình đây là thằng tán tận lương tâm, mình định ra tay vịn quế bẻ cành, chơi hoa cả cụm cho thỏa tình gió trăng mà bị bỏ thì đã đành đi, hoặc phật cần răng chịu trận cũng không có gì quá đáng. Nhiều khi tôi tự hỏi với lương tâm... »

Bên cạnh giường, sát vách tường, là một cái bàn nhỏ và thấp chũn, trên đó để một bình tích nước, vài cái chén, một cái gương. Hai bên là hai chiếc ghế con, không có lưng dựa. Trên vách treo bốn bức tranh dài, in đỏ xanh những cảnh trích trong truyện Tàu. Vài bức « Tam

quốc chí diễn nghĩa toàn đồ » với những cảnh « Trường bản pha đơn kỵ cứu chúa » và « Huê dung đạo nghĩa thích Tào-Tháo » v.v... vẽ người ngựa chập ních. Một bức khác vẽ con gái thật thướt tha, và đề là công-chúa ở Thộn-thộn quốc.

Ông bốn Tản ngâm điệu thuốc, ngồi ngay ngắn trên ghế, dựa lưng vào vách, nét mặt nghiêm chỉnh, nghe cô Tư ca vọng cổ. Bỗng một lá màn chờn vờn qua mặt ông Bốn làm cho cái vật tóc lười bò như cử động, lè dài ra và liếm xa quá trán.

Khi hai chúng tôi dạo trở về, tôi lại quay nhìn vào nhà cô Tư. Thời khắc như chưa từng tiến tới một bước : cô Tư vẫn còn ca vọng cổ trong sự đợi chờ vu vơ, ông Bốn vẫn còn ngồi nghe, lưng lờ mà trông như nghiêm chỉnh trầm tư.

Đêm khuya đã lạnh. Đường phố càng vắng. Một chiếc xe máy dầu chia thẳng ánh sáng vào chúng tôi, xông đến thật mau và thật ồn, vụt qua chúng tôi, chạy ầm ầm về tận cuối đường, một mình khua động cả góc phố. Chiếc xe như vệt mạnh một tấm màn, khi nó qua rồi màn im lặng lại như phủ dề xuống. Và tự nhiên tôi lại trở về những ý nghĩ về ông bốn Tản, cảm thấy bứt rứt khó chịu. Tôi đề-nghị với nhà tôi :

— Mai mốt mình mời ông Bốn lại nhà chơi. Nếu bác giáo biết tin tức về ông Bốn chắc bác cũng lấy làm vui mừng.

Nhà tôi trả lời hững hờ :

— Tùy anh. Nhưng em thấy hình như ông Bốn có ý muốn tránh mặt mình.

— Sao em biết ?

— Hôm trước em có gặp ông ấy ở chỗ ngã-tư đường Lê-Lợi kia, ông ấy quay

mặt đi, già vờ không trông thấy. Có lẽ ông ta ngượng về chuyện bỏ nhà bác Giáo ra đi theo cháu...

— Mà cháu không ra cháu...

Giọng tôi càng có vẻ hững-hờ hơn của nhà tôi, Nàng tưởng tôi bỏ qua câu chuyện về ông Bốn. Nhưng thực ra tôi vừa chợt thấy trong trường hợp ông ta một vẻ gì lâm-lý: trong lúc nhiều lý-luận và cách sống của thế hệ mới muốn xét hạch, nghi nan hết những giá-trị tinh-thần cũ, muốn xem khinh những giá-trị cũ nhẹ như lông hồng và lấy làm hoang-mang hoảng-hốt trước sự trống rỗng của cuộc đời không thần-tượng, trong lúc ấy thì ông già này xấu hổ vì không có được một gia-đình, quẩn-quít lo sợ che dấu sự kiện ấy như một tội lỗi, và bước thấp bước cao nhất định thất thiêu đuổi bắt cho kỳ được một vài đứa cháu. Ông bốn Tản đuổi theo lũ cháu tưởng-tượng như đuổi bắt bấu vào những tin tưởng tập quán cổ truyền đang chạy dài trước nếp sống mới. Tiếng gọi của niềm tin cổ truyền ấy phải còn một sức mạnh lớn lắm mới lôi kéo một ông cụ già gần kề miệng lỗ mang tấm thân tàn chạy đến những chỗ bất thường như là gian nhà hẹp ba thước rưỡi của cô tư Lớn này chẳng hạn. Hoặc giả đó cũng giống như một thứ tiếng gọi gấp rút, khiến tôi bồn chồn không dùng chân được trong những đêm trăng trước kia ở nhà quê? Một tiếng gọi kêu mơ hồ không rõ ý-nghĩa, mà không sao cưỡng lại được, tiếng kêu của những cái gì thuộc về sự hấp dẫn đầy bí-ẩn của cuộc sống? Tiếng kêu ấy nó làm cho cuộc sống của ông bốn Tản có nghĩa lý, làm cho những ngày cơ cực thảm hại, cho sự chật vật khổ sở của ông có một ý-nghĩa.

Tôi rất ao ước được hiểu một hiện tượng như thế.

Tôi lại quay nhìn về phía nhà cô tư Lớn như khắc khoải một lời giải đáp. Trước nhà cô Tư bây giờ có một người bán phở cúi đầu gằm xuống đầy chiếc xe phở lịch kịch đi chậm chạp, ngọn đèn các-buya treo trên xe lắc la lắc lư. Đồng đá vụn dổ trước cửa và cây keo tây che mất ánh sáng đèn trong nhà cô Tư. Mặt trăng bây giờ nằm giữa tàn cây keo to rậm trên mái nhà cô Tư.

Không có một lời giải đáp nào khác.



Nửa tháng hai năm đó cô Tư bị trở ngại trong việc hành nghề. Năm ấy phải là một năm rất xấu. Ngay từ nửa tháng giêng, cô tư Lớn đã bị cảm mấy hôm. Uống qua loa mấy viên thuốc cảm không khỏi, phải uống sang thuốc bắc. Ông thầy Tàu bảo rằng bệnh đó không hề gì, chẳng qua là cảm phải hàn khí trong mùa đông, nó nhiễm vào, rồi sang xuân nó phát bệnh đấy thôi. Quả nhiên ông cho thuốc là hết ngay. Nhưng mấy hôm sau cô tư Lớn lại cảm nữa, nóng mê, sợ gió, khát nước, đòi uống nước nóng, hai tai lạnh, đồ nước mất sống. Ông thầy Tàu chẩn mạch cho thuốc. Một tuần sau rồi bệnh cũng hết. Nhưng cả mình mẩy cô Tư nổi lên ngứa ran, cô gãi đến ướm máu, xây xát cả da thịt. Rồi nổi lên những mụn đỏ nhỏ khắp mình. Lại thuốc nữa. Cứ thế cho đến nửa tháng hai mới bình phục.

Vừa ăn Tết xong, tiêu tiền nhiều, lại đau tiếp luôn một tháng trời, năm không uống thuốc, không làm ra đồng xu nào, tình cảnh cô Tư đã quẩn bách. Đêm hôm

Bãi bẽ Nha-trang



Bằng lăng chiều hôm bóng ác vàng,
 Ngàn thông xanh biếc Bãi Nha-Trang
 «Hòn-Chồng» sừng sững xây từng lớp,
 «Núi Ên» trơ trơ dựng mấy hàng,
 Gành đá sóng gào cầu vạn cổ

Màn trời mây điểm cảnh ly-tan,
 Nhọc công xây-dựng trên bờ cát,
 Lữ-khách thương vay kiếp đã-tràng

7 - 55

QUỲNH-HƯƠNG

đó cô vừa tiếp người khách đầu tiên của năm mới thì bị ngay lính kiểm tặc ập vào bắt.

Sau khi cô Tư bị bắt, ông Bốn vẫn còn đi đi về về gian nhà của cô độ bốn năm ngày. Rồi sau người ta không thấy ông lai vãng đến đó nữa, không rõ ông ta đi đâu. Gian nhà cũng lại khóa bằng một cái khóa móc vào khuy cửa. Một lần, tôi đứng chơi với lũ trẻ con trên đồng đá vụn trước cửa, liếc mắt nhìn vào nhà: Tranh « Tam quốc toàn đồ » vẫn còn, bàn ghế vẫn còn, nhưng bình-tích, chén, gương thì không. Chiếc giường nằm của cô Tư vẫn còn, còn cả cái mùng được vén lên tử tế. Bên móp giường, phía trên đầu, một cây đèn cá bằng ngón tay trỏ, đã cháy hết một nửa, cũng còn đứng chờ vợ.

Cuối tháng hai trời lại trở làm lạnh và

mưa liên tiếp bốn hôm. Một hôm trời mưa như thế, vào khoảng ba giờ chiều, tôi đang ngồi nhà thì có người quen đến báo tin bác Giáo tôi bị nạn xe hơi ở phía ngoài cầu Gành. Tôi lấy xe gắn máy chờ nhà tôi cấp tốc đến nơi xảy ra tai nạn.

May quá, tai nạn có xảy ra mà bác tôi không hề gì? Chiếc xe đồ Nam-thành gần năm mươi chỗ ngồi ngã xuống ruộng, nằm nghiêng một bên. Một thùng phuy xăng sơn đỏ lồm văng ra giữa đám ruộng, ngập lún xuống rất sâu. Trong xe chỉ còn lại một ít hành lý lật vật, nạn nhân đã được chở đi bệnh viện hết rồi. Bác tôi đang ngồi trên mép đường, nấp chung ô với hai người đàn ông nữa. Trông thấy chúng tôi, bác Giáo vùng đứng dậy làm cho hai người kia hoảng hốt vì mất ô, bị nước mưa tưới ướt.

Thấy thế bác Giáo sợ hãi nửa muốn ngồi xuống nửa muốn đứng lên. Bác vươn dài cổ ra nhìn chúng tôi bối rối khổ sở như muốn cầu cứu.

Sau khi tôi ngồi xuống bên cạnh, bác tôi liền hỏi:

— Thằng hai xem báo có thấy nhật-trình nói tại lý do vì sao mà năm nay mưa gió kỳ cục như thế này không?

Bác tôi nghĩ rằng nhật-trình cắt nghĩa được hết thấy những gì xảy ra hàng ngày trên trái đất. Đó là một sự tín nhiệm không thể cắt nghĩa được « lý do tại vì sao ». Tôi đang còn ngỡ ngàng, không biết sao lại bắt đầu câu chuyện như thế, thì bác tôi đã tiếp:

— Mọi năm thì cuối giêng đã thôi nồm ngọt, rồi nam non. Trời cũng mưa lác rác vài hột, như vậy là ngoi nam, bắt quá ướt tờ giấy là cùng. Rồi tháng ba thì bắt qua nam già ngay chứ làm gì có mưa tầm tã thế này? Hai ông cụ đây cũng cho là mấy

BÁCH KHOA LXI

mười năm nay chưa có năm nào thời tiết nghịch như vậy...

Thì ra bác tôi lôi tôi vào câu chuyện đang tiếp tục giữa ba người. Họ ngồi đã lâu rồi, thôi nói trực tiếp đến tai nạn. Câu chuyện đã chuyển lần ra xa : có nạn vì xe trượt bánh trên đất thịt bầy nhầy, đất thịt nhầy trơn là vì có mưa, mưa cuối tháng hai là trái thời tiết cần phải dò hỏi nhật trình v.v...

Nhưng khi tôi bỏ qua trình tự ấy ngoắc lại hỏi thăm bác đã thoát hiểm ra sao và hiện có bị xây xát gì không, thì bác Giáo vội vã nhào trực tiếp về đề tài chính nhanh nhẹn phi thường như tranh chấp trước, sợ có người cướp lời. Bác tả xe nhào như thế nào, bác lộn ra sao, người khác văng ra, bị kẹt, bị thùng phuy xán bễ đầu, bị hành lý đè, chết ra sao ?

Chợt bác sức nhớ lại một điều hệ-trọng :

— Ông Bốn chắc chết ? Thắng hai biết không ?

— Bốn nào ?

— Bốn Tấn. Trời ơi, hai cháu không biết sao ? Ngồi ngay bên cạnh bác, thế mới ghê chớ. Cái đầu ông ta đập mạnh vào thùng xe, bễ thấu sọ, máu xối ra... kìa, coi kìa...

Bác giáo chỉ một vũng máu trong xe. Nhà tôi để ý một cái bao vải nằm dưới băng xe, và đứng dậy tiến tới lượm lên xem. Bác Giáo nói :

— Ờ, của ông Bốn đấy. Thế mà vừa rồi không kịp trông thấy để đưa cho người ta chở theo ông ấy. Coi có gì trong đó không ? Ừ ; để mở ra coi, rồi giao cho nhà thương. Không chừng ông Bốn cũng có thể thoát khỏi, rồi giao lại ông ấy...

Hai người cùng nấp chung ô với bác tôi đã đứng dậy, đón một chiếc xe hơi. Bác tôi vội vã từ biệt chúng tôi, lên xe đi.

Bên bờ, đường chỉ còn lại một người nữa ngồi chờ đón chiếc xe đi ngược chiều với bác tôi. Trời đã nhẹ hột mưa. Khắp bốn phía mù mù, đục đục, những đám mây

hơi đậm hơn màu trời một chút, im lặng trôi đi hay rã dần ra. Trên sườn đồi xanh non trước mặt chúng tôi ba cái tháp Chàm nổi một khối đậm chết trăn, sau lưng là mây xám im lặng di-dộng theo một chiều...

Tôi thôi nhón cảnh vật, quay lại giục nhà tôi :

— Thôi, em ngồi lên xe anh chở về.

Nhà tôi vừa mở ra xem xong cái bao vải của ông Bốn, bỗng quăng trả chiếc bao vào trong chiếc xe đồ, rồi vén vạt áo định ngồi lên yên xe gần máy. Tôi ngạc-nhiên hỏi :

— Ta mang về cho ông Bốn chứ.

Nhà tôi đáp :

— Thôi. Đồ quý đó đem về làm gì ?

— Kệ người ta. Ông ta nghèo, một ít đồ không giá-trị đối với ông ta cũng quý.

Nhà tôi vẫn bướng :

— Thôi đi mà.

Tôi khó chịu và càng ngạc nhiên, chạy xuống ruộng, lượm lại chiếc bao, hé ra xem. Một cuốn thuốc lá lớn bằng ngón chân cái và dài hơn gang tay, một quần cụt đàn ông còn mới, thứ may sẵn treo bán ở chợ, và một gói giấy nữa. Tôi lại mở gói giấy ra thì là hai chiếc quần lót và một cái « xu-chiên » đàn bà !

Tôi mỉm cười, hiểu ý, ném trả cái bao lại chỗ cũ.

Nhà tôi ngồi lên yên xe xong, nói với tôi : « Của con đi già ». Tôi gật đầu, vì chắc chắn chỉ có thể là của con đi già.

Tôi mở máy. Chiếc xe nổ rồ lớn, làm cho một con quạ giạt mình, cất cánh bay về phía ngọn tháp Bánh Ít. Tay tôi nắm nhăm những giọt nước mưa tu rưng rưng ở tay lái xe, thấm lạnh. Tôi ngàng người lên, rút mu-soa lau lại hai bàn tay tê tê.

Chúng tôi quay lại chào người hành khách ngồi bên đường chờ xe. Chỉ còn lại ông ta, còn lại chiếc xe hơi ngả nằm, còn lại một ít máu phọt từ chỗ sọ vỡ của ông bốn Tấn, một ít đồ lót của con đi già, ngọn tháp trên đỉnh đồi cỏ non, và mưa bay mây mù giữa đồng.

TRONG ĐÊM

Những đêm buồn cô-quạnh
Hai tay trong túi quần
Tối lạnh-lòng im-lặng
Đều đều lẻ bước chân.
Tiếng giày trên đường vắng
Âm vang tận trong hồn
U-trăm đôi mắt nhỏ
Mặt-mùng hơn bóng đêm
Hàng cây im bóng ngủ
Đại-lộ dài thênh-thênh.



Những căn nhà sang trọng
Đèn neon sáng choang
Nhưng căn nhà lao-động
Đèn đom soi chập chờn.
Cảnh gia-đình sum-hạp
Hình-ảnh đẹp mơ-màng!

Những người cha khác-khó
Nhưng bà mẹ rã-rời,
Sau ngày dài vất-vả
Lòng nhẹ-nhàng vui tươi
Khi nhìn đàn con nhỏ
Vô-tư đôi mắt người
Ê-a vẫn quỗi-ngư
Bên anh chị miệt-mải
Trên trang bài đang-dở.

Qua vài khung cửa sổ
Thiếu-nữ tóc buông lơ
Tay thì lên song cửa
Mắt xanh nhìn xa-xôi.
Chơi-vơi hồn tơ-tường...
Hay dệt mộng ngày mai?
Trên đường đêm quạnh quẽ
Đám trẻ nghèo lang-thang
Vài phu xe lặng-lẽ
Rời-rạc nhún gót chân.

Đôi bà hàng khôn khéo
Chiếc đèn treo lát-leo
Sau gánh hàng ktn-kết
Người con nhỏ bươn theo.
Dưới đèn đêm nhợt-nhạt
Nhưng hình bóng mờ xiêu.
Càng đi vào khuya vắng
Rờn-rợn nỗi cô-đơn.
Cặp tình-nhân say đắm
Vai kề vai luyến thương.
Đôi vợ chồng son trẻ
Cùng về tổ uyên-vương



Ta thờ dài khe-khẽ
Lầm-lũi dưới trời sương
Để mền kêu ra-ra
Tê-tái lườn trong xương.

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

CHƯƠNG XVIII

Ngân-Bình bỏ nhà ra đi, ở với Hoa tâu-tâu, một mụ già mà đời sống phạm nhiều vào « thuần-phong mỹ-tục ». Còn Dịch-Nhân thì lãng-phí hết tiền cho đề sang Anh-cát-lợi du-học, lại được thư Ngân-Bình than thở, oan lơn, nên phải già từ Hương-cảng về nhà. Bà mẹ vốn nuông-chiêu con, tỏ ra quá ư nhu-nhược, tha thứ cho con, song còn người cha cương-ngự?

Đến bữa cơm trưa hôm đó, thân-phụ cậu ngồi xuống, mặt đầy nộ-khí; cả nhà đều thấy lo-ngại, sợ hãi, thứ nhất Phùng-thái-thái cùng cô con là Hồng-Ngọc, vì bà và cô, chưa hề trông thấy vẻ mặt giận-dữ của Diêu-lão-gia, như thế bao giờ. Tuy Diêu-lão-gia, người hơi thấp nhưng đậm-đạp, vai rộng đầu to, mà cặp mắt lúc nào cũng loang-loáng sáng ngời, dưới vầng trán rất cao và mái tóc hoa-râm; lúc ông nghiêm-túc, ai trông cũng phải sợ.

Địch-Nhân cứ ngồi lặng-thình, ăn cơm và nơm-nớp, không biết lúc nào ông sẽ phát-tác đối với cậu. Cậu vẫn bận y-nguyên bộ quần-áo tây, trên mép lại để một hàng râu và trên mắt thì đeo một cặp kính đen ngòm-ngòm, trông cậu có vẻ ngang-ngang, bướng-bướng, thế nào ấy; tất cả người cậu, nó biểu-lộ ra một ấn-tượng kỳ-quái; cậu không còn

là một đứa con của gia-đình, cậu cũng chẳng phải là một người Trung-Hoa nữa; cậu là một thứ quái-vật hiện-hình.

Hai cô em cậu cũng yên-tĩnh ăn cơm; người nào cũng lo-lắng, sợ-sệt và đương chờ-đợi một sự gì chẳng lành sắp sửa bùng-nổ, đến nơi!

San-Thư cố ý muốn làm cho không-khí trong phòng đỡ khàn-trương, mới hỏi Dịch-Nhân, tại sao, cậu về muộn những hai hôm; cậu đáp, tại đường đi gặp nhiều nỗi khó-khẩn nên chậm. Thân-phụ cậu nghe thấy cái giọng khàn-khàn, ồ-ồ, rất khó chịu của cậu, bao nhiêu nộ-khí của ông bỗng nổi lên đùng-đùng, ông hỏi:

« Mà về để làm gì? »

« Ba gọi con về, thôi... » Cậu đáp.

« Mà tưởng tao có hoài tiền đàu để

cho mày đi chơi đi ở miền nam, đồ nghiệt-chường ! »

Trước đây, ông vẫn gọi cậu là « nghiệt-chúng », nay cái danh-từ đó đã chuyển ra « nghiệt-chường ; hai tiếng này có ý-nghĩa là tiền-oan, nghiệp-chường, nên thứ quỷ đó, nó hiện-hình vào gia-đình để nó báo-hại, nó phá-tán !

Bà mẹ cậu nói : « Thôi thì nó vừa mới chân-ướt, chân ráo, về xong, ông hãy thư cho nó. »

« Để mặt cho nó ! » Ông đứng phắt lên. « Nó còn có mặt-mũi gì ! nó là giống trâu, giống chó, chứ nó có còn phải là giống người nữa đâu, mà mặt với mũi ! Hừ, cho nó xuất-dương, du-học để nó học được cái quái - dạng kia, phải không ?... Quảng cái cặp kính ấy đi, ngay ! »

Ông một tay đặt cái cặp kính ở mặt cậu ra, một tay đập nát nó ra, mảnh thủy - tinh của mắt kính làm đứt lòng bàn tay ông ra mấy chỗ, máu chảy ròng-ròng. Mạc - Sầu muốn buộc vết đứt cho ông, ông không nghe. Ông lấy tay gạt bát đĩa ra một bên, dơ chân đẩy mạnh chiếc ghế ra. Cả nhà ngồi yên, không ai dám ăn uống gì nữa. Trên râu, trên mặt ông, đều có vấy máu, ai trông thấy cũng phải sợ. A-Phi sợ quá, kêu lên :

« Kha-kha ! »

Ông quát : « Câm ngay ! Nó không phải là anh mày. Nó là thứ quỷ nó vào, nó báo, nó là một cái gương cho mày đấy, sau này, mày lớn lên, mà mày cũng như nó thì, ôi thôi, còn đâu là Diêu-gia ! »

Mộc-Lan đỡ A-Phi để nó ngồi yên, kéo

nó sợ, nó khóc. Phùng - thái - thái cũng ôm lấy Hồng-Ngọc.

Ông lại quay lại, bảo Định - Nhân : « Tao cũng chẳng muốn bức-tử mày, tao cũng chẳng hối - han mày một điều gì, về cái hành - vi của mày ở Hương-Cảng. Mày có biết rằng, trong có ba tháng trời, mày đã tiêu hết một ngàn hai trăm đồng bạc không ? Thôi, từ nay, tao không eăn lý gì tới mày nữa, mày muốn làm gì, mày làm !... »

Định-Nhan chỉ cằm mặt xuống nghe. Một lát sau, cậu mới nói bằng một giọng đầy hối hận :

« Thừa cha, con đã biết lỗi, con lại xin đi học. »

« Hừ ! Học với hành gì cái thứ mày ! Nếu mày muốn học, thì sao mày lại bỏ một cơ-hội như vậy. Thôi, thôi, thôi, tao đã chán cả tai về những lời hứa của mày rồi !... Tao phải để cho mày đói, để cho mày hiểu, là mày sừng, mà mày không biết sừng. »

Mạc-Sầu không thể nào không nhớ tới cái câu của Thầy Mạnh-Tử mà anh cô đã đọc lên vanh-vách, ngày nọ. Cô nhìn người anh cô Với cái bộ mặt xanh-xao, vàng vọt đó, cậu trông không khác gì một người đương bị chết đói.

« Đem nhốt nó vào thư-phòng để cho nó nhịn đói, mấy bữa, cho nó biết thân ! »

Định-Nhan không dám nhúc-nhích nói năng nữa lời.

Phùng-thái-thái nói : « Thừa bác, xin bác cho em nói một câu... anh nó quả thiệt-tình là có lỗi, nó cũng đã nhận như vậy, và hứa xin cải quá. Dẫu sao

đi nữa, thì gạo cũng đã đổ vào nồi mất rồi, cái việc lỗi-lầm cũng đã chót rồi, xin bác, bác cũng lấy lượng mà tha thứ cho anh nó... Thôi thì, nó chẳng đi được Anh-quốc, mà vào đại-học ở đây cũng không hơn gì, vì anh nó lớn rồi; sang năm đây, anh nó sẽ hai mươi, rồi còn gì theo ý tôi, bác nên cho anh nó đi học buôn, học bán, còn hơn.. Hiếu nhà có bao nhiêu là công-việc, còn phải thuê người ngoài chẳng về thay... Thôi thì, nó không ưng theo « học » nữa, ta cho nó theo « hành » cũng càng hay. Ở trên hiếu, thư-từ, giấy-má, sổ-sách, thiếu gì việc; ngày ngày, anh nó sẽ theo ông cậu nó để trông nom việc buôn-bán của nhà vậy. Em thấy như thế có lẽ có phần hơn, thưa bác... »

San-Thư nói : « Thưa ba, cơm nguội mất cả rồi... Ba hãy soi cơm đi đã, còn các việc, để rồi liệu-định sau, cũng chẳng muộn. »

« Ba chẳng đói một tí nào cả, ba chẳng ăn gì đâu !... » Ông đáp như vậy và nói tiếp : « Sáng sớm mai, phải nhớ nó vào thư - trai cho tao, nghe chưa ? » Ông nói xong liền bỏ đó đi ra khỏi phòng ăn. Trẻ con lại ngồi lại ăn. Các bà và các cô cũng ăn nốt bát cơm dở, rồi đứng lên. Thiệt là một bữa cơm đầy thê-thảm.

Mạc-Sầu nói : « Anh ạ, nhất-định anh phải sửa-đổi tâm tính lại... Thế là, anh lại có một cơ-hội để cải-quá, để tu-tĩnh mà làm vui lòng ba má. Nay, ba má chẳng già, cũng gọi là già rồi, mà anh cứ làm cho ba má buồn phiền mãi vì anh, thì thiệt là không phải... Nói tóm lại, anh là trưởng-nam, các cơ-nghiệp này là của anh, sau này, hay hay dở, là do anh

chấp-chương, vậy, anh phải làm làm sao cho cả nhà khỏi mang tai, mang tiếng... Em dám khuyên anh, cố - gắng mà theo lời dạy-bảo của cậu mà học làm, học ăn, học buôn, học bán, cho tử-tế, để cho công-việc một ngày, một thịnh-vượng ; cả nhà đều trông cậy vào anh ; chúng em cũng được mở mắt, mở mày, với thiên-hạ. Nếu không như thế, thì liệu cơ - sự sẽ ra sao ? Anh thử nghĩ xem ! »

Địch - Nhân trả lời mát mẻ rằng : « Vâng, phải, cô thì bao giờ chẳng khôn-khoan, giáo-hoạt ! »

Mộc-Lan vội nói : « Em xin thưa thực, nếu anh không tu-tĩnh lại, chúng em nói mãi, chứ, chẳng không ! »

Lan-Thư gọi Cầm-Nhi bảo nó đi lấy một phậu cơm nóng và một tô canh lên để Diêu-lão-gia soi. Cô bắt Địch-Nhân tự-tay, bưng lên nhà trên, nhưng cậu nhất-định từ-chối ; sau, Mộc-Lan và A-Phi phải bưng khay cơm lên để mời cha. Trước hết, họ ra cửa sổ ghé nhòm lên, để dò thám xem thì thấy, ông cụ đương hút thuốc và đọc báo. Hai chị em mới mạnh-bạo đưa khay cơm lên. Thấy cô con và đưa con út lễ-mễ đem cơm canh lên, thì ông cảm-động quá và ông thấy mềm lòng đi.

Ông hỏi A-Phi : « A-Phi, con có muốn làm một đũa con hiếu-ngĩa không ? »

A-Phi đáp : « Thưa ba, có ạ. »

Ông nói : « Thế thì con chớ có bất-chước thẳng anh con, con nghe không?... Con nên làm những cái gì mà anh con đã không làm, mà, những việc gì nó đã làm, con chớ có làm theo, nghe không, con ? »

Mộc-Lan nói : « Thừa ba, con sẽ hết lòng săn-sóc A-Phi... »

Cô thấy hầy còn một vết máu ở trên râu ông, cô vội-vàng bảo em đi lấy khăn lên để ông lau cho sạch đi.

Mộc-Lan hỏi cha : « Thừa ba, ba nhất-định, sáng mai, cho nhốt anh con vào thư-trại, thật, đấy ă ? »

Ông đáp : « Đúng ! Ba phải cho nó một bài học đích-đăng, cho nó biết tội của nó. Ba nghĩ, chỉ có cách là bắt nó nhịn đói, để cho nó biết thân nó. »

Sáng ngày hôm sau, quả nhiên, Địch-Nhân bị nhốt vào thư - phòng, ông thân cậu, đã tự tay khóa cửa buồng, và bỏ chìa khóa vào túi. Nhưng, tới quá trưa, bà mẹ cậu đã tìm một cái khe kẽ và đem bánh luộc qua đó, vào, cho cậu ăn. Thiệt là con hư tại mẹ, lời ngạn - ngữ nói chẳng sai, bao giờ !

Ông Phùng-trạch-An quả là một người lão-luyện về việc doanh-thương, bởi vậy trong các việc thương-công, kế-lợi của Diêu-gia, ông được đặc-biệt tin-nhiệm. Ông là một người thiện-lương và ôn-trọng, cho nên ông anh rể ông, hết lòng tin-cậy ông và đã giao-phó tất cả quyền chủ-trương, liệu-lý cho một tay ông điều-động Ông rất chất-phác, thành-thực; Trông ông, cũng hao hoa giống như bà chị ông, với một khuôn mặt vuông-vắn, phước-hậu. Ông đội một chiếc mũ bằng đoạn thằm, hình quả dưa, trên chòm có một viên đá quý, màu đỏ ; lúc nào ông cũng cầm ở tay một chiếc ống-diếu dài tới ba gang tay, mà cái đầu diếu thì bằng ngọc-thạch xanh biếc. Ông là một điển-hình của một thương gia hồi đó. Ông có luôn-

luôn ở trên đầu lưỡi, những tiếng : « phải rồi », « đúng đấy », « tốt quá », « thế thì còn gì bằng » ; lúc thì ông nói thiệt to, lúc thì ông nói thì-thì, thăm-thăm ; khi ông đã ưng-ý muốn một cái gì, ông làm ra bộ không cần, và xua tay rồi lên, khi ông bán đi, thì lời ông ngọt-ngào ; khi ông mua vào, thì ông than-van rằng hàng không được tốt, giá lại quá cao. Đối với một người khách hàng chẳng quen biết bao giờ, ông cũng nói : « Ấy người ta thì nhất định một trăm, nhưng, đối với ông hay bà, chúng tôi phải nói giá. Mỗi một khi ông phải nhường-nhịn, ông làm ra bộ như ông đã vai-lòng ban một cái đặc-ân riêng cho mình vậy, rồi ông hạ giọng, ghé vào tới bên tai, mà nói, như ông đã trao cho mình một điều bí-hiêm của quốc-gia đại-sự mà chỉ có mỗi một mình mình được hay, được biết thôi ; ông thì-thào bảo : « Thôi thì, chẳng lẽ làm thế nào, chỗ bạn-hàng với nhau, quả-tình, là tôi nể ông quá, nhưng, xin ông, ông chờ cho ai rõ, tôi đã phải đề hầu ông với cái giá đặc-biệt đó, ông phải hứa với tôi, giữ kín cho tôi đấy, ông có hứa như vậy. tôi mới dám đề món hàng đó hầu ông ! »

Như trên đã nói, ông đã kinh-doanh cả cái thương-nghiệp của Diêu-gia, với một sự lão luyện, sự chắc-chắn tuyệt-đối, nên cả bà chị ông, lẫn ông anh rể của ông, đều một lòng tin cậy ông. Ông Diêu-tư-An vốn là một người rất thông-minh, nên ông chỉ xem qua những tờ báo-cáo và các bản kế-toán là ông ý-hội được hết cả đầu giây, mối nợ của cái công-việc doanh-thương to tát của ông. Bao nhiêu điều chi-tiết, một tay ông em vợ ông, tự-liệu. Chỉ khi nào, gặp những việc quan-

trọng và có tính-cách tổng-quát, ông mới phải dự-liệu và định-đoạt.

Tiền lương tháng của ông Phùng-trạch-An rất hạ, chỉ có sáu chục đồng thôi, nhưng, mỗi năm, tới kỳ tính-sổ, ông, cũng như các người làm khác, ở trong hiệu, đều được hưởng một số tiền thưởng rất hậu. Cái chính-sách của ông Diêu-tư-An là, nếu công-việc có lời, thì tất cả đều được hưởng, cho nên, ai cũng tận-tâm. Phải, được thì cùng hưởng, còn ai oán-thoán vào đâu được nữa; bởi vậy, công-việc kinh-doanh của ông, càng ngày, càng phát-đạt. Riêng ông Phùng-trạch-an, nhờ ở sự dành-dựm, và các món tiền thưởng hàng năm, dồn lại, nay, hai vợ chồng ông đã có được một cái vốn trên mấy vạn đồng

Sở dĩ, ông Phùng-trạch-An đã có nhiều lần bàn với bà chị ông, cùng bà vợ ông, nên để cho Địch-Nhân theo ông, để tập-sự buôn - bán, là ông có ý muốn cho

người cháu ông có một cái nghề trong tay, chứ, thiệt-tình, cửa hiệu không thiếu người làm. Với lại, nếu cậu ở luôn bên cạnh ông, cậu sẽ được rèn-cấp để sau này, có đủ kinh-nghiệm và tư cách, để kế-thừa cái việc kinh-doanh này. Đó cũng là một cách để ông đền ân cho ông anh rể và bà chị ông vậy.

Đến ngày hôm sau, ông Phùng-trạch-An về nói cho cả nhà biết, ông đã nói với Diêu - lão - gia, và lão - gia bằng lòng cho Địch-Nhân ra hiệu, để theo học buôn-bán. Ông liền đi mở khóa cho Địch-Nhân ở thư-trai ra, và ông dắt cậu ra hiệu. Bắt đầu, công-việc của cậu, cũng không có gì, cậu chỉ việc trông coi người làm, ai việc nấy, để họ đừng chềnh-mãng, có thể thôi. Bữa trưa cậu cùng với ông cậu, dùng cơm với các người làm, ở hiệu, còn tối, mời về ăn cơm ở nhà.

LÂM-NGŨ-ĐUƠNG

SÁCH GIÁO - KHOA

Sư - Phạm Đại - Cương

Do Giáo - sư TRẦN - VĂN - QUẾ biên - soạn

Một quyển sách biên-soạn rất công-phu với tài-liệu nhiều năm kinh-nghiệm trong ngành Sư - phạm và tham - khảo các sách giáo-khoa ÁU - MỸ hiện nay, rất cần-thiết cho giáo giới.

Sách in trên giấy trắng, khổ 121, 5/230 trang Giá : 50\$

Muốn mua xin do nơi tác-giả :

Ô. TRẦN-VĂN-QUẾ

Thanh-Hương tùng thơ

132, đường Lý-Thái-Tổ — Sài Gòn

HỘP THƯ BÁCH KHOA

- Những bài đã nhận được : Bé — Cây trứng cá (Ai - Nhân) Tìm hiểu nguồn - gốc quan - họ Bắc - Ninh (Nguyễn-Tiến-Chiêu) Nhân-vật Mạc-Đặng-Dung (Nguyễn-Cao-Đàn) Thi-phẩm của các bạn : Hy-Vũ, Nguyễn-Đức-Thu, Thanh-Giang, Trần-Đại, Ngân-Linh-Giang, Ai-Phượng-Liên, Tì-Nguyên, My-Sơn, Tường-Linh, Kim-Liên, Nguyễn-Tích-Đức, Phan-Hiền-Đức.

Xin trân trọng cảm ơn các bạn.

- Những bài không đăng : Tàn một giấc mơ (L.H.) Giã từ, Sang màu (M.T.) Bờ trắng, Con chiến ghê, Di-chức (T.N.L.) Lối đời, Lá thư màu (B.

K.L.) Đưa con lạc (N.K.) Nhớ một người em (H.V.) Quê-hương, Lối khúc nhạc lòng (H.C.) Bài ca lập nước (Đ.N.N.).

Những bài trên đây, vì nhiều lý do, nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

- Ô. Lê - Thành - Nhân, Phan - Huy-Doanh, Đặng - Lê - Phúc, Nguyễn-Phùng-Trân : Đã có thư riêng gửi các bạn.
- Ô. Phan-Hiền-Đức : Đã nhận được thêm mấy sáng-tác mới nữa của ông. Sẽ đăng : « Niềm thương chia-biệt ».

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

- « Cuốn Văn Tây (syllabaire Français) » của giáo-sư Tì-Phát do tác-giả gửi tặng. 1 quyển sách vở lòng Pháp-văn dày 70 trang, giá 18\$.
- « Học báo trau-giỏi Anh - Ngữ » số 1 của Ziên-Hồng xuất-bản. Học báo xuất-bản vào các ngày 10, 20, 30, mỗi tháng, giá mỗi tập 6\$.
- « Hoa Đăng » thi - phẩm của Vũ-Hoàng-Chương do tác-giả gửi tặng, gồm 50 đề thơ. Giá bán 50\$.
- « Trầm Tư » của Xuân - Ly - Băng, tập thơ đạo-lý gồm 26 bài thơ, dày 52 trang giá 35\$.

Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác-giả và nhà xuất-bản và xin giới-thiệu cùng bạn đọc thân mến.



BÁO MỚI

Chúng tôi được tin « Nguyệt - san Quê-hương » sẽ xuất-bản số 1 vào thượng tuần tháng 7-1959. Tòa-soạn và ban trị-sự đặt tại 23 Phùng-Khắc-Khoan Saigon.

Bách-Khoa xin ân-cần giới-thiệu cùng độc-giả và chúc bạn đồng-nghiệp mạnh tiến đề phụng-sự nền văn-hóa quốc-gia.

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529



Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp
với phân **THẦN-NÔNG**

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGILASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở **Việt-Nam**

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

LÃ - QUẾ - CHÂU

Truyện dài bằng thơ của **LIÊN-CHỚP**

do nhà xuất bản **NGÂN-PHƯƠNG**—203/92-I đường Nguyễn-Kim—Chợ lớn.

Trích lời giới thiệu của báo chí :

... Sách in đẹp, lời thơ như ru rất điều-luyện mà cũng rất
hồn-nhiên Nhật Báo **DÂN CHÚNG**

... Sách dày 48 trang, ấn loát trên giấy blanc fin, trình-bày mỹ-thuật
Giá bán 15 đồng. Tuần san **ĐIỆN-ẢNH**

... Cốt chuyện rất đơn sơ, giản-dị, song với thi-tài của tác-giả,
chúng ta hy-vọng còn đọc được nhiều bài xây-dựng và đặc sắc hơn.

*Tạp chí **PHỒ-THÔNG***

... Chúng ta lại được đọc tập thơ nhiều hứa hẹn.

*Tạp chí **BÁCH-KHOA***

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT - NAM

Sản - xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| ★ Đường miếng lọc | ★ Đường cát trắng tinh |
| ★ Đường cát trắng ngà | ★ Đường cát trắng Hiệp-Hòa |

II. — CÁC LOẠI RƯỢU :

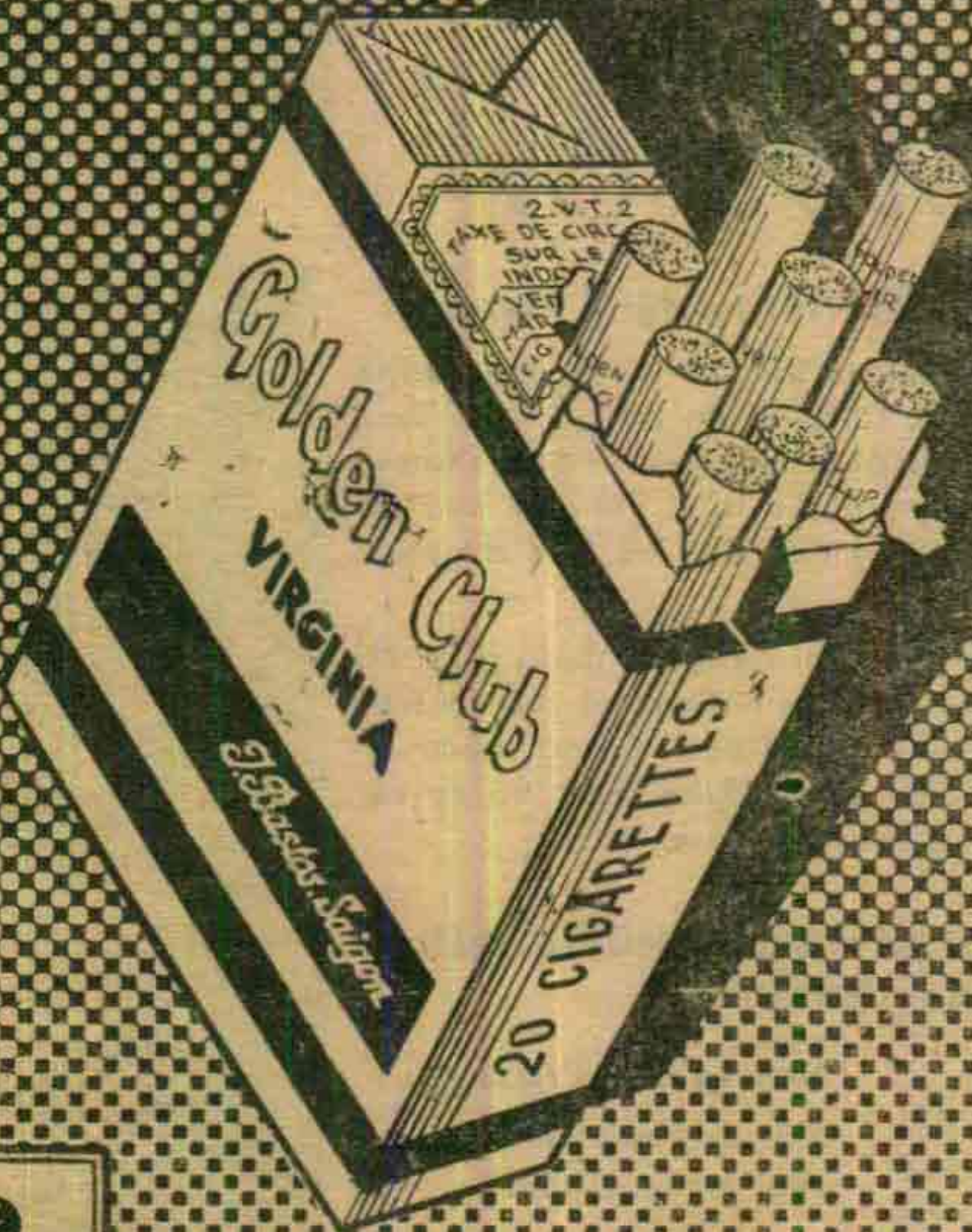
Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rhum Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI :

- Các tiệm tạp hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON. Tél. 21.065
- Kho 6 Bến Vân-Đồn :- Tél. 21.360

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

**Một cây viết máy
theo phương-thức mới.
Từ luật thiên-nhiên
cấm-hứng tạo nên !**

Parker 61

Cây viết tự-động lấy mực.

Cũng như trọng-tâm đã làm cử-động chiếc đồng hồ cát cổ-thời, một sức thiên-nhiên đã giữ đều đạm cho mực vào cây Parker 61. Chiếc Parker 61 lạ thường tự hút đúng số mực dự-trữ cần-thiết, rồi mực ấy chảy vào một nơi dự-trữ có sức đầy đèn bù, nên đã ngăn cho khỏi rỉ ra và lem lấm.

Chỉ đến lúc cần viết, khi ngòi bút đụng giấy, thì mực mới đến tức khắc, cho ta những nét chữ sạch sẽ và đều-đạm, chiếc Parker 61 đã đạt đến mức độ tuyệt-phàm về sự bền-bì chịu đựng đụng-chạm và sự cử-động tuyệt-mỹ nhờ sự thấu-hút tự-nhiên.

BỐN LẦN ĐẶC-SẮC HƠN NHỮNG VIẾT MÁY THƯỜNG :

Bền-bì chịu đựng trước đụng chạm :

Phần mực dự-trữ « nhốt kín » không thể nào chảy ra khỏi nơi chứa.

Không thể rỉ ra được :

Một nơi chứa riêng kiểm-soát lúc mực đến.

Áp-dụng đơn giản :

Không có bộ-phận vận-dụng nên khỏi sợ hao-mòn, hư hỏng.

Tự hút lấy mực :

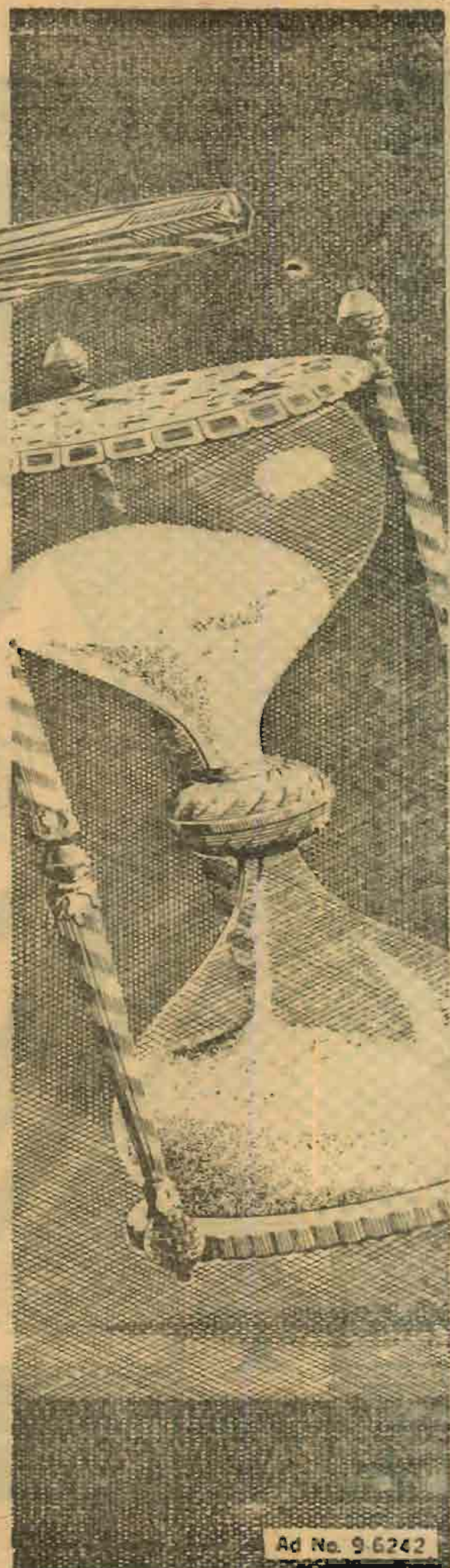


Lấy mực hoàn-toàn đầy đủ, sạch sẽ, không sợ dơ tay.

SẢN PHẨM CỦA 

THE PARKER PEN COMPANY

Ad No. 9 6242



Nên đọc và cổ động Tạp chí :

VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

*Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-thông
Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây*

* Xây dựng và phát huy một nền văn hóa có tính cách Dân tộc Nhân bản và khai phóng.

* Gồm nhiều bài có giá trị của các nhà văn, các học giả tên tuổi :

Ô. Ô. Bùi-quang-Tung

Bửu-Cầm

Cung-Giữ-Nguyên

Đoàn-Thêm

Hà-như-Chi

Hồng-Thiên nữ sĩ

Huỳnh-khắc-Dụng (Tuần Lý)

Đông Hồ

Lê-bá-Chân

Lê-văn-Lý

Lê-chí-Thiệp

Lê-ngọc-Trụ

Mai-Oanh nữ sĩ

Nghiêm-Toản

Nghiêm-Thâm

Nguyễn-đình-Hòa

Nguyễn-công-Huân

Nguyễn-văn-Kiệt

Nguyễn-khắc-Kham

Nguyễn-khắc-Ngũ (Vũ-Lang)

Nguyễn-xuân-Sơn (Đạm-Quang)

Nguyễn-thế-Tương (Nghị-Ba)

Nguyễn-đăng-Thực

Nguyễn-gia-Trụ (Đông-Xuyên)

Nguyễn-khắc-Xuyên

Phạm-văn-Điều

Phạm-xuân-Độ

Phan-Khoang

Quách-Tân

Tư-Nguyên

Thái-văn-Kiểm (Tân-Việt-Điều)

Trần-tuấn-Khải (Á-Nam)

Trương-bửu-Lâm

Ứng-Trình

Ứng-Bình Thúc-giạ-Thị

Vũ-đức-Trình

Vương-hồng-Sễn

Xuân-Việt.

* Văn-hóa Nguyệt-san số 38 (năm 1959) có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-đô, các tỉnh, tại Tòa soạn, 266 Công-Lý Saigon, và Nhà Sách Nam-Cường, Tổng phát hành, 185 Đường Nguyễn-Thái-Học, Saigon.

Mỗi số bán lẻ : 24\$

* Ngân phiếu mua dài hạn (một năm 10 số giá 240\$) xin gửi về Ông Giám-Đốc Nha Văn-hóa, số 266 Đường Công-Lý, Saigon.

* Bài vở xin gửi về Ô. Thái-văn-Kiểm, Chủ bút Văn-hóa Nguyệt-san, địa chỉ như trên.



NƯỚC-NGỌT HIỆU **CON-CỌP**

- VỆ-SINH
- TỊNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



Nhà Sách KHAI-TRI
 62, Bui - Thụ - Lợi, SAIGON

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

